

VIÊN GIÁC



BỘ MỚI

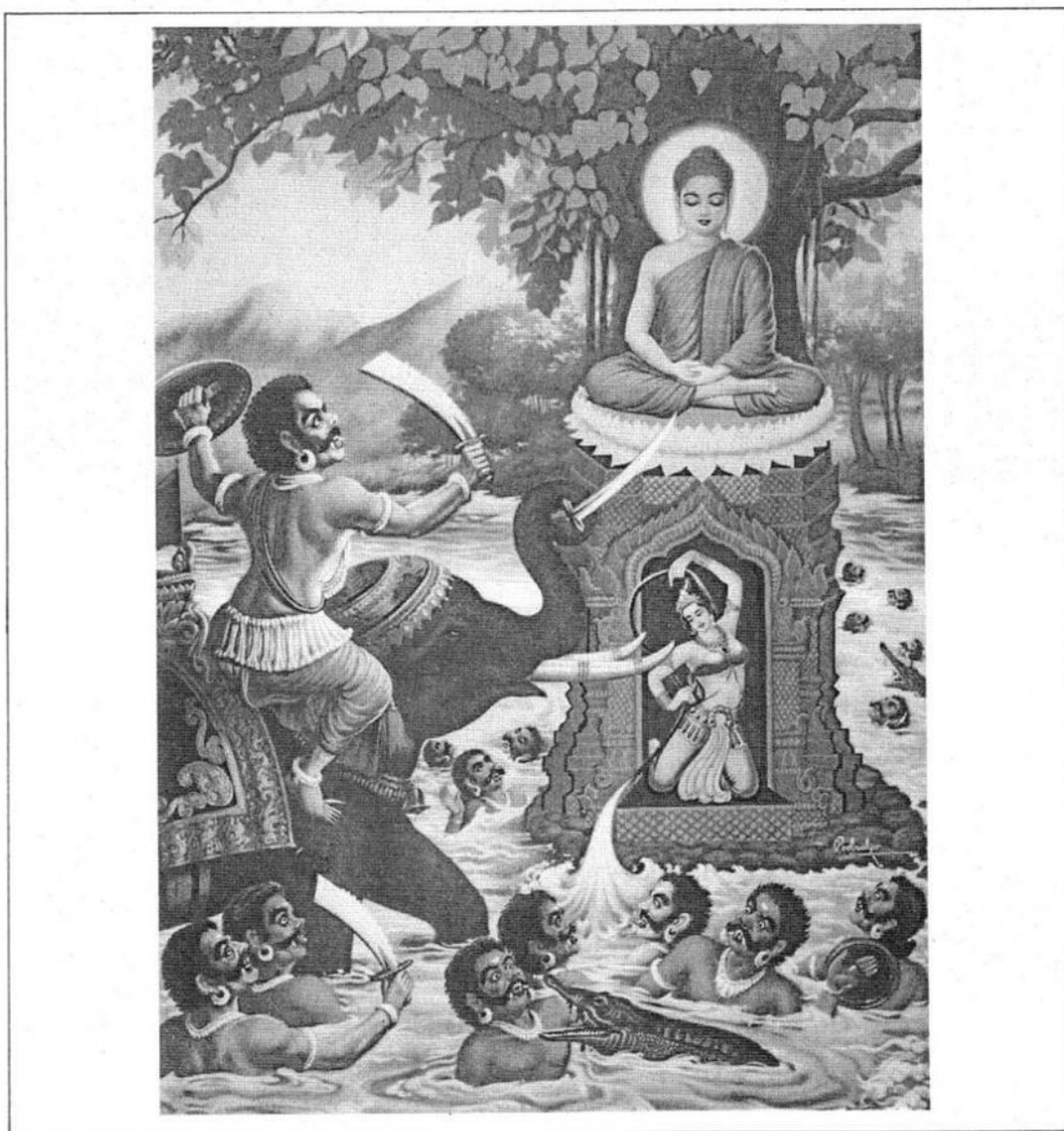
SỐ

23

THÁNG MƯỜI NĂM 1984

OKTOBER 1984

AUSGABE IN VIETNAMESE UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

trong số này

in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	Trang	01
Tâm là gì, thức là gì		02
Lá Thơ Tịnh Độ		05
Việt Nam Phong sự		08
Quốc Sử Tạp Lục		10
Bác Du Chôn Vỡ		12
Thở		15
Allgemeine Buddhalehre		16
Gefangener des Vietcong		19
Die illustr. Gesch. Buddhas		22
Das Wunder, wach zu sein		25
Thở		30
Sự bất lực của ngôn ngữ		31
Đường không biên giới		34
Hai cảnh sống		37
Về nguồn		40
Ngọc Trai giếng nước		43
Vấn đề hoằng pháp		45
Ly khách bên trời		50
Về quê hương ăn cuối		51
Vài kinh nghiệm		54
Trang GLGD Phật Tử		58
Hạnh phúc của Thi		64
Thoát vòng tục lụy		67
Thối sự thế giới		70
Tin tức		75
Gia chánh chay		78
Phưởng danh quý Phật Tử		79



Thư tòa soạn

Sau khi đăng bằng trắc nghiệm trên báo Viên Giác số 22, một số độc giả khắp nơi đã gửi trả lại chùa, trong đó có nhiều đề nghị rất hữu ích. Tuy nhiên vẫn chưa đạt được mục tiêu của chúng tôi đề ra. Vì hơn 2.000 số báo gửi đến độc giả, ít nhất chừng 1.000 bằng trắc nghiệm gửi trả lại chùa, thì việc thay đổi nội dung cũng như hình thức mới phù hợp được toàn thể nguyện vọng của độc giả khắp nơi. Vậy quý vị nào còn ưa gửi bằng trắc nghiệm về chùa xin gửi tiếp tục để ban biên tập có đủ thời giờ sửa soạn bài vở cho năm 1985. Quý vị cũng đừng e dè không phê bình xây dựng, hoặc thêm vào mục nào, hoặc bỏ đi mục nào. Vì đó là một sự đóng góp thiết thực nhất cho tờ báo của chúng ta.

Có nhiều vị chỉ phê bình với người này hoặc người khác về những bài viết trong tờ báo, nhưng không trực tiếp đóng góp ý kiến về chùa thì chúng tôi khó lòng đáp ứng được nguyện vọng của quý vị. Vậy sau khi nhận được số 23 này, quý vị cố gắng dành ít nhiều thì giờ để lật lại trang sau cùng của số 22, xem lại bằng trắc nghiệm một lần nữa, sau đó điền vào, kể cả những đề nghị, gửi về chùa để chúng tôi thực hiện những gì như quý vị hằng mong muốn.

Trong chương trình sinh hoạt của chùa năm 1985, chúng tôi định dành thời giờ cả tháng giêng để đi thăm đồng bào còn đang ở tại các trại tạm cư thuộc các nước Đông Nam Á Châu. Vậy quý vị Đạo Hữu và quý Phật Tử nào muốn phát tâm ủng hộ tịnh tài cho những người còn đang khổ cực tại các trại tạm cư, xin liên lạc về chùa, để sau đó - khi chúng tôi đến các nước trên, sẽ trao lại các Ban Đại Diện trại hoặc các Ban Đại Diện Hội Phật Giáo tại mỗi nơi chúng tôi đi qua.

Các nước định đi là Phi Luật Tân, Thái Lan, Singapore, Mã Lai và Indonesia. Nhưng việc xin Visa để có thể vào được hết các nước trên hay không lại là một vấn đề khác. Tuy nhiên chúng tôi sẽ cố gắng vận động ngoại giao để công tác từ thiện trên được thập phần viên mãn.

Xin nguyện cầu cho tất cả quý Đạo Hữu, quý Phật Tử được vạn sự thắng ý và gặp được nhiều hạnh duyên trong cuộc sống hằng ngày.

CHỦ TRƯỞNG: Thích Như Điển
Herausgeber

KÝ THUẬT: Trụ Chơn
Layout

CUNG SỰ CÔNG TÁC CỦA:
Mitarbeit von
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Viet Nam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

TÒA SOẠN: Phước VIÊN GIÁC
Redaktion

Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam, Buddh. Kulturzentrum

EICHELKAMPSTR. 35a, 3000 HANNOVER 81
Tel. 0511 - 864638

VIÊN GIÁC

Hình Bià: Ma Vương nhiều hại Đức Phật

Tâm là gì? Thức là gì?

(Tiếp theo)

Phù-trần-căn, như mắt hay tai... , chỉ là một bộ phận thô phù thuộc sinh lý vật lý th ô ketch, có tác dụng che đậy, che chở, làm mai mối giữa tinh sắc căn và trần vốn thường đ ấ m nhiệm thụ hút lẫn nhau, và cũng có tác dụng làm hiển lộ rõ thêm những sắc tướng. Nó cũng tương tự như cái kiếng cận thị mà người cận thị cận đeo trước mắt để làm hiển lộ rõ hơn các sắc tướng. Không có nó, thì người cận thị chỉ thấy lơ mơ, hoặc THẤY TỐI OM.

Nhưng thấy được sự vật, thì không phải là con mắt nó thấy. Vì nếu con mắt THẤY được, thì lẽ ra một người vừa mới chết, con mắt còn nguyên vẹn, phải thấy được... Vậy thấy được sự vật là do hoặc là tinh sắc căn tức là thức ở n vi lẽ hơn, hoặc vào sâu hơn nữa, là do c ấ i Thấy hay tính Thấy, vì mấy thứ này được đ ệt nên bằng những quang minh gây một vi t ệ hơn. Hoặc là do những quang minh cực kỳ vi t ệ của Tầng thức mà kính thường gọi là tâm nhãn.

Cần nhớ rằng trên diễn trình chuyển hiện của Thức biến, càng đi sâu vào những lớp thô ketch lưu ngại bao nhiêu, thì những quang minh của Thức càng kém vi t ệ và càng mất tự tại lực bấy nhiêu... Bởi vậy nên do những tập quán tư vô thủy, chúng ta thường cứ phải cận đến con mắt cổ hình quả bồ đào, mới thấy rõ sắc tướng. Nếu không có, thì chỉ thấy TỐI OM.

Nhưng nếu chúng ta biết tu hành, thiên quán thức liêm thân tâm, thì có thể lần lần d ấ n dắt những quang minh luôn luôn rong r u ồ i theo trần cảnh ấy, trở về đi NGƯỢC GIÔNG, là bỏ sự đắm nhiễm trần cảnh, đi sâu vào trong, rồi LỘT vào Tầng thức, hóa tán trong b i ế n quang minh cực kỳ vi t ệ của Thức số n ấ n g biến này, thì chúng ta sẽ trở thành ngài A-nâu-luật-đà, tức là một bậc A-la-hán đã lọt vào Tầng thức... Nghĩa là đắc tâm nhãn, sáu căn gần như hồ dụng, không cần mắt vẫn nhìn

thấy được, mà lại nhìn phạm vi rộng lớn bát ngát hơn nhiều... Không cần tai cũng v ấ n nghe được như 1 vị Rồng nào đó trong K i nh Lăng Nghiêm, không cần mũi lưỡi thân cũng vẫn ngửi nếm xúc. Và không cần ý thức cũng v ấ n phân biệt liễu tri rành rẽ như ngài Ca Diếp.

Vậy thì phù trần căn cũng tương tự như những cửa sổ, những lỗ hồng làm nơi mai mối, làm nơi lai vãng, do đó, những quang minh thô ketch của tâm thức ra vào không ngớt, đ ề tiếp xúc v ầ GIAO THOA với những quang minh cũng thô ketch do những trần cảnh của Tướng phần làm phát hiện ra. Sự giao thoa đó làm phát hiện n ề n ảnh tượng của vật trên võng mô (retine) con mắt, rồi ảnh tượng được chuyển hiện bằng những làn sóng quang minh vào trung khu não bộ. Sự chuyển biến này thức là kỳ bí, khó thể biết nổi, nhưng chắc rằng mỗi lúc nó mới trở thành vi t ệ hơn, rồi biến thành Thức, hay thức giác là khởi phạm vi sinh lý vật lý để trở thành tâm. Những Thức này không phải là T h ứ c sơ năng biến, mà là thứ thức đã vọng hóa nhiều lớp rồi... Tuy nhiên, cái đặc điểm của nó cũng là bao gồm cả những quang minh của cái Thấy chiếu soi, cũng như những quang minh của trần cảnh bị chiếu soi...

Đa số chúng ta thường "sống say chết ngủ", lẳng xăng chạy theo nắm bắt ngoại vật, n ề n ít khi ý thức được rằng: mỗi cái tia nhìn, mỗi sự chau mày nhăn mặt, mỗi sự cất c h ần nhắc tay, mỗi tâm niệm... đều làm khởi l ề n những lớp sóng rào rạt chuyển biến của v i trần số cực vi hay ba động quang minh, chuyển hóa hoặc từ chỗ t ệ vi ra chỗ thô ketch, hoặc từ chỗ thô ketch vào chỗ t ệ vi... Về d i ề n trình chuyển hiện này, thì chắc là những bậc vào tam muội sâu có thể NHÌN thấy rõ ràng.

Cũng cần ghi thêm rằng: trong khi 6 thức này chuyển hiện từ Kiến phần của Mạt na và n ở xô ra trong những lớp thô ketch, thì T ứ ợng phần của Mạt na cũng chuyển hiện TƯƠNG ỨNG, và tạo dựng những ảnh biến hiện của t r ầ n cảnh gây một rõ rệt thô ketch hơn. Do đó, ta mới có những cảnh giới y báo.

Đứng trên khía cạnh phân biệt Kiến đại v ầ Thức đại để xét 6 thức này, thì sẽ nhận thấy rằng :

Ý thức thì mãnh lợi nhất, nhưng cũng hàm chứa rất nhiều vọng, nên nó bao gồm hầu hết toàn là Thức đại và rất ít Kiến đại. Nghĩa là nó hầu như luôn luôn giao động, và rất ít k h i đứng lặng để phản chiếu sự vật.

Còn 5 thức kia thì kém mãnh lợi, nhưng h ồ n nhiên hơn, thuần phác đơn sơ hơn, và ít vọng hơn. Do đó, chúng ít giao động hơn, và hay d ề đứng lặng hơn... Bởi vậy, nên Duy thức h ồ c mới nói rằng: 5 thức này dễ đạt tới T ấ n h

cảnh (tức bản thể) của sự vật hơn là ý thức.. Và chúng có thể để trực nhận hiện lượng hơn ý thức.

PHÂN BIỆT 100 PHÁP TRONG DUY THỨC HỌC

Muốn hiểu rõ hơn về Duy thức học, thiết tưởng cần phác lược những nét đại cương như thiết yếu để phân biệt các thứ pháp trong B á c h pháp minh môn. Vì đây là một điểm khiến kẻ học Duy thức thường lúng túng. Tỷ dụ như không biết làm sao để phân biệt giữa Tâm vương và Tâm sở, hoặc nghi ngại mãi không hiểu tại sao lại có một thứ pháp kỳ quặc gọi là Bất tương ứng hành pháp?!

Duy thức học thường chia tất cả những pháp thế gian cũng xuất thế gian ra làm 5 loại, gồm 100 pháp. Năm loại là: Tâm vương pháp, Tâm sở pháp, Sắc pháp, Bất tương ứng hành pháp và Vô vi pháp.

Về năm loại pháp này, nếu chỉ muốn phân biệt một cách lờ mờ và đại lược thì dễ, nhưng nếu muốn phân biệt kỹ càng ngọn ngành và có thể hiểu được thì khá khó khăn.

Trước hết, cần luôn luôn nhớ kỹ rằng: các loại pháp đều là THỨC cả, đều là Thức biến, vì ngoài ra chẳng có gì khác. Sắc pháp cũng là thức, Tâm vương hay Tâm sở cũng là Thức cả, Bất tương ứng hành pháp cũng là thức tâm phân biệt, và Vô vi pháp cũng vậy... Và Thức là những quang minh của Tâm chuyển hiện. Cho nên, nếu diễn nói về Duy thức mà không nhấn mạnh đến Lý Duy tâm sở hiện, thì làm mất hẳn khía cạnh kỳ ảo sống động của Thức biến, và Duy thức học trở thành khó hiểu.

Vậy thì các pháp, các loại pháp đều là Thức biến cả. Chỉ khác nhau ở chỗ:

- mức độ VỊ TẾ hay THỔ KẾCH của quang minh trong lịch trình chuyển hiện.
 - tính cách KHINH THANH sáng láng đứng LẶNG hay là TRONG TRƯỚC mờ tối giao ĐỘNG của quang minh.
 - có ít hay nhiều TỰ TẠI LỰC.
 - do đó, nhịp điệu rung chuyển khác biệt.
- Mấy tiêu chuẩn trên đây có thể khiến phân biệt 5 loại pháp dễ dàng hơn:

I.- TÂM VƯƠNG LÀ GÌ ?

Sách Duy thức học thường dạy một cách cô đọng: "Tâm vương có 8 là: A lại da thức (tức Tầng thức), Mat na thức, Ý thức và 5 thức kia. Số dĩ chúng được gọi là Tâm vương là vì chúng Tự tại như những vị vua vậy...". Lời giải dĩ nhiên là đúng, nhưng quá cô đọng và chưa rõ ràng. Sở dĩ 8 thức được gọi là Tâm vương là vì chúng đều thuộc về Kiến phần trong cái diễn trình

Thức biến, và do đó, chúng có nhiều tự tại lực để biến hiện... Tuy nhiên, giữa 8 thức ấy, có nhiều mức độ tự tại lực sai biệt.

Thức thứ 8 thường được gọi là Tầng thức, là thức Sở năng biến, và được đặt bằng những quang minh hư vô vi tế, tức là cực kỳ vi tế. Nên có rất nhiều tự tại lực để biến hiện... Kiến đại nhiều và rất ít Thức đại, nên thứ 8 hình thành sáng láng đứng lặng, và có khả năng trực giác hiện lượng rất thâm mật. Nghĩa là dễ dàng nhập một với Tướng phần hay cảnh giới để trực nhận bản thể của cảnh giới.

Thức này có thể ví như Biển nước, hoặc Biển hào quang, hoặc Đại địa... Nếu muốn ví với vị vua chúa, thì thức này tượng tự như Vua Phạm thiên ở tầng trời cõi Sắc.

Thức thứ 7 cũng được đặt bằng những quang minh rất vi tế nhưng cũng đã suy kém rồi. Nó cũng không còn được gọi là Sở năng biến, vì đã trải qua thêm một lớp vọng nữa rồi. Do đó tự tại lực cũng kém sút nhiều... Lại thêm nó chất chứa hầu như toàn là vọng, nên Thức đại nhiều và rất ít Kiến đại... Quang minh của nó được gọi là uẩn vọng tướng.

Có thể ví nó như Gốc cây bèo mọc trên biển nước, hoặc gốc cây mọc trên đại địa. Nếu ví với vị vua chúa, thì nó tượng tự như Ma vương ở ngự trên cung trời Tha hóa tự tại.

Thức thứ 6 thì đã kinh qua thêm nhiều lớp vọng rồi. Nó được đặt bằng thứ quang minh của dụng thông vọng tướng. Vì dụng thông của nó khắp, nên nó khá mạnh lợi và có khả năng tự tại lực để biến hiện. Nhưng chiều hướng biến hiện của nó là hay đi sâu vào nề vọng, ít muốn trở về nơi nguồn Chân... Nên nó gồm hầu như toàn là Thức đại giao động, và rất ít Kiến đại đứng lặng.

Có thể ví nó như thân cây. Hoặc ví như 1 vị nhân vương lớn, nhiều kiến thức, ít đức độ, nhiều vọng tướng, và thích chinh phạt.

Năm thức kia được đặt bằng quang minh của những hư minh vọng tướng. Chúng cũng ít tự tại lực hơn cả. Nhưng chúng cũng hỗn loạn hơn, ít vọng tướng hơn ý thức. Nên chúng nhiều Kiến đại, ít Thức đại, và có thể dễ dàng đứng lặng để chiếu soi hơn là ý thức.

Có thể ví chúng như 5 cành cây. Hoặc 5 vị nhân vương nhỏ, ngự trị nơi biên địa, ít kiến thức nhưng nhiều đức độ, và không ưa việc chinh phạt.

Đại để Tâm vương là như vậy... Nên tụng ngôn của ngài Thế Thân viết: "Nhất thể tối thắng cố".

2.- TÂM SỞ LÀ GÌ ?

Sách Duy thức học thường dạy rằng: có 51 tâm sở, phân ra làm 6 thứ là Biến hành tâm sở, Biệt cảnh tâm sở, Thiên tâm sở, Căn bản phiền não tâm sở, Tùy phiền não tâm sở, và Bất định tâm sở.

Sự liệt kê những môn tâm sở này thì ở sách Duy thức học nào cũng có nói. Ở đây, chỉ nhằm nói rõ cái bản chất của chúng, cũng mối liên quan biến hiện của chúng với các Tâm vương.

Sách Duy thức thường nói: "Tâm vương ví như những vì vua thù thắng, tự tại, tự chủ... còn những tâm sở thì ví như những quan đại thần do vua cất đặt, để tượng ứng và hiệp với vua (Dĩ thủ TƯỚNG ỨNG cố), giúp vua cai trị và tạo nghiệp...".

Nói như vậy thì dĩ nhiên là đúng, nhưng chưa rõ ràng, lại dễ khiến cho kẻ sơ học quên rằng cả Tâm vương lẫn Tâm sở đều là Thức cả, đều là Thức biến.

Nên luôn nhớ rằng: cả Tâm vương lẫn Tâm sở cũng tất cả các pháp khác đều là Thức biến cả.

Nội một cách nôm na khái quát, thì 51 môn Tâm sở tức là thất tình lục dục của chúng sanh. Nói một cách thông thái hơn, thì Tâm vương ứng tức là cái thức năng biến, còn các Tâm sở tức là những trạng thái tâm lý sở biến của các Tâm vương... Do đó, nên Tâm sở không phải là 1 với Tâm vương, nhưng cũng chẳng phải khác.

Không phải 1 là vì chúng là những trạng thái bị biến và trải qua thêm một vài lớp vọng ngữ nữa rồi. Như trạng thái vui, mừng, buồn, giận, lo sợ, tinh tấn hăng hái, phóng dật lười biếng khinh an, hôn trầm... Những cũng chẳng phải là khác, là vì chúng cũng đều là Thức biến cả và cũng không thể lìa được Tâm vương.

Nếu ví dụ ý thức như thân cây và 5 thức kia như 5 cành cây, thì 51 Tâm sở có thể ví với những hoa lá mọc ở 5 cành cây đó.

Nếu ví dụ ý thức như 1 con sông lớn và 5 thức kia như 5 nhánh sông nhỏ, thì 51 Tâm sở có thể ví với những gợn sóng rất rào hay lăn tăn nổi lên trên mặt nước sông.

Nếu ví những thức kia như những chiếc dĩa y đàn, thì 51 Tâm sở có thể ví như những NHỊP ĐIỀU RUNG CHUYỀN của cây đàn, khiến phát ra những âm ba lúc khoan lúc nhặt, lúc trầm lúc bổng, lúc vui lúc buồn.

Nếu đứng về khía cạnh Kiến đại và Thức đại mà xét, thì trong khi Tâm vương bao gồm cả

phần Kiến đại đứng lặng, cùng phần Thức đại giao động, thì các Tâm sở thường gồm toàn là Vọng, toàn là mộng niệm tình nhiễm, và toàn là giao động. Chỉ trừ ra một số Tâm sở như Niệm, Định, Huệ mà thôi...

Nếu nhìn theo Ngũ ấm mà xét, thì các Tâm vương tương xứng với Thức ấm cùng những quang minh hủ vô vi tế. Còn 51 Tâm sở lại tương xứng với Thọ ấm, Tưởng ấm và nhất là với Hành ấm, tức là với những quang minh của những vọng tưởng hủ minh, dụng thông và uẩn. Tâm sở, so với Tâm vương, là như vậy...

3.- SẮC PHÁP LÀ GÌ ?

Hầu hết các chúng sanh, trôi lăn qua nhiều kiếp, do những tập khí nhân thức phân biệt từ vô thủy làm mờ mờ tành Bồ đề, nên thường vấp phải cái Sắc pháp này, và luôn luôn cảm thấy nó lưu ngại. Thường rất ít khi có thể nghĩ và hiểu rằng: cái núi đá kia, nó kiên cố năng nề ử li trở trở như vậy, thế mà nó cũng chỉ là Thức biến, chỉ là thức thô kịch dật nên, là những quang minh nặng nề bởi tình nhiễm cố động lại, chỉ là những ảnh tượng chiếu cảm bởi mức độ Nghiệp, là như huyễn, là vô tự tánh là rỗng không.

Trong Duy thức học, ngài Thế thân dạy rằng: Sắc pháp tức là "Nhị sở hiện ảnh cố".

Nghĩa là: do 2 môn Tâm vương cùng Tâm sở chấp chúng biến hiện nên ANH ra những ảnh tượng có hình tướng, có trọng lượng mà các chúng sanh gọi là sắc pháp.

Cũng như trong đoạn kinh Lăng Nghiêm đã trích dẫn ở trên, Phật dạy rằng: "Cái Tịnh Trạng nhiên Bất động bị dính mắc vào cái Vọng, nên phát ra cái Thấy chiếu soi. Rồi trong khi le lói chiếu soi hoài hoài, cái Thấy ANH ra thành SẮC...".

Tức là: Trong khi cái Kiến phần (tức Tâm vương cùng Tâm sở) chấp chúng biến hiện từ vô thủy để luôn luôn muốn le lói chiếu soi, thì sự chiếu soi không ngưng nghỉ ấy dĩ nhiên phải chiếu cảm và tác động đến Tướng phần của 5 Tầng thức. Và Tướng phần cũng phải chiếu hiện song hành và TƯỚNG ỨNG, tạo dựng kết tập nên những ảnh biến hiện ngày càng thô kịch lưu ngại, gọi là Sắc pháp.

Tóm lại, Sắc pháp tức là Thức đại thô kịch, hầu như gồm toàn là Thức đại, và không có Kiến đại, hoặc rất ít Kiến đại.

Đứng về Ngũ ấm mà nói, thì Sắc pháp tức là Sắc ấm, được dật nên bởi những quang minh của vọng tưởng Kiên cố xoay vần từ vô thủy. Đứng về phương diện Hữu tình cùng Vô tình,

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Châu Trí Mậu

(tiếp theo)

III.

Phật nói kinh chú rất nhiều, đâu có ai t h o
trí cho hết được. Nên người xưa chỉ lựa những
thứ cần yếu để làm nhứt khóa. Sớm thì t ụ ng
Lãng Nghiêm Đại Bi, thập chú, Tâm Kinh, x o ng
lại niệm Phật hồi hướng Tây phương. Tối đến
tụng kinh Di Đà, văn Đại Sám Hối, Mông S o n,
rồi niệm Phật hồi hướng. Hiện nay các c h ù a
đều bớt sự công phu, thời mai chỉ tụng Lãng
Nghiêm, Tâm Kinh; thời hôm tụng kinh Di Đà
văn Mông Sơn, cách ngày lại tụng Đại Sám Hối
Mông Sơn. Người nói nghi nhứt tụng trong tông
lâm kinh chú rất nhiều, đó là những thứ phụ
lục ngoài hai thời khóa. Người cư sĩ tại gia
có thể y theo thời khóa của nhà thiền, hoặc
tùy ý mình lập riêng. Như sớm tối đều t ụ ng
kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật; hoặc sớm
tụng chú Đại Bi, niệm Phật, tối tụng kinh Di
Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hay trì kinh Kim
Cang cũng được. Nhưng không luận tụng k i nh
chú chỉ, đều phải niệm Phật hồi hướng, mới hợp
với tông chỉ tu tịnh nghiệp.

Những điều người bày tỏ, tuy cũng là ý tốt,
song thật ra không có chủ định, chỉ theo hoàn
cảnh đời. Kinh nào, chú nào, lại chẳng gọi
khen công đức thù thắng? Theo quan niệm của
người, tụng kinh này sẽ mất kinh kia, trì chú
này tất buông chú nọ, bỏ hết nghi tiếc uông,
tụng trì cả sức lại không kham. Như thế c ó
được gọi là người chơn tu hiểu lý hay chăng?
Suy rộng ra, nếu người gặp nhà tu thiền khen
pháp thiền bác Tịnh độ, cũng bắt chước h o
tham thiền; cho đến các môn khác như: Thiên
Thai, Mật Tông, Pháp Tướng, Hiền Thủ, mỗi k h i



gặp bậc tri thức bề xướng, tất người sẽ mất
chủ định bỏ đây theo kia. Chẳng biết n g ười
căn tánh bậc nào, mà muốn thông suốt hết các
pháp như thế? Ta chỉ e cho người nghiệp sâu
trí cạn, khi làm nhà đại thông gia khổ được,
lại bỏ luôn cả pháp nương sức Phật vãng sanh
của môn Tịnh độ, để lúc lâm chung nếu chẳng
đi đến vạc dầu lò lửa, quyết lạc vào b ụ n g
ngựa thai lừa! Giả sử may mắn khổ mất thân
người chẳng nữa, lại do đời nay tuy có công
tu song thiếu chánh trí, nên nhân đồ h ư ông
được si phước, rồi tạo nghiệp ác, khi vô thường
đến, cũng đi thẳng vào tam đồ. Chúng ấy muốn
nghe tên trời, đất, cha, mẹ còn không đ ư c,
hướng nữa là biết pháp môn Tịnh độ ư? Người
xem Văn sao của ta hiểu như thế nào? P h ải
biết, một câu A Di Đà Phật, nếu trì niệm đến
chỗ cùng cực, thành Phật còn có dư. Người cho
rằng tụng kinh Di Đà và Niệm Phật, không thể
diệt được định nghiệp hay sao? Phật pháp cũ
như tiền, tại người khéo dùng; người có tiền
làm việc gì lại không được? Nếu người có thể
chuyên tu một pháp, cầu sự chỉ lại c h ấ n g
thành? Lựa là phải khấn khấn trì chú n ấ y
tụng kinh kia mới được công đức như t h ế,
ngoài ra không được những công đức khác hay
sao? Nếu khéo thế theo lời ta, tự nhiên hiểu
một việc rõ trăm việc; bằng chẳng thế, dù nói
cho nhiều, tâm người vẫn không chủ định, nào
có ích gì?

Phàm phu ở trong mê, lòng tin không vững, nên
thường có những việc khi tu hành khi t ả o
nghiệp, thoát tin tưởng thoát nghi ngờ. Đó cũ
bởi lúc ban sơ người dạy không biết cách nêu
trước tiên đem việc nhân quả thiện cận chỉ
báo lần lần, thì đầu đến đời có sự mê l ầ m

trái ngược như thế ! Nhưng tôi đã qua t u y rất nặng, nếu hết lòng sám hối sửa đổi, y theo sự hiểu biết chân chánh, chí quyết tu t ị nh nghiệp, lợi mình lợi người, thì tội c h ư ớng tiêu mòn, tâm tánh sáng tỏ. Nên kinh, nói: "Trg đời có hai bậc anh dũng, một là người không tạo tội, hai là kẻ đã tạo mà biết sám hối". Một chữ "hối", phải tự đáy lòng phát lộ, nếu không thật tâm ăn năn chừa cái, dù nói l ấ m cũng là thừa. Ví như người đọc phương thuốc mà không chịu uống, làm sao bệnh được lành ? Nếu có thể y theo cách trị dùng thuốc, chắc chắn bệnh sẽ tiêu trừ, thân tâm yên ổn. C h ỉ lo cho kẻ lập chí chẳng bền, thành ra cảnh l ngày phơi nắng mười ngày để lạnh, rồi c ữ ng luồng có danh suông, không phần thật ích m à thôi !

THƠ ĐÁP CỤ SĨ Ông Võ Mộc

(PHỤ NGUYÊN THƠ)

"Võ Mộc tôi niệm Phật đã mười năm, mới biết chút ít ý thú. Thiết nghĩ phương pháp chỉ dạy về môn niệm Phật của các ngài Linh P h ong, Mộng Đông và bộ Văn sao của tôn sư, đại đ ẽ đều là phương tiện lập thiết cho hạng n g u tối què mùa. Như bọn chúng tôi, được thệ hiểu chữ nghĩa, hay suy nghĩ tìm tòi, nếu cứ dùng phương pháp ấy, chắc không thể sanh về Tịnh độ ! Theo ngu ý, những người niệm Phật c ấ u vắng sanh, trước tiên phải biết: "niệm Phật đó là ai?". Vì nếu thấy được chủ như ông, t h ỉ niệm Phật mới có chỗ dùng và sự vắng s a nh mới có thể cảm ứng ! Chẳng riêng gì n i ệm Phật cần nên như thế, mà tụng kinh trì c h ứ đều phải theo đường lối này. Người đời n a y khi nói đến niệm Phật là bảo: phải niệm cho già già, tấm lòng như chết, mới có thể vắng sanh. Họ đâu biết, nếu không rõ "niệm Phật đó là ai?", thì làm sao niệm được già già v à tấm lòng như chết? Như thế, giả sử mỗi ngày đêm niệm đến mười muôn câu, đối với việc sanh tử có quan hệ gì? Có kẻ lại bảo: "Người xưa phần nhiều chuyên chú về trì danh, không tham cứu trong câu niệm Phật". Võ Mộc tôi nói: "Đó là việc sau khi tham cứu xong rồi của cổ đức hạng sơ cơ không nên bắt chước theo". Người niệm Phật đời nay, mười phần hết chín khê rõ ý chỉ ấy, thật đáng thương xót ! Tôi thường thường cạ lời khuyên bảo, mà trong hàng c ư sĩ có kẻ lại cho tôi là tả kiến nữa. N g hĩa mẫu Phật pháp chìm tối đến thế, nghĩ nên than thở, ngậm ngùi !

Nay xin bày tỏ nỗi lòng, kính cầu tôn sư ấn chứng và mong đem nghĩa ấy giải rộng thêm ra. Đó là hạnh phúc của chúng sanh, đâu n h ữ ng riêng cho Võ Mộc !

Xem rõ ý trong thơ, riêng lòng xiết bao khen ngợi ! Các hạ có tâm rất tốt, muốn cho m ọ i người đều thấy tánh bản lai, để sanh về phẩm sen bậc thượng. Quán kinh nói: "đọc tụng Đại thừa, hiểu nghĩa thứ nhất, phát lòng Bồ đ ẽ , khuyên nhắc người tu", âu là bản ý của c á c hạ đó chăng?

Tuy nhiên, nói pháp cần phải hợp cơ, nếu không xét căn cơ lâm cho pháp được, thì đồng với kẻ dụng ý dùng thuốc giết người. Nên biết h a i tông Thiên, Tịnh, cội nguồn vẫn một, song lối tu khác nhau. Bên Thiên lấy sự thấy tánh bản lai làm tông, bên Tịnh dùng tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh làm yếu chỉ. Giả sử người đời đều là bậc thượng căn, thì lời của các h a thật có lợi vô cùng. Nhưng xét lại, người thệ căn rất ít, kẻ trung, hạ quá nhiều, nếu không dạy phát tín, nguyện cầu sanh, mà bảo tham cứu cầu niệm Phật, đó là điều hại lớn. Vì nếu tham cứu được tỏ ngộ, vẫn là hân hạnh, song c ỏ n phải phát thêm nguyện thiết để cầu vắng sanh. Như tham cứu không thành, mà trong tâm thườg giữ quan niệm "không biết niệm Phật đó l à ai, chẳng thể vắng sanh", thì quyết khó cùng Phật cảm thông và được nhờ sự tiếp dẫn. Ng. biết được "niệm Phật đó là ai", chính là bậc đã tỏ ngộ, thấy suốt chân tánh. Đời nay, tham cứu đến chỗ đại triết đại ngộ phỏng có mấy người ? Đừng nói chi ai, chính như các hạ cũ chưa từng đến địa vị ấy. Tại sao biết được ? Vì nếu các hạ đã đến, quyết không khi nào dám nói những câu: "Ngài Linh Phong, Mộng Đông lập thuyết để dạy hạng ngu tối què mùa - không biết niệm Phật đó là ai, chẳng được gọi l à niệm già già, tấm lòng như chết - dù cho mỗi ngày đêm niệm mười muôn câu, không quan hệ gì đến việc sanh tử - và, người xưa chuyên chú trì danh là việc sau khi tham cứu, kẻ sơ c ơ chẳng nên bắt chước theo".

Xét ra, tấm lòng các hạ thật muốn cho mình và người đều được lợi ích, song lời nói của các hạ, chính mình đã làm, lại khiến cho người lạc lầm. Từ đây xin chớ nói những lời ấy n ấ a, bằng chẳng thế, pháp môn rộng lớn độ k h ấ p chúng sanh của Như Lai, sẽ bị các hạ vùi sâu đóng kín, không được mở thông. Lối ấy đồng với tội khinh báng Phật, Pháp, Tăng, phải nên dè dặt ! Chớ thấy hiểu của các hạ, vì không khéo tùy căn cơ, đem pháp thượng căn khuyên m ọ i người tu tập, nên thành ra thiên chấp, sailâm. Các hạ chẳng biết, lại cho mình hiểu đúng với nghĩa chân thật của Phật pháp, cầu xin ấ n chứng, Ấn Quang tuy hèn kém, đâu dám làm hứa nhận khen giúp theo, để chính mình và các hạ đều sa vào tội khinh báng Tam Bảo hay sao ? Như cho lời của kẻ dung tăng này không đúng xin cứ tùy ý, mỗi người tu đi riêng đường lối là xong. Ấn Quang đâu dám ép kẻ khác bỏ s ở kiến để theo ý hèn của mình. Chẳng qua vì các

hạ hỏi đến, nên bất đắc dĩ phải thắng 1 ở i
dâng chút ngu thành đó thôi.
Rất hân hạnh mong nhờ sự xét nghĩ xa rộng.

THƠ ĐÁP MỘT CƯ SĨ Ở NINH BA

Được thơ, biết cư sĩ siêng năng đối trị tập
quán, song chưa có hiệu quả. Ấy cũng bởi cư sĩ
không tha thiết vì việc sanh tử, chỉ đem pháp
môn vượt phàm lên thánh, dứt trừ hoặc nghiệp
thành tựu tịnh niệm, làm việc lấy có bên
ngoài. Duyên có không được thật hiệu là tại
chỗ đó! Phải thường xét nghĩ: "Thân n g ười
khó được, pháp Phật khó nghe, môn Tịnh độ rất
là khó gặp. Nay ta đã may mắn được thân trượng
phu, lại có phước duyên gặp môn Tịnh độ, dám
đâu đem ngày giờ hữu hạn để cho sắc t h ỉnh
danh lợi làm tiêu mòn hầu hết ư? Nỡ cam chịu
mãi kiếp sống sướng chết uổng, rồi vẫn d ẫ m
chìm trong sáu nẻo, không biết chừng nào thoát
ly đó ư?". Lại phải đem một chữ "chết" d ấ n
trên đầu, khi gặp những cảnh không nên tham
luyến, liền biết đó là vạc dầu lò lửa để làm
khô luy cho mình, thì quyết không đến đâu như
con sâu bướm bay vào đèn tự tìm lấy sự thiêu
đốt. Lúc gặp những điều đáng làm, lại nghĩ đó
là thuyên tử cứu khổ, tất không còn sụt s ề
trong việc nhơn nghĩa, biếng trễ trên bước tu
hành. Được như thế, cảnh trần cũng có thể làm
duyên nhập đạo, đâu phải từ bỏ hết sự đời mới
là tu niệm? Nếu tâm có chủ trương, không xoay
hoàn cảnh, thì trần lao chính là giải
thoát. Cho nên trong kinh Kim Cang luôn luôn
khuyên bảo chẳng nên trụ tướng; tuy phát tâm
độ tất cả chúng sanh, song không thấy mình là
người hóa độ, chúng sanh là kẻ được độ, c h o
đến dù chứng đạo cũng không thấy có t ư ờng
thọ giả của quả vô dư niết bàn. Đó mới là n g
thật hành đạo Bồ Tát. Nếu trái lại, dù có độ
sanh hay tu muôn công đức cũng không thể hợp
với thật tướng như thể, vì chẳng hiểu chúng
sanh đương thể là Phật, trong tánh bình đẳng
lâm khởi tâm phân biệt, khiến cho sự lợi ích
vô vi hóa thành phước hữu vi. Như thế làm sao
thoát khỏi vòng ràng buộc của sắc tài danh
lợi?

Người đời phải có bốn phần, nhưng ngoài phần
việc của mình, chớ thêm điều chi vô ích. Nên
để thời giờ ấy, tùy phần tùy sức tụng k i nh
niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây phương. Đối
với tất cả việc lành, hoặc ra cửa tiền, hoặc
dùng lời để tán trợ, nếu không thì phát lòng
vui theo, cũng có công đức. Và phải đem những
điều này hồi hướng, phụ giúp cho sự vắng sanh.
Như thuyền đã đi theo nước xuôi, lại t h ề m
chèo chống, chẳng là mau về bến hơn đó ư? Ba

mười tháng chạp là ngày cuối năm, nếu không
dự bị sẵn sàng trước, đâu thể tránh khỏi các
tay chủ nợ? Giờ phút lâm chung chính là ngày
ba mươi tháng chạp của một đời, nếu chưa đ ầ
tư lương tín nguyện hạnh, vẫn còn nghiệp á c
tham giận mê, thì oan gia chủ nợ từ vô lượng
kiếp đến nay, đều tới đòi hỏi lôi kéo. Đ ừ n g
nói chi kẻ không biết pháp môn Tịnh độ phải
bỏ tay theo nghiệp thọ sanh, tức như n g ười
biết mà không thiết thật tu trì, c ầ n g ười
nghiệp lực lôi cuốn vào sáu nẻo, kiếp k i ếp
chịu luân hồi. Muốn cầu đường yếu thoát khổ,
chỉ có mỗi niệm sợ chết và chết mà dựa vào
ác đạo, thì cầu niệm Phật tự thuần, phẩm sen
thành tựu, tất cả cảnh trần không thể c ư ớ p
được chánh niệm.

Tâm kinh nói: "Soi thấy năm uẩn đều k h ồng,
vượt qua tất cả khổ ách". Năm uẩn bao q u át
thân tâm và ngoại cảnh, nếu thấy đó là không
thì chính nơi năm uẩn mà rời năm uẩn, chớ nào
không phải pháp môn đại giải thoát, cảnh giới
đại niết bàn?.

(Còn tiếp)



tiếp thu trang 3

thì Sắc, pháp tức là những hiện tượng tạm gọi
là VÔ TÍNH.

Sắc pháp cũng tức là Sắc Trần. Và sau đây khi
trình bày về cái bí ẩn của Bộ Ba (Trinity)
Căn Trần, Thức, sẽ phân biệt kỹ càng hơn thế
nào là Sắc trần và thế nào là VẬT ?

Trong số 100 pháp của Duy thức học, cần
ghi rằng khoa học ngày nay mới chỉ n g ười
cửu được một số Sắc pháp, cùng vài Bất tướng
ứng hành pháp như Thời, Phương, Số, Thể tức mà
thôi... Còn về những pháp kia, thì hầu n h ư
chưa biết gì hết, vì đều là những pháp k h ó
thể đo lường. Và nếu cố gắng đo lường, thì
sử đo lường sẽ làm lệch lạc hết những trạng
thái phát hiện hỗn nhiên của chúng, vì đây là
phạm vi của những phương trình bất định của
Heisenberg (relations d'incertitude của Hei-
senberg).

(Còn tiếp)



Việt Nam phong sử

Nguyễn văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mặc Khách sưu lục

(Kỳ 22)
CHƯƠNG 80

*Bao giờ rồng đến nhà tôm,
Rồng leo cây ngải thời con rồng vàng.*

Thơ phong sử này thuộc phú.

Đây là lời sấm nói về cuộc hưng suy của họ Trịnh.

Cuối đời Lê, Trịnh Kiểm sống với mẹ ở B i ên Thượng, có tính chí hiếu, nhà nghèo, t h ư ờng đuổi bắt gà của hàng xóm làm thịt cho mẹ ăn. Người hàng xóm không ưa, gặp lúc Trịnh Kiểm đi vắng, bèn trói bà mẹ của Trịnh Kiểm quăng xuống vực tôm.

Gió mưa nổi lên dữ dội, sấm sét chấn đ ộ n g ùng ùng, nước sông dâng tràn.

Hôm sau chỗ vực sâu biến thành đất.

Thấy phong thủy người Tàu đi ngang đây, đoán rằng:

*Phi đế phi bá,
Quyên khuynh thiên hạ.
Nhị bách dư niên,
Tiêu tường khởi họa.*

Dịch nghĩa

*Không phải vua, không phải tước bá,
Mà quyên bình nghiêng thiên hạ.
Hơn hai trăm năm,
Họa khởi ở trong mà mất.*

Từ thời Trung Hưng đời vua Lê Trang T ô ng, Trịnh Kiểm làm Thái Sư, được phong tước Thái Bảo quốc công.

Trịnh Kiểm mất, con là Trịnh Tùng làm Tá Tướng Lê Cập Đệ muốn trừ Trịnh Tùng, bị Trịnh Tùng giết.

Rồi Trịnh Tùng lại thi vua Lê Anh Tông, tự xưng là Bình An Vương, lại giết vua Lê Kính Tông. Từ đây hiệu lệnh thưởng phạt đều do con cháu họ Trịnh chủ trương. Đông dối họ Trịnh

đời đời cha truyền con nối làm tước v ư ờng (chúa).

Đến Trịnh Sâm thì sự hưng hăng càng quá lắm. Lúc ấy nghe Quảng Nam hữu sự, Trịnh Sâm lấy danh nghĩa giúp binh trừ giặc, tự thống suất chiến thuyền vào Nghệ An đóng đồn ở doanh Hà Trung.

Trịnh Sâm truyền ngôi cho Trịnh Khải. Trịnh Khải bị nhà Tây Sơn giết. Họ Trịnh mất.

Câu phong dao này nói về cuộc hưng phế của họ Trịnh tự nhiên đã có số trời định phân.

Rồng chỉ họ Trịnh. Nhà tôm chỉ vực tôm. C â y ngải tức Nghệ An.

Nói vực tôm phát phúc, họ Trịnh bắt đầu hưng thịnh. Đồn binh ở Nghệ An, họ Trịnh cáo chung. Vàng là nơi con rồng họ Trịnh đến lúc ấy thì già suy không làm gì được nữa.

Than ôi! Cầu gãy thì có con rồng hiện l ê n (nói về vua Đinh Tiên Hoàng), cố giã úp thì có con rồng ứng hộ (nói về vua Lê Đại Hành), bậc đế vương hưng thịnh thì có điềm con rồng mệnh trời là ở đó.

CHƯƠNG 81

*Tướng là chị ngã, em nâng,
Chẳng hay chị ngã (l), em mừng em reo.*

Thơ phong sử thuộc phú.

Trong thời vua Lê Anh Tông (1556-1573), Thái Sư Trịnh Kiểm mất, vua Lê sai người con trưởng của Trịnh Kiểm là Trịnh Cối thống lãnh quân đội trừ giặc Mạc.

Trịnh Cối ham rượu chè hoang dâm khiến tướng tá ly tâm.

Trịnh Tùng đem tội trạng ấy tâu lên vua Lê. Vua Lê sai Trịnh Tùng thống lãnh quân đội.

Trịnh Tùng và Trịnh Cối đem quân đánh nhau. Trịnh Cối dẫn quân đầu hàng nhà Mạc. Người trong nước thấy thế mới tỏ lòng căm ghét. Chỉ là Trịnh Cối (2). Em là Trịnh Tùng. Nói đương lúc ấy kinh thành chưa lấy được, 2 anh em Trịnh Cối và Trịnh Tùng đem quân đánh nhau, đáng lẽ phải bảo vệ nhau như anh em chân tay mà trừ giặc nước. Tuy Trịnh Cối ham mê tửu sắc mà hỏng việc quân, nhưng Trịnh Tùng không thể không có lỗi. Trịnh Cối là anh, Trịnh Tùng là em. Trịnh Tùng sao nỡ đoạt binh quyền của anh. Trong tương đã khởi hân, việc biến này nảy ra việc ngoại xâm của nhà Mạc. Trịnh Tùng là vị tướng quân ngang ngạnh của nhà họ Trịnh vậy.

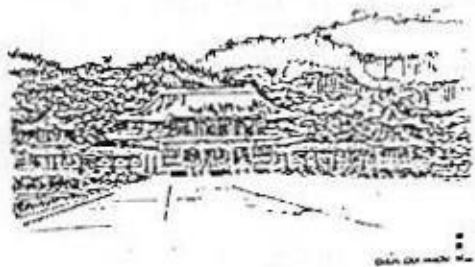
CHƯƠNG 82 (3)

*Dấu xây chín tháp phủ đố,
Chỉ bằng làm phúc cứu cho một người.*

Thơ phong sử này thuộc phú. Phủ đố, tháp của tăng đố ở chùa Phật. Một nghệ sĩ Thái Tử Lê Duy Vi. Theo sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Thái Tử nhà Lê là Duy Vi bị chúa Trịnh Sâm vu cáo và bắt cố giết chết.

Về sau hôn của Thái Tử Lê Duy Vi rất li kì. Chúa Trịnh Sâm nằm ở long sàng, thấy Thái Tử đứng đầu sàng. Chúa Trịnh Sâm ở trong phủ thấy Thái Tử ở trong cửa phủ. Có khi chúa Trịnh Sâm đi ra ngoài thì thấy Thái Tử ở bên cầu hay ở trên thành.

Chúa Trịnh Sâm lo hàng trăm cách ếm trừ mà không ngăn dứt được.



Một hôm chúa Trịnh Sâm và Đặng thị Huệ cùng ngồi thuyền dạo chơi ở hồ Tây, thấy Thái Tử hiện lên ở mặt nước trước mũi thuyền. Chúa lấy súng bắn thì không thấy Thái Tử đâu nữa. Một lát lại thấy Thái Tử hiện ra nữa.

Khi Đặng Thị Huệ có thai và sinh ra Trịnh Cán, có người bảo dâng mào của Trịnh Cán giống hết như của Thái Tử. Về sau Trịnh Cán đau, chỉ nhắm mắt gãi đầu và

lắc đầu giống như trạng thái của người bị thất cố vậy.

Chúa Trịnh Sâm sai người đi cầu thầy ở khắp bốn phương chữa trị, mấy năm cũng không hiệu nghiệm.

Chúa Trịnh Sâm bèn cầu đảo ở khắp đền chùa linh hiển và cho lập đàn chay ở trong cung, ngày đêm đốt hương cầu khẩn cũng không thấy bình của Trịnh Cán khỏi được.

Cho nên người ngoài mới đặt lời hát như thế

Nói ngày nay phải tiêu vô số để đốt hương cầu khẩn, dưng không biết bao tháp Phật sao bằng lúc đầu cứu mạng cho một người bị giết oan?

Đó là thương xót Thái Tử phải vô tội mà chết oan và cũng là làm sáng tỏ việc Chúa Trịnh đã tạo nhiều ác nghiệt vậy.

- (1) Sách chép sai ra chữ ta.
- (2) Sách chép lầm ra Trịnh Tùng.
- (3) Sách chép sai ra 83.

(còn tiếp)



CAO LỖI

Bài "TÌNH THẦN VĂN NGHỆ PHẬT GIÁO VIỆT NAM" của Tác giả Nguyễn Đăng Thục và phần "TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG" của Nại Sơn sao lục, vì lý do kỹ thuật - chúng tôi xin tạm ngừng một thời gian. Kính mong các độc giả thông cảm cho.

QUỐC SỬ TẬP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Từ An Nam đến Đại nam

Bửu Cầm



Học giả Mặc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOẠN :

Vì lý do không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tình tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thứ cho.

(tiếp theo)

Năm Kiến Phù thứ 2(875) đời Đường Hy Tông, nhà Đường đổi Cao Biền làm Tây Xuyên(6) Tiết độ sứ, cho Cao Tâm thay Cao Biền làm Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ(7).

Tăng Cốt thay Cao Tâm vào khoảng năm 878.

Tháng 3 năm Quang Minh thứ nhất(880) đời Đường Hy Tông, quân phủ đô hộ làm loạn, Tiết độ sứ Tăng Cốt bỏ thành chạy(8); người thổ hào là Khúc Thừa Dụ vào chiếm giữ phủ thành và xưng là Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ.

Khúc Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ năm 880, mãi đến năm 906(hiệu Thiên Hữu thứ 3 đời Đường Chiêu Tuyên Đế)mới sai người sang xin mệnh lệnh ở vua Đường; do đó, nhà Đường gia hàm đồng bình chương sự cho Thừa Dụ(9). Như vậy là nhà Đường đã mặc nhiên thừa nhận chức Tiết độ sứ của Khúc Thừa Dụ rồi.

Tuy nhiên, sử sách chép không được nhất trí về việc Khúc Thừa Dụ xưng Tiết độ sứ. Có thuyết cho rằng người thay thế Tăng Cốt làm Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ là Chu Toàn Dục(10

(6) Tây Xuyên : nay là tây bộ tỉnh Tứ Xuyên (Tứ Hải và Tứ Nguyên).

(7) Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 16b-17a : Đường Hy Tông Kiến Phù nhậm

ất vị, tể Tây Xuyên Tiết độ sứ. Biền di tằng tôn Cao Tâm tằng vi tiên phong, can mạo thí thạch, vi sĩ tốt xứng, biểu tiến đại trấn ngã thổ. Đường đế tằng chi. Tại trấn cộng thập tam niên : Biền tự Hàm thông bình tuất chi giáp ngo; Tâm tự Kiên Phù ất vị chi mậu tuất = Hiệu Kiến Phù thứ 2 đời Đường Hy Tông, (Cao Biền) đổi làm Tây Xuyên Tiết độ sứ. Tằng tôn (cháu gọi bằng ông chú hoặc ông bác) của Biền là Cao Tâm thường đánh giặc di tiên phong, xông pha tiền đàn, để cho sĩ tốt noi theo, cho nên Biền dâng biểu tiến cử Tâm thay mình để trấn thủ đất nước ta. Vua Đường chấp thuận. (Biền và Tâm) ở trấn 13 năm : Biền từ năm Bính Tuất(866) đến năm Giáp Ngọ(874) hiệu Hàm Thông; Tâm từ năm ất vị(875) đến năm Mậu Tuất(878) hiệu Kiến Phù. Khâm Định Việt Sử (tiên biên, quyển 5, tờ 13a), Đại Việt Sử Ký tiền biên(ngoại kỷ, quyển 6, tờ 21b-22a) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu(quyển thượng, tr. 301-302) đều chép đại khái như thế. Đối chiếu với Tân Đường Thư(quyển 224 hạ, tờ 3b) và An Nam Chí Nguyên(quyển 2, tr. 163).

(8) Tư trị thông giám, quyển 253, tờ 33a, chép việc xảy ra vào tháng 3 năm Quang Minh thứ nhất có câu : An Nam quân loạn, tiết độ sứ Tăng Cốt xuất thành tự chi = Quân An Nam làm loạn, Tiết độ sứ Tăng Cốt phải ra khỏi thành để tránh họ. Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ quyển 5, tờ 17a : Canh tý(Đường Hy Tông) Nghiễm

Quảng Minh nguyên niên), xuân tam nguyệt, ngã phủ quân loạn, Tiết độ sứ Tăng Cồn xuất thành tâu = Năm Canh Tý (hiệu Quảng Minh thứ nhất của Đường Hy Tông tên Nghiễm), quân của phủ ta làm loạn, Tiết độ sứ Tăng Cồn bỏ thành chạy. Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, q.6, tờ 22a : Nam chiếu từ Pháp nhập khấu. Đô hộ Tăng Cồn bỏ Ung phủ. Thủ binh hội = Chúa Nam Chiếu tên là Pháp vào cướp phá. Quan Đô hộ là Tăng Cồn chạy sang châu Ung. Thủ binh tan vỡ An Nam Chí Lược, hiệu bản của Viện Đại Học Huế, phần chữ Hán, tr. 105 : Thời Nam Chiếu Vương Tử Long tốt, từ Pháp tự, tự hiệu Đại Phong Nhân, cử chúng xâm An Nam, Cồn bỏ Ung phủ, thủ binh hội = Lúc bấy giờ vua Nam Chiếu là Tử Long mất, con là Pháp nổi ngôi, tự xưng hiệu Đại Phong Nhân, cử binh xâm phạm An Nam, Cồn chạy sang Ung Châu, đạo quân đồn trú tan rã. Hoàng Việt giáp tý niên biểu, quyển thượng tr. 302 : Nam Chiếu hãm đô hộ phủ, Đường Tiết độ sứ Tăng Cồn bỏ Ung Châu, thổ hào K h ú c Thừa Dụ nhập cứ phủ thành xưng Tiết độ sứ = Quân Nam Chiếu công hãm phủ đô hộ, tiết độ sứ của nhà Đường là Tăng Cồn chạy sang Ung Châu người thổ hào là Khúc Thừa Dụ vào chiếm giữ phủ thành và tự xưng Tiết độ sứ. An Nam chí nguyên, hiệu bản của PQVĐHV, quyển 2, tr. 164 : Hy Tông Kiến Phủ trung, dĩ Cồn đại Cao Tâm vi Tiết độ sứ. Quảng Minh nguyên niên, phủ quân loạn, huy hạ thính Cồn xuất thành tự chi, Cồn bất tòng, nãi thị uy đức, ký nhi quân đạo tự nhị, hàm nghệ phục tội. Cồn tất xá chi, bất vấn. Do thị Đường chư Đạo đồn thú Ung quân gi ả vãng quy Cồn. Cồn phủ nạp chi. Nhân hồ vi "Tăng thượng thư". Hậu soạn Giao Châu ký hành vu thế. Tại trấn thập tứ niên : tự Kiến Phủ mẫu tuất chi Đại thuận tân hội dã = Trong niên hiệu Kiến Phủ (874-879) đời Đường Hy Tông, nhà Đường dùng (Tăng) Cồn làm Tiết độ sứ thay cho Cao Tâm. Quân phủ đô hộ làm loạn; huy hạ xin Cồn tránh ra ngoài thành, nhưng Cồn không nghe lấy uy đức mà phủ dụ, bọn trộm giặc tự giải tán và đến chịu tội. Cồn tha hết, không hỏi đến. Do đó, các đạo binh đồn trú ở châu Ung đều theo về với Cồn. Cồn vỗ về và thu nạp hết. Người ta gọi Cồn là "Tăng thượng thư". Sau Cồn có soạn sách Giao Châu ký lưu hành đời Cồn ở trấn 14 năm : từ năm Mậu Tuất (878) hiệu Kiến Phủ (đời Đường Hy Tông) đến năm Tân Hợi (891) hiệu Đại Thuận (đời Đường Chiêu Tông) Khâm Định Việt Sử tiền biên, quyển 5, tờ 13ab cũng chép theo An Nam chí nguyên. Nay ta hãy chiết trung các thuyết trên để lập luận như sau : Ngoại trừ An Nam chí nguyên và Khâm Định Việt Sử (chép theo An Nam chí nguyên), các sách Tư trị thông giám, Đại Việt Sử Ký toàn thư, Đại Việt Sử Ký tiền biên, An Nam Chí Lược và Hoàng Việt giáp tý niên biểu đã chép Tăng Cồn đã bỏ thành mà chạy trong lúc ở An Nam có biến loạn. Nếu Tăng Cồn không bỏ thành chạy thì làm sao Khúc Thừa Dụ vào chiếm cứ được thành và xưng là đô tiết độ sứ ?

Còn bảo rằng Tăng Cồn bỏ chạy vì quân Nam Chiếu công hãm phủ thành, thì lẽ nào Khúc Thừa Dụ vào chiếm thành mà không đụng độ với quân Nam Chiếu ? Ta cũng không thể đưa ra giả thuyết : quân Nam Chiếu giao lại phủ thành cho Khúc Thừa Dụ. Vậy, ta chỉ có thể lý luận rằng : năm 880, quân phủ đô hộ nổi loạn trong số đó lẽ dĩ nhiên có nhiều quân bản xứ đạo binh đồn trú của nhà Đường tan rã; trước tình thế nguy cấp, Tiết độ sứ Tăng Cồn phải bỏ thành chạy về Ung Châu; quân bản xứ chiếm cứ phủ thành và ủng hộ thổ hào Khúc Thừa Dụ xưng tiết độ sứ.

(9) Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, q.6, tờ 23a : Bình Dân, Đường Thiên Hựu tam niên, xuân chinh nguyệt, Đường Gia Tĩnh Hải Quận Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ đồng bình chương sự Tiên thị Giao Châu loạn, Tiết độ Tăng Cồn khí thành Bắc quy; Khúc Thừa Dụ dĩ thổ hào tự xưng Tiết độ sứ, thỉnh mệnh ở Đường, Đường Đế nhân nhi thụ chi = Năm Bình Dân, hiệu Thiên Hựu thứ 3, mùa Xuân, tháng giêng, nhà Đường gia hàm đồng bình chương sự cho Tĩnh Hải Quận Tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ. Trước đó, ở Giao Châu có biến loạn, Tiết độ sứ Tăng Cồn bỏ thành chạy về Bắc (Trung Quốc); người thổ hào Khúc Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ, xin mệnh lệnh ở nhà Đường, vua Đường nhân đó mà trao chức cho Thừa Dụ. Khâm Định Việt Sử tiền biên quyển 5, tờ 14a) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, trang 308) cũng đều chép như thế.

(10) An Nam Chí Nguyên, hiệu bản của PQVĐHV quyển 2, trang 164 : Chu Toàn Dục, Đường chế nguyên súy phủ Chu Toàn Trung chi huynh dã. Sơ tòng Cao Biền phá Nam Chiếu hữu công phog quân tư mã. Chiêu Tông Cảnh Phúc nguyên niên đại Tăng Cồn vi Tiết độ sứ, tiên đồng bình chương sự. Hậu Toàn Trung tâu Dục công (tráng) phác vô năng, thỉnh tời chi. Tại trấn thập tam niên: tự Cảnh Phúc nhâm tý chí Thiên Hựu giáp tý dã = Chu Toàn Dục là anh của nguyên súy Chu Toàn Trung. Lúc đầu (Dục) theo Cao Biền đánh Nam Chiếu, lập được chiến công, được phong chức tư mã. Năm Cảnh Phúc thứ nhất (892) đời Đường Chiêu Tông, (Dục) thay Tăng Cồn làm Tiết độ sứ, được tiến hàm đồng bình chương sự. Sau Toàn Trung tâu với vua Đường rằng Dục là kẻ dẫn loạn, không có tài cán gì, xin bắt tội. Dục ở trấn 13 năm : từ năm Nhâm Tý (892) hiệu Cảnh Phúc đến năm Giáp Tý (904) hiệu Thiên Hựu (đời Đường Chiêu Tông). Cựu Ngũ đại sử, quyển 12, tờ 1a, chép Chu Toàn Dục có làm Tổng C h á u Tiết độ sứ. Tống châu nay là phủ Quy Đức tỉnh Hà Nam, Trung Quốc (xem chữ trong Khang Hy từ điển, tập dẫn, bộ miên bốn nét). Tân Ngũ đại sử quyển 13, tờ 3a, chép Chu Toàn Dục có làm Tổng C h á u chức Lĩnh Nam Tây Đạo Tiết độ sứ. Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 17a, chép rằng : "Mùa Xuân năm Thiên Hựu thứ 2 (905),

xem tiếp trang 13

Dịch giả

LÊ HUY THIÊN

BẮC DU CHƠN VÕ

HỒI THỨ TƯ

Diệu Lạc (1) giả hình giúp chúa

Nói về ông Diệu Lạc thiên tôn ở trên mây thấy Ngọc Đế làm vua nước Kỳ Xà, e sa đấ m hông trần khoái lạc không tu hành trở l a i cảnh tiên. Lại thêm nước loạn giặc dữ, l ò ng vua lo việc cầu hiền, cũng nên xuống cứu giá. Nghi rồi liền biến ra thấy đạo sĩ, xuống lầu Ngũ Phụng lãnh bằng chiêu hiền.

Khi ấy quan giữ bằng vào tâu rằng: "Có đạo sĩ lãnh bằng". Vua Định Đại truyền chỉ đòi đạo sĩ vào đền, phân hỏi rằng: "Khanh có tài năng mới dám lãnh bằng văn của trẫm, chẳng h a y khanh dùng phương chi mà dẹp Phiên b i nh?" Diệu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Bản đạo có học phép tiên, nên biết kêu mưa hú gió, làm cho đá chạy cát bay, phép biến hóa vô cùng lo c h i dẹp giặc Phiên chẳng đặng? Nếu bệ hạ dụng việc binh cơ, thì tôi dẹp giặc Phiên như gió thổi rạp cỏ, nội một trận cũng đủ thành công. Vua Định Đại mừng rỡ phân hỏi rằng: "Chẳng hay khanh dụng bao nhiêu binh tướng?" Diệu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Bản đạo một mình cõ đủ, phải dùng binh tướng làm chi". Vua Đ i nh Đại phân hỏi rằng: "Binh Phiên năm vạn, chiến tướng mấy mươi, một mình khanh làm sao mà cự lại? Trẫm e một mình không sánh cấ vạn, ít phải thua đông chẳng?" Diệu Lạc thiên t ò n tâu rằng: "Cắt cổ gà lựa phải dao phay, tôi chẳng dụng phép nhiệm làm chi, dùng t i ê u thuật(2) cũng đủ trừ giặc ấy, xin Bệ hạ đừng lo mà nhọc lòng rộng, bởi tôi dùng cây cỏ làm binh, gió mưa làm tướng, đá cát làm khí giới, đánh phép nội một giờ, nên đem binh theo chũ những vô ích mà thôi, lại e bị ngộ tử(3) trog cơn hỗn chiến, nên tôi chẳng dụng tướng binh. Vua Định Đại phân rằng: "Như vậy thì khanh ra ái Giao Kiêm, truyền chỉ cho Sĩ N ả ng nguyên soái hay, rồi khanh sẽ đón thân hỗn chiến?". Diệu Lạc thiên tôn phụng chỉ, tử tạ ra Giao Kiêm Quang.

Nói về Sĩ N ả ng nguyên soái từ khi ra Giao Kiêm Quang là ái địa đầu, đánh không lại P h i ê n tướng, cứ thủ thành mà đợi cứu binh.

Ngày kia thấy đạo sĩ bay vào trước tướng, Nguyên soái và chư tướng kinh hãi! Diệu Lạc thiên tôn cười rằng: "Bản đạo phụng chỉ đ i ứng tiếp, các vị đứng hải kinh. Bởi tướng Phiên võ nghệ cao cường, đầu lực không lại. Bản đạo phải dùng thần thông mới đặng. Vậy thì các vị thủ thành, các vị chẳng nên ra trận, e t u ôn nhằm phép mà khó lòng". Sĩ N ả ng nguyên soái và các tướng nghe nói cũng hồ nghi, không d ả m cấ lệnh. Liền dọn tiệc đãi đặng.

Bữa sau Phiên tướng Mao Đáp Hải nghe q u ân thám thính về báo rằng: "Có một thấy đạo sĩ đến ái Giao Kiêm, các tướng nước Kỳ Xà d ò n tiệc đãi cách trọng thể, không rõ cơ chi, tôi phải báo tin". Mao Đáp Hải cười rằng: "Mấy bữa rày chúng nó bẽ thành, không dám ra trận chắc là thỉnh cứu binh. Nay có đạo sĩ đến quấ là quốc sư đõ e có phép thần thông. Song binh quĩ thân tộc; thừa dịp nộ mới tới mình đánh cho mau chắc là toàn thắng. Vậy bao n h i êu binh tướng đồng kéo tới ái một lần, đầu đạo sĩ thần thông bực nào trở tay cũng khĩ kịp". Các binh tướng vâng lệnh, đồng kéo tới Giao Kiêm Quang khiêu chiến.

Khi ấy quân vào báo lại. Diệu Lạc thiên Tôn cười rằng: "Tiểu bang vô lễ khi không mà dám hung binh phạm thượng, làm cho lê dân đõ thân tội chết đã ứng, xin các vị lên mặt thành mà xem tôi trị tội chúng nó?" Nói rồi bỏ tóc xấ cầm gươm thất tinh(4) và búng một chũng nước lạnh; ra trước cửa ái phun nước rồi niêm chú, Tức thời mây kéo mịt mù, tôi tầm trời đ ấ t! Cát bay vào con mắt binh tướng Phiên n g ấ l ả ng, không biết ngó nào mà chạy! Kế đấ ở trên không rớt xuống năm vạn binh chết hết bốn muôn.

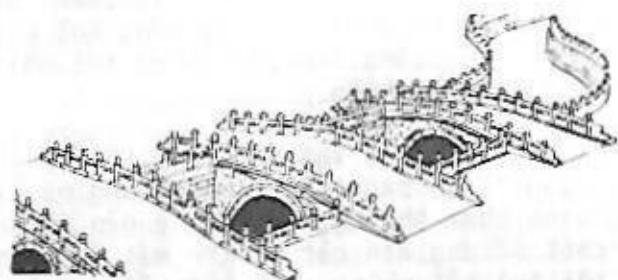
Giây phút gió lặn mây tan, trời đất minh bạch tướng binh nước Kỳ Xà thấy quân Phiên cõn cấ vạn, liền dẫn binh tướng ra, giết quân tướng Phiên không còn sót một mạng! Có bài thơ khen rằng:

*"Cát bay mù mịt đá l ả ng chiêng.
"Quân giặc năm muôn té ngựa nghiêng.
"Binh tướng Kỳ Xà ra giết nguội,
"Thầy phơ tướng sĩ lớn hơn thuyền.*

Khi ấy các tướng lại dao rồi, đồng kéo vào ái. Diệu Lạc thiên tôn truyền ban sũ.

Đoạn về đến trào châu vua, chúc tụng xong xấ tâu việc đấ thắng ban sũ. Vua Định Đại mừng rỡ phân khen rằng: "Nếu không nhờ khanh, thì quấ hơn chẳng cõn xấ tấ. Nay trẫm p h o ng khanh làm chũc Quốc sư, nhứt phẩm đương trào

mà đền công hạng mã(5)". Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Tôi là người tu hành, chẳng ham tước lộc, chẳng qua là thấy Phiến quốc háo sát(6) húng binh vô cố mà làm hại lễ dân, nên tôi dẹp đảng bạo tàn mà cứu muôn dân trong nước lửa. Nay yên rồi, tôi xin từ giả về núi Chung Nam". Vua Định Đại phán rằng: "Như Khanh không khứng làm tôi trẫm, trẫm xin dùng vàng bạc châu báu mà tạ công ơn. Xin Khanh đừng từ chối?" Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Tôi là người tu núi, khát uống nước suối, đói dũa trái cây, dầu lãnh bạc vàng châu báu cũng ích gì. Xin Bệ hạ để của ấy mà chẩn tế cho dân nghèo". Vua Định Đại phán rằng: "Thầy đã từ tước lộc, cũng không lãnh ngọc vàng, trẫm an lòng sao đặng! Vậy trong hai đề u ấy, thầy phải nhậm một điều, thì trẫm mới đẹp ý". Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Sự ban thưởng ngọc vàng, tôi nhất định không dám tuân chỉ, còn như sự làm tôi gặp bấy giờ cũng tiện, tôi xin về núi Chung Nam, hầu gia sư(7) mười năm, rồi sẽ đến đây lãnh chức". Vua Định Đại y tâu, truyền bá quan văn võ đưa đạo sĩ về núi Chung Nam.



Qua năm thứ ba vua Định Đại truyền tuyền mỹ nữ, chọn đặng Lý Hương Nương phong làm hoàng hậu! Ấy là lời nói nên nợ! Cái duyên lai sanh! Từ ấy sắp sau sanh đặng Thái tử và Công chúa.

Đến mười năm nữa, Diêu Lạc thiên tôn n g h i r ả n g: "Ngọc đế giảng sanh lên ngôi báu, thái bình đã mười năm e sa đấm cối trần, khổ v ề cảnh cũ. Khi trước không ép vua Định Đại tu hành, vì chưa sanh Thái tử, nay Thái tử đã bảy tuổi cũng nên xuống độ ngài về cung tiên". Nghi rồi liền hóa ra một thầy đạo sĩ khác đi xuống nước Kỳ Xà.

Khi ấy vua Định Đại đương lâm triều, bá quan đương châu chức, xảy thấy đạo sĩ lạ mặt bước đến sân chầu. Vua Định Đại phán hỏi r ả n g: "Khanh đến trẫm có chuyện chi?" Diêu Lạc thiên tôn ngâm thơ rằng:

"Thi hoàng mộ đạo cũng lưỡng không,
"Hơn võ không ai chi' dẫn đường.
"Hai chúa sẵn lòng từ thế giá."

"Một điều thiếu kẻ độ tây phương.
"Cốt tiên Bệ hạ còn ngôi cũ.
"Phép nhiệm sơn nhơn(8) lãnh buổi hưởng(9).
"Sớm nhường ngại vàng về động báu.
"Vô thường khỏi bắt đến Diêm Vương."

Vua Định Đại nghe qua kinh hải, phán hỏi rằng "Khanh là người chi?" Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Tôi là người ở trên trời". Vua Định Đại phán hỏi rằng: "Khanh vì chuyện chi mà đến trẫm?" Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Thiệt là vì Bệ hạ mới đến đây". Vua Định Đại phán hỏi rằng: "Chẳng hay trẫm có họa phước chi?" Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Bệ hạ là tiên phải dọa, bởi sa đấm vui say ngôi báu, không h ồ i tâm tu hành. Nay gần mãn số, không bao lâu sẽ mắc Diêm Vương; nên bần đạo đến đây độ Bệ hạ tu hành cho thành tiên, kẻo bị đầu thai kiếp khác". Vua Định Đại mừng rỡ phán rằng: "Đặng như vậy thì ơn thầy lớn lắm, xin dạy nẻo tu hành?" Diêu Lạc thiên tôn tâu rằng: "Như Bệ hạ muốn khỏi dọa, thì phải kính bần đạo làm thầy". Vua Định Đại liền xuống ngại làm lễ, Diêu Lạc thiên tôn nói: "Nay đã làm đệ tử, phải y lời ta dạy; mau nhường ngôi cho Thái tử, đi một mình vào núi mà tìm ta?". Nói rồi bèn từ giả. Vua Định Đại theo đưa khỏi n g ọ môn rồi trở lại.

Khi ấy bá quan văn võ đồng tâu rằng: "Chuyện u minh không chắc chi, nghi nào bỏ ngôi trời mà vào núi!" Vua Định Đại không y tâu, truyền chỉ đòi Thái tử vào phán rằng: "Nay trẫm quyết vào núi tu hành, nhường ngôi cho Đông Cung tức vị, vua kinh tôi ngay như trước, chớ nên làm khổ lễ dân?" Phán rồi giao Ngọc ấn cho Thái tử. Thái tử quỳ lay khóc than, x i n Phụ vương ở lại, song vua Định Đại đã quyết chí, chẳng nhậm lời can. Nội cung hay tin ấy đồng ra quỳ lay năn nỉ, vua Định Đại c ử n g chẳng nhậm lời. Liên ban chiếu nhường n g ồi cho Thái tử tức vị bá quan chúc tụng xong xá Tân quân xứng hiệu Khai Minh ngàn niên. Tôn mẹ làm Hoàng thái hậu. Vua Định Đại liền v ề cung lâm bài thơ từ giả vợ con như vậy:

"Con nói ngôi trời chẳng tức chi,
"Chạnh vì một nỗi phải sanh ly,
"Chẳng qua sợ quý Vô Thường đến,
"Từ giả tìm tiên kéo trẻ kị."

Nội cung nghe thơ đều khóc òa! Vua Định Đại mỉm cười không rơi nước mắt! Vua Khai Minh lay và tâu rằng: "Phụ vương mỗi một v i ệ c chánh, nay có con thế vị rồi, như cha muốn tu hành thì lập am rước thầy về ở chung c ử n g đặng, nghi' nào lặn suối trèo non, vợ con a n lòng sao đặng?" Vua Định Đại cười rằng: "Tu hành phải chịu nhọc sức tìm thầy, không l ễ dưỡng nhơn(10) mà thành tiên đặng. V ả l ại đ ả hứa tìm thầy, không lễ thất tín, Hoàng nhichớ khá gián can. Nếu bịn rịn vợ con, không bao

lâu cũng tới số, lấy làm vô ích quá chừng !"
Hoàng thái hậu là Lý Hướng Nương lau n ớ óc
mắt râu rắng: "Bệ hạ đã quyết ý tìm tiên, tôi
không dám can. Xin nán lại một đôi bữa cho
bớt sự thăm thương". Vua Định Đại phán rằng:
"Đại trượng phu quyết lòng, chẳng nên dụ dứ,
trăm có ở lâu cũng vô ích, Trăm vị tình v ở
con bịn rịn, nán ở lại nửa ngày, mai trăm hứ
định tử giả".

Rạng ngày vua Định Đại giả tử, vợ con và bá
quan theo đưa ba mươi dặm. Vua Khai Minh là
Tử Âm thái tử hồi trước, khóc nước mắt n h ư
mưa ! Vua Định Đại khuyên rằng: "Hoàng n h i
than khóc làm chi, bệ nào cầm cha cũng không
đặng, Hoàng nhi phải lo xã tắc làm trọng, hiếu
thuận với quốc mẫu mà thôi".

Nói rồi từ giả đi liền, vua Khai Minh quì lay
khóc ròng tể nãm chết giấc ! Bá quan ã lên
xe rồng, ãm về ãn, lần lần tỉnh lại. Bá quan
khuyên giải, mà vua Khai Minh thoản t h o ản
ngồi lãn.

Thiệt là :
"Muôn việc thế gian ãu thăm thiết,
"Một là tử biệt với sanh ly.

- (1) Diêu Lạc thiên tôn, là một vị thánh sứ.
- (2) Tiêu thuật, phép mọn.
- (3) Ngộ tử, chết lãn.
- (4) Thất tinh : bảy cái sao bắc ãu, c h ạ m
trong gương băng cây.
- (5) Hạng là mô hôi. Hạng mã là cỡi ngựa ãnh
giặc ão mô hôi.
- (6) Háo sát, ưa giết.
- (7) Gia sư, thầy minh.
- (8) Sơn nhơn, người núi. Nhơn ãng băng c h ữ
sơn là chữ tiên.
- (9) Buội hồng, là hồng trần, buội ão, buội
hưởng.
- (10) Dưỡng nhơn, dưỡng sự thanh nhơn.

(Còn tiếp)

tiếp theo trang 10

Chu Toàn Trung cho Giao Châu Tiết ão sứ ãng
bình chương sự Chu Toàn Dục là người ãn ãn
không có tài năng, xin làm tội". Đại Việt Sử
Ký tiền biên, ngoại ký, quyển 6, tờ 23a, cũng
chép như thế và thêm lời chú bằng hai dòng
chữ nhỏ như sau : Toàn Dục, Toàn Trung c h i
huynh, ãặc ão lĩnh, phi thật phó trấn ã =
Toàn Dục là anh của Toàn Trung, chỉ ở xa m ã
lĩnh chức chứ không có ãn trấn thật sự. Trg
Quốc Nhân Danh ãi từ ãiễn, Thượng Hải, Thương
vu ấn thư quán, 1921, tr. 251, trong phần Tiểu
sử của Chu Toàn Dục, không chép Toàn Dục có
làm Tiết ão sứ ở ãu cả. Xem các thuyết ãn
trên, ta có thể xét ãoán như thế này : Khúc
Thừa Dụ thừa cơ biến loạn vào chiếm p h ử
thành và tự xưng Tiết ão sứ, nên lúc ãu chưa
ãược nhà Đường thừa nhận; trong thời g i an
chưa thừa nhận Thừa Dụ, có lẽ nhà Đường ã cho
Chu Toàn Dục lĩnh chức Tiết ão sứ thay Tăng
Cổn, nhưng Toàn Dục chỉ ở xa mà lĩnh chức
thật có sang tại trấn; bởi vậy nên bên này
Thừa Dụ vẫn làm chủ tình thế.

(Còn tiếp)

Thơ



vô thường

Kính tặng Thầy

Thầy ãi Chánh giác vô thường
Thân con ã bước theo ãng tử sanh
Ớn cha nghĩa mẹ sinh thành
Nợ duyên, tiên kiếp con ãnh truân lãn
Quả-nhơn ãn ã dưới trăng thu
Viên miên Bát nhã, thuyên tu ngút ngàn
Chữ ãy chùa miếu tan hoang
Câu kinh, tiếng kệ, ão vàng vãng tanh
Ở thời ãt pháp hoành hành
Giọt mưa cam lộ, ã thành Thái Dương
Đường Thầy, ãng con, hai ãng
Thầy về xứ Phật Tây Phương Liên Trì
Thân con ãn lã Tử Bi
Đãm Sen hoa nở quên ãi mùi bùn.

• THUY KIM Ravensburg

thơ



Tự tình

Mình đến đây phải chăng trả nợ ?
Hay nơi đây sẽ được những lời ?
Lời chửa nợ, nợ sẵn lời,
Vòng tròn lời nợ muôn đời vẫn xoay !

Trong hạnh phúc cũng đây cay đắng,
Ở đắng cay cũng sẵn ngọt bùi
Từng giờ từng phút giây trôi
Ngọt bùi, cay đắng theo đời trầm luân !

Nợ hay lời do mình gây dựng,
Cũng nơi mình chịu đựng mà thôi !
Bỏ hình tâm bóng mù khơi,
Theo sông trăng nổi, mây trời trắng đi !

Bao năm lẫn ở suy tay chỉ,
Đông khung trắng với trĩ hẹp hòi.
Trời cao chẳng để trăng chơi,
Thong dong ngày tháng, mặc đời xôn xao.

Trong một kiếp lo tròn duyên nghiệp,
Bước khỏi ra, giả biệt oan khương.
Đến - đi, chẳng vấn cùng vương
Chẳng lâu cùng luyến, vô thường - có không!

Trông được thế và mong được thế,
Mà khổ thay đâu dễ được nào !
Bao nhiêu vọng động, lao xao
Nhớ thương, giận uất, khổ đau vô vàn !
Đành lòng an hưởng sao đang ?
Quê hương còn đó như tan mất rồi !!

Thôi đành cam chịu thế thôi,
Trầm luân thêm kiếp, nợ lời - trả vay...

• MINH TRANG

Nhớ mùa Thu xưa

Chiều nay mùa rơi râm rứt,
Buồn trông phong cảnh âm u.
Bỗng nghe gió than vì vút :
Mùa Thu đã đến rồi ư ?

Mùa Thu!... Không phải mùa Thu trước,
Chẳng có đêm vàng diệu ánh trăng,
Chẳng có lập lòe đèn đóm rước,
Xôn xao bầy trẻ chạy tung tăng.

Tôi nhớ đèn hoa đèn bướm,
Cỗ bày đẹp vẻ nuông chiều,
Đĩa bánh, đĩa hồng, đĩa cơm,
Ngọt ngào như thể tâm yêu.

Đàn trẻ om sòm như chợ vỡ,
Môi hồng mắt sáng vẻ ngây thơ,
Cười vui xúm xít bên bàn cờ,
Mong điếm mau mau phút đợi chờ.

Đầu ngõ vang vang giọng hát.
Niềm vui rạo rức đơn sơ.
Trong cảnh trắng hiên gió mát,
Trẻ già đều có ước mơ.

Ô hay, mới đây mà xa thế !
Trăng cũ tình xưa bóng chưa mờ.
Thời gian vô cánh tuy nhẹ nhẹ
Mà cứ xa thêm mãi bên bờ.

Nhớ quá... Chao ơi, nhớ quá !
Trời cao bề rộng bao la.
Cảnh đây toàn là cảnh lạ,
Người đây toàn những người ta.

Sắp hai mùa Thu trên nước Đức.
Sửng sa tuyết rụng bao nào nung.
Đã mấy sớm chiều lòng âm ức,
Người đâu ? Cảnh đâu ? Bao nhớ nhung...

• Trung Thu Nhâm Tuất (1.10.82)
HÀ NGỌC DỨ

Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL V

DIE FÜNF SITTENREGELN (PAÑCASTLA)

A. Zur Einführung

Auf die "Zufluchts"-formel folgt dann das feierliche Ablegen der für alle Laienanhänger der Buddhalehre verbindlichen fünf Gelübde oder Sittenregeln (pañcasīla).

Sittenregeln (prātimoksa) bezeichnet die grundlegende moralische Gesetze eines von Buddha gewiesener Befreiungsweg Beschreitender.

B. Themen

- I. Bedeutungen von den Fünf Sittenregeln.
- II. Bestandteile der Fünf Sittenregeln.
 - 1) Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
 - 2) Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
 - 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnenlüste (kāmisamichācāra)
 - 4) Abstehen vom Lügen. (Musāvāda)
 - 5) Abstehen vom Rauschmitteln. (Sura-meraya-majja pamādashāra)

C. Schlußfolgerung

Buddha-Schüler, die die Sittenregeln nicht erfüllen, seien nicht mehr Buddhisten.

Nicht-Buddhisten mögen diese Sittenregeln auch ins Herz nehmen.

II. BESTANDTEILE DER FÜNF SITTENREGELN

1. Abstehen vom Töten (Pànatipàta)
2. Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnàdàna)
3. Abstehen vom unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnesgelüste (kàmisumichàcàra)

Unter dem unrechten Wandel hinsichtlich der Sinnesgelüste verstehen wir grober-, unerlaubter-, unmoralischer Geschlechtstrieb, welcher dem Anderen sexuell Leid bringt.

Die Sittenregeln unterweisen sowohl allen Mönchen und Nonnen (Bhiksu, Bhiksuni) das absolute Abstehen vom unrechtem Wandel der Sinnesgelüste, als auch aller Laieinanhänger (Upàsaka und Upàsika) das Abstehen von der Auflösung einer intakten Beziehung zwischen anderen Menschen, d.h. Verbot aller Praktiken, die zu Gefühlen der Trennung und nicht zur Einheit führen.

Buddha hat den unrechten Trieb der Sinnesgelüste aus folgender Gründen verboten.

a/ Respektieren der Gerechtigkeit

Jeder von uns erstrebt ein behagliches Verhältniss voller Glück und Liebe, um mit seiner Familie dem Ehepartner und den Kindern in Zufriedenheit zu leben.

Warum zerbricht er das familiäre Leben des anderen, schändend jenen würdevollen Ahnenkult, führend jenen Ehepartner und dessen Kinder zur Blutschande !

b/ Aufrechterhaltung der familiären Wonne

Es gäbe nicht anderes als die Erduldung, und Trübheit, wenn einer der Ehepartner untreue gedanken hätte, dieses führte allmählich zum Ehebruch. Die Einheit und Glücklichkeit in der Familie würde zugrunde gerichtet, über Bord geworfen, wenn kein Vertrauen zwischen den beiden Ehepartnern bestände.

Die Kinder aus solch einer unglücklichen Familie die sich ihrer Eltern schämen, Einsam sind und keine Geborgenheit empfinden, Verwandte und Freunde bleiben fern; die berufliche Laufbahn würde gänzlich zerstört; die Nachbarn machen sich darüber lächerlich; die familiäre Würde würde dadurch besudelt.

Die notwendige Vorraussetzung zur Aufrechterhaltung des Familien-Glücks ist ja das standhafte Vertrauen des Ehepaares.

Man sagte :

"Sich lieben ohne Vorbehalt, Vertrauen schenken, miteinander anpassen, jeden so zu respektieren und akzeptieren ohne seine Persönlichkeit einzuschränken, mit den Fehlern und Schwächen des Partners zu leben, miteinander reden und zuhören, gegenseitig helfen seinen Weg im Leben zu finden und versuchen das zu verstehen, miteinander lachen und weinen so kann ein Paar alle Grenzen und Hindernisse überwinden oder sogar den ganzen Ozean ausschöpfen".

Wegen des unrechten Triebes der Sinnesgelüste von einem des Ehepaares werden in dem Familien-Leben die Szenen aus der Eifersucht, dem Streiten, ... hervorgerufen.

Derjenige, der das Familien-Glück des anderen zerbricht, würde erst recht sich selbst und das Eigene zugrunde richten.

Das Abstehen vom unrechten Wandel hinsichtlich der Sinnesgelüste ist deshalb für Buddhisten eine notwendige Voraussetzung zum Hervorbringen und Aufbewahrung des glücklichen Lebens für die eingene Familie sowie die des anderen.

c/ Vermeiden von der Feindschaft und negativer Kausalität Buddha lehrte :

Derjenige, der an leidenschaftlichen Zuneigungen haftet, sei wie ein Fackelträger, der sich gegen den Wind fortbewegt, dem würde bestimmt die Hand verbrannt.

(Auszug aus dem Sutra von 42 Kapitel).

In allen Feindschaften ist die Abneigung durch Betrug bzw. Trennung aus der Liebschaft die grausamste Weise.

3. Das Nutzen vom Abstehen vom unrechten Wandel hinsichtlich der Sinnesgelüste

Praktizieren dieser Sittenregel bringt folgenden Nutzen hervor.

a/ Aus individueller Hinsicht

Sutra über 10 heilsame Taten belehrte uns :

"Wenn Menschen in dieser Welt diese Regel befolgen, ernten sie daraus 4 Nutzen :

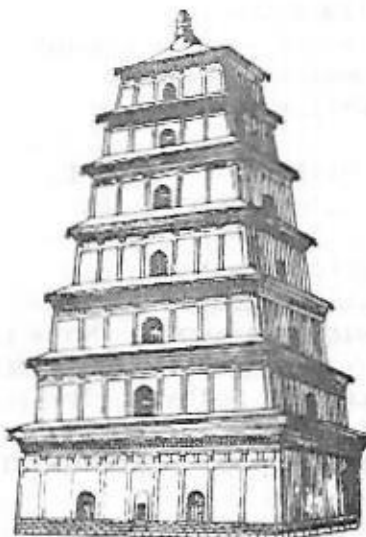
- Die 6 Sinnesvermögen (indriya) sind markellos (Sehvermögen, Gehör, Geruchs-, Geschmack-, und Tastsinn).
- Das ganze Leben mit voller Verehrung.
- Befreiend von allen störenden Gefühlen.
- Ohne Verletzung der ehelichen Bindung.

b/ Aus der gemeinschaftlichen Hinsicht

In einer Gesellschaft, in welcher alle Menschen den unrechten Trieb hinsichtlich der Sinnesgelüste nicht ausüben, wird das Glück selbstverständlich in jeder Familie hervorgebracht. Dieses schafft ein gemeinschaftliches Leben ohne Feindschaft, ohne unmoralische Beziehungen, ohne Haß, und ohne Krieg; alle Kinder werden dadurch gesund und glücklich sein; die Gesellschaft wird gedeihen.

Zusammenfassend wandelt diese Erlebniswelt mit vollen Leiden dadurch eine reine freudige Welt um.

(Fortsetzung folgt)



GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Sofort dachte ich an Upasāka Ananda und seine Frau; ob es ihnen möglich gewesen war Saigon noch vor dem Fall von Baria zu erreichen? Ich hoffte es von Herzen! Nun waren wir in Vung Tau von Saigon abgeschnitten, kein Weg führte mehr nach Saigon, nur die See blieb noch offen. Man sah nun täglich grosse und kleine Boote über das Meer flüchten, zu Schiffen, welche weit draussen warteten. Die Krankenschwester, welche fast täglich zu mir kam, erzählte, dass man hier unten am Strand etwa 70 oder mehr Leichen ertrunkener Flüchtlinge gefunden hatte, höchst wahrscheinlich reiche Leute aus Cholon und Saigon. Die Leichen waren zerfetzt und manche ohne Arme, Beine und Köpfe gewesen. Haie und andere gefährliche Fische hatten die im Wasser schwimmenden und ertrinkenden Flüchtlinge, deren Boot im See-gang kenterte überfallen und verstümmelt; es muss grauenhaft gewesen sein. Die Krankenschwester hatte diese Leichen im Hospital gesehen. Weit draussen sah man ein sehr grosses amerikanisches Schiff liegen, etwa 30 - 50 Kilometer vom Strand entfernt, es nahm Flüchtlinge auf, welchen es gelang, das Schiff zu erreichen. Viele taten es, viele aber auch nicht. Eine Tragödie nach der anderen spielte sich draussen auf dem südchinesischen Meer ab. Durch mein Fernrohr konnte ich einen Teil beobachten. Feindliche Schiffe waren noch nicht zu sehen. Die Vietcong hatte keine nennenswerte Flotte, nur chinesische Dschunken und bewaffnete Fischerboote, doch sie wagten sich damit nicht gegen amerikanische und südvietnamesische Kriegsfahrzeuge, sondern lauerten nur in Hinterhalten. Kanonendonner und Bombenabwürfe wurden deutlicher hörbar, der Krieg klopfte an Vung Tau's Tore. Am 25. April kam noch ein südvietnamesischer Leutnant, den ich schon von früheren Besuchen her kannte. Er kam in Zivil, denn bis jetzt hatte er noch Urlaub. Er bat mich um die Upasakaweihe und wollte mein Schüler werden. Nach einigem Überlegen stimmte ich zu und gab ihm vor dem Buddhaschrein die gewünschte Weihe, während wir aus der Ferne Granatfeuer hörten. Ong H., mein neuer Celas (gespr. Tschela = Schüler) erhielt den Namen Upasāka Anuruddha. Nach der Weihe eilte er bald davon. Ich vermutete, daß er nicht zu seinem Regiment im Mekongdelta zurückging. Der Krieg war verloren, warum noch mehr Menschenleben opfern? Rette sich wer kann!

Die kämpfenden Seiten schienen sich strikt an die Mahlzeiten zu halten, denn um 12 Uhr

mittags bis 2 Uhr war Pause in den Duellen, und um sechs war Pause bis zum anderen Tage.



16.

DER FALL VUNG TAU 'S.

Am Morgen den 30. April genau um acht Uhr hörte ich aus Richtung Long Thanh einen Raketenabschuss. Ich stand gerade in der Küche und machte mir mein Frühstück. Ich dachte: nun geht es los, der Anfang vom Ende auch für Vung Tau und vielleicht auch für mich. Kaum fertig gedacht, schlug die Rakete mit dumpfen Einschlag unten gegenüber der Strasse auf, und ich sah durch die offenen Türen eine Fontäne von Sand, Staub und Steinen in die Luft gehen. Zum Glück wurde kein Schaden angerichtet, obwohl in unmittelbarer Nähe ein kleines leeres Haus stand. Überhaupt hatten schon viele Leute diese Strasse verlassen in Furcht vor dem, was da kommen sollte und nun auch kam. Neue Abschüsse und Einschläge waren zu hören, jetzt wurde es ernst, denn die Einschläge gingen nun gegen diesen Berg und nicht weit von mir ab. Ich schloss alle Türen und legte mich, in meinem Büro auf eine Gummimatratze, eine andere legte ich über mich als Schutz gegen eventuelle Steine oder herabstürzen des Dach. Den ganzen Tag wurde gefeuert und viele Einschläge machten das Vihāra und Institut erzittern. Steine und auch Granatsplitter prasselten aufs Dach und gegen die Wände. Der Tod sass mir im Nacken, ohne Zweifel. Das aus leichtem Material bestehende Dach fiel teilweise herunter und genau dort, wo ich unter der Matratze sass. Viel Staub und Dreck und Deckenstücke fielen über mich, aber ich blieb unverletzt. Schutzgeister überall, ich fühlte sie und hatte nicht eine Sekunde Angst, und ausserdem hatte ich schon lange jeden Lebensdurst aufgegeben. Plötzlich hörte ich an der Tür, welche zur Veranda führte, einen Aufschlag gegen Metall, das war nahe! Den ganzen Vormittag krachte es um mich, doch um 12 Uhr war Pause. Ich stand auf und machte mein Essen und ich sah, dass einige Granatsplitter durch die Wände und durchs Dach

geschlagen waren, einige dieser kleinen Splitter lagen am Boden. Das ganze Institut war mit einer dicken Schicht Staub bedeckt, eingerahmte Bilder waren von den Wänden gefallen und manche waren zerbrochen. Auch Gegenstände, wie Kessel und Gläser, waren aus ihren Regalen und von ihren Haken gefallen, Fenster waren durch Luftdruck gewaltsam geöffnet worden; ich schloss sie wieder. Ich schaute kurz hinaus ins Freie und sah, dass das tibetische Tschörten unbeschädigt geblieben war - bis jetzt. Um vier Uhr fing die Granatwerferei wieder an. Durch Radio wusste ich schon, dass der Hafen von Vung Tau bereits gefallen war, somit standen die Roten direkt vor der Stadt. Wie ich bemerkte, wurde von der Vung Tau Seite her nicht geschossen. Die Südvietnamesen hatten sicherlich alle Kampfeslust verloren. Am Abend erfuhr ich durch Radio Hanoi, dass Saigon und Vung Tau besetzt seien. Alles war nun wieder still um mich. Was würde jetzt geschehen? Vung Tau sollte in den Vietconghänden sein, würde man mich verhaften oder mich im ersten Augenblick der Bitterkeit gegen Europäer und Amerikaner sofort erschießen? Alles war möglich, ich war auf's Schlimmste gefasst. Die ganze Zeit hörte ich das Radio Hanoi, aber auch BBC und die "Stimme Amerikas", letztere wussten noch nichts über den Fall Vung Tau's. Mit dem Fall dieser Stadt war der Krieg praktisch zu Ende, die Roten hatten gesiegt! Dreissig Jahre Krieg waren zu Ende, oder beinahe zu Ende.

Am Abend meldete dann auch Hanoi, dass es nur noch an wenigen Stellen im Mekongdelta Widerstand gäbe.

Der Präsident, seine Familie und einige hundert seiner ehemaligen Minister und Beamten flohen nach Taiwan und hinterliessen ein von ihnen ausgebeutetes und verarmtes Land. Nguyen Cao Ky, ehemaliger Luftwaffen-Vizeadmiral von eigenen Gnaden, suchte fast als letzter das Weite; ich glaube, er flog nach den USA. "Big Minh" der alte General, welcher 1963 Diem stürzte hatte die Regierung übernommen, kapitulierte aber ein paar Tage später vor den Vietcongs - um Saigon ein Blutbad zu ersparen. Einige "die hard", katholische Truppeneinheiten, hielten noch im Mekongdelta aus, denn sie hatten nur noch ihr Leben aufs Spiel zu setzen, sie zogen den Tod der Gefangenschaft vor.

Eine ältere Frau kam und sagte, dass ich sofort die blaurote Vietcongflagge mit gelben Stern hissen müsse und ausserdem die

nordvietnamesische rote Flagge mit dem gelben fünfeckigen Stern; sie hatte beide mitgebracht. Wohl oder übel hisste ich diese Flaggen an dem Mast: neben der buddhistischen die Vietcongflagge, und rechts vor meinem Büro die nordvietnamesische. Ob mich diese Flaggen schützen würden? Ich bezweifelte es.

Am Nachmittag kamen zwei Vietcongs in grünen Uniformen und Schlapphüten herauf, in den Händen hielten sie russische Maschinenpistolen. Einer der Vietcongs grinste. Ich ging ihnen entgegen und öffnete die Gartentür, um sie zu einer Tasse Tee einzuladen. Sie blieben aber vor dem Tor stehen und wollten nicht hinauf ins Institut kommen, statt dessen spähten sie argwöhnisch hinauf zu den Felswänden. Sie hatten allen Grund dazu, denn wie ich selbst gesehen hatte, fuhren am 29. April eine Kolonne Lastwagen mit südvietnamesischem Militär den Berg hoch; auch die Elitetruppe unten im Militärpolizeiposten verzog sich in die Berge, scheinbar hatten sie noch nicht die Waffen gestreckt, eine für mich ebenfalls gefährliche Situation, zumal ich schon letzte Nacht Fussritte hinter dem Vihara gehört hatte. Der Vietcong trug keine Schuhe, sondern lautlose schwarze Gummisandalen, also mussten es südvietnamesische Soldaten gewesen sein, welche vielleicht nach Trinkwasser suchten.

Die zwei Bo Doi's, Dschungelkämpfer, wie sich die Vietcongs selbst zu nennen pflegten waren noch ziemlich jung, einer 25 und der andere erst 18 Jahre alt, der erste hatte bereits zehn Jahre Dienst, der jüngere nur zwei Jahre. Der ältere fragte mich, ob ich Amerikaner sei; ich sagte ihm, ich sei Deutscher, darob grinste er noch breiter. Sie machten kehrt und sagten, dass sie morgen wiederkommen würden - ohne Waffen.

Na, das war nochmal gut gegangen, ich war weder erschossen noch verhaftet worden, fast unglaublich. Radio Hanoi hatte, wie ich selbst gehört hatte, Befehl gegeben, dass kein FNL (Vietcong) eine Pagode oder Kirche betreten und keine Ausländer belästigen solle. Ob sich alle Vietcongs und nordvietnamesischen Soldaten an diesen Befehl halten würden?

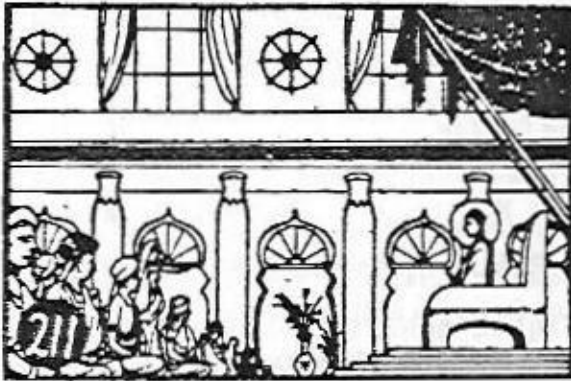
(Fortsetzung folgt)



Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)

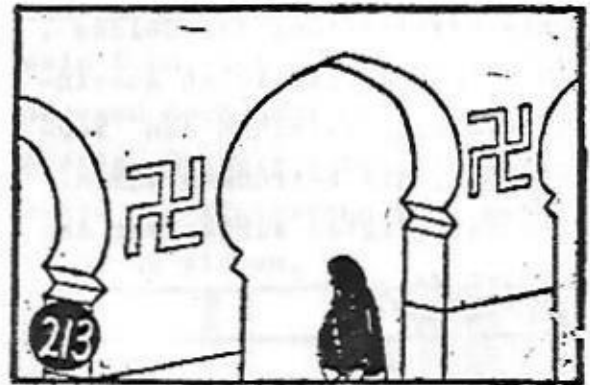


In dieser verzweiflungsvollen Situation blieb der Beschuldigte still und anstandlos. Alle warteten ungeduldig von Buddha eine Stellungnahme. Doch der Meister blieb treu dabei, nichts zu sagen. In diesem kritischen Moment fiel aus dem Bauch der angeblichen Schwangeren ein Holzuntersatz. Die Sache klärte sich von selbst. Und die Scheinwerdende Mutter verschwand sofort aus dem Vihara.



Nach diesem Mißerfolg dachten sich alle, daß die Brahmane damit aufhörten, Buddha weiter zu belästigen. Doch der Schein trug. Gegen diese Erwartung bereiteten

sie ihm eine neue Intrige. Diesmal ließen sie eine andere Frau zum Vihara kommen und dort zwei Tage lang verbringen.



Auf dem Heimweg wurde die Besucherin des Vihara's von bezahlten Verbrechern getötet. Später wurde angezeigt, daß ein Mönch die Frau beim Verlassen des Vihara's mißbraucht und umgebracht haben sollte. Bei der Untersuchung fand man die Leiche der vermißten Person im Garten des Vihara's. In der Öffentlichkeit gab es zwei deutliche Tendenzen. Die eine glaubten an das Verbrechen eines von den Mönchen, die anderen dachten gleich an eine neue Inszenierung der Häretiker. Dabei sagte Buddha: "Töten ist eine böse Tat. Wie die Wahrheit aussieht, ist eine Frage der Zeit. Schlechte Samen bringen niemals gute Früchte. Wer Unheil gesät hat, erntet Bitterkeit".



Es dauerte nicht mehr lang bis die Mordsache ans Tageslicht kam. Bei einer heftigen Streit in einem Wirtshaus, auf Grund der Schlechtverteilung des Geldes, kam es zur körperlichen Auseinandersetzung zwischen den Verbrechern, die betrunken waren. Alle Beteiligten wurden vor dem Richter geführt.



Um Strafmilderung zu bekommen gestanden sie die Tötung der Besucherin des Viharas. Strafrechtlich wurden die Brahmane als mittelbare Täter, die die Bande der Verbrecher als Werkzeug benutzt hatten, verurteilt. Bemessen an den Tatbestand erhielt jeder Beteiligte seine regelrechte Straf. Seitdem wurde der Buddhismus noch mehr geehrt und die Zahl der Anhänger wächst immer weiter.



Als Mitglied der Mönchsgemeinde seit einiger Zeit hatte Devadatta, der Vetter des Buddhas, noch keinen Verdienst erhalten. Mit dem Mönchwerden beabsichtigte er nicht die Erlösung zu finden, sondern als Machtkämpfer um die Leitung der Gemeinde zu bewirken. Eines Tages sagte er zu Buddha: "Ich möchte zuerst die Magie erlernen". Daraufhin antwortete der Meister: "Die strenge Haltung der Ordensregel gibt den Mönch die Geistesruhe, daraus entsteht das transzendente Wissen, das wichtiger ist als das Erlernen der Magie".



Ungeachtet dieser Belehrung folgte er heimlich Ananda, um die theoretische Kenntnisse dieses Mitbrüders mitzubekommen. Nachdem er einige Methoden erworben hatte, setzte er sie in der Praxis um. Er hatte auch vor, den Meister zu beseitigen. Für die Tatausführung des Mordes wurden acht Landstreicher miteingezogen



Einmal als der Meister in Geierberg meditierte, gab Devadatta den Tötungsbefehl. Die acht Landsteicher kamen dem Buddha näher. Aber vor dem charismatischen Ausstrahlung des Erhabenen empfand sie alle einen tiefen Respekt. Sie gaben das mörderische Vorhaben auf und knieten nieder.



Devadatta plante erneut ein Attentat auf Buddha. Am Fuß der Geiergebirge führte ein Pfad entlang. Hier wählte der Vetter des Meisters seinen Tatort. Als eines Tages Buddha mit Ananda der Serpentine zum Dorf hinunter folgte, stieß Devadatta von Oben einen riesigen Felsblock runter. Ananda konnte rechtzeitig ausweichen, während Buddha seine Schritte fortsetzte und das Fels neben seinen Füßen rollte.

Ein Fehlschlag folgte einem anderen. Dennoch versuchte Devadatta einen neuen Anschlag auf



Buddha zu unternehmen. Er suchte nach einer undichten Stelle im Bekanntenkreis des Buddha und fand, obwohl der König Bimbisala ein Strengbuddhister war, war sein Sohn, der Prinz Ajatasattu, dagegen noch sehr naiv und machtgierig. Deshalb versuchte Devadatta den Königssohn auf seine Seite zu ziehen.



Es gelang Devadatta tatsächlich das Vertrauen des jungen Prinzen Ajatasattu zu gewinnen. Seitdem verbrachte er seine Tage im Palast und demonstrierte seine magische Macht, um die volle Achtung des Fürstensonnes zu erobern. Nach und nach war Devadatta noch größer und mächtiger als Buddha. Beide waren der Auffassung, daß es kein Hindernis mehr gab für den Sohn, seinen Königsvater zu stürzen und für Devadatta, den Buddha aus seiner Position heraus zu drängen, um selbst die Leitung der Mönchsgemeinschaft zu übernehmen.

(Fortsetzung folgt)

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Moli Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

DREI WUNDERBARE ANTWORTEN

Am Schluß dieses Briefes möchte ich eine Kurzgeschichte von Tolstoi nacherzählen, die Dich und Deine Freunde erfreuen wird. Es ist die Geschichte von den drei Fragen eines Kaisers. Tolstoi kannte den Namen des Kaisers nicht ...

Eines Tages erkannte ein Kaiser, daß er niemals in irgendeiner Sache irren würde, wenn er nur die Antwort auf die folgenden drei Fragen wüßte. Diese Fragen waren:

Wann ist die geeignetste Zeit, um jede Angelegenheit zu verrichten?

Welches sind die wichtigsten Menschen, mit denen man zusammenarbeiten soll?

Was ist die wichtigste Sache, die man zu allen Zeiten tun soll?

Der Kaiser veröffentlichte eine Bekanntmachung im ganzen Kaiserreich, in der er verkündete, daß jeder, der diese drei Fragen beantworten könne, eine hohe Belohnung erhalte. Viele lasen die Bekanntmachung und machten sich sofort zum Palast auf den Weg. Jeder hatte eine andere Antwort, die er dem Kaiser anbot.

Als Antwort auf die erste Frage empfahl einer, der Kaiser solle sich einen vollständigen Zeitplan anfertigen, der jede Stunde, jeden Tag, jeden Monat für die Erledigung bestimmter Aufgaben vorsah, und er sollte dann diesen Plan buchstabengetreu befolgen. Nur dann könne er hoffen, jede Arbeit zur rechten Zeit zu verrichten. Ein anderer Mensch erklärte, daß es unmöglich sei, im voraus zu planen und daß der Kaiser alle nichtigen Vergnügungen aufgeben und sich allem gegenüber aufmerksam verhalten solle, damit er wisse, was er zu welcher Zeit zu tun habe. Wieder ein anderer betonte, daß der Kaiser nie hoffen könne, von sich aus die Voraussicht und die Fähigkeit zu besitzen, die notwendig seien, um zu entscheiden, wann er jede einzelne Aufgabe zu verrichten habe; was er wirklich brauche, sei die Einsetzung eines 'Rates weiser Menschen', und entsprechend ihrem Rat habe er zu handeln.

Doch jemand anders sagte, daß bestimmte Angelegenheiten sofortige Entscheidung verlangten und nicht auf Rücksprache warten könnten; wenn er jedoch im voraus zu wissen wünsche, was sich ereignen werde, so solle er Magier und Wahrsager befragen.

Auch bei der Beantwortung der zweiten Frage gab es keine Übereinstimmung. Einer sagte, daß der Kaiser sein ganzes Vertrauen in Verwaltungsbeamte setzen müsse, ein anderer legte Wert auf Vertrauen in Priester und Mönche, während andere Ärzte empfahlen. Wieder andere setzten ihr Vertrauen in Soldaten.

Die dritte Frage rief eine ähnliche Vielzahl von Antworten hervor. Einige sagten, die Wissenschaft sei die wichtigste Tätigkeit. Andere bestanden auf Religion. Wieder andere behaupteten, militärische Geschicklichkeit sei die wichtigste Sache.

Weil alle Antworten so voneinander abwichen, gefiel dem Kaiser keine, und es wurde keine Belohnung ausgegeben.

Nachdem er mehrere Nächte lang nachgedacht hatte, entschloß sich der Kaiser, einen Einsiedler aufzusuchen, der auf dem Gipfel eines Berges lebte und von dem gesagt wurde, er sei ein erleuchteter Mann. Der Kaiser wünschte den Einsiedler zu treffen und ihm die drei Fragen zu stellen, obwohl er wußte, daß der Einsiedler den Berg nie verließ und daß er dafür bekannt war, nur die Armen zu empfangen und sich weigerte, irgend etwas mit reichen oder mächtigen Personen zu tun zu haben. Deshalb verkleidete sich der Kaiser als einfacher Landarbeiter und befahl seinen Dienern, am Fuße des Berges auf ihn zu warten, während er den Hang allein emporstieg, um den Einsiedler aufzusuchen.

Als er den Aufenthaltsort des heiligen Mannes erreicht hatte, fand der Kaiser den Einsiedler, der vor seiner kleinen Hütte den Garten umgrub. Als der Einsiedler den Fremden erblickte, nickte er grüßend und grub weiter. Die Arbeit fiel ihm offensichtlich schwer, weil er ein alter Mann war, und jedesmal, wenn er seinen Spaten in den Boden stieß, um die Erde zu wenden, seufzte er tief.

Der Kaiser näherte sich ihm und sagte: "Ich bin hierhergekommen, um Deine Hilfe bei der Beantwortung von drei Fragen zu erbitten:

Wann ist die geeignetste Zeit, um jede Angelegenheit zu verrichten?

Welches sind die wichtigsten Menschen, mit denen man zusammenarbeiten soll?

Was ist die wichtigste Sache, die man zu allen Zeiten tun soll?

Der Einsiedler hörte aufmerksam zu, aber er antwortete nicht. Er klopfte dem Kaiser nur auf die Schulter und grub weiter. Der Kaiser sagte: "Du mußt müde sein, laß mich Dir helfen." Der Einsiedler dankte dem Kaiser und reichte ihm den Spaten, dann setzte er sich auf den Boden, um auszuruhen.

Nachdem er zwei Beete umgegraben hatte, hörte der Kaiser auf, wandte sich dem Einsiedler zu und wiederholte seine drei Fragen. Aber der Einsiedler antwortete immer noch nicht, statt dessen stand er auf, wies auf den Spaten und sagte: "Warum ruhst Du Dich jetzt nicht aus? Ich kann Dich wieder ablösen." Aber der Kaiser reichte ihm den Spaten nicht, sondern grub weiter. Eine Stunde verging, zwei Stunden vergingen. Schließlich begann die Sonne hinter dem Berg unterzugehen. Der Kaiser legte den Spaten nieder und sagte zu dem Einsiedler: "Ich bin hierhergekommen, um Dich zu bitten, mir meine drei Fragen zu beantworten. Aber wenn Du mir keine Antwort geben kannst, dann laß mich das wissen, so daß ich mich auf den Heimweg machen kann."

Der Einsiedler hob den Kopf und fragte den Kaiser: "Hörst Du jemanden heranlaufen?" Der Kaiser wandte den Kopf um, und plötzlich sahen sie beide einen Mann mit einem langen, weißen Bart, der aus dem Wald auftauchte. Er rannte schnell, wobei er seine Hände gegen eine blutende Wunde an seinem Bauch preßte. Der Mann lief auf den Kaiser zu, bevor er bewusstlos auf den Boden fiel, wo er stöhnend liegenblieb. Nachdem sie die Kleidung des Mannes geöffnet hatten, sahen der Kaiser und der Einsiedler, daß dem Mann eine tiefe Wunde zugefügt worden war. Der Kaiser säuberte die Wunde gründlich und benutzte dann sein eigenes

Hemd zum Verbinden; aber das Blut durchtränkte es innerhalb weniger Minuten. Er spülte das Hemd aus und verband die Wunde ein zweites Mal, und er wiederholte dies solange, bis der Blutstrom gestoppt war.

Der verwundete Mann kam wieder zu Bewußtsein und bat um Trinkwasser. Der Kaiser eilte zum Fluß hinunter und brachte einen Krug frischen Wassers zurück. Inzwischen war die Sonne untergegangen, und die Nachtluft begann, kalt zu werden. Der Einsiedler reichte dem Kaiser eine Hand, und sie trugen den Mann in die Hütte, wo sie ihn auf das Bett des Einsiedlers legten. Der Mann schloß seine Augen und lag ruhig. Der Kaiser war vom langen Tag des Bergsteigens und Gartengrabens erschöpft. Als er sich gegen die Eingangstür lehnte, schlief er ein. Beim Erwachen war die Sonne bereits über dem Berg aufgegangen. Für einen Augenblick vergaß er, wo er sich befand und weswegen er hierhergekommen war. Er schaute zum Bett hinüber und erblickte den verwundeten Mann, der ebenfalls verwirrt um sich blickte. Als er den Kaiser sah, starrte er ihn fest an und sagte in schwachem Flüsterton: "Bitte vergebt mir!"

"Aber was hast Du getan, daß ich Dir vergeben sollte?" fragte der Kaiser.

"Ihr kennt mich nicht, Majestät, aber ich kenne Euch. Ich war Euer eingeschworener Feind, und ich hatte das Gelübde abgelegt, mich an Euch zu rächen, denn während des letzten Krieges tötetet Ihr meinen Bruder und beschlagnahmet mein Eigentum. Als ich erfuhr, daß Ihr allein zum Berg kommen würdet, um den Einsiedler zu besuchen, beschloß ich, Euch auf dem Rückweg zu überraschen und zu töten. Aber nachdem ich sehr lange gewartet hatte, gab es immer noch kein Zeichen von Euch, und so verließ ich meinen Hinterhalt, um Euch zu suchen. Aber statt Euch zu finden, kam ich Euren Dienern in die Quere, die mich erkannten und ergriffen, wobei sie mir diese Wunde zufügten. Glücklicherweise entkam ich ihren Händen und rannte hierher. Wäre ich Euch nicht begegnet, so wäre ich jetzt sicherlich tot. Ich hatte die Absicht, Euch zu töten, und statt dessen rettetet Ihr mir das Leben! Ich bin über alle Worte hinaus beschämt und dankbar. Wenn ich am Leben bleibe, gelobe ich, Euer Diener für den Rest meines Lebens zu sein, und ich werde meine Kinder und Enkel bitten, das gleiche zu tun. Bitte gewährt mir Verzeihung, Majestät!"

Der Kaiser war hocheifrig, daß er mit einem ehemaligen Feind so leicht ausgesöhnt worden war. Nicht nur vergab er dem Mann, er versprach auch, ihm all sein Eigentum zurückzugeben und ihm seinen Leibarzt und seine Diener zu schicken, die ihn solange umsorgen sollten, bis er wieder vollkommen geheilt war. Nachdem der Kaiser seinen Dienern befohlen hatte, den Mann nach Hause zu bringen, kehrte er zum Einsiedler zurück. Bevor er sich in seinen Palast zurückbegab, wollte der Kaiser seine drei Fragen ein letztes Mal wiederholen. Er traf den Einsiedler, als dieser Saaten in die Erde säte, die sie am Vortage umgegraben hatten. Der Einsiedler richtete sich auf und schaute den Kaiser an: "Aber Eure Fragen sind doch schon beantwortet worden."

"Wie denn?" fragte der Kaiser überrascht.

"Wenn Euer Majestät gestern nicht Mitleid mit meinem Alter gehabt und mir geholfen hätte, diese Beete umzugraben, so wäret

Ihr von diesem Mann auf dem Heimweg angegriffen worden. Dann hättet Ihr es schmerzlich bedauert, nicht bei mir geblieben zu sein. Deshalb war die wichtigste Zeit die Zeit, in der Ihr die Beete umgrubt, und der wichtigste Mensch war ich, und die wichtigste Beschäftigung bestand darin, mir zu helfen. Als der verwundete Mann später hier heraufrannte, war die wichtigste Zeit die Zeit, die Ihr damit verbrachtet, seine Wunde zu verbinden, denn wenn Ihr Euch nicht um ihn gekümmert hättet, wäre er gestorben, und Euch wäre die Gelegenheit entgangen, Euch mit ihm zu versöhnen. Er war gleichzeitig der wichtigste Mensch, und die wichtigste Beschäftigung bestand darin, seine Wunde zu versorgen. Denke daran, daß es nur eine wichtige Zeit gibt, und die ist Jetzt. Der gegenwärtige Augenblick ist die einzige Zeit, über die wir verfügen können. Der wichtigste Mensch ist immer der Mensch, mit dem Ihr gerade zusammen seid, der unmittelbar bei Euch ist, denn wer kann schon wissen, ob Ihr in der Zukunft zu irgendeinem anderen Menschen Beziehungen haben werdet. Die wichtigste Aufgabe besteht darin, den Menschen, der an Eurer Seite steht, glücklich zu machen, denn das allein ist die Aufgabe des Lebens."

Quang, Tolstois Geschichte gleicht den Geschichten in buddhistischen Schriften, und ihr Wert ist nicht geringer als der eines Sutras. Wir sprechen über Sozialarbeit, über den Dienst an Menschen, den Dienst der Humanität, den Dienst an anderen, die weit weg sind - aber oft vergessen wir, daß es gerade die Menschen um uns herum sind, für die wir in erster Linie leben müssen. Wenn Du Deiner Frau Muoi und der kleinen Hai Triêu Âm nicht dienen kannst, wie willst Du es dann schaffen, der Gesellschaft zu helfen. Wenn es Dir nicht gelingt, Hai Triêu Âm glücklich zu machen, wie kannst Du dann erwarten, irgend jemanden sonst glücklich zu machen. Wenn sich alle unsere Freunde in der Schule der Jugend nicht lieben und einander nicht helfen, wen können wir dann lieben, wem helfen? Arbeiten wir für andere Menschen, oder arbeiten wir bloß für den Ruf unserer Organisation?

Sozialer Dienst. Das Wort 'Dienst' ist so ungeheuer groß. Das Wort 'Sozial' ist genauso groß. Laßt uns zuerst zu einem bescheideneren Rahmen zurückkehren: zu unseren Familien, unseren Klassenkameraden, unseren Freunden, unserer eigenen Gemeinschaft. Wir müssen für sie leben, denn wenn wir nicht für sie leben können, für wen sonst glauben wir zu leben?

Tolstoi ist ein Bodhisattva. Aber war der Kaiser selbst imstande, die Bedeutung und Richtung des Lebens zu erkennen? Wie können wir den gegenwärtigen Augenblick leben, genau jetzt mit den Menschen um uns herum leben und ihnen helfen, ihre Leiden zu mildern und ihre Leben glücklicher zu machen? Wie? Die Antwort, Quang, ist diese: Wir müssen uns in der Achtsamkeit üben. Das Prinzip, das Tolstoi lehrt, scheint einfach zu sein; aber wenn wir es in die Praxis umsetzen wollen, müssen wir die Methoden der Achtsamkeit anwenden, um den Weg des Buddha zu suchen und zu finden. Quang, ich habe diese Seiten geschrieben, damit unsere Freunde sich ihrer bedienen können. Es hat viele Menschen gegeben, die über diese Dinge geschrieben haben, ohne sie gelebt zu haben; doch ich habe nur die Dinge niedergeschrieben, die ich selbst gelebt und erfahren habe. Ich hoffe, daß für Dich und unsere Freunde diese Ausführungen zumindest ein bißchen hilfreich auf dem Pfad unseres Suchens sein werden: dem Pfad unserer Rückkehr.

Alkmaar, Februar 1975

(Fortsetzung folgt)

Liên hoàn nghịch vận

Vương chi thơ phú với văn chương
Thêm bận tâm tư lắng việc thường
Kinh kệ trau dồi, câu đúc hạnh
Nghĩa nhân bồi đắp, chữ an khương
Đã bao năm trước không cầm bút
Mà đến ngày nay lại nhập trường
Vui bạn vui thơ tìm tú mới
Gieo vần xướng họa buổi ly hương.

Gieo vần xướng họa buổi ly hương
Gai mắt Thi nhân bực sở trường
Ai đó chuông vàng nơi gác phụng
Minh đây "mảnh chính" chốn rừng khương
Nghiên mài bút luyện, ngày thêm bận
Mò gở chuông khua, tối vẫn thường
Nhấn với bạn thơ cùng bạn đạo
Kinh cầu thành kính mở từng chương.

Kinh cầu thành kính mở từng chương
Nhật tụng trang nghiêm khóa lễ thường
Tín nghĩa khuyên con gương Mạnh Mâu
Nhân hòa dạy cháu nếp Cơ Khương
Sớm chiều xây đắp gìn gia đạo
Ngày tháng chung lo giúp thị trường
Vui thuận cùng chồng tười cội phúc
Đợi ngày trở lại chốn quê hương.

• Tôn Nữ CHUNG ANH
Tây Đức 9-1984

Sắc Không



Muôn sự chẳng ngoài chữ SẮC KHÔNG,
SẮC KHÔNG huyền ảo thật vô cùng,
Đã KHÔNG mà lại thành ra CÓ,
Mà CÓ thì sao lại hóa KHÔNG ?

Thế nào là CÓ, thế nào KHÔNG ?
Luẩn quẫn xem ra cũng một vòng.
Lúc có, lúc không, không lại có,
Khi còn, khi mất, lẽ cùng thông.

Bạc vàng, danh vọng là không,
Chỉ duy cái ĐỨC, cái TÂM là còn.
Ai ơi ! hãy vững tâm son,
ĐỨC, TÂM trong sáng, trường tồn thiên thu.
Cuộc đời, cái bóng phủ du,
Vinh hoa ảo ảnh, đường tu diệu huyền.

• ĐỖ CAO
GE/Janv. 82

Xuân cổ hương

Kính tặng Cao Tiêu và Đan Quế

Năm dài, tháng rộng ghé thăm quê
Vong đở bờ kinh : Tết cận kề
Bãi quạnh, cánh cò loang ánh nắng
Đường mòn, bóng chuối trộn tàng me
Hương đồng, phấn nội cầm chân khách
Quạt gió, đèn trắng chấn lối về
Chôn ấy, dòng đời trôi chậm rãi
Kinh thành nẻo cũ, khói sương che.

Cửa trời hé mở nắng ban mai
Ngày tạnh, bình minh rực cổng ngoài
Gạo trắng đợi chày khua cối giã
Lúa vàng chờ đêm trải sân phơi
Yêu quê, rẫy tặng rau xanh ngắt
Mến khách, vườn dâng trái ngọt bùi
Mưa nắng hai mùa trôi lặng lẽ
Đầu xuân hẹn lại buổi rong chơi.

Ngày lướt dần theo một bóng thuyền
Chập chờn rặng đờ ững ngoài hiên
Mệnh mỏng, bãi sậy, hoa phơi trắng
Trong vắt, dòng kinh, nước diu hiền
Nắng tắt, khách xuôi về viễn xứ
Buồm xa, sấu rớt xuống giang biên
Dáng chiều đong lẳng hồn hoài cổ
Thở nhẹ, xem tan nổi muộn phiền.

Trăng nồn nà treo trên cành lá
Ngày mùa, rơm lúa ngắt thâu canh
Sáng khung cửa ngõ, in phen liếp
Vàng lối vườn sau, ửng lá vàng
Phiên trắng cũ soi tình tuổi đại
Vàng trong nay rực mộng ngày xanh
Sân ngoài trải chiếu, nằm đầu mặt
Kể lẽ xưa sau chuyện chúng mình.

Mỗi bước phiêu lưu, ngán lộ trình
Trời quê tĩnh mịch vẫn chờ anh
Lòng ôm bên chặt nhà thừa tự
Đời chảy xuôi theo nhịp thái bình
Lúa nếp, hương lành bay khắp nẻo
Phủ sa, nước ngọt lượn vòng ranh
Thú nhà mài miệt quên ngày tháng
Chợt thấy ngoài hiên mặt trắng cành.

• HỒ TRƯỜNG AN



Sự bất lực của ngôn ngữ con người

Trong các Kinh Đại Thừa như "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh", "Hoa Nghiêm Kinh", "Lăng Già Kinh" khi tả đến một cảnh giới nào đó, chúng ta thường gặp ba chữ "bất khả tư nghĩ" (khó nghĩ bàn). Vì sao? Làm sao ngôn ngữ của con người có thể diễn tả cảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp thì trên hư không hiện ra các Thiên Long Bát Bộ, các Thiên Vương, Thiên Tử ở các tầng trời, chư Phật chư Bồ Tát đến tham dự nghe kinh với đủ môn trân bảo, tòa sen để trang nghiêm? Một khe trống nhỏ đủ chứa cả một quốc độ, rồi cảnh giới lớn lồng vào cảnh giới nhỏ, cảnh giới nhỏ lồng vào cảnh giới lớn chấp chùng, trùng điệp không lẫn mất vào nhau, mà hiện rõ từng hình ảnh một. Ngồi bên chân Đức Phật, đồ chúng có thể thấy cảnh giới ở mười phương, tâm thức được Đức Phật nâng đỡ để có thể nhìn rõ từng cảnh giới một trong hằng hà sa cảnh giới hiện rõ trước mắt. Trong kinh chỉ tả bao nhiêu đó thôi. Chúng ta đọc lên cũng không sao tưởng tượng nổi. Trí hiểu biết của chúng ta vốn hạn hẹp, chỉ cần thấy ba hình ảnh lồng vào nhau là nhãn quan chúng ta bắt đầu rối loạn, đầu óc ta tê bại khó thể nắm bắt từng hình ảnh một. Trí óc đã bị đóng khung như thế, thì làm sao ta có thể tưởng tượng cái bất khả tư nghĩ kia? Ngôn ngữ của chúng ta cũng chỉ là phượng tiện để diễn tả những gì lọt vào thế giới tri giác của ta, những gì ta nắm được, hiểu được, thấy được, nghe được, sờ mó được, nhận thức được. Ngôn ngữ chỉ diễn tả được CĂN, TRẦN, THỨC qua lục căn (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý) qua lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) qua lục thức (thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác, xúc giác, ý thức). Nhưng bạn ơi, có nhiều cảm giác mà ta cảm

nhận được nhưng chúng ta không thể diễn tả bằng lời, bằng văn tự. Chẳng hạn như hai mùi hương, hương vô quế và hương hoa hồng, ta chỉ có thể diễn tả rằng hương quế cay và ngọt, hương hoa hồng bất ngát. Những ai chưa biết hai mùi hương kia cũng chỉ biết theo sự diễn tả của ta nhưng họ không hiểu hương quế cay ra sao ngọt ra sao vì hương bằng phiến cũng cay và hương mật ong cũng ngọt. Còn cái bất ngát của hương hoa hồng có khác cái bất ngát của hương hoa ngọc lan, hoa hoàng lan hay hoa linh lan ra sao? Người nghệ sĩ (nhà văn) có thể diễn tả tỉ mỉ, nhưng những người chưa cảm nhận cũng chỉ hiểu một cách mơ hồ. Người này hiểu cách này, người nọ hiểu cách nọ và họ không bao giờ họ hiểu đúng ý của người diễn tả huống hồ là hiểu trọn và đích thực của mùi hương? Bạn là nhà văn, bạn tả một khu vườn hoang có cỏ rậm, có dây leo, có cây héo khô. Tôi là dân miền Nam, tôi có thể tưởng tượng cỏ là cỏ rồng châu, cỏ song chằng, dây là dây choại. Anh bạn người Bắc khác lại nghĩ đó là cỏ gà, dây bìm dây sắn. Tôi có thể tưởng tượng khu vườn bạn tả qua một khu vườn mà tôi đã gặp một lần nào rồi. Anh bạn kia có thể tưởng tượng một khu vườn mà anh ta đã thấy tận mắt. Khu vườn trong trí tưởng tượng của tôi cũng có vài nét chung với khu vườn bạn tả, và với khu vườn do anh bạn kia tưởng tượng. Nhưng khi có khu vườn nào đúng với khu vườn nào. Chưa nghĩa không diễn tả được trọn vẹn hình ảnh một khu vườn. Khu vườn trước mắt bạn, để bạn làm đối tượng quan sát và diễn tả cũng chỉ lọt vào nhãn quan của bạn một số hình ảnh, một số khía cạnh chứ không bao giờ cho bạn thấy toàn vẹn hình ảnh của nó. Do đó mà bạn diễn tả thiếu sót. Từ những chỗ thiếu sót đó người đọc trám vào một số hình ảnh mà họ đã từng chứng kiến; bởi vậy khu vườn do bạn tả khi lọt vào trí tưởng tượng của tôi tất nhiên phải khác khu vườn lọt vào trí tưởng tượng của anh bạn kia. Như thế, ngôn ngữ con người bất lực không đủ quyền năng nói được sự thật vì nhãn quan cùng tri kiến của con người. Có giới hạn nhỏ hẹp và thế giới tri giác của con người bị đóng khung.

Bạn cùng tôi xem một khung cảnh, có trăng sao trời nước. Nhưng mà tâm trạng của chúng ta lại khác nhau. Tôi đang buồn, trăng sao sáng làm tôi thấy ớn lạnh, trời bao la làm tôi trống trải, nước mênh mông làm tôi bơ vơ. Còn bạn đang vui. Trăng sao sáng làm bạn thích thú trời bao la làm bạn khoan khoái, nước mênh mông làm tâm hồn bạn mát mẻ. Cũng một khung cảnh, nếu được diễn tả ra, thì nó trở nên đậm nhạt hắt qua ngòi bút của tôi, và nó trở nên thơ mộng, rộn ngập thích thú qua ngòi bút của bạn. Như thế là ngôn ngữ bị lệ thuộc vào sự chiếu cảm, vào tâm trạng con người. Vậy thì đâu là ngôn ngữ đích thực, có quyền năng vô

tận để làm sự thật biểu lộ toàn vẹn hớ bạn?

Như thế viết về những vật cụ thể, có ở ở trong nét tạo hình sờ sờ trước mắt, mà ngôn ngữ của chúng ta còn diễn tả thiếu sót hướng hồ l à diễn tả sự việc về tâm linh, những gì thuộc về nội giới con người? Có ai dám bảo mình tả trọn vẹn một cơn vui, cơn phẫn nộ, niềm y ế u thương, sự ghét giận (thất tình) và lời diễn tả của mình được người đọc hiểu nguyên vẹn? Lộ dạ con người (nội giới) là cả một thế g i ở i huyền ảo, bí hiểm, thay đổi không ngừng (vui đó rồi buồn đó, thương yêu đó rồi ghét bỏ đó và có khi lại bị xung đột bởi nhiều tình c ả m cùng đến một lúc). Chính thật ra đường sự còn chưa nhận rõ tâm trạng của mình vì đã l à phạm phu tâm thức bị màn lưới vô minh che l ấ p, hướng hồ gì kẻ khác có thể hiểu được đường sự. Ca dao có câu :

"Dò sông dò biển dễ dò,

"Nào ai lấy thước mà đo lòng người ?

Bạn đã đọc những tác phẩm phân tích tí mivề tâm trạng qua bộ trường thiên tiểu thuyết "LA RECHERCHE DU TEMPS PERDU" của Marcel Proust hay quyển "LA MODIFICATION" của Michel Butor, hay truyện dài "MỘT MÌNH" của Võ Phiến, hoặc truyện ngắn "KHUÔN MẶT" của Thanh Tâm T u yên hoặc hai truyện ngắn "QUA LỜI CŨ" hoặc "HỒN MA CŨ" của Bình Nguyên Lộc, chúng ta đã bắt gặp các tác giả này phân tích tâm trạng thật tinh tế, thật tỉ mỉ theo kiểu sợi tóc chẻ làm tư, càng đọc càng thích thú. Nhưng chúng ta t ự hỏi có ai dám vỗ ngực rằng mình cũng s ở ng chung một cảnh giới, cùng một tâm trạng với tác giả không ?

Trong pháp môn Thiền, thiền sư dạy đồ chúng không bằng ngôn ngữ, văn tự, chỉ lấy tâm truyền tâm. Vì sao? Trong pháp môn tu thiền, tâm thức thiền giả cởi mở lần màn lưới vô minh, xalìa các uẩn (sự chứa nhóm che lấp ánh sáng t r í tuệ) như sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lìa một uẩn thiền giả đến một cảnh giới mới, mở rộng thêm một số tri kiến mà kẻ phạm phu không thể hiểu nổi, vì số tri kiến đó tách lìa phạm vi tri kiến của kẻ phạm phu vốn đã từng bị nhũy lớp lưới vô minh che lấp. Thiền giả cứ từng chặng cởi mở thọ, rồi tưởng, rồi hành và tới thức, mỗi một chặng đường sự được mở rộng một cảnh giới mới, vì tấm màn sương mù của vô m i n h từng chặng được vén lên, những kẻ phạm p h u làm sao mừng tượng nổi từng cảnh giới ã ó, và ngôn ngữ ở thế gian này vốn nằm trong thế giới kiến thức và tri giác của con n g ười, làm sao mà diễn tả nổi những chặng mà thiền giả đã đi tới? Rồi đến chỗ "đốn ngộ", cả tở lẫn thiền giả chỉ dùng tâm truyền tâm. Hai t ấ m gần cùng một trạng thái, nói theo khoa h ọ c gần cùng một tầng số, dĩ nhiên "tầng số" của tở cao hơn "tầng số" của thiền giả, rồi thì m ộ t tiếng hét, hoặc một cái đập gậy, hoặc một câu nói vớ vẩn của tở, như một con dao, một cuộc

hỏa thiêu đốt sạch màn vô minh vi tế c u ối cùng của thiền giả, nâng tầng số của t h iền giả lên bằng tầng số của tở, hai tầng số giao thoa nhau... Thiền giả đã bước vào đốn ngộ. Câu nói vớ vẩn kia vẫn là câu nói vớ vẩn đối với kẻ phạm phu, kẻ sơ cơ, nhưng cũng như tiếng hét hoặc cái đập gậy là một mật ngữ riêng chỉ có tở và thiền giả hiểu rõ mà thôi, không làm sao cắt nghĩa cho kẻ phạm phu và kẻ sơ cơ hiểu rõ.



Những kẻ Tăng thượng mạn, chưa tu chứng mà đã khoác lác cho mình tu chứng, rồi nói n h iều điều hoang đường, nếu kẻ khác không hiểu thì tốt, mà nếu kẻ khác hiểu sai rồi thực hành sai để rồi rơi vào chỗ tự hại mình, thì kẻ Tăng thượng mạn đã làm mất giống Phật, trở thành kẻ nhất xiển đế... Ở ngành Thông Thiên Học, vì tu theo thiên ngoại đạo, bà Helena Blavatsky đã viết ra cuốn "LA DOCTRINE DIVINE" Giáo Lý Nhiệm Mâu đưa cho độc giả đến chỗ bà t a đã chứng ngộ gồm những thuyết hoang đường, rồi cho rằng trái đất của các vị hành tinh dưới sự cai quản của đấng Thái Dương Thượng Đế chủ Thái Dương Hệ, rồi đến đấng Huyền Thiên Thượng Đế ở các hành tinh, tới đức Ngọc Đế tọa lạc ở sa mạc Qua Bích (Gobi). Họ sắp Đức Bồ N ữ Thích Ca Mâu Ni ở hàng thứ sáu, Đức Chúa Kitô ở hàng thứ bảy đều dưới quyền năng của Đức Ngọc Đế v.v...

Đọc qua giáo lý của Thông Thiên Học, chúng ta đã thấy cái Tương Đối đẽ bẹ cái rớt r ấ o Tuyệt Đối của Phật Giáo. Cuốn "LA DOCTRINE DIVINE" vẫn còn nằm trong cái vòng hiểu biết và tưởng tượng của con người, và chúng ta có thể bàn được. Nhưng chúng ta thấy, chưa bao g i ở Đức Phật hay con nhà Phật có thể diễn tả Niết Bàn mà chỉ nêu ra cái ý niệm về Niết Bàn vì Niết Bàn chỉ có Phật hiểu, chúng sinh c h i biết ý niệm. Cái ý niệm đó là kinh điển như ngón tay chỉ về mặt trăng, Niết Bàn thì như mặt trăng. Chúng sinh chỉ noi theo được ngón tay chỉ và phải tu tập tinh tấn theo k i nh điển để có ngày gặp Niết Bàn, mới rõ Niết Bàn là thế nào. Cuốn "LA DOCTRINE DIVINE" đã mở một cảnh giới cho Blavatsky, chứ chưa đưa bà một sự giải thoát rốt ráo... và bà đã viết tr ấ vớ trăm ngàn mâu thuẫn và hoang đường. Bà đã đưa độc giả đi du lịch cái cảnh giới mà bà cho là đạt đến, bằng lối khoa trương làm thức giả có cảm tưởng bà viết một cuốn khoa học giả

tưởng (Science Fiction) đúng hơn. Nó ư ời viết chưa hẳn diễn tả nỗi điều mình hiểu biết lại đôi khi trảm vào lỗ hổng của điều hiểu biết bằng trăm điều mê tín, hoang đường; người đọc này hiểu theo cách này, người đọc khác hiểu theo cách khác và không ai hiểu đúng như tác giả đã hiểu.

Cũng thế, cuốn "TƯ BẢN LUẬN" của Karl Marx cũng viết bằng lối văn tối tăm như hủ nút, huyền hoặc, bí hiểm còn hơn cái thai đẻ. Không hiểu các ông lãnh tụ lớn của Cộng Sản như Lénine, Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Kim Nhật Thành đã hiểu cách nào mà làm cho nửa thế giới phải điều linh, thống khổ khi áp dụng và bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản? Cái hiểu biết của Karl Marx về cái xã hội mà ông ta đang sống, cái nhìn của ông ta về chế độ tư bản cũng chẳng qua ở một vài góc cảnh xấu, nhưng rồi qua cái óc diễn tả thông minh, qua cái mồm loa mép giải, ông để xương cái gọi là chủ nghĩa Cộng Sản căn cứ trên sự hiểu biết lệch lạc đó mà gây cho nhân loại máu xương, lấm than. Một tháng đốt mà khủng thì chỉ có hần bị thiệt hại. Đảng này, nhân loại đã gặp tháng khủng mà thông minh, giới hùng biện làm văn hóa nên nhân loại trong mấy thế hệ phải chịu làm nạn nhân của chủ nghĩa hần. Viết tối tăm bí hiểm có nhiều khi Karl Marx muốn làm đáng trí thức, hoặc có nhiều khi ông ta chẳng hiểu ông ta viết cái gì nhưng ông ta có một mục đích khoe khoang kiến thức uyên bác. Tình cờ cuốn đó lọt vào tay Lénine và Trotsky. Cả hai từng đọc, nghiên cứu, vì gặp những chỗ tối tăm trong sách họ đoán giả đoán non, theo kiến thức và thành kiến của họ, rồi họ thực hành. Làm văn hóa mà viết sách không minh bạch, một sự nguy hiểm đầu phải chỉ xảy ra trong một nước, mà cho cả một hay nhiều thế hệ, bạn có đồng ý không nào?



Bạn xem đây, một nhà tu, một thiên giả khi đã chúng ngộ, không ai dám bày tỏ chỗ chúng ngộ của mình bằng ngôn ngữ, văn tự vì ngôn ngữ và văn tự không đủ quyền lực khả năng diễn tả sự thực, để làm người nghe, người đọc hiểu lầm để rồi thực hành sai, để rơi vào cảnh ma. Bà Helena Blavatsky đã thấy những cảnh giới mà bà đã diễn tả trong "GIÁO LÝ NHIỆM MẪU" chắc đầu là cảnh giới của Tứ Thánh (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán) hoặc một quốc độ

thanh tịnh nào đó... Nhưng hào thăng, ngămạn ưa đưa thiên giả lạc vào ma cảnh; ma t h úc giục thiên giả phải viết, phải nói ra những cảnh giả, những tà kiến để đầu độc người nghe người đọc. Còn làm văn hóa, như bạn thấy đó, để gây ngộ nhận nếu nhà văn hóa viết bằng thứ văn tối tăm, bí hiểm, ai hiểu cách nào có được, ai diễn dịch thế nào cũng thuận nhi...

Còn Cộng Sản thì áp dụng chủ nghĩa qua cái tâm tráo trở, lừa phỉnh của chúng đối với nhân loại trên toàn cầu. Chủ nghĩa, ngôn ngữ đ ớ i với chúng là phương tiện để chúng áp dụng chính sách bá quyền của chúng. Bạn đã từng đọc khẩu hiệu "Không gì quý hơn độc lập tự do hoặc "Nhân dân làm chủ"... Sự thật thì trái hẳn... Những danh từ "Cải tạo" tức là "Bắt b ớ bỏ tù", "Cách mạng, giải phóng" tức là đi xâm lăng xứ người để áp dụng bá quyền khác nghiệt. Ngôn ngữ, văn tự bị Cộng Sản cưỡng dâm, bức tử những ý nghĩa tốt đẹp mà chỉ có chúng ta đã sống dưới chế độ của chúng trong một thời gian mới hiểu rõ, trong khi thế giới tự do Tây phương hãy còn bù trất, mê lầm.

Bạn ơi, ngôn ngữ chủ nghĩa vốn bất lực trong việc khai thị và làm hiển lộ sự thật, nhưng chúng có một sự mê hoặc con người và tà kiến vào sự phổ biến những thói lừa đảo, mưu hoặc, đưa con người vào tội lỗi, vào đường dữ, đường xấu.

Chúng ta đã trải qua những chứng nghiệm đau thương do chủ nghĩa gây ra. Bạn muốn làm văn nghệ, văn hóa vì kiến thức của bạn rộng rãi, sâu xa, nhưng xin bạn đừng chơi trò phù thủy chủ nghĩa. Lấy chữ đề nghĩa như một số nhà văn mới ở Việt Nam

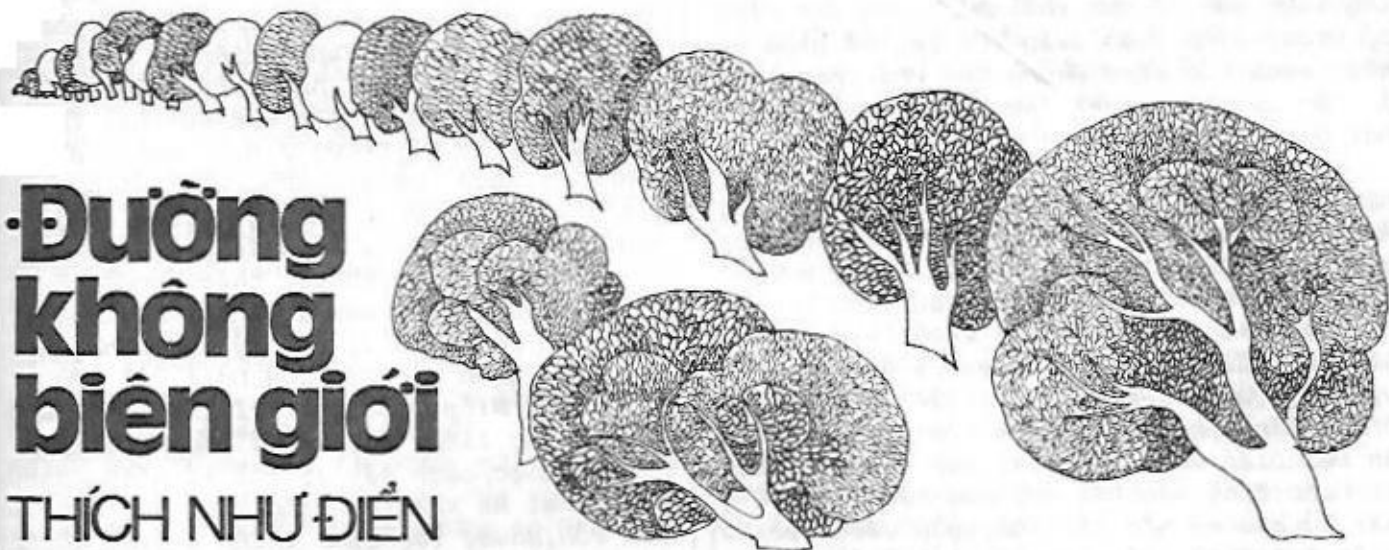
thì không sao hết chỉ đem lại cho người đọc nhận rõ cái tà i làm đáng trí thức của đương sự mà thôi. Nhưng cưỡng dâm, bức tử chủ nghĩa, hay dùng chủ nghĩa tối tăm để làm văn hóa là những trò chơi nguy hiểm mà các nhà trí thức khuyến khích ở Tây phương đang sa lầy.

CUỐI HỀ 84



Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN



(Kỳ thứ 18)

Có nhiều người hỏi tôi rằng: "Tại sao Thầy đi Mỹ và Canada nhiều lần, mà các xứ Đông Nam Á Châu, nơi có nhiều người tỵ nạn khổ đau, chưa thấy Thầy hoặc quý Thầy khác đặt chân đến để an ủi đồng bào mình?". Tôi trả lời rằng: "Có lẽ chưa thuận duyên; nhưng nay mai rồi thế nào cũng phải đến".

Đi làm việc Đạo chẳng phải là đi du lịch như những người có tiền của và thời giờ. Mà đi đến một nơi đâu vì nơi đó cần, nên người Tăng Sĩ mới đến, và Đạo pháp gọi Tăng Sĩ mới đi. Lâu nay quý Thầy đặc biệt chú trọng các nước Âu Mỹ, Úc, vì những nơi đó vẫn đề tinh thần của người Phật Tử còn nhiều khủng hoảng khi mới đặt chân đến một nước thứ ba. Do đó quý Thầy có bốn phần phải giúp đỡ họ lúc ban đầu. Và lại Phật Giáo Việt Nam mới có mặt ở Âu Mỹ hơn 10 năm nay; nên vấn đề tổ chức cũng chưa được vững vàng lắm; nên tất cả quý Thầy đều chú tâm hoạt động ở những nơi này trước. Sau khi Phật Giáo ở đây đã có nền móng vững chắc rồi, sẽ hướng tâm về những nơi khổ đau khác. Nói như thế không có nghĩa là lâu nay các chùa hoặc các Thầy ở ngoại quốc quên những người còn ở lại quê nhà, nơi đó có Thầy Tổ bề bạn mình, hoặc quên những người tỵ nạn khổ cùng tại các trại tỵ nạn Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba, Nam Dương, Phi Luật Tân v.v... mà nơi đây hoặc ít hoặc nhiều, hoặc tặng phẩm, hoặc tinh tài vẫn gửi thường xuyên về nước và các trại tỵ nạn để an ủi phần nào sự khổ cực của những người còn ở lại hoặc chưa đến được nước khác định cư.

Câu tục ngữ của Pháp nói: "Cái gì đến, nó sẽ đến" cũng đúng lắm. Vì có nhiều cái mình muốn đến lạ hơn mình nghĩ; nhưng nó sẽ không bao

giờ đến với mình và cái gì mình muốn ngăn ngừa mình nhất, nó lại hay buông bỏ mình để đi tìm một đối tượng khác. Cửa đời mình cho là của mình, rất quý trọng, nhưng sẽ không bao giờ ở giữ nó luôn bên mình được.

Cuộc đời nó vô thường như thế cho nên Đức Phật mới dạy rằng: "Những kẻ thương nhau, thì ít hay được gần nhau. Ngược lại những kẻ ghét nhau thường hay bị gặp nhau hoài". Bởi thế nên chúng ta là những người Phật tử hiểu được lý Đạo, không nên chối bỏ sự thật, vì sự thật bao giờ cũng là sự thật, dầu cho có tởm son trét phấn lên, trước sau nó cũng là sự thật. Chúng ta phải biết chấp nhận những gì xảy ra trong cuộc đời mình dầu thuận duyên hay là nghịch cảnh; chúng ta không nên chối bỏ. Vì chối bỏ dầu là hạnh phúc hay đau khổ, những thứ này nó sẽ theo bám víu ta hơ ỏi. Chỉ có một cách duy nhất là biết chấp nhận khổ đau và kiên nhẫn chịu đựng mọi hoàn cảnh để vượt lên trên mọi thử thách của cuộc đời.

Nếu hoa sen mà không mọc trong bùn, có lẽ hoa sen đó sẽ không bao giờ có giá trị. Sở dĩ hoa sen được nhiều người quý trọng là vì nó được trồng dưỡng và thoát lên khỏi chốn bùn nhơ bụi bặm. Ở đây chúng ta cũng thế. Nếu muốn để như hoa sen kia phải chấp nhận khổ đau trong vòng tục lụy và từ đó theo phép Phật vượt lên để được giải thoát. Đó chính là ý nghĩa của Đạo Phật vậy. Đức Phật thành Đạo cũng chỉ vì thế gian này và trong thế gian này; vì ngoài sự khổ đau thành được bậc Vô Thượng Ý Vương - chưa có một vị Phật hoặc một vị Bồ Tát nào hành cái hạnh nguyện ấy cả. Phật Giáo quan niệm rằng: Cuộc đời còn đau

khô; nên Phật Giáo còn hiện thân dưới bất cứ hình thức nào để cứu khổ nhân sinh đang lặn hụp trong biển trầm luân tục lụy và phục vụ chúng sanh tức cúng dường Chư Phật, nên chỗ nào còn có chúng sanh đau khổ là nơi đó có Phật Giáo hiện thân.

Nhân duyên đã đến; nên vào khoảng tháng giêng năm 1985 chúng tôi dự định đi thăm các trại tu nạn tại Đông Nam Á Châu. Đến những nơi đó chúng tôi sẽ tường thuật lại sự sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại ngày nay, nhất là những nước mà chúng tôi đã có cơ duyên đặt chân đến, và chúng tôi sẽ mang theo một số tặng phẩm bằng hiện kim để biếu các Ban Đại Diện Phật Giáo tại các trại để phân phát cho đồng bào. Vậy quý Đạo Hữu và quý Phật Tử nào có hảo tâm đóng góp vào việc từ thiện trên, xin liên lạc về chùa Viên Giác, để chuyển ra đi kỳ này mang lại nhiều thành quả tốt đẹp hơn.

Câu chuyện về các nước Đông Nam Á Châu có lẽ chúng tôi sẽ tường thuật với quý vị kỹ hơn trong các số báo tới. Trong số này chúng tôi muốn đưa quý vị trở về quê hương thân yêu của chúng ta để thăm các ngôi chùa xưa, Thầy Tổ cũ cùng nhau suy niệm, ngẫm ngùi cho quê hương, tình người và Đạo Pháp.



Lần trước chúng tôi viết về Huế có một vài địa danh không chính xác, đã được nhiều vị bác túc cho, xin thành thật cảm ơn những tấm lòng của Huế - lặng lẽ như sông Hương, cao xa như núi Ngự và hôm nay xin viết về những nơi còn lại của quê hương.

Nhiều lúc nghĩ cảm thấy nao nao, khi đất nước của kẻ khác mình có cơ hội lại qua, lên xuống không biết bao nhiêu lần. Trong khi đó quý cha đất tổ của mình mà đường đi lại giới hạn không còn không biên giới nữa. Ngày còn đi học như bao Tăng sinh khác, tôi có ước nguyện là khi quê hương được thanh bình mình phải đi khắp đó đây để xem các chùa tháp, thắng cảnh, đến dải cung điện của Bắc, Trung, Nam, phải đến cho được núi Yên Tử để xem nơi vua Trần Nhân Tôn đã tu hành và phải tìm ra nơi nào quân sư Trần Thủ Độ đã nói với vua là :

"Bệ hạ ở đâu, triều đình ở đó". Hoặc tìm ra cho được nơi Khuông Việt Thái Sư đã phò vua giúp nước hoặc Vạn Hạnh Thiên Sư đã để lại một di tích gì ngoài những bài thơ bất hủ khi còn làm quân sư cho vua Lý Thái Tổ cách đây 10 thế kỷ về trước v.v... nghĩ thì dễ; nhưng đi chưa bao giờ đến. Đức Phật ngày xưa giảng sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni, lớn lên ở cung thành Ca Tỳ La Vệ, xuất gia hành đạo ở nơi Hy Mã Lạp Sơn, thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển và Nhập Niết Bàn dưới hai cây Sala Song Thọ, cách hơn 25 thế kỷ qua, hình ảnh và những di tích lịch sử của Ngài vẫn còn và được Liên Hiệp Quốc bảo trì như một quốc bảo thiêng liêng của Ấn Độ, Nepal và thế giới - hoặc cách đây 15 thế kỷ, hình ảnh của Bồ Đề Đạt Ma khi từ Thiên Trúc qua Đông Độ vẫn còn. Nhưng Vạn Hạnh Thiên Sư và Khuông Việt Thái Sư mới chỉ có 10 thế kỷ mà hình ảnh không còn, dấu cho một chút gì để lưu lại với cổ kim. Rồi những ngôi chùa, các ngôi tháp cũ đã hiển hiện khắp trời Nam, và đang danh một thuở lúc Ngô Quyền lập quốc. Nhưng nay đã còn đâu! Khiến cho những người đi tìm cái xưa để học, mà xưa không còn nữa thì cái nay căn cứ vào đâu để tiến thân phật tri kiến. Dân tộc Nhật họ duy tân nhưng họ kỹ mất gốc, vì gốc họ còn đó; nên những nghệ thuật, văn hóa của các xứ Âu Mỹ du nhập vào cốt chỉ làm cành lá sum sê thêm thôi. Trong khi đó vì gốc của chúng ta gần như mất, nếu có còn cũng chỉ vá vúi mà thôi, thì trách sao chính chúng ta hay con cháu chúng ta dễ bị đồng hóa bởi những nền văn minh cơ khí của Âu Mỹ này ?

Đi từ Trung vô Nam qua những chặng núi đồi trùng điệp đến Nha Trang khách thập phương có thể dừng chân nơi chùa Tĩnh Hội để nhờ các tịnh nhân đưa lên Phật Học Viện Hải Đức để viếng thăm chốn thiền môn tịch tịnh này. Phật Học Viện này cư ngụ trên một ngọn đồi khá cao trông ra biển. Nơi đây các Tăng sinh ngày đêm dùi mài kinh sử, không phải để nấu sớ xôi kinh mà để luyện cho tâm mình có một tấm gương trí tuệ và một đức tính kiên nhẫn trong sự học hành. Người tu vì công danh và sự nghiệp đã bỏ; nhưng nếu "tu mà không học là tu mù" và những kẻ "học mà không tu là đầy sách"; nên học là một phương tiện để làm sáng tỏ cho sự tu hành vậy. Các kỹ năng diễn bằng chữ nho hay bằng chữ quốc ngữ sẽ là những môn học căn bản của những Tăng sinh ở chốn học đường. Ngoài giờ học đạo ra, các Tăng sinh còn có thể học thêm văn hóa, sinh ngữ ở trường ngoài để có thêm một số kiến thức phổ thông. Điều đó chẳng có ai cản ngăn cả, miễn sao có thì giờ để chu toàn mọi việc là đủ rồi.

Bước lên vài bậc tam cấp khách thập phương sẽ chiêm bái được tôn tượng Đức Bốn Sư lộ

thiên cao vòi vọi. Đây có lẽ là một trong những bức tượng to nhất tại Việt Nam. Tượng ngồi trên một tòa sen, trông rất oai nghi từ mồm. Nếu đoán không lầm, tôn tượng này cao đến 7 hoặc 8 thước. Nghe đâu sau này những người vô tôn giáo muốn phá hoại; nhưng không thực hiện được ý định này. Tượng làm bằng bê tông cốt sắt chắc chắn thì ít mà vì lòng kiên trì giữ đạo của chư Tăng và Phật Tử thì nhiều nên người Cộng Sản không giựt sụp được tượng này.

Rời Nha Trang khách thập phương có thể đi Sài Gòn bằng nhiều phương tiện khác nhau máy bay, tàu thủy hoặc xe đò. Đến Sài Gòn, nơi phồn hoa đô hội, đủ màu đủ sắc, dưới mắt một người tu tôi không thấy là Cực Lạc của sự tu hành mà là một chốn khổ đau và gượng ép. Gượng ép vì Thiên Môn xưa nay vẫn ở trên núi cao, non thẳm - còn bây giờ chùa chiền, tháp tượng nơi đây đã biến thế muốn màu muốn vẻ khó đi nh phân. Về lịch sử của Sài Gòn Chợ Lớn, ai đó có đọc sách "Sài Gòn năm xưa" của ông Vương Hộ Sển thì biết rõ về danh từ cũng như nhữ địa danh, địa vật của thành phố quê hương yêu dấu này. Riêng về chùa chiền chỉ có được 2 chùa có một lịch sử tiêu biểu lâu đời nhất hơn 200 năm qua bao cuộc phé hưng của lịch sử. Đó là chùa Giác Lâm và chùa Giác Viên ở hương lộ 14 Phú Thọ Hòa. Các chùa này có lối kiến trúc rất xưa, mái thường hạ thấp xuống, bao bọc bởi một chánh điện rộng lớn, làm cho người Phật Tử đã thành kính lại tăng thêm sự thành kính hơn nữa khi lễ bái nguyện cầu. Các tượng Phật được thờ trên những bàn thờ có hình cầu phẩm liên hoa và được giữ nguyên vẹn lối chạm trổ của những thế kỷ trước. Chung quanh vườn chùa có những ngôi mộ tháp từ 1 cho đến 7 tầng, nơi an dưỡng những pháp thân của chư tôn túc đã quá vãng. Trong khung cảnh ồn ào náo nhiệt của thành đô mà có được các ngôi chùa như Giác Viên, Giác Lâm quả là một chốn thoát tục trên bao sự rộn ràng khác của thế nhân.

Chùa Cây Mai ở Chợ Lớn cũng có một lịch sử lâu đời và chùa Hưng Long ở Đường Minh Mạng cũng đã kiến tạo hơn 150 năm nay, khung cảnh của các chùa này thật trang nghiêm hùng vĩ. Chánh điện chùa Hưng Long thờ Tam Thế - bên phải thờ Đức Chuẩn Đề, bên trái thờ Địa Tạng. Chùa này cũng có thờ Quan Công và Lưu Bình Dương Lễ. Mỗi năm đến ngày mồng 8 tháng giêng có lễ cúng sao hội rất lớn, cả ngàn người về tham dự. Đây là một lễ truyền thống của chùa này.

Chùa Ấn Quang, trụ sở của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở 243 Sư Vạn Hạnh Chợ Lớn trước đây có tên là Ứng Quang do cố Hòa Thượng Thích Trí Hữu nguyên trụ trì chùa Linh Ứng tại Ngũ Hành Sơn Non Nước hiền dâng cho Giáo

Hội. Có lẽ Hòa Thượng lấy chữ Ứng của Linh Ứng đặt cho chùa Ứng Quang chăng? Bây giờ Hòa Thượng đã viên tịch rồi, có lẽ chờ Ngài mới thể nghiệm được điều đó. Ngài có rất nhiều đệ tử xuất gia và tại gia trong đó Hòa Thượng Tọa Thích Bảo Lạc là một trong những người đệ tử hàng đầu của Hòa Thượng. Tôn tượng Đức Bổn Sư thờ tại chùa Ấn Quang đúng là một tôn tượng có gần đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của một bậc Thiên Nhơn chí Đạo Sư, từ sinh chi tử phụ vậy. Trên đỉnh để thờ Phật và lễ bái, từng dưới dùng làm văn phòng của Viện Hóa Đạo và Viện Tăng Thống. Đứng đầu Viện Tăng Thống là Đức Tăng Thống, do Viện Tăng Thống, gồm các bậc Trưởng lão Hòa Thượng suy tôn lên. Ngôi vị này không bao giờ thay đổi, trừ khi Đức Tăng Thống viên tịch. Dưới Viện Tăng Thống là Viện Hóa Đạo. Đứng đầu Viện Hóa Đạo là một vị Viện Trưởng. Ngôi vị này do Đại Diện các Tỉnh Hội Phật Giáo và miền bầu và thay đổi vị viện trưởng theo nhiệm kỳ đã ấn định. Viện Hóa Đạo được xem như là lưỡng viện quốc hội của chính quyền, vị Viện Trưởng như là một vị Thủ Tướng gồm có đối nội và đối ngoại cho Giáo Hội. Dưới Viện Hóa Đạo có các miền Khuông Việt, Liên Quán, Quảng Đức, Vĩnh Nghiêm v.v... và dưới mỗi miền là có các Tỉnh, Quận giáo hội và các đơn vị nhỏ nhất là xã và khuôn giáo hội.

Hai bên chánh điện là hai dãy nhà ngang để chư tôn túc làm việc và lưu ngụ. Phía sau là nơi thờ Tổ. Bên dưới phía trái là văn phòng đặc ủy Tăng Sự và giảng đường. Bên dưới phía phải là văn phòng phát hành kinh sách và các pháp bảo của chùa. Phía sau nhà Tổ có nhà in Sen Vàng. Nơi đây in và phát hành hầu hết các sách Phật Học do Viện Hóa Đạo xuất bản. Diện tích của chùa Ấn Quang quá chật hẹp so với một cơ sở của Giáo Hội như thế; nhưng theo Giáo Hội, đó mới chỉ là cơ sở tạm. Đứng ra cơ sở chính của Giáo Hội là chùa Việt Nam Quốc Tự ở Đường Trần Quốc Toản. Sau năm 1963 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất định biến khu đất này thành ngôi chùa cho cả nước, nên mới đặt là "Quốc Tự"; nhưng sau đó vì vấn đề nội bộ của Giáo Hội nên một bên dời về Ấn Quang và một bên dời về chùa Vĩnh Nghiêm ở Đường Công Lý. Trên nguyên tắc, Việt Nam Quốc Tự vẫn còn sinh hoạt; nhưng khung cảnh quá thể lương, khiến ai nhìn vào đó cũng mủi lòng. Sau này Hòa Thượng Thích Tâm Giác có cho xây tiếp tục cây tháp ấy; nhưng cũng chưa hoàn thành thì Hòa Thượng đã viên tịch và ngôi tháp ấy vẫn còn dang dở cho đến ngày nay.

Đường không biên giới kỳ này tạm kết thúc ở nơi đây. Trong kỳ tới chúng tôi sẽ cố gắng giới thiệu đến quý vị những ngôi chùa còn lại ở Sài Gòn Gia Định và các cơ sở giáo dục của Phật Giáo Việt Nam tại vùng này. Vì gần đây có nhiều bài vở đáng được đăng tải để

TRẦN THỊ CẨM THỊ

HAI CẢNH SỐNG

LỜI TÒA SOẠN :

Bức thư này tiếp theo bức thư đăng ở Viên Giác số 21, nói đến cảnh sống của tác giả trên đất Pháp lồng vào đó hồi ức một vài kỷ niệm ở quê nhà.

Amplepnis, ngày 19.5.84

Anh thật thương,
Tuần này, em thật vui khi nhận được thư anh và thư của một người mà em mong từ lâu. Đố anh, đố là ai đây? Anh mà nói đúng, em sẽ làm vui lòng những gì anh muốn...

Anh ơi, đầu tháng vừa qua, không có hàng may nên em ở nhà trọn tuần. Kể đó, trời đang nóng trời lạnh, em bị ốm, nằm vùi. Trong tình trạng nửa mê, nửa tỉnh, em thoáng mơ, thấy một góc phố nào ở Chợ Lớn, có tiệm thuốc Bắc, có bể p lùa ở một ngôi nhà nào, có người vợ hiền sắc thuốc cho chồng trong cái âm băng đất.

Ngày 16.5 em đi Lyon tại phòng mạch một bác sĩ trị tai, mũi, họng. Anh biết không? Vào năm 1965, ở đồn điền cao su trong trận đánh ở Đồng Xoài, một bên tai của em bị sức ép của hơi bom có một lỗ. Lúc mới về Pháp, em có đi khám bác sĩ, ông ta khuyên nên mổ, nhưng em lưỡng và sợ năm nhà thương. Cho đến bây giờ ở mỗi lần bị cảm cúm, lỗ tai em như nghe tiếng trống lừng bùng. Đã vậy, có nhiều đêm, em thấy lại trận đánh khủng khiếp kia, nhà sập đổ, thân người bị nghiền nát, những kẻ bị miêng bom, những vũng máu, tiếng rên rĩ, tiếng khóc la... Ác mộng làm em bàng hoàng, hoảng hốt, em còn thấy em theo làn sóng lớp dân tị nạn leo lên xe G M C của toán Dân Sự Vụ Tâm Lý Chiến đi về trại định cư ở Bình Dương...

Lần này em bị cảm, kèm với chứng đau lỗ mũi nên em nhức đầu liên miên. Bên quê nhà, khi nhức đầu, em được xông bằng nồi xông với lá ổi, lá sả, lá bưởi, lá ngũ trảo, lá trâm, rồi xức dầu củ là, dầu khuynh diệp hoặc dầu trâm, nhĩg ở đây, ông chồng Pháp của em không ưa những mùi dầu đó. Chắc qua hè, em mới đi mổ, chứng gì tới đó, em đã ghê ghê rồi...

Vì sợ anh mong thư nên thứ tư 16.5 em có viết thư kèm theo lá thư ông chủ nhiệm tờ tạp san Lạc Hồng.

Anh đã khoẻ, em thật mừng. Xuân ở Troyes có những ngày trời lạnh không anh? Anh có trồng hoa ở bao lớn như mọi năm không anh? Em thích mảnh vườn của anh ở Lộc Ninh đây cây ăn trái, vậy mà trước nhà vẫn có trồng 1 ít hoa.

Trời hôm nào đẹp nắng, anh ráng đi ra ngoài để thay đổi không khí. Có lẽ nhờ đó mà anh dễ ngủ. Nếu anh dùng thuốc cốm Granulé Rex thấy dễ chịu là em yên tâm rồi. Bên quê nhà thuốc bổ thường bằng cỏ lá có được tinh. Bên này, thuốc bổ thường bằng máu bò, mật ong chúa dẫu gan cá morue. Các ông lính mục vùng Chartreux lại ra công tìm được thảo về để bào chế thuốc bổ, nghĩ ra cũng gần giống như các bậc thầy y tiên bối của mình. Giết hai mạng sống của con vật để bồi bổ sức khoẻ mình, nghĩ c ử ng tội, phải không anh? Người trưởng giả T à u thường dùng óc khi sống để bồi bổ trí nhớ, dùng thai non của con heo (heo hà năm) để bồi bổ sức khoẻ, dùng hồn nang của con dê để bồi bổ dương... Nghĩ đến những thức ăn đó mà em sợ.

Tuần này, em bận lắm. Sáng 17.5, em phải dậy sớm đưa cô trưởng nữ của em ra nhà ga trước 8 giờ sáng. Trưởng cô bé có tổ chức đi du ngoạn ở Bretagne một tuần. Trước đó, em phải lo sắm sửa quần áo cần thiết cho cuộc du ngoạn thật đầy đủ rồi xếp vào cái xắc l ố n rồi nào là drap, giường, giày dép không k ể n ỏn và áo. Em còn phải làm thức ăn dành cho c ả ngày để nó mang theo.

Chiều nay ở vùng em ở có buổi hòa nhạc. Em phải đi dự vì hai cô gái cùng của em học nhạc mỗi chiều thứ bảy. Lần này cô út lại hát nữa. Giọng út còn non nhưng ngọt... Xứ mình c ố nhiều thân đồng ca sĩ hát hay, rồi sau t r ở thành danh ca như Hoàng Oanh, Phương Hoà, Tâm Phương Hồng Hạnh, Phương Hồng Ngọc, Phương Mai Hương Lan... Em không hiểu trưởng hợp cô út của em ra sao. Lúc bé, tiếng hát nó ngọt, nhưng biết đâu lúc nó dậy thì, tiếng nó v ờ b ề... trưởng hợp đó xảy ra thường lắm (99% đây Em cho các con em học nhạc là để trong nhà có một chút gì thi vị, tưới mát thể th ờ i, đầu cô hoài vọng cao xa. Chồng em chả chịu đi bao giờ, cứ lùa cho em đi một mình. Ngồi nghe con hát trước bao khán giả, em cũng có đôi chút tự hào, đi một mình cũng chả sao. Chồng em thực tế, cứ chỉ thú làm ăn. Sáng sớm, ông ta đi bán hàng, trưa về nhà ăn cơm, chiều lại ra hồ bán tiếp, một phở râu. Em cứ nói đùa với ông ấy, nếu ông ấy cứ để em đi sớm về muộn một mình em sẽ có kếp cho mà xem. Ông ấy chỉ cười trừ

Tuần qua, ông ấy đi bán vé, có đem cho em một bó hoa dại, em chả biết tên từng loại hoa đó. Em cắm hoa theo kiểu kếp. Hai cụm hoa ở đầu chậu cắm vươn trên mặt nước như một nhịp cầu. Em gọi đó là "nhịp cầu gậy". Anh yêu, đó không phải là cái tên em chọn để gây ra một cảnh buồn. Hình ảnh nhịp cầu gậy này gợi cho em 1 thiên diễm tình, một hình ảnh đẹp, đáng. Theo một truyện cổ của Nhật, thuở xưa, xa lắm rồi, ở một triều đại nào đó, có một đôi lứa yêu nhau. Nàng là một công chúa yếu điệu, mỹ miều, bỏ hoàng cung theo người lính gác hoàng môn. Có thể là chàng đẹp trai hoặc có tâm hồn đẹp hoặc có một ưu diễm gì để say lòng nàng công nương đa tình, diễm lệ kia. Cả hai cùng phụng ngựa để về quê chàng, một thôn ở thớ mộng, có vườn rau. Công chúa say sưa ngắm những trái bầu dong dua trong giỏ, những thứ rau thơm, thứ hoa mướp tươi vàng trong nắng, những thứ mà nàng chưa hề thấy trong vườn ngự uyển. Khi hay tin, nhà vua cho quân lính đuổi theo. Chàng trai đành phá nhịp cầu bắt qua sông.



Qua bảy ngày đêm trốn chạy, sống trong những giây phút hải hùng. Giờ đây, nơi quê chàng đôi vợ chồng son sống êm đềm, hạnh phúc. Công chúa bằng lòng sống dưới mái tranh, mặc quần áo vải, ăn cơm rau... quên hẳn cảnh đời vùi ởng giá cùng cao lương mỹ vị, để được nghe tiếng hát người tình và hương quê thơm dịu...

Em ngắm chậu hoa "nhịp cầu gậy", em nhớ luôn truyện "Chử Đồng Tử và Công Chúa Tiên Dung". Nàng công chúa con vua Hùng Vương có tâm hồn khoáng đạt, ghét cảnh lầu son gác tía, yểu thiên nhiên, thích danh lam thắng cảnh, thích rong chơi trên sông dài dưới bầu trời bao la lồng lộng. Tình cờ nàng gặp chàng ngư phủ Chử Đồng Tử hiền hạnh, hiền lành, chất phác, bằng lòng kết hôn với chàng, rời bỏ hoàng cung để sống hạnh phúc bên nhau, cùng tạo một thế giới trần buồn bán sấm uất, sau đó cùng bỏ nhà đi tâm tiên học đạo...

Truyện cổ Đông Phương, nhất là truyện Việt Nam ngoài tình cảnh rạn đời, tái tạo, còn lồng chuyện tình yêu đẹp quí, anh nhĩ? Em sẽ kể các con em nghe để tâm hồn chúng thêm những rung động trữ tình, nháng đời khi nào chúng lớn lên. Bộ chúng là người Pháp, sống thực tế

quá, tuy hết da yêu em, nhưng không hề biết cái rung động mong manh, tế nhị trong tâm hồn nghệ. Vợ. Em tin rằng, hai cô con gái "Đằm lơi" của em, nếu đã thích âm nhạc, thì sẽ thích chuyện "nhịp cầu gậy", chuyện "Chử Đồng Tử và công chúa Tiên Dung". Truyện cổ Tây phương (t h ả n thoai Hy Lạp) há không có truyện "Thần Ai Tình và công chúa Psyché" hay sao?

Anh ơi, anh biết không, sống mãi ở đây, em bị dị ứng rất nhiều thứ. Tôm, cua, cá biển hề khi em ăn vào là da em nổi mề đay. Cá thịt gà thịt bò non cũng vậy. Cũng may, em thích ăn nh ỉ iều rau và trái cây. Kể từ ở Việt Nam sang qua Pháp mỗi khi làm cơm Việt Nam, em chỉ nêm canh hay nêm các thức ăn khác bằng muối. Em dùng nước tương thay cho nước mắm để làm nước chấm. Nước mắm làm bằng cá biển cũng làm em bị dị ứng nữa... Mãi rồi em cũng quen đi. Chồng em cũng chế điều em hoài, người Việt mà không ăn nước mắm. Cũng ngày em càng bị dị ứng nhiều thế này, chắc có ngày em sẽ ăn chay. Có nhiều lúc, em tự hỏi: "Bao giờ em dị ứng với tình yêu đây?". Ngày đó là ngày em sẽ tu hành tinh tấn. Có bạn chồng em đùa với em: "Bao giờ mẹ nó dị ứng với đàn ông đây?". Thật khó trả lời với ông này phải không anh?

Từ nay cho tới cuối tháng em phải may cho xg hai cái robe cho hai cô gái cứng. Bên chồng em và bạn thân của chồng em đều có cảm nghĩ đẹp về em, khi em lúc nào cũng lo lắng, chịu chuồng chồng con. Đầu tháng bảy em và hai con gái đi dự lễ cưới con trai của bà mẹ đỡ đầu của Chan. Lần này, em sẽ không mặc áo dài mà sẽ mặc áo xường xám bằng gấm, xem có giống cô gái Tàu nào không?

Anh sang Pháp, gặp được người bạn thơ ấu là ông Hát. Lâu lâu cả hai gặp nhau, được nhớ kỷ niệm xưa. Kể cũng hạnh phúc đây nhĩ. Hai ông cùng làm bếp, chắc phải là có nhiều món ăn ngon. Đàn ông độc thân, sống ở hải ngoại dễ ửu giới làm bếp, nếu họ thích ăn ngon. Bên quê nhà cô con gái dù vụng về lười biếng cho thế mấy cũng được mẹ dạy nấu một nồi cơm, nấu canh kho cá, chấy tép, rím tôm... Con trai lẳng vãng vào bếp bị mẹ đuổi như đuổi tà. Con trai phải làm việc lớn, đứng học theo thói đàn bà làm những việc tầm mún để rồi tâm tình bồn sồn, bần tiện ở Pháp lại khác, anh nhĩ?

Nói tới chuyện bếp núc, em sức nhớ, có người bảo là ở bên nhà họ bị dị ứng như em, họ chỉ ăn được thịt heo với cá đồng như cá rô, cá lóc cá trê, cá bống... Vậy mà từ khi qua Pháp họ ăn được thịt bò, thịt gà, luôn cả cá biển, tôm cua, sò ốc. Chắc là nhờ đời thời tiết, khí hậu chăng? Riêng về phần em, nếu em được trở về ở luôn bên Việt Nam, biết đâu em sẽ hết dị ứng, em sẽ ăn được đủ thứ luôn cả thịt rắn, t h ỉt

rùa nữa là khác...

Nhớ thuở em đang cô mang cháu gái lớn, em thêm thit bò vô viên, nhưng em không biết cách làm hoặc có làm mà cứ hỏng luôn. Chồng em đi mượn cái cối đá ở nhà ông bạn. Ông này lại "cắm" em mới chết chứ. Ngày nào ông này cũng ghé thăm em đâu phải vì thích ăn thit bò vô viên của em vì em làm món này cứ hứ đầu hỏng đuôi luôn. Ông ta đau ốm, bác sĩ cho toa mua thuốc tiêm. Ông ta không đến tiêm ở nhà ông y tá mà cứ qua nhờ em tiêm mỗi ngày, vì ông ta biết em là y tá cũ hồi em còn ở Bà Rịa, Đồng Xoài. Em nghĩ mà tức cười, lúc đó em cô mang, bụng tròn, mặt nhợt nhạt, dáng đi lết bết như con vịt bầu. Em không hiểu ông ta cắm em ở điểm nào? Kể ra cũng vui, khi mình được người ta cắm mình, hả anh?

Em trai của em đã dọn nhà xong, hiện đi làm ở Montmartre, có đêm cậu ta về nhà muộn, khoảng hai ba giờ sáng. Mùa này, cậu ta cũng vất vả lắm. Từ ngày qua Pháp tới bây giờ, cậu ta mê vẽ tranh rồi tổ chức triển lãm. Có ông chồng nghệ sĩ như thế, không hiểu cô vợ đảm của cậu ta sẽ nghĩ sao? Năm nay, cậu em dọn nhà cửa xong, chắc sẽ có nhiều thời giờ để đọc sách nghiên cứu hội họa.

Cuối tháng này, em còn phải đi dự lễ cưới đứa con đỡ đầu của chồng em ở Saint Maxime. Chồng em cũng để em đi một mình. Em sẽ gửi bưu ảnh cho anh sau. Kèm theo bức thơ này em gửi đến anh tấm ảnh em chụp khoảng tháng ba vừa qua trong phòng triển lãm của bà giáo sư Nhặt dạy vẽ nghệ thuật cắm hoa. Em chỉ đi xem chứ không có dự thi.

Trong tấm ảnh này, anh có thấy màu áo trắng của em nổi bật lên nền tường căng thắm xong không? Hai bình hoa trên tủ buýp phê 1 cái màu đen cắm hai thứ hoa hồng đỏ và trắng với một ít lá nhỏ như mũi kim, còn bình màu lam chỉ cắm vài đóa hoa cúc... trên những cành đào điểm chỉ chít nụ hoa nhỏ nhỏ, màu sắc mờ nhạt với màu vàng tươi sáng của cúc... Hoa hồng tượng trưng cho tình yêu, cho mùa hạ. Hoa cúc tượng trưng cho tình sâu, cho mùa thu... Hoa hiên hữu để trang điểm cho cuộc đời. Vậy mà người đời lại gán cho chúng tượng trưng này, tượng trưng nọ, rắc rối quá anh nhỉ? Em thì yêu tất cả hoa, nhất là hoa có hương thơm

Em xin phép dừng bút vì sắp tới giờ đi đón Cô út đi chơi hướng đạo về. Bè sợ đi về một mình, vì trên đường xe cộ nhiều như mắc cửi.

Nhớ anh nhiều,

TRẦN THỊ CẨM THỊ

Thơ



VUI ĐỂ SỐNG

Vui để sống, dù lòng đầy đau khổ,
Buồn làm chi bạn hỡi khóc than chi!
Và phiền lo nghĩ lại có ích gì?
Hãy can đảm sống những ngày hiện tại,
Dù mang tiếng nghiệp bệnh chó hề than,
Tập kiên gan bền chí chịu nghèo nàn,
Nếu bạn muốn một ngày mai tươi sáng,
Xưa ỷ nghĩ vãn vợ và chân nản,
Nó chỉ làm tê liệt tâm thân mình,
Tạo nguồn vui lành mạnh ở tâm linh,
Nuôi hoài mộng bổ sung nguồn sinh lực,
Trong cuộc sống bao nhiêu điều bực tức,
Chuyện thế tình còn nhiều chuyện bất công,
Dầu trăm cay ngàn đắng tái tê lòng,
Bạn bình tĩnh giữ nụ cười êm dịu,
Bạn tranh ảnh cam lòng thôi hứng chịu,
Hơn thua chi câu nhện chên câu lành,
Trong trường đời còn lắm chuyện đua tranh,
Bạn hãy biết chọn sống vui hữu ích,
Đừng ngạo bân, đừng bao giờ khiêu khích,
Làm phật lòng bè bạn ích gì đâu?
Khen người đi, bạn có phép nhiệm màu,
Trao cho bạn một nguồn vui thanh thú,
Kinh, Sách, Sử, lời người xưa khuyên nhủ,
Phải soi gương để kiểm thảo lấy mình,
Nếu mình cười thì Gương cũng xinh cười,
Mà mình khóc Gương cũng hòa lệ khóc,
Non và Biển giúp cho ta bài học,
Non muốn cao nên non đừng một mình,
Biển bao la nên biển thật hữu tình,
Đã thiếu được vào lòng nghìn sông rạch,
Người luyện chỉ bao giờ quên kính sách,
Những môn ăn bổ ích cho tinh thần,
Lời Phật dạy phải am hiểu mọi phần,
Để hòa hợp lòng mình cùng Vũ trụ,
Vườn mình lên với cánh lông đầy đủ,
Chim Đại Bàng vỗ cánh vượt trời xanh,
Bạn lòng đi! Tu dưỡng lấy thân mình,
Vui để sống, sống cho đời đáng sống,
Nhưng đời đời Định Mệnh quả ngàn rành,
Đành mang thân năm tháng nuôi Mộng lành,
Rồi vượt khỏi theo thời đi trong mộng,
Trên đường đạo không gì bằng nuôi sống,
Không gì bằng trí huệ của đời ta,
Sống điều lành trong kiếp sống ta bà,
Quyết tinh tấn thể vượt qua tất cả.

* Thượng Tọa THÍCH THANH TỬ

NGUYỄN VIỆT QUANG

VỀ NGUỒN



những nơi chôn mà chúng ta đã ở, đã đi qua trên quê cha đất tổ. Như thế là chúng ta đã VỀ NGUỒN rồi đó.

Bạn ở miền Nam nước Pháp, bạn ở miền California xứ Mỹ, bạn ở Tây Ban Nha, nắng ấm và t h ở i tiết làm cho bạn nhớ tới nắng miền Nam xứ mình, bạn có thể trồng trước nhà một cây cau, một khóm trúc, một bụi tre, bạn có thể VỀ NGUỒN rồi đó.

Bạn tổ chức hoặc tham dự một cuộc họp bạn ăn uống, bạn được ăn canh rau giền, hoặc canh rau tần ô, mấm tôm cà pháo, mấm nộm, cà nấu canh chua, gà xào sả ớt. Dù không có những món cổ truyền bí báng, nhưng bạn cũng đã VỀ NGUỒN rồi đó.

VỀ NGUỒN tức là trở về văn hóa truyền thống dân tộc vậy. Chắc có lẽ bạn bật cười bảo rằng, văn hóa đâu ở những cái tầm thường như ánh nắng, cây cau, bụi tre, ở các món ăn, ở cuộc tiếp xúc, ở cuộc nhớ lại những nơi ẩn chôn ở? Văn hóa theo bạn nghĩ là phải ở văn học, giáo dục, văn chương nghệ thuật, ở nền luân lý, ở sự hiểu biết về sử ký và địa dư ở nước nhà. Tôi hoàn toàn tán thành quan điểm của bạn. Bạn nghĩ theo một bình diện rộng của trí thức. Bạn m u Ồi khảo cứu văn hóa ở những vấn đề lớn lao của nhu cầu kiến thức.

Nhưng theo tôi, văn hóa chẳng những xây nền móng trên các vấn đề lớn như văn học, giáo dục, văn chương nghệ thuật, về luân lý, về tập tục, về sử ký, địa dư mà còn bằng bạc ở những c á i nhỏ nhặt và tầm thường. Vì cái nhỏ, theo tôi, nằm trong cái lớn và cái lớn bao trùm cái nhỏ.

Bây giờ bạn ngắm bụi tre, khóm chuối, óc liên tưởng của bạn sẽ đưa bạn về mảnh vườn xưa của bạn, và đã liên tưởng sẽ dắt bạn đi xa hơn, vào miền Nam và toàn thể đất nước. Bạn sẽ n g h i tới vấn đề canh tác, trồng trọt theo phương pháp cổ truyền của người dân quê Việt Nam. Từ cây cau, bụi chuối bạn có thể nghĩ đến cuộc sống cùng cách sống, thói ăn nết ở của dân mình. Nếu khóm trúc, khóm tre ở xứ người có những điểm dị biệt với khóm tre xứ mình, óc liên tưởng không đưa bạn đi quá xa đâu.

Bạn ở trên các nước tạm dung Tây phương, bạn không quen ăn phở mách, bở, sữa thường x u yên. Bạn chỉ ngon miệng ở tương, mấm, nước mấm, không hẳn chỉ khẩu vị của bạn quen thức ăn q u ốc tủy quốc hồn đâu, mà vì bạn có thể tìm được cái hồn nước, cái tình đất trong các món ă n thanh đạm kia. Qua tương, mấm bạn có thể nghĩ rằng dân mình nghèo, khi có đậu, có cá n h i ều thường tiết kiệm bằng cách lằm tương, lằm mấm, có thể để dành lâu. Từ chén tương, đĩa mấm, n g. dân nghèo biết thêm tối ột, biết nếm cà pháo, cà nghệ, biết luộc rau để chấm với tương mấm và để lằm tương, mấm thêm nôi thêm hưởng vị. Bạn sẽ nghĩ rằng ở hoàn cảnh bần hàn, eo hẹp người Việt Nam vẫn vui sống, vẫn lằm cho cảnh sống thêm hưởng vị. Và bạn sẽ cảm không thấy n g ọn khi dầm dĩa chuối ngâm giấm của Tây vào chén mấm tôm bằng dầm cà pháo. Sai một vài chi tiết khẩu vị của bạn sẽ không thưởng thức trọn vẹn hưởng vị của món ăn và món mấm biến cải đ ố không đưa đã liên tưởng bạn đi xa hơn vào hồi ức hưởng về xứ sở ta.

NGUỒN CỘI hay VĂN HÓA nếu chỉ nằm trên vấn đề lớn thì ít được người đọc vì nó nặng đ ầ u, nặng óc. Nhưng nếu nó bằng bạc khắp nơi, từ miếng ăn, từ câu chuyện tán gẫu hoặc từ cuộc t ố tình yêu giữa trai gái... thì rất hợp với quảng đại quần chúng. Tất cả đều có thể chòm l ộ, chúng tổ tình thần, luân lý của một dân tộc. Nếu bạn xem một tuồng hát, bạn gặp một màn t ố

tình có cô gái miệng nói toàn sự tự do về tình dục một cách bạo dạn, huých tẹt, cậu trai xun xe trước mặt phải nủ bằng lối ve vãn lộ liễu... thì bạn sẽ thấy họ biến thành Tây thành Đám của thế hệ mới rồi. Nhưng nếu bất gặp một màn tỏ tình, cậu trai nhất mà làm bộ bặm gan dạn dĩ, cô gái tỏ tình không bằng cách mở đèn đỏ mà dùng toàn là cách mở đèn xanh, mở đèn vàng, nói chuyện trên trời dưới đất, nhưng vẫn cố làm sao cho cậu trai hiểu ý mình. Bạn sẽ thấy đó là màn tỏ tình của đôi lứa trẻ Việt Nam và cũng qua màn tỏ tình đó, bạn sẽ thấy cả một cái trạng thái tinh thần (mentalité) cùng cách sống của người Việt mình.

VỀ NGUỒN, nếu hiểu theo nghĩa thông thường tức là trở về với con người của nơi giống mình. Bạn đã nhập quốc tịch Mỹ, Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ hoặc Gia Nã Đại đi nữa, nhưng đó là bạn muốn để bề sinh sống trên xứ sở bạn định cư thế thôi. Muốn đời, bạn không thể trở thành người Mỹ hoặc người Đức, người Pháp, người Thụy Sĩ và người Gia Nã Đại dù bạn có nhuộm tóc hay giải phẫu ở mỹ viện để cho cái mũi của bạn trở thành mũi lỗ hoặc bạn lấy vợ đầm đi nữa... Bạn phải VỀ NGUỒN nếu bạn bền chí giữ mãi ước vọng hồi hương. Người Do Thái nhờ tinh thần VỀ NGUỒN mà đã được lập quốc sau khi trải qua gần 20 thế kỷ vong quốc. Bạn cũng cần phải giữ tinh thần VỀ NGUỒN trước hết để cho người Tây phương không nhìn bạn là kẻ đến xứ sở họ với mục đích tha phương cầu thực, ăn bám họ mà vì bạn buộc lòng đến ở xứ sở họ vì không chịu nổi chế độ hà khắc của bọn Cộng Sản ở Việt Nam.

Hai tiếng VỀ NGUỒN gợi ngay cho bạn cái văn hóa của nơi giống chúng ta. Phần đông, ngộ, mang chiêu bài làm văn hóa dân tộc thường viết về văn hóa trên những vấn đề lớn như văn học giáo dục, văn nghệ, kinh tế, chính trị, lịch sử, địa dư. Lại có người viết về văn hóa qua khía cạnh triết học, qua khía cạnh văn minh chủng tộc. Những người đó đều có công với văn hóa nước nhà qua công trình sưu khảo tỉ mỉ, qua óc nhận xét sắc bén. Đó là Lê Văn Siêu, là Sơn Nam (qua cuốn "VĂN MINH MIỆT VƯỜN"), là Bình Nguyên Lộc (qua quyển "NGUỒN GỐC MÃ LAI"), là Đoàn Quốc Sỹ (qua quyển "NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YẾU"), là Toàn Ánh (qua một số tác phẩm nói về tập tục Việt Nam rất hùng hậu).

Viết về văn hóa dân tộc, về nguồn cội của dân Việt, không chỉ cần phải đặt nền tảng ở những vấn đề lớn lao. Văn hóa giăng mắc khắp mọi nơi, nguồn gốc dân tộc chan hòa ở mọi lãnh vực, thao thức luôn luôn trong tâm hồn của người Việt thuần túy. Bạn muốn trở VỀ NGUỒN, bạn không cần làm chuyện lớn, không cần dùng những ngôn ngữ triết học, không cần vay mượn những lời của các tư tưởng gia lừng lẫy ở Tây phương. Chỉ nhìn một vấn đề nhỏ nhất tâm thường cho sâu, chỉ cần diễn tả bằng ngôn ngữ đơn hậu, khiêm nhượng và đơn giản, bạn vẫn có thể đề cập đến vấn đề NGUỒN GỐC và VĂN HÓA DÂN TỘC.



Người làm văn hóa dân tộc thường có thể ngay ở địa hạt văn chương. Anh Thơ với tập thơ "BỨC TRANH QUÊ". Bằng Bá Lân với tập thơ "TIẾNG VÒNG ĐUÀ", Trần Tiêu với truyện dài "CHỒNG CON" và "CON TRẦU", Phi Vân với tập truyện "ĐỒNG QUÊ", Trúc Giang với truyện dài "CÁNH ĐỒNG", Thạch Lam với "HÀ NỘI BA MƯỚI SÁU PHỐ PHƯỜNG", Vũ Bằng với "MIẾNG NGON HÀ NỘI", "THƯỜNG NHỚ MƯỜI HAI", Đỗ Thúc Vinh với hai truyện dài "BÔNG TRE XANH" và "DĨ MƠ", Toàn Ánh với truyện dài "QUÁ VẮNG". Đọc xong các tác phẩm kia bạn sẽ thấy mình được "ta về ta tắm ao ta", mình được VỀ NGUỒN. Vì sao? Cứ một mối miêng ăn, một khung cảnh, một biển cỏ, một hoạt cảnh đều có thấp thoáng cái không khí, cái anh linh của núi sông, cái hơi thở của tiền nhân ta, cái dấu vết thời đại của từng thế hệ dân tộc ta.

Bạn đâu có biết trong những cuộc tiếp xúc của bạn với người ngoại quốc bạn có thể làm văn hóa dân tộc khi bạn kể cách sống của dân tộc ta, khi bạn nhắc lại một địa danh nào mà bạn đã sống trên đất nước, hoặc bạn kể lại một chuyện thần thoại, một truyền kỳ. Tôi hiện đang ở một tỉnh rất ít người Việt, tôi viết báo thì nhiều, nhưng công khai viết về văn hóa hầu như không có. Thế mà tôi vẫn biết tôi làm văn hóa dân tộc vì tôi thường tiếp xúc với một số bạn trẻ ở thế hệ kế tiếp thế hệ tôi. Tôi thường kể cho họ nghe thời đại mà tôi sống mãnh liệt nhất (thập niên 50-60) những nơi tôi đã đi qua, những tập tục ở từng địa danh. Rất nhiều bạn trẻ mê say cái thời tôi sống mãnh liệt đó và họ yêu thêm đất nước ta, yêu cái truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Đối với những người bạn đi chung, tôi kể cho họ nghe nếp sống cũ a đại gia đình tôi, vùng phù sa có nhiều kinh rạch mà tôi đã sống theo bước chân thường hời. Tôi đãi họ những món ăn Việt Nam thuần túy. Một anh bạn Pháp bảo rằng:

- Qua cuộc đàm đạo với bạn. Tôi nhận thấy người Nam Kỳ (Cochinchinois) cởi mở, trực tánh, đơn giản giống như người miền Provence xứ tôi. Người Bắc thích văn chương, thơ mộng nhg rất tếu

Nói chung người Việt Nam ưa sống gần gũi nhau. Món ăn Việt không bí bàng, cầu kỳ như món ăn Tàu, nhưng thật ngon và tinh nhã (raffiné).

Đó bạn xem, tôi cũng giới thiệu một phần nào trạng thái tinh thần người Việt và qua món ăn anh bạn đi chung có thể nghĩ rằng tâm hồn người Việt tế nhị "quí hồ tinh, bất quí hồ đa" (ăn cần làm món ăn tinh xảo, chứ không cần nhiều). Tôi có thể tự hào tôi giới thiệu một khía cạnh văn hóa của dân mình với người ngoại quốc, dù là trong phạm vi nhỏ hẹp, không có giấy mực và hệ thống truyền thông (truyền thông tức là media chứ không phải truyền thông tradition đâu nhé) tinh vi. Và bạn nữa, bạn cũng đã từng làm như tôi, nhưng bạn đâu có biết mình đã làm văn hóa dân tộc. Văn hóa dân tộc là một vấn đề lớn rộng, có muôn vàn khía cạnh mà trong cuộc sống thường nhật ta vẫn đụng chạm tới mà ta không biết.

Nếu bất chợt có ai hỏi bạn: "Văn hóa dân tộc là gì?". Chắc chắn bạn sẽ lúng túng. Lại phải tra tự điển, phải vào thư viện mượn từng khối sách dày cộm để nghiên cứu rồi ghi chép ra những trang giấy trắng gang đại hải trong khi đó văn hóa dân tộc bằng bạc ở chung quanh ta, trước mắt ta, trong tâm hồn ta, trong huyết quản ta.

Bạn muốn làm văn hóa Việt ư? Đó tức là bạn muốn trở VỀ NGUỒN. Ở trên đất tạm dung dãi bạn có gia đình, có bè bạn, nhưng bạn vẫn không cảm thấy hồn phách mình buộc chặt vào đất nước ấy. Bạn tự cảm thấy mình phải VỀ NGUỒN. Nhưng VỀ NGUỒN đâu phải trốn vào cái dĩ vãng tưng tưng ở quê hương để tìm lại phong vị đã mất. VỀ NGUỒN không phải là việc chủ bại, không phải là chỗ không dám đương đầu hoàn cảnh buồn tẻ và khắc khe ở hiện tại mà là ở việc xây dựng lại nền móng cho truyền thống của chúng tộc và tổ quốc. VỀ NGUỒN để yêu thêm quê hương, đồng bào. Ai cũng có thể VỀ NGUỒN. Ai cũng có thể làm văn hóa dân tộc, không phải đợi đến nhà trí thức, đợi ở những kẻ khoa bảng, ở những kẻ đã từng đọc thiên kinh vạn quyển. Ngày xưa, người làm văn hóa phải là người có khoa bảng, học thuộc lòng Tứ Thư Ngũ Kinh để viết lên những sách nói về an bang tế thế. Đó là những kẻ sĩ. Nhưng trên đà tiến hóa của nhân loại, văn hóa mở rộng rất nhiều con đường, nhiều cánh cửa. Kẻ sĩ làm văn hóa dân tộc theo kiến thức của kẻ sĩ. Người dân quen làm văn hóa dân tộc theo kiến thức của người dân quen. Miễn sao anh đã ứ n g gian lận chữ nghĩa và kiến thức, hoặc ngay tưng tưng, tức là viết và nói một đằng nhưng lại làm l nẻo, hoặc viết cốt để khoe khoang chữ nghĩa, kiến thức bằng cách diễn tả quanh co, rườm rà qua một mớ chữ nghĩa kêu loéng xoéng, những bài viết rườm rà, chẳng giúp ích gì cho kẻ hiếu học và cầu tiến. Làm văn hóa dân tộc như vậy, đó là công việc bộn bề của kẻ làm b a c giả, của con buôn, của kẻ đầu cơ văn hóa...

Tìm lại VỀ NGUỒN tức là trở về cái văn hóa của dân tộc mình. Làm văn hóa dân tộc tức là khảo cứu, truyền bá đời sống tinh thần của dân tộc ta và làm đối chiếu đời sống tinh thần của dân tộc ta với đời sống tinh thần của dân tộc khác. Nhưng đời sống tinh thần không chỉ thu hẹp ở những vấn đề lớn như tôi nói ở trên mà còn biểu lộ qua hàng linh tinh các việc nhỏ nhặt, xoàng xĩnh. Người làm văn hóa dân tộc phải có tinh thần khiêm nhượng, đừng có nghĩ rằng chỉ có ta đây mới có thể làm văn hóa dân tộc, còn kẻ khác là đồ bỏ đi, đồ xả rác, biết gì về văn hóa mà ồn ền, khoác lác?

Trên các đất nước tạm dung, trong cái week-end, hay bất cứ những lúc nhàn rỗi nào, bạn chợt nghe những bản nhạc dân ca của Phạm Duy, của Dương Thiệu Tước, của Y Vân, của Lê Mộng Nguyễn của Trịnh Hùng, của Nguyễn Hiền qua giọng hát của Thái Thanh, Mai Hương, Hà Thanh, Duy Khánh, Nhật Trường, bạn sẽ cảm thấy rằng song song với công việc làm văn nghệ, những người sáng tác (nhạc sĩ) và những người trình diễn (ca sĩ) đã làm một công việc thuộc về văn hóa dân tộc một cách khiêm tốn. Họ không hay biết rằng mình sáng tác một bản nhạc gợi nên tiếng hát từng đất mẹ, mình diễn tả một bài hát bằng sự rung cảm chân thành có thể hòa điệu vào niềm rung cảm của dân tộc tức là mình cùng người thường ngoạn đã VỀ NGUỒN.

Bạn tự hỏi, vậy thì vai trò của kẻ sĩ là gì? Chẳng lẽ ai cũng làm được văn hóa một cách ngon ơ, thì kẻ sĩ chẳng ra cái thứ gì, công ăn học và trau dồi kiến thức của họ hóa ra đem đồ sông đồ biển hay sao? Nhưng mà bạn nhớ với lo cho công lao ăn học của các sĩ phu. Họ vẫn có vai trò hãnh hời trong xã hội. Đó là vai trò lãnh đạo quần chúng nói chung và lãnh đạo cho những người tham gia vào công cuộc làm văn hóa nói riêng. Ngày xưa, triết gia Aristote cũng đã đề cập tới vai trò của kẻ sĩ trong công cuộc lãnh đạo quần chúng. Như bạn đã thấy, ở Việt Nam, những kẻ khoa bảng thường tự vỗ ngực xưng là kẻ sĩ thường chỉ viết những quyển sách cốt để khoe khoang chữ nghĩa và kiến thức, tác phẩm của họ không có một giá trị thực tiễn nào. Đau buồn nhất cho chúng ta là chúng ta quá tin tưởng họ, song song với các tác phẩm rườm rà tuếch gấm những tư tưởng vay mượn, chấp vá tư tưởng của các học giả Tây phương

xem tiếp trang 41

Ngọc Trai giếng nước

Phong Hưng
Lưu Nhơn Nghĩa

(tiếp theo)

BỐI CẢNH LỊCH SỬ THỜI TÂN HAN

Thực Phán An Dương Vương khi chiếm xong Văn Lang, thân phục nhà Tân nên yên ổn một thời gian. Thời Tân, sau khi gồm thâu lục quốc, Đô Thư mang quân đánh Bách Việt (từ Phúc Kiến đến phía Nam là Giao Chi) chia làm 3 quân để cai trị, Nam Hải (Quảng Đông) Quế Lâm (Quảng Tây) và Túc Ưng (Bắc Việt ngày nay) Đô Thư khó nhọc đào cù vận quân lương. Dân bản xứ không phục ban đêm nổi lên đánh phá, ban ngày trốn vào rừng núi. Sử chép, quân triều "ba năm không cỡi giáp buồng cung". Người bản xứ có câu ca dao "Quan cò vạn quân, ta cò vạn sơn, quân đến ta đi, quân đi ta về". Thú nữa vùng đất miền Nam chưa thuần, khi hậu khắc nghiệt đối với quan quân triều tít ừ vùng ôn đới đổ xuống. Lĩnh Nam đặt sứ tá (Lĩnh Nam là Phú Triệu Châu ngày nay) như sau:

Hổ khiêu sơn lâm lạc
Viên ngậm tuyết nguyệt hàn
Tinh phong vẫn ngoại độ
Khố cốt thảo trung tàn

Dịch

Vượn kêu trăng khuyết lạnh
Hổ thét rừng sương rơi
Gió thổi ngoài mây thổi
Xương tàn đám cỏ phơi

Đô Thư không chịu nổi phong thổ, bệnh và bị dân bản xứ nổi lên giết.

Âu Lạc nhờ thân phục nhà Tân nên tạm yên. Đồng thời quan lý quận Nam Hải là Nhâm Ngao thức thời, thấy phương Bắc nhà Tân đã suy, muốn lập một nước tự chủ phương Nam. Chưa thực hiện ý định thì Nhâm Ngao mất, dân Triệu Đà lên thay tiếp tục. Triệu Đà cử binh đánh lấy Âu Lạc sáp nhập vào quận Nam Hải thành Nam Việt Quốc, xưng là Triệu Việt Vương, sau đủ uy thế, lại xưng là Triệu Vũ Đế. Lúc bấy giờ là thời Sở Bá Vương Hạng Võ đang đối đầu với Hán Vương Lưu Bang phương Bắc làm ngơ, dù muốn chinh phục như thời La Hầu cũng không kham nổi.

Gần 2200 năm qua, Văn Lang, Âu Lạc, Nam Hải bao lần đổi chủ, tang thương, thăng trầm. Họ T r i e u nay thuộc Hán Sử, An Dương Vương thuộc Việt Sử. Đất Nam Hải ngày nay là Quảng Đông Trung Quốc Âu Lạc là phần phía Bắc Bắc Việt. Ranh giới ngày xưa chưa rõ rệt, mỗi thời đại, mỗi địa danh. Dân Bách Việt từ Dương Tử Giang xuống phía Nam, Hán tộc từ Dương Tử Giang về phía Bắc. Hán tộc, Việt tộc về nhân chủng không khác biệt, đồng sinh tồn trên dãy đất liên tục, gần c á ch bởi địa hình, sông núi và thổ ngữ. Dân Phúc Kiến là Mân Việt, huyết thống chủng tộc không khác dân Hán, không xa dân Việt bây giờ.

LUẬN CÔNG TỘI

Công với ai ? Tội với ai ?
Ai có thẩm quyền định công luận tội ?

1/ TRIỆU ĐÀ ; Người Hán, gốc ở Chân Định, làm quan Uy cho nhà Tân, thay thế Nhâm Ngao. N ế u Nhâm Ngao sống lâu hơn, sự nghiệp Triệu Đà chưa chắc thành công đến thế. Lý do gì Triệu Đà phải bỏ về quận Nam Hải, miền cực Nam, phong thổ khắc nghiệt. Miền "Nam man xa ngàn dặm, một lần đi khó định ngày hồi hương, đất lạnh cho những người thê cô, thất sủng bị lưu đầy. Với mở kinh nghiệm chính trị, văn hóa mang theo từ phương Bắc cộng thêm địa thế biệt lập giúp Triệu Đà cơ hội thuận lợi lập nghiệp bá vương. Thời Tân suy vi, tiếp theo cuộc tranh chấp Hán Sở chưa ngã ngũ, nên Triệu Đà đủ thời gian gây thanh thế, không lo ngại sự dòm ngó của phương Bắc, lại không sợ tiếng bất trung. Thú nữa, quân Hán Đế sau này muốn mang q u ả n chinh Nam không phải chuyển dẽ.

Mục tiêu chính trị sẵn có, Triệu Đà cố thôn tính Âu Lạc không kham, bèn giao hảo, phủ dụ A n Dương Vương cầu thân (một âm mưu chính trị) xin cưới Mỵ Châu công chúa cho Trọng Thủy dẽ ầu

Lạc an tâm chênh mảng việc binh bị phòng thủ, lại gởi cho Trọng Thủy ở rể để dò xét quân cơ. Kế hoạch tỵ mỹ được giao cho con mình là Trọng Thủy (khôn khéo không kém cha!) thi hành.

Việc Âu Lạc bị mất không đáng làm ta ngạc nhiên. Phương Bắc, Hán Cao Tô Lưu Bang dưới trướng đây mưu thần đứng tướng còn nề vì Triệu Việt Vương. Hán Đê sai Lục Giả (một mưu thần đắc lực sau Trương Lương, Tiêu Hà) sang phong vương cho Triệu Đà (năm 196 trước Thiên Chúa) Triệu Đà ở kiều căng, không muốn thân phục Hán triều, tỏ thái độ khinh bạc, ngồi xồm tọa theo lối dãn bản xứ, không lấy nghi lễ Hán triều tiếp sứ. Lục Giả thuyết dụ rằng: "Nhà vua là người Hán, mô mã, tô tiên, thân thích còn ở Chân Định, nay Hán Đê làm chủ thiên hạ, sai Sứ phong vư ơng cho nhà vua, nếu nhà vua chống lại Sứ thần, không chịu thụ phong, Hán Đê tất phạt lòng, h ử y hoại mô mã và giết thân thích vua, rồi mang quân triều sang đánh thì vua sẽ ra sao? Triệu Đà nghe vậy, đứng dậy thì lễ, vô dui nói: "Tiếc ta không khởi nghĩa ở Bắc phương, chứ nàophải ta kềm gì Hán Đê!".

Khi vua Cao Tô nhà Hán mất, vợ là Lữ Hậu chuyên quyền, cầm bản vật dụng kim khí, điền khí và gia súc giống cái cho Nam Việt (mục đích phá hoại kinh tế). Triệu Đà giận mang quân dãn h Trường Sa (Hố Nam). Quân Hán đổ xuống không hợp thủy thổ, bị bệnh tật nên bị thua, lui về Bắc Vũ Vương xưng đế hiệu, dùng nghi lễ Hoàng Đế như Hán triều, uy thế lừng lẫy. Tiếc là concháu Triệu Đà không đủ khả năng gây dựng. Nếu Triệu Đà sống lâu hơn và có đủ nhân tài như phươg Bắc, Việt Nam ngày nay gồm thêm hai tỉnh Quảng Đông/Quảng Tây cũng nên. Những lịch sử không diễn ra theo chiều hướng đó, đặt giả thuyết này xét ra không cần thiết. Triệu Đà là 1 chính trị gia sâu sắc thông hiểu thời thế, một nhà quân sự chiến lược tài năng, chỉ khi ngang với Hán Lưu Bang, một Thục Phán thiếu cơ mưu chính trị, ít tiếp xúc bên ngoài, làm sao đương đầu đối với Tân thời suy vi, Triệu Đà chưa ra mặt chống đối, nên vẫn chưa ở tư thế bất t r u ng theo quan niệm Nho giáo. Đối với Hán Đê, Triệu Đà cùng thời lập quốc với Lưu Bang, hai nước không liên hệ, nên không thể xem Triệu Đà bất trung. Về sau, cháu là Triệu Ai Dương (con Thái tử Anh Tề) nghe lời mẹ là Cù Thị định dâng Nam Việt cho Hán triều, bị Lữ Gia giết chết. Nam Việt quốc không thuộc Hán, cũng không thuộc Việt. Dân Cổ Loa thành, An Dương Vương và T h ân Kim Quy, xem Triệu Đà như "giặc", đồng nghĩa với quân nghịch.

2/ THỤC PHÂN AN DƯƠNG VƯƠNG :

Sử chép Thục Phán cháu Thục Vương. Thục Phán đánh được Văn Lang vì Hùng Vương bê trễ, không phòng bị. Gốc họ Thục phát xuất từ đâu không được sử chép, có sách đoán từ Ba Thục, nhưng Ba Thục xa xôi quá, khó tin. Hoặc vậ, gốc từ Ba Thục, theo các làn sóng di dân từ miền Bắc đổ xuống lâu đời thành dân bản xứ. Đại khái đất Thục Vương là một nước nhỏ (như nước Lô, nước Tân, nước Vê v.v...) Sau khi chiếm Văn Lang, Thục Phán lập nước Âu Lạc, xây Cổ Loa thành để bảo vệ cơ nghiệp mình. Việc dựng CổLoa thành có tính cách phòng thủ hơn là mở rộng bờ c ỡ i, xưng An Dương Vương, thân phục Tân nên ít chiến tranh, thỏa mãn với thành công hãnh chùng đến đây thôi. Sống hòa mình với dân bản xứ, trong quốc gia cổ lập, Thục Phán chưa học hỏi thuần hảo kinh nghiệm chính trị, cơ mưu của Hán Triều Hoa Bắc. Chống lại Triệu Đà thì tin vào "Chiếc móng rùa" các dân tộc thiểu số ngày nay vẫn còn tin những bùa hộ mạng như nanh heo rừng, răng hổ, v.v. có hiệu lực phù trợ. An Dương Vương chỉ đủ thắng Hùng Vương thời suy vi.



Thục Phán kềm hãnh Triệu Đà về cơ mưu, thủ đoạn chính trị. Khi Nam Hải vừa gây chiến chiếm Âu Lạc không xong, Thục Phán thuận đem con duy nhất mình gả cho Trọng Thủy, làm thông gia với đối thủ từng động đao binh.

Lý do ?

- Thục Phán muốn giao hảo để yên thân vì biết mình không chống nổi quân Triệu Đà ?

- Thục Phán nhẹ dạ tin người nên bị gạt ? Không biết giá thiết nào đúng đây ?

Hành động cho Trọng Thủy ở rể, Thục Phán quên mất bài học cha ông là Thục Vương đối v ớ i việc cầu hôn My Nương con gái vua Hùng sao ?

Hay Thục Phán sợ chuyện từ hôn với con Triệu Đà e xảy ra nạn đao binh như tiên vương mình với Hùng Vương ? Dù sao, Thục Phán đã phạm ngay lỗi lầm căn bản khi cho Trọng Thủy ở rể.

Khi Triệu Đà lo huấn luyện sĩ tốt, chuẩn bị chiến tranh, An Dương Vương thờ ơ bình bị, an tâm là thông gia chắc không cử binh chinh phạt, y lại vào nổ thần và Cổ Loa thành. An Dương Vương không có chí lớn, thiếu tham vọng mở rộng bờ cõi dựng nghiệp đế. Trọng Thủy, con kế tửng l ấ

xem tiếp trang 65

VẤN ĐỀ HOÀNG PHÁP

NAM MÔ ĐƯỜNG LAI HẠ SANH
ĐI LẠC TÔN PHẬT

Những dòng lệ lăn trên má, những giọt mồ hôi chảy dài trên trán, cũng làm cho ta khó chịu nếu ta không lau, huống hồ đây là những nỗi ưu tư, cứ dằng dặt mãi trong tôi, nhưng với 1 cái tôi tâm thường này thì không cải thiện được gì, thế nên tôi phải trình bày nơi đây, để có thể phân nào giải trừ bớt sự suy tư, lo lắng...

Hôm nay tôi viết lên những dòng này, trước đó hai mươi năm - Kể từ lúc khai niệm được đạo Phật - tôi đã đặt nhiều câu hỏi, và đã được chư Thượng Tọa, Đại Đức giải đáp thỏa mãn. Nhưng những năm sau này, kể từ ngày tôi rời khỏi quê hương, đặt chân lên xứ người, nh nh vào xã hội mà tôi sống, cũng như các quốc gia khác trên thế giới, tự nhiên ý niệm xưa lại lớn vồn, ray rứt mãi trong đầu tôi.

Đó là vấn đề "HOÀNG PHÁP", hay nói nôm na sự truyền đạo của Phật giáo. Tôi vẫn biết, dĩ nhiên là vấn đề rất xưa, cũ, đã có hàng vạn bậc tôn túc, trí thức đề ra rồi. Cụ thể trước đây không lâu, - So với 25 thế kỷ lịch sử Phật giáo - giáo hội Phật giáo thế giới đã ra đời, không ngoài mục đích hoàng dương đạo pháp, hoàng hóa chúng sanh.

Có lần tôi được phép đặt câu hỏi với một Thượng Tọa: "Tại sao Phật giáo chúng ta có 1 Giáo hội thống nhất, mà không có một giáo quyền thống nhất, hầu hữu hiệu quả trong vấn đề hoàng pháp?". Ngài cười và đáp:

- "Hữu xạ tự nhiên hương". Mỗi một Phật tử chúng ta, giữ đúng oai nghi, đi, đứng, ngủ, nghỉ năm ngời, thể hiện được lòng từ bi của chư Phật, chư Bồ Tát, sẽ bằng hàng vạn bài pháp, cần gì phải gõ mõ bởi một giáo quyền, một lễ luật. Tuy nhiên Giáo hội vẫn phải quan tâm và đặt Tông vụ Hoàng pháp, Tông vụ Tăng sư và Tông vụ Xã hội lên hàng đầu như con đã thấy - Bạch Thượng Tọa, nhìn qua Giáo hội Thiên

Chúa giáo, ta thấy họ có một lực lượng giáo sĩ rất hùng hậu, họ đi khắp cùng thế giới để rao giảng về lòng bác ái của Chúa.

- Phật giáo lấy sự tự giác làm phương châm (tự độ, độ tha). Tuy nhiên nếu Phật giáo thế giới làm được như thế, cũng là điều tốt. Nói tới đây, Ngài mở đầu ngoặc: "Con cũng biết, Thầy không được duyên lành để học hỏi nhiều như những vị Thượng Tọa, Đại Đức khác, vì vậy nhận xét sau đây của Thầy không được tinh tế lắm...".

- Mặc dù Phật giáo không yếm thế như Mặc, không quá thụ động như Lão giáo, tuy nhiên Phật giáo vẫn chú tâm về "tĩnh" hơn "động", tự do hơn gõ mõ. Đại khái, Con thấy bất cứ 1 người nào với đầu tròn, áo vuông cũng có thể gọi là nhà sư, và chính họ cũng tự xưng là: "Bần tăng", không cần biết người đó tu hành ra sao. Đối với Phật tử tại gia, chính trong gia đình Thầy, Thầy đã trên ba mươi năm ở chùa, dĩ nhiên gia đình Thầy, - theo con nghĩ - phải là một gia đình Phật tử thuần thành, thường tới lui bái sám? Không đâu! Trên ba mươi năm Thầy ở chùa, thân mẫu Thầy chỉ đến chùa lễ Phật chừng mười lần gì đó... Nhưng có một điều Người rất hãnh diện là một Phật tử, nếu có ai hỏi đạo gì, Người khẳng khái trả lời: "Tôi đạo Phật và đạo thờ Ông bà... Họ rất được tự do, tự do ngay trong tâm thức của họ. Phải chăng đó là một trong những đặc tính của người Á Đông, và đã phù hợp với giáo lý Phật giáo. Điều này Thầy không dám lạm bàn nhiều, để cho những nhà Tâm lý, Xã hội học, hoặc những bậc Thiện tri thức nhận xét...

Qua hình ảnh đơn cử một tu sĩ và một Phật tử tại gia, không phải là trong họ không tiềm tàng một niềm tin của họ, không phải họ không hãnh diện với niềm tin của họ, không công nhận là họ không muốn truyền đạt niềm tin của họ cho mọi người khác!! Nhưng với bản tính của người Á Đông nói chung, của người Phật tử Việt Nam nói riêng, họ không làm gì khác hơn là âm thầm và tự giác, ... Theo Thầy nghĩ, tự giác ở đây còn kèm theo nghĩa "tự do" nữa.

Qua nhiều năm tôi được gần gũi kính lễ và giáo lý Phật giáo, thầy nhận xét trên qu đ đúng. Ở đây tôi muốn nói riêng về người Phật tử Việt Nam. Họ phải quanh năm, suốt tháng đầu tắt, mặt tối với cái ăn, cái mặc chỉ đến chùa vào những dịp đầu Xuân, hoặc vài ba kỳ lễ lớn như rằm tháng tư, hoặc rằm tháng bảy. Đôi khi họ không cần biết giáo lý sâu xa của đạo Phật như thế nào, họ không đủ thì giờ để nghe quý Sư, quý Thầy thuyết pháp, hoặc giá có thể họ không hiểu hết, hoặc không để ý tới những câu những lời Phật dạy, họ cho đó là những lời lẽ cao siêu, triết lý, chỉ dành riêng cho quý Sư, quý Thầy học hỏi và tu tập. Họ chỉ có những đại khái trong đầu: "Đạo Phật dạy người t a

hiếu để ăn hiền, ở lành, dạy người ta phải có lòng từ bi, quý trọng sinh mạng chỉ những con sâu, cái kiến. Đây là những đặc tính chung của người Phật tử Việt Nam. Nhưng Phật giáo không phải chỉ dành riêng cho người Việt Nam, người Hoa, người Ấn, người Nhật, người Miên... Mà là đạo Phật của nhân loại, đạo Phật của muôn loài. Và làm thế nào để nhân loại biết, hiểu được đạo Phật !!

Đó là vấn đề, mặc dù xưa, cũ, tôi vẫn mạo muội nêu lên với các bậc Thiện tri thức, chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và quý Phật tử.

Tôi không có ý so sánh hay bàn luận gì về sự truyền đạo của tôn giáo bạn, nhưng chúng ta thử nhìn vào nội qui của giáo dân Thiên Chúa giáo, ở đây, buộc họ nên thường xuyên tới nhà thờ xem lễ, để tìm hiểu, học hỏi những điều răn dạy của Chúa, hầu đối với Chúa "để có thể đời đời dọn mình, để có thể đời đời ta ởn Chúa và vinh danh Thiên Chúa"; đối với xã hội loài người: "Để có thể hòa hợp, hòa đồng thân ái, tương trợ, đồng đưa nhân loại đến Chân Thiên Mỹ".

Một vài tổ chức của những người theo Hộ i Thánh Tin Lành, đại khái, mỗi tuần, ngoại trừ ngày chúa nhật, đến nhà thờ, họ còn dành riêng một buổi tối trong mỗi tuần, luân phiên đến thăm hỏi, hội họp, bàn thảo từng gia đình trong Hộ i Thánh của họ. Những qui luật trên của Hộ i Thánh cho ta thấy được sự hợp đoàn, tương trợ thật chặt được sợi dây liên kết giữa những tín hữu với nhau, ngoài ra họ còn rao giảng, khuyến khích những người chưa hiểu về Hộ i Thánh của họ, cùng hiểu và cùng theo với họ.

Trên phương diện truyền giáo, vấn đề xã hội, cơ quan từ thiện, đóng một vai trò rất hệ trọng. Đó cũng là một trở ngại lớn của Phật giáo.

Chúng ta biết, hơn hai ngàn năm về trước loài người không xây dựng trên căn bản kinh tế để sinh tồn, nhưng ngày nay, kinh tế giữ một vai trò trọng yếu trong xã hội loài người. Vì vậy nên vấn đề phụng sự xã hội phải được đề ra, tôi không dám nói tới cần, nhưng phải quan tâm một cách đặc biệt.

Viết tới đây, tôi nhớ lại vị Thượng Tọa ngộ. Anh - Thượng Tọa ABHINYANA - Ngài đã t h eo hạnh từ bi của đức Từ Phụ, Ngài nguyện đi cộ khắp các trại tị nạn để hướng dẫn và an ủi tinh thần các nạn nhân của chiến tranh cũng như các nạn nhân của Cộng Sản, Ngài đã t ở i Phi Luật Tân. Qua thời gian khá dài, (có lẽ trên ba năm) lá thư mới nhứt, cách nay h a i tháng, tôi được Ngài cho biết, thời gian sau này Ngài đã đi qua các trại tị nạn Hồng Kông

Mã Lai, và hiện giờ Ngài đang ở tại trại tị nạn Thái Lan. Ngài có một thiên cảm đặc biệt với Phật tử Việt Nam. Có lần Ngài nói với tôi "Thời gian được đi định cư càng kéo dài, số lương Phật tử ở các trại tị nạn càng giảm đi. Bồi riêng tại Phi, Phật giáo ở Phi không có một ngân quỹ, không có một cơ quan từ thiện, chỉ trừ một thiểu số tu sĩ người Hoa, họ nghèo, tôi cũng nghèo. Không biết ai đã d a y cho Ngài câu tiếng Việt, tôi viết ra đây v à xin "miễn bàn": "Cô thực mới giết được đạo" Đôi lúc Ngài cũng gặp phải chông gai t r ên đường hoằng hóa chúng sanh. Nhưng Ngài đã đi qua khắp cùng các trại tị nạn, chia sẻ n ò i nhục nhằn với người dân tị nạn. Điều đó chứng tỏ rằng niềm tin và ngọn đuốc từ bi của Chư Phật, Chư Bồ Tát đã soi sáng và dẫn dắt Ngài vượt qua mọi trở ngại...



Đức Phật vì muốn chúng sanh khai hiển Phật tri kiến để được thanh tịnh, vì muốn chỉ thị Phật tri kiến cho chúng sanh, vì muốn c h o chúng sanh tỏ ngộ và chúng nhập Phật t r i kiến mà hiển ra trong đời... Do đó c h ú ng sanh cần đến Phật pháp như cây cỏ dưới ánh nắng hè cần cơn mưa rào, như người đi trong sa mạc cần nước, như người đi đêm cần á n h đuốc... Phật tử chúng ta, được nhiều d u yên lành, hiểu pháp, gần tăng, tại sao không mở rộng lòng từ bi, để hướng dẫn những ai chưa được may mắn như ta. Ví dụ như những dân tộc của các quốc gia ở Nam Mỹ, Phi Châu còn nghèo đói hầu hết họ chưa hay biết gì về lòng từ bi mà Chư Phật đã ban phát cho chúng sanh. Chúng ta là Phật tử tại gia, dĩ nhiên khó mà gánh vác được nhiệm vụ trọng đại và thiêng liêng đó. Duy chỉ trông cậy vào Chư Tăng Ni mà thôi. Nghĩa là ít nhất cũng phải có sự hiện diện chư vị Tăng Ni tại những nơi đó, để gieo nhĩ hạt giống từ bi, để tạo những nhân lành, gây những duyên thuận. Và nhiệm vụ của Phật t ử chúng ta cũng không kém phần quan trọng. Đó là công việc "Hộ pháp". Nếu quý Tăng Ni làm nhiệm vụ "Pháp thí" thì chúng ta cũng phải làm nhiệm vụ "Tài thí", tạo điều kiện thuận lợi, vun bồi và duy trì kể cả các vị Sư giả Như Lai, lẫn những hạt giống Phật mà chúng ta mới vừa gieo và sắp sửa gieo.

Với hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, thật sự

hàng tháng bỏ ông vài ba chục bạc, để bòn chút phước đâu đến đời nào.

Theo tôi nghĩ, với ngân quỹ vừa đủ để c h i dụng cho Chú Tăng, Ni, một ngân quỹ đủ để sử dụng trong việc xây dựng và cứu trợ xã hội thì vấn đề hoằng pháp sẽ không gặp khó khăn lắm bất cứ ở nơi nào.

Mỗi Phật tử chúng ta, với hừng tâm tài thí, - mặc dù không nhiều, nhưng nhiều tay vô n ê n kêu - đóng góp vào công việc hoằng dương đạo pháp. Tức ta đã cúng dường Pháp bảo và Tăng bảo. Chúng ta sẽ thọ lãnh phước báo vô l ậ u vậy.

Bàn tới đây, chúng ta lại gặp phải một t r ở ngại không nhỏ. Đó là việc đào tạo, vun b ò i Tăng Ni tại Đức. Ở những xứ mà mọi người chỉ chú trọng vào vật chất, nhất là người V i ệt chúng ta hiện thời, lúc nào cũng mang tâm trng của kẻ ly hương, ăn xối, ở thì, không có gilàm chắc chắn, căn bản... liệu có người nào trog chúng ta, hoặc con cháu chúng ta đủ đại hùng đại lực xả bỏ vòng tục luy này hay không ? Hay chỉ trông cậy vào những vị Tăng Ni đ ã hiện diện bấy lâu nay ? Qua bản tổng kê của Đại Đức Thích Như Điện, cho ta thấy số tu sĩ Việt Nam tại các quốc gia trên thế giới, quá ít so với số lượng cần thiết...

Nghĩ tới, chúng ta cũng nên nghĩ lui, Phật dạy "Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật". Thật vậy, nếu hợp cơ duyên, không thiếu người sẵn sàng cởi bỏ sự triền phược, để đi t h eo bước đi của Đấng giác ngộ.

Lúc còn bên nhà tôi được biết một người Đức đã đứng mảnh rời bỏ quê hương, không mản đến xe hơi, nhà lầu, vui sống trên mảnh đất nhiều nghèo đói và bom đạn như Việt Nam, đã khoát lên mình chiếc y hoại sắc... Thêm trường hợp vị Thượng tọa người Anh mà tôi có dịp nói ở trên. Ngoài ra do đức độ cao dày của Chú Thích Toa, Đại Đức, đã cảm hóa được thành phan thanh niên, giới trí thức một số lượng không n h ở tại những quốc gia mà chú vị công tác Phật sự. Trong những năm gần đây, thế giới đã được mở rộng tầm nhìn hơn về Phật giáo, ấy c ữ ng nhờ công đức của Chú Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, đã hiện diện khắp mọi nơi, và có những cố gắng vượt bực trên con đường hoằng dương đạo pháp.

Qua những cụ thể trên, chúng ta có quyền lạc quan và trông cậy vào Chú vị Tăng Ni tại Đức hiện thời cũng như việc đào tạo tăng t ãi cho mai hậu.

Tới đây con xin thành tâm khấn nguyện cùng Mười Phương Chú Phật, từ bi gia bị cho pháp

thê Chú Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni đang khương an, hầu hoàng dương chánh pháp chúng sanh dị đồ. Cúi mong Chú bậc thức giả và những ai hằng tâm tới đạo pháp, hãy để tâm xét lại những nỗi ưu tư, mà tôi nghĩ k h ông phải của riêng tôi, hay của riêng quý Sư, quý Thầy...

NAM MÔ HOAN HỈ TẠNG BỒ TÁT MA HA TÁT.

• HUỆ TƯỜNG Hochdahl

tiếp thu trang 35

độc giả xem, do đó "Đường không biên giới" cũng chỉ đi được trong giới hạn của một cuộc hành trình thôi.

Kính mong quý vị thông cảm và lượng thứ cho.

(Còn tiếp)



Nhắn tin

• Ta vẫn Ba hiện ở tại Zwickstr. 5, 7334, Süssen muốn tìm Diệp Đồi (tử Diệp Hào) từ Việt Nam qua Đức ngày 10.9.81. Nay ở đâu xin liên lạc về địa chỉ trên để nhận thư c ù a Diệp Lai ở Trung Quốc gửi sang.

• Tìm bạn là Nguyễn Vũ Thành cùng chị l ậ Bình và em là Sơn trước ở Rosenhügel 26 Lau, rensberg 5100 Aachen. Nay ở đâu. xin liên lạc về Nguyễn Xuân Dũng 718 B Beaufort St. MT Lawley WA 6050 Australia. Rất mong tin.

• Trường Hồng Sơn hiện ở tại Jacob Cats - straat 94, 5921 XE, Venlo, Holland. Tel. 77-21466 muốn tìm Nhan Thị Hoa trước ở Rạch Giá học trưởng Nguyễn Trung Trực. Nay ở đâu xin liên lạc về địa chỉ trên để biết tin.

• Châu là Đan Thường Vân sinh ngày 19.8.61 tại Cần Thơ tìm chú là Đan Văn Mạnh và em họ là Nguyễn Thị Hải có chồng là Vũ Văn Tiên vượt biên năm 1979. Xin liên lạc về

C/o Hồ Kinh Trúc
Tannenhof 1
4350 Recklinghausen

họ lao đầu vào lãnh vực chính trị để mưu lợi cá nhân, hoặc dự vào các cuộc phản chiến để kiểm soát đồ la của các phần tử Mỹ nguy hòa (pacifistes) một cách nhục nhã. Các nhà lãnh đạo văn hóa dân tộc có một vai trò thật khó khăn là nhận định từng năng khiếu của người cộng tác, kết hợp từng năng khiếu cá nhân để hệ thống hóa, tổng hợp hóa thành một ngành văn hóa đại qui mô. Nói thì dễ, nhưng lao vào lãnh vực văn hóa là một công việc đầu có để dang g i. Nội cái việc nhận định từng năng khiếu cá nhân cũng đã là phiền phức, nhiều khê rồi vịnh định một năng khiếu là phải gạt bỏ thành kiến, chính kiến qua một bên.



Trên trận tuyến chống Cộng, thỉnh thoảng ta bắt gặp tinh thần VỀ NGUỒN của các nhà văn. Chắc bạn đã đọc quyển "MIỀN THƯỢNG UYÊN XƯA" do hai nhà văn Nguyễn văn Sâm và Đặng Phùng Quân chủ Qua các truyện ngắn của Nguyễn văn Sâm, bạn đã gặp lại một không khí, một khung cảnh r ã t Việt Nam. Toàn thể tập truyện, hai tác giả họ Đặng cũng như họ Nguyễn có một cái nhất quán về cảnh ngộ những người Việt Nam bị Cộng Sản kềm kẹp, những người Việt lưu vong. Tác phẩm là một tiếng kèn, tiếng đồng vọng của thế kỷ về sự tự do, tình thương yêu của con người đối với con người. Nhưng Nguyễn văn Sâm vượt xa Đặng Phùng Quân về sự truyền cảm vì Đặng Phùng Quân viết bằng lối văn thật Tây phương, sự diễn tả bay bướm, gọt dũa khéo quá, đôi lúc đọc giả có cảm tưởng ông khi viết không có cảm xúc chân thành như ông Sâm. Đây là tôi nói về sự truyền cảm thôi. Chứ giá trị các tác phẩm của ông Sâm lẫn giá trị các tác phẩm của ông Quân là một vấn đề khác mà ở bài này không có ý định đề cập tới vì hai tác giả đã là những nhà văn có sẵn một cương vị sáng chói hồi ở quê nhà, trong lúc các nhà văn lưu vong cũ gần như bỏ cuộc thì sự đóng góp của cả hai vào văn đàn qua quyển "MIỀN THƯỢNG UYÊN XƯA" vẫn là một m ó n trân bảo tinh thần cho chúng ta.

Đọc văn của Nguyễn Ngọc Ngạn, của Võ Kỳ Điền, của Võ Hoàng, của bà Huyền Châu, rồi xem những bức họa của nữ sĩ Trưng Dương lấy hứng trong bản trường ca "Chinh Phụ Ngâm", được nghe những buổi trình diễn của ban quốc nhạc "Phượng Ca" do nữ nhạc sĩ Phương Oanh điều khiển, ngộ. Việt chẳng những được trở VỀ NGUỒN mà còn tắm mát trong nguồn. Lớp người làm văn nghệ mới ở nơi hải ngoại dù có thua lớp người làm văn cũ đã nổi tiếng sẵn ở quê nhà về phương diện kinh nghiệm, nhưng chắc chắn sẽ vượt thế hệ đàn anh ở sự nồng nhiệt và chân tình, và nhất là thiện chí tách rời ảnh hưởng văn nghệ ngoại lai.

Ở California, nhà văn Võ Phiến trồng cây cau cây dứa trước nhà để lấy cảm hứng viết m ột thiên khảo luận về 20 năm văn nghệ ở miền Nam. Nhà thơ nữ Trần Mộng Tú bốn xối bốn hoa cúc trong sân, nhà văn nữ Trưng Dương trồng rau, cố gầy dựng một hình ảnh, một khung cảnh Việt Nam dưới vòm trời nắng bắt ngát ở California để cho ngẫu hứng sáng tác của mình thêm phong phú. Mới đây, tôi có nhận bức thư của chị Trưng Dương, hiện giờ đang sống ở trên đồi Placerville với người chồng Mỹ. Chị sinh hoạt với cảm nghĩ, cách sống thật Việt Nam cho đến nỗi đ ã ã n g trưng phu của chị phải đặt cho chị cái hôn danh là "Người Việt Nam chuyên nghiệp" (a professional Vietnamese). Bạn tôi, anh Lucien Trọng, tác giả quyển "L'Enfer Rouge, Mon Amour", (Hỏa Ngục Đỏ, Mối Tình Tôi do nhà Seuil xuất bản) mê cái lương như điên, tập hát Vọng Cổ cũng các bài bản cái lương khác để còn đôi chút gốc rễ bám vào quê hương. Cả bà Huyền Châu nữa, một cây cải lương xanh đôn và chỉ sáng tác hằng khi vừa xem một "sô" đại nhạc hội hay một tuồng cải lương.

Bạn ơi, khi còn ở Gennevilliers, một ngoại ô phía Bắc Paris thuộc zone 2, tôi có đọc phớt qua quyển "VIỆT LÝ TỔ NGUYỄN" của giáo sư Kim Định. Tôi nhớ mang máng, có đoạn giáo sư cho rằng, người Trung Hoa nếu tách rời sông Dương Tử Giang và sông Hoàng Hà là khó thể làm văn hóa,

và văn hóa của họ mang theo sẽ mai một dần. Cũng thế, người Việt mà tách rời sông Cửu Long, sẽ mất dần văn hóa. Quyển sách này dựa theo kinh Dịch mà bàn. Nhưng đừng về mặt tâm lý và luân lý, rất đúng. Bạn thử nghĩ xem : các ông Hoa Kiều sinh sống ở ngoài nước họ mà quên nguồn gốc của họ, quên thói ăn nết ở, đời sống tinh thần của tổ tiên họ, đã từng lập nghiệp ở hai bên bờ sông Hoàng Hà và Dương Tử Giang, thì phỏng có còn gìn giữ được văn hóa truyền thống hay không ? Cũng thế, Việt Kiều lưu vong ở hải ngoại mà quên con sông Cửu Long, quên nếp sinh hoạt cũ của mình trên bờ chín nhánh sông, của con sông vĩ đại kia, quên ông bà tiên tổ, cùng tập quán, phong tục thì làm sao có thể làm văn hóa dân tộc được ? Tách rời ở đây phải hiểu về mặt tâm lý chứ không phải tách rời trên phương diện không gian. Kiều bào chúng ta ví con quốc biển, vì muốn tìm tự do nên phải bỏ sông Cửu Long ra đi. Đó là chúng ta tách lìa sông qua một khoảng không gian bao la, xa cả một bán cầu. Nhưng nếu ta hiện giờ ở bên sông Seine, hay bên sông Mississippi, hay bên hồ Leman, hoặc bên bờ Đại Tây Dương, nhưng tâm hồn ta vẫn gắn bó với sông Cửu Long, thì ta đâu có tách rời sông Cửu Long, mà vẫn gắn bó với sông mãi mãi. Bạn là Phật Tử, bạn có đôi chút ý niệm về tinh thần bất nhị, về duy tâm sở hiện về lý sự vô ngại, thì vấn đề xa hay gần cũng do cái tâm của bạn mà thôi. Nếu hồi ở quê nhà bạn ở bên một nhánh sông nào của sông Cổ Chiên như Định An, Hàm Luông, Cổ Chiên, Bassac Tranh để chẳng hạn mà bạn chỉ mơ tưởng tới con sông Gange hoặc sông Missouri, sông Danube, thì là bạn mất gốc, mà đau buồn thay bạn lại là kẻ mất gốc tại chỗ (nói theo nhà văn Võ Phiến), thì dù bạn ở bên ven sông Cửu Long bạn vẫn xa sông hơn cả một bán cầu. Như thế, bạn đâu thể làm văn hóa dân tộc được. Nay cảnh ngộ đưa đẩy chúng ta phải rời xa sông Cửu Long, nhưng ta vẫn gắn bó với nó, tô đậm mãi kỷ niệm trong khoảng thời gian ta sống bên nó, giữ bên những hình ảnh sinh hoạt của đồng bào bên triền sông, tức là ta gắn gũi sông như bóng với hình. Cái tâm bất chấp thời gian, không gian, bất chấp địa hình, địa vật. Giáo sư Kim Định đã nhận xét đúng với những ai chưa nắm vững vấn đề duy tâm sở hiện, với những ai chưa tiêm nhiễm giáo lý nhà Phật.

Tách rời giáo lý nhà Phật qua một bên, chắc bạn đã đọc qua nếp sinh hoạt của người Trung Hoa ở Đài Loan, ở Singapour chứ. Họ đã xa sông Hoàng Hà và Dương Tử Giang hàng muôn vạn dặm vậy mà họ không đánh mất văn hóa, truyền thống. Thông Chế' Tướng Giới Thạch và phu nhân là Tống Mỹ Linh cố gắng gìn giữ nên thâm mỹ cổ truyền, các ngành văn chương nghệ thuật, bảo tồn truyền thống. Trong khi đó, bọn Trung Cộng ở hai bên bờ sông Hoàng Hà và Dương Tử, hồi còn mớ má Mao Trạch Đông, đã làm cuộc cách mạng văn hóa, khuynh đảo mọi truyền thống, văn hóa. Văn hóa dân tộc do đó mai một dần. Đến nay, họ Mao qua đời, bọn Tứ Nhân Bang thì ăn cơm khảm, nhưng chưa có dấu hiệu gì để cho ta thấy người Trung Cộng trở về nền văn hóa cũ... Văn hóa của họ vẫn còn bị ô nhiễm chất phóng xạ của tư tưởng Karl Marx.

Đó, như bạn thấy, người Việt lưu vong của chúng ta, có giữ vững được nền văn hóa dân tộc hay không là do chính ta. Cái gương sáng của Tướng Thông Chế' và phu nhân, chúng ta phải noi theo. Dĩ nhiên, việc làm chúng ta gặp nhiều khó khăn vì bọn Cộng Sản len lõi phá hoại, vì sự mù sinh ở trên các nước tạm dùng Tây phương rất gay go. Nhưng gay go hay không cũng là do cái tâm của ta gắn gũi con sông Cửu Long hay không cũng do tâm ta. Nói xa hơn nữa, để sớm có ngày hồi hương hay không cũng là do ở ta vậy.

NGUYỄN VIỆT QUANG

Rao vặt

Cử nhân Thông dịch - Thông dịch viên tuyên
thê kiêm thông ngôn viên tuyên thê, nhândịch
và thi thực giấy tờ, chứng chỉ, văn bả ng dù
loại giữa 4 ngôn ngữ Anh-Pháp-Việt-Đức. Giá
đặc biệt cho Kiều Bào. Xin liên lạc với :

Frau Nguyễn Thị Kim Chung
Diplom-Übersetzerin
Wächterstr. 8, 7000 Stuttgart 1
Tel. 0711-242952



Ly khách bên trời

Mưa đã kéo dài qua ngày thứ 3, trời mây mù phủ kín, nhìn qua khung cửa sổ, cánh rừng t r ước mặt đã mờ khuất trong mưa. Những điều thuộc đã làm tâm trí tôi lắng đọng, và thâm thía nỗi buồn của đời vong quốc.

Trong gian phòng nhỏ, nơi đây tôi đã trải qua 3 mùa thu cô quạnh trong 4 bức tường. Tiếng đồng hồ gõ đều từng tiếng một, căn phòng chìm trong sự im lặng tốt cũng. Tôi ngồi cầm lẵng như một pho tượng, bất giác hai hàng nước mắt trào ra, tôi gục xuống bàn, bên chông sách báo ngồn ngang - gương mặt của hấn và nụ c ư ời đầy má má, kiêu ngạo, không làm tôi q u ê n được - Trưa nay tôi gặp hấn, một người xa lạ không cùng màu da tiếng nói với tôi. Hấn đã toan hành hung tôi giữa phố đông người v à muốn đuổi tôi ra khỏi quê hương của hấn. Mắt tôi hoa lên, tai tôi ù, tôi không còn thấy và nghe gì nữa. Nhưng từ sâu trong tiềm thức tôi đã ghi nhận cái đau tủi tận cùng của kẻ mất quê hương. Hai con mắt hấn, những động tác của hấn và những lời hấn nói, hình như hấn n ó i nhiều lắm... Tất cả chắc sẽ âm ỉnh cả đời ty nạn của tôi. Tôi chẳng trách hấn, vì đây l à quê hương của hấn, cha ông hấn đã tôn b a o nhiều xương máu mồ hôi và nước mắt, để t a o nên những thành phố hoa lệ kia, những đồi núi trùng điệp nọ và những cánh đồng mênh mông bát ngát một màu tươi xanh này.

Tôi một khách lạ, một kẻ mất quê hương, hay 1 kẻ không thể sống được trên nơi chôn nhau, cắt rốn, một kẻ trong hàng ngàn kẻ đang sống kiếp tâm gởi trên vùng đất xa xăm này. Ngay qua ngày trong tôi có một nỗi buồn thía thía ăn sâu trong từng làn da, thớ thịt và một cái nhuc mềnh mang của một kẻ sĩ trước cảnh quốc phá, gia tan và gởi thân nơi xứ người n g ần dậm. Những phù hoa vật chất, ở đây, mà t ì n h người co rút như con ốc, cây kim. Tôi cười, tôi nói, tôi ăn, tôi sống như để trả nợ h ế t cái nhân duyên, nghiệp dĩ của một kiếp người. Trong tôi vẫn mang mang, và tự nhận ra được sự sâu sắc và tuyệt vời của Phật ngôn "Sống gởi thác về". Đời tôi bây giờ thật tạm bợ tôi vượt hàng ngàn dặm biển khơi, mang cả t h ân xác, thách đố với trăm ngàn nghịch cảnh đ ể đổi lấy những chữ tự do, công bình và bác ái

- nhưng đó chỉ là những ảo ngữ -. Hơn ba thu rồi, từ ngày tôi phải trốn bỏ quê, bỏ lại tất cả những thân thương nồng ấm, những tình mẹ, nghĩa cha, những con kính, lạch nước, và ôi ! bao nhiêu kỷ niệm tuyệt vời của tuổi ấu thơ Tất cả những gì đã in sâu vào mạch máu ngăn tim. Thế mà chỉ một sớm một chiều tôi p h ải cắt bỏ để ra đi. - Còn cái buồn nào, và n ỗ i đau nào thía thía hơn không ? Tôi hỏi ai hay tôi tự hỏi mình - những ngày mới đặt c h ân đến vùng đất xa lạ này, tôi đã cố gắng ngày đêm nhồi nhét mở ngồn ngữ của nơi đón nhận. Tôi nghĩ và tin rằng, chỉ có sự thông t h ạo ngồn ngữ mới dễ dàng tạo được sự hội n h ập vào cuộc sống mới. Nhưng - trưa nay, chỉ trog một giây phút ngắn ngủi thôi, đã làm tôi v ở vụn những ý nghĩ của bao ngày tháng qua - Tôi vẫn chỉ là người xa lạ, trên một xứ sở xa lạ - dù mắt tôi có xanh, tóc tôi có vàng, và tôi lâu lâu ngồn ngữ nói đây như tiếng mẹ đẻ - tôi vẫn là tôi - là kẻ tâm gởi xứ người, một kẻ mà đã từng một lần bị xua đuổi - Ở đây cũng xin nhắc gởi đến những người đã vãng đàng nuôi ảo vọng trở thành Đức, Mỹ, Pháp chính gốc hãy nghĩ lại. Trên đường ty nạn, chúng ta đ ể từng bị những quốc gia xua đuổi, nhưng có một điều chắc chắn rằng, một mai đây quê hương ta thanh bình không còn bóng dáng những tên con cháu Marx-Lê, thì mẹ Việt Nam, sẽ sẵn s à n g dang bàn tay rộng đón nhận những đứa con lưu lạc của mẹ trở về. Quê hương ta, chắc k h ông bao giờ chối bỏ ta ...

Nghe muốn khóc...

Hạ Long

Tuần rồi một người bạn từ xa tới chơi, anh đã thốt lên những lời than phiền, là người Đức đã quá nhân đạo nên không xét lý lịch k h í tiếp nhận các người ty nạn Việt Nam. Kể cả những thành phần dĩ điếm, trộm cướp cũng để đón nhận vào sống trong xã hội này - và anh cũng bày tỏ sự phẫn nộ về một số hành động ăn cắp, ăn trộm, ngay giữa những người ty nạn cũng như của người địa phương. Mắt khác nhiều phụ nữ Việt Nam, bám vai, bám vế, hôn hít ấ n ngữ với những người đàn ông bản xứ, và m ặ t thì cứ vênh vào ra điều ta biết nói đ ể ư ợ c tiếng Đức hơn những người khác. Tôi thì chẳng có ý kiến gì trong vấn đề này. Nhưng một đôi lần, tôi tình cờ đọc trên một số báo có một vài phụ nữ Việt Nam đặt câu hỏi. Sự ấ n n g ừ với đàn ông, không cần lấy nhau của phụ n ữ Việt có trở thành vấn đề nữa không? Tôi thắc

VỀ QUÊ HƯƠNG ĂN CƯỜI

Sau bữa cơm trưa tại nhà hàng, tôi xách máy ảnh đi dạo chung quanh ga, để tìm một vài phong cảnh đẹp, chụp vài tấm kỷ niệm. Hằng năm tôi thường làm cuộc hành hương ở Lourdes, để cầu nguyện Đức Mẹ Đồng Trinh Maria.

Sau khi chụp vài tấm phong cảnh, tôi lại nhờ vài du khách chụp dùm tôi một vài tấm.

Ngồi trên chiếc băng trước sân ga, dưới ánh nắng vàng trong tiết trời mát dịu, có gió hiu hiu lướt qua, tôi cảm thấy khoẻ khoắn thân trí nhẹ nhàng. Tôi lôi mười tấm bìa ảnh viết trên mỗi tấm vài hàng gởi về các bạn thân. Chợt nhìn lên thấy đồng hồ chỉ 1 giờ trưa. Vậy là tôi có rỗi thời giờ vì còn phải chờ đến 9 giờ 48 phút nữa mới có tàu chạy về Paris. Sức nhớt tới chuyến tàu đêm qua mà tôi giắt mình và nếu trễ chừng 15 phút nữa là tàu sẽ đưa tôi qua Espagne hoặc Portugal cũng chưa biết chừng. Thật buồn cười, vì trong cái rủi cũng có cái may

Tôi đến ga Paris vào đúng 21 giờ rưỡi, đã thấy bảng ghi tàu đi Lourdes 22 giờ 15. Còn nữa giờ vậy mà hành khách đã có mặt ở ga đông nghẹt. Tron nửa giờ, vậy mà tôi đi cả thấy 8 toa xe, toa nào toa nấy đều đông người. Dù vé khứ hồi mà tôi mua có giá trị trong vòng một tháng, nhưng không lẽ đã ra ga rồi lại trở về nhà. May sao tôi cũng tìm được một chỗ ngồi c h ung với gia đình người A Rập.

Tàu từ từ chuyển bánh. Chừng 15 phút sau, người đàn bà A Rập vui tính bắt đầu làm quen với tôi. Bà lấy thuốc ra mời tôi hút. Tôi lấy làm lạ sao toa này cấm hút thuốc mà có nhiều người hút, nhà khói mịt mù. Bà A Rập hỏi tôi:

- Tôi hút thuốc có làm phiền bà không?

Dù tôi sợ khói thuốc, vì tôi có chứng bệnh đau mũi, và khi có khói thuốc là tôi muốn nghẹt thở. Nhưng tôi nhã nhặn:

- Bà cứ tự nhiên.

Bà A Rập đưa thuốc mời mấy người chung quanh. Tôi ngồi nép bên trong. Khói thuốc màu l a m nhất bao trùm lấy tôi. Mạnh ai nấy hút, điều no xong đến điều kia.

Tôi bắt đầu ngộp thở, phải lấy cây quạt trầm hương ra phe phẩy. Người đàn bà A Rập êm ái bảo

- Xin Bà tha lỗi. Ở toa này cấm hút thuốc. Nếu người xét vé bắt gặp chúng tôi trong tình trạng này, tất nhiên chúng tôi sẽ bị phạt. Còn nếu gặp một người khách đồng hành khó tánh đ ư ờng sự không cho phép chúng tôi hút đâu.

Phải chịu trần khói thuốc trong 7 tiếng đồng hồ, phổi và cuống họng tôi khô kiệt. Vừa đến ga Bordeaux St Jean, tàu đậu lại chừng 15 phút. Khi con tàu tiếp tục cuộc hành trình, tôi l a i lấy vé ra xem. A thê ra trên vé có đề chữ "Via Bordeaux", như thế tại đây tôi phải đổi x e không? Mà cũng lạ từ lên xe khởi hành cho tới bây giờ, người xét vé không đến, để tôi hỏi nếu đi Lourdes phải ngồi ở toa nào? Linh tinh bảo tôi phải hỏi han cho mình bạch, kéo lạc đường. Tôi nhờ các bạn đồng hành chỉ dẫn. Một thanh niên tình nguyện cầm vé tôi đi tìm người kiểm soát vé, nhưng rồi khá lâu, anh ta trở lại, bảo không gặp người xét vé. Đến lượt cô thiêu nữ cầm vé tôi đi ngược chiều để tìm người xét vé, nhưng thêm một lần nữa, cô ta trở lại cũng bảo không gặp người xét vé. Tôi lo quá, tự động cầm vé đi tìm lấy người xét vé, trong lúc con tàu chạy vùn vụt trong đêm sao sáng. May quá vừa khi tôi tới cửa toa, người xét vé đến. Tôi hỏi:

- Đi Lourdes, tôi có phải ngồi ở toa này không ông? Ông ta cầm vé xem qua, ôn tồn bảo:

- Bà phải theo tôi lên toa trên cùng. Các toa này dành cho người đi xa hơn. Khi đến ga sắp tới đây, các toa này sẽ rập đầu máy khác, chạy đến nơi khác.

Tôi đi theo người xét vé, phải khô khăn lấm, tôi mới len lõi qua đám người nằm ngõn ngang, hành lý kèn cằng. Có người nằm ngủ dài dọc theo hành lang, phải qua 7 toa tôi mới đến toa đưa về thành phố Lourdes. Nhiều chỗ ngồi bỏ trống. Có lẽ hành khách đã xuống bớt rồi. Một chặp sau người xét vé đến bảo:

- Bà đến Lourdes cũng phải 9 giờ thay vì 7 giờ 15, vì lúc này tàu trục trặc, phải sửa chữa.

Tôi nhìn ra ngoài. Sương mù mịn giăng mắc đờ đay. Gió lạnh thổi từng cơn. Gần tới ga mưa s a
lâm râm. Xuống ga ai nấy cũng phải che dù. Trời dần dần sáng. Mưa tạnh thì buổi bình m i n h
lông lầy đã đến. Nền trời trong và xanh biếc. Những rừng cây đứng từng hàng sừng sừng,
mới thoát nhìn tôi có cảm tưởng đó là những cây cao su ở Long Thành xa xa từng ô v u ô ng
xanh đậm trải dài trước tầm mắt tôi. Những ô vuông có những cây cao như cây thông mà cũng
giống như những bụi Ngô ở trên các đồi ở Đà Lạt. Có những cánh đồng hoa Hướng Dương t r ả i
thắm màu vàng chen lục biếc. Hoa Hướng Dương tới kỳ mãn khai nở tròn như cái đĩa đựng nước
mắm, cánh vàng như kèn con tằm hình thuẫn thuẫn. Trong đồng cỏ, bồ thông thả nhai cỏ. Cạnh đó
là những đồng bắp xanh, những bắp chưa có trái. Những lạch nước nhỏ trong vắt chạy ngang qua
vùng đất tận sở địa đầu nước Pháp này. Vài con gà rừng cất cánh bay ra. Những giồng s u ố i
chảy mạnh trên những phiến đá to, có lúc bị vướng những gốc rễ cây to, phun trắng xóa. Ở tận
phía xa, những mái nhà ngói xưa hiện lơ lơ giữa màu lá cây xanh.

Khi tới ga Lourdes tôi thuê Taxi đến nhà thờ. Trời lại
mưa lâm râm, vừa lúc các linh mục cử hành lễ ở n g oài
trời. Hôm nay nhằm ngày lễ thánh nữ Bernadette, có kiêu
lễ diễu hành chung quanh nhà thờ. Lớp sóng người hành
hương kéo đến càng lúc càng đông. Những kẻ tàn tật ngồi
xe lăn. Những người bệnh nằm dài trên xe có người đẩy.
Tất cả đều chậm rãi theo sau kiêu.



Nhìn cảnh lạ người lạ, tôi nhớ quê nhà, nhớ những chuyện
tàu đêm năm cũ. Hồi 40 năm về trước, tôi thường đạp xe
lửa từ Sài Gòn về Qui Nhơn, phải vượt qua 600 cây số.

Tàu khởi hành từ ga Sài Gòn vào 8 giờ tối, phải tới 3 giờ chiều hôm sau mới đến ga Diêu Trì
Lại phải sang xe đến Qui Nhơn trải qua 8 cây số và đến nhà cũng phải 5 giờ chiều. Khi trở
lại Sài Gòn tôi phải chờ xế chiều đón tàu suốt từ Hà Nội, chạy qua cũng phải trưa hôm sau
mới tới Sài Gòn. Tàu ở xứ mình thời đó vận tốc chỉ có 30 cây số một giờ. Mỗi khi ghé lại ga
nào tàu hoét lên rồi phun khói mịn mù. Bánh xe trên đường sắt ngừng lại, rít kêu ken két.

Hồi đó lúc thời hai mươi ngoài, một sáng nọ, tôi nhận được thư của em gái Linh Quy của tôi,
kèm theo bức thiệp cưới đỏ chói màu son. Bức thư viết văn tắt :

Chị Hai yêu quý của em,

Còn một tuần lễ nữa là ngày vu quy của em. Mong chị về càng sớm càng tốt, để làm cho em ở
bánh năm từng để em rõ mặt rõ mày có người chị làm giáo sư trường nữ công ở chôn thành đô
hoa lệ Sài Gòn. Cả gia đình di Hai ở Lương Tài cũng sẽ xuống đây đủ. Má dặn chị mua vài đôi
guốc vông và cây dù cán cụt, lợp vải màu hồng cho má.

Văn tắt vài hàng thăm chị.

Em của chị

LINH QUY

Trở về quê hương để dự đám cưới của em gái thân yêu điều đó làm tôi sung sướng vô c ù ng.
Linh Quy và Hạ yêu nhau rồi đi đến hôn nhân, đời nó sướng sẽ hơn đời tôi nhiều. Nhưng g i ở
đây Bạch Trang con dì Ba tôi đã sang Pháp để gặp chị Linh của nó rồi nó vào tu viện, biết
vô âm tín. Còn những người bạn cũ như Ngọc Trâm, Mỹ Nam đã phiêu bạt tứ tán chỉ còn chị Mỹ
Hạnh và anh Mỹ là con dì Hai của tôi. Chị Mỹ Hạnh đã có chồng, làm dâu nhà người, quanh năm
đầu tắt mặt tối, nét môn mớn đã kềm đi ít nhiều.

Chuyến tàu đêm đưa tôi về Qui Nhơn hôm đó quá đông. Phải đến ga sớm và phải chen lân mới có
chỗ ngồi tốt. Rồi một điều là lối đi giữa hai hàng ghế chót đây hành lý ngồn ngang, khi đi
chuyến từ chỗ ngồi đến phòng đi tiêu rất khó khăn, và kẻ đi tìm chỗ ngồi phải tránh né lúc
đi dài trong toa xe.

Ngồi trong toa xe lòng tôi nao nao. Tôi tự hỏi Linh Quy có phải về làm dâu cho người, hay là
Hạ chịu ở rể, thay thế tôi để hủ hỉ với ba má tôi. Gia đình của Hạ giàu có lại đồng anh em,
là việc Hạ ở rể trong gia đình tôi vẫn là chuyện dễ tính.

Nhưng khi tới nhà, tôi không ngờ chồng sắp cưới của Linh Quy là người Nhật Bản, là thầy dạy
Anh ngữ cho Linh Quy. Cô à gái thích :

- Chị Hai ơi "Người ta" đâu thêm cưới gái nghèo như chị em mình đâu. Nhà "Người ta" g i à u
đôi mình phải môn đăng hộ đối với họ, đời cô dâu phải thuộc dòng để sai con, và phải cùng 1

tôn giáo với họ, và buộc em phải làm dâu phải chịu chuông mây cô em chồng. Về lại Hạ tuy có yêu em nhưng không trọng gia đình mình nên làm em tủi lắm. Thời cứ để ảnh cưới vợ già sang khéo ăn ở hơn em. Còn em, em phải kiếm chồng để nương tựa, và nhất là để hủ hỉ với ba má. Chồng em tuy là người ngoại quốc nhưng ăn ở rất đàng hoàng trọng chữ tín nghĩa. Em học Anh văn với ảnh hai năm. Cả hai cô nhiều dịp trao đổi quan niệm và kiến thức với nhau. Ảnh là con một, kén vợ, tới ba mươi lăm tuổi mới chịu kết hôn. Má ảnh nhờ chú của ảnh hiện làm giám đốc hãng giày Nancoci đứng làm chủ hôn cho tụi em. Má bằng lòng gả em là vì sợ em theo cái "huông" của chị xui xẻo mà tình duyên lận đận. Sau đám cưới một tháng, em theo chồng về Đông Kinh thăm má của ảnh, rồi trở về nước. Đồ cũng là chuyên du lịch để hưởng tuần trăng mật vậy.

Em tôi đó giàu tình thương gia đình, lúc nào cũng sáng suốt không bông bột, sôi nổi và ham phiêu lưu như tôi. Tôi đôi buồn làm vui, lòng lâng lâng phân khởi.

Lễ cưới bắt đầu từ xế vào ngày hạ tuần tháng tám. Trong nhà nhóm họ đông và vui như hội. Gia đình của dì Hai tôi ở Lương Tài kéo xuống hết. Đám cưới này khác đám cưới cô truyền cáchị Mỹ Hạnh. Chị đã sanh một cháu trai kháu khỉnh lắm, mắt đen như hai hạt nhãn. Chồng của chị và anh Mỹ tôi chăm chỉ dọn đám không hở tay, mặt lúc nào cũng vui vẻ. Các bạn của Linh Quy tổ chức một ban nhạc trẻ có đàn Tây Ban Cầm, đàn Banjo, đàn Mandoline, Phong Cầm, kèn Harmonica. Phòng tân hôn trang hoàng kiêu Nhật, sàn ván lót thảm nhung, vách bằng giấy bồi vẽ tranh hát sơn mài. Thập có bày bộ đồ trà vẽ hình hoa. Đệm nhỏ bông đặt ở bên trái căn phòng.

Tôi để cho dì Hai tôi và má tôi làm môn cô truyền, như dời thập cầm, tré, rượu nếp than, rượu ngâm thực địa, hoài sơn, mấm nêm và đầu heo luộc. Còn tôi, tôi đãi môn ăn Sài Gòn, và môn ăn Tàu, như bồ nhúng giấm, cá bông chổng sốt chua ngọt, cơm Dương Châu.

Dì Hai tôi đến bên tôi, mặt râu râu bảo :

- Nè cháu hôm nay là ngày em châu vu quy. Rồi đây tới phiên cháu. Bấy lâu nay dì cô nh ả n cháu về Lương Tài để làm giấy tờ sang tên lấy 2 mẫu ruộng và dãy nhà hai gian ở Lương Hữu mà hiện giờ vợ chồng con Hạnh đang ở. Đó là phần gia tài mà bà ngoại bấy đã làm chúc ngôn để lại cho bấy để làm của hồi môn. Bấy cứ hẹn lần, hẹn lữa, mà chẳng chịu về Lương Tài để bàn bạc với dì.

Linh Quy nhẹ nhàng trấn an :

- Thừa dì con xin thay mặt chị con để thừa với dì là phần gia tài đó chúng con xin biếu cho chị Hạnh để làm vốn liếng buôn bán. Vậy từ hôm nay anh chị con được quyền khai thác 2 mẫu ruộng và làm chủ căn nhà ở bên Lương Hữu.

Dì Hai tôi lấy khăn rằn đồ ra lau nước mắt :

- Hai cháu ăn ở tốt với con Hạnh, sau này Trời sẽ đồ trả cho hai cháu. Hai cháu đủ tr ưởng thành, biết bay nhảy với đời, trong khi con Hạnh thủ phận quê mùa. Hôm nay dì tiếc không c ỏ con Linh, con Bạch Trang ở đây. Khi bà ngoại còn sống lúc nào ngoại bấy cũng nhắc đến ông cậu là Mai Văn Sang và bà dì là Mai Thị Trọng ở Bà Rịa. Ông cậu có nhiều ghe chài để đánh cá ở Phước Hải, còn bà dì thì làm củ ở Long Thành. Ngoại và anh chị em ngoại đã mất l i ền lạc từ lâu. Nếu họ còn sống chắc họ cũng ngoài 90 tuổi. Chắc con cháu họ cũng còn nhớ t ớ i ngoại chớ chẳng không. Nếu hai cháu có dịp đi Bà Rịa nên tìm dấu vết bên ngoại của dì v ả của má cháu coi còn ai sống chết ra sao.

Tôi ừ ào với dì Hai tôi cho xuôi việc. Làm sao tôi hình dung nổi cái thâm tình của chị em ngoại tôi ra sao? Tôi chỉ biết một điều rằng Gành Ráng càng lúc càng xa khỏi tâm t ứ ờng mình vì người thân lần lượt ra đi. Về đây thêm ngậm ngùi nhớ thời mới lớn bên cạnh ngoại và không khi ở trường bà sơ. Chị em chúng tôi đã có một kẻ lận đận về tình ái rồi vào tu viên dòng kín là Bạch Trang. Đã có chị Linh (chị Bạch Trang) sống phụng t ứng trong xã hội văn minh từ lúc nhỏ. Giờ tới tôi đây gặp phải chuyện làm vợ lẽ cho người, bị đánh ghen bởi bà vợ lớn rồi lại thay đổi chồng, không tìm được hạnh phúc. Chị Mỹ Hạnh lại được đẹp duyên xưa. Giờ còn Linh Quy được tâm chồng tử tế, không hiểu rồi sẽ ra sao. Lúc nào tôi cũng nghĩ rằng chị M ỹ Hạnh của tôi nết na đảm thắm, trời sanh ra để làm trang hiền phụ. Còn Bạch Trang tượng trưng cho một nữ Thánh, tuy lãng mạn nhưng có tâm hồn hướng thượng, muốn vươn lên khỏi cái ổ trọc và phạm tục ở cõi đời này. Còn Linh Quy hiếu thảo, thương yêu cha mẹ chị em, nó phải h ứ ờng hạnh phúc chớ. Còn tôi. Thật là một cô gái tân nết con trai nên bị lọt số, bị phá tướng. Tôi có nhiều tủi lắm. Mỹ Nam và tôi cứ theo đám nam sinh, mảy qua mặt lại với họ, đến khi họ say mê chúng tôi, chúng tôi cho họ trượt vở chuỗi hoặc cho họ leo cây thoa mỡ bò hết. Giòn nh ứ vậy là ác. Bạch Trang hồi còn ở Gành Ráng cứ theo khuyến dứt xía xói tôi luôn. Bởi đó Mỹ Nam

TRẦN PHONG LUY

VÀI KINH NGHIỆM CHỌN ĐẤT XÂY CHÙA CỦA NGƯỜI XƯA

Gần ngót hai ngàn năm nay, Phật Giáo đã bắt rễ ở Việt Nam với những tháp cao mười mấy tầng vượt khỏi những vòm cây um tùm giữa miền đồng bằng ruộng, rẫy, với những mái chùa ngụt trên sườn núi, đỉnh đồi hay soi bóng bên dòng sông, qua nhiều đời đã gây nên vẻ thiêng liêng trầm mặc phảng phất cả một vùng, dễ dàng thu hút được nhân tâm con người. và chính phục được lòng tin của cư dân chung quanh. Chùa chiếm lại thường án ngữ ở những nơi linh địa mà dân chúng đều tin là có ảnh hưởng thần bí, quan hệ đến sự yên ổn của cả vùng rộng lớn.

Do niềm tin bất nguồn từ tín ngưỡng Đấng Phụng và lòng yêu thiên nhiên của dân Việt đã khiến công việc chọn đất cất nhà, thiết lập cung phủ, dinh thự và nhất là việc xây dựng những nơi thờ tự như chùa, đền, miếu mạo trở nên trọng đại vô cùng: nhứt nhứt để tìm phương định hướng theo thuật phong thủy.

Đạo Thiên lại rất ưu ái thiên nhiên nên chốn linh địa cũng dễ dàng trở thành nơi thiêng địa: Những nguyên tắc đất thế đất của khoa địa lý ít nhiều đã tìm gặp nhấn quan hệ chọn cảnh sơn-thủy thanh-kỳ của các bậc thiên sư khiến cảnh trí càng trở nên thuận-đẹp.

Những công trình tôn giáo từ đời Lý còn để lại di tích đã nói lên ý thức cao của người xưa trong việc tìm kiếm chọn lựa những địa

thế có sông có núi, án ngữ đồng bằng, quanh co bờ nước, thanh-long bạch hổ hai bên, đối cảnh trước sau thích hợp, để tạo cho tác phẩm kiến trúc vừa hòa hợp với trời đất hầu đem đến an bình cho làng xóm bao quanh vừa gắn bó với môi trường thiên nhiên gợi cảm hầu thu hút khách thập phương. Chính hình bộ thượng thư Nguyễn Công Bật, sống vào thời đó đã ca ngợi địa thế chùa và tháp Sùng Thiện Diên Linh trên núi Đọi:

"Mặt chùa trông ra sông Kinh, gió lặng mát sông như lụa biếc giải ra, lưng chùa quay về núi Đọi, mưa tan dáng núi như gấm xanh thêm sáng. Bên hữu không chế bình nguyên trông tới lũy xưa Càn-Hung. Bên tả men theo sông, quanh hán thủy để ra khơi..." (1)

Nhà sư Pháp Bảo cũng đã tả về địa thế chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh:

"Phong cảnh vẫn nguyên, hai cửa khuyết không chế phía trước, ba dòng sông ứng hộ phía sau Thanh tịnh, tinh mich, thực là nơi trụ tríc của nhà Phật, nơi gởi gắm tâm-tư của Bồ Tát..." (2)

và tám năm sau lại viết về phong cảnh địa thế của chùa Linh Xứng:

"Chân núi quanh co bên bờ nước, đầu phải núi đối Di, Hồ, lại không vách đứng tường cao bóng lam ngùn-ngụt, sắc thủy đậm đà, quánh quất làng xa, bao quanh điện bắc, gò ao khắp núi, hình thế lạ kỳ..." (3)

Đến năm sáu thế kỷ sau, những người tổ chức trùng tu các chùa thời Lý như Nguyễn Thế Phác vẫn cảm thấy sự hài hòa giữa thuật phong thủy và cảnh sơn thủy thiên nhiên lúc tụ tập chùa Quỳnh Lâm:

"Mặt trước về phương chu-tước (nam) là con đường cái xe ngựa đi thông; mé ngoài về phía huyện vũ (bắc) là bến sông to thuyền bè tụ tập phía bạch hổ (tây) là dòng sông Tô lượn quanh Phía thanh long (đông) chùa Tiêu Sơn đối cảnh (4)

Hoặc như tác giả bia trùng-tu chùa Phật Tích năm Chính Hòa thứ bảy (1686) cũng đã nhận xét cảnh chùa:

"Đoái trông duy thẳng đất Tiên Du, núi danh sơn Phật Tích, ứng thế ở càn phương (nam) núi Phụng Lĩnh bao bọc, nước Tân thủy sông Ngưu giang thành an đồ. Nước đóng vuông tròn trog leo leo huyện. Vòi-vòi núi cao sáng-lạ n. Phía tả thanh long nước chảy vòng quanh phía hữu bạch-hổ núi ôm. Trên đỉnh nhà khai bả n đá..." (5)

Chùa Hoa Yên xây vào triều Trần ở nơi lưng chừng núi, có lẽ là một phối hợp đẹp để nhứt về cả hai phương-diện phong-thủy và cảnh trí hữu tình: Cây tháp tổ Huệ-Quang trấn ở chính huyệt trước chùa, chung quanh có 45 ngọn tháp lớn nhỏ nửa vẩy bọc, là tháp-mộ Chử

Tầng Ni cùng tôn-thân, hoàng hậu, cung phìnhà Trần tu. tri ở đây. Bên hữu dựng chùa T h iên Đình cùng với ngọn Long Khê kết thành đuôi rồng; bên tả che chùa Một Mái gần sát v à o khe đá như đầu rồng ngoảnh lại châu tháp Tổ. Còn chùa Hoa Yên được dựng trên thân rồng. Từ sân chùa trông ra thấy thiên sơn vạnthùy châu lại, rõ là một chốn kỳ quan. (6)

Chùa Tư Phúc tức gọi là chùa Hun được chọn xây dưới chân ngọn Côn Sơn như tựa lưng vào một con lân ngồi sừng sững, tọa lạc trên một khoảng đất phong quang rộng rãi, phong cảnh tao nhã. Chung quanh có các núi Long Mã, Voi Phục, Ngũ Nhạc vây bọc. Bên tả đối cảnh am Chúc, phía hữu lưng lờ dòng suối trong, Thấu Ngọc tuyền, chạy qua hồ bán nguyệt. Hàng ngàn gốc thông theo hai hàng chạy dài đến trước Điện Lưu Quang.

Những ngọn Quy Sơn, Lân Sơn, Tượng Sơn; những núi Voi Xô, Phượng, Múa-Phượng Hoàng Sơn với ngọn giữa đứng sừng sững, hai ngọn bên loe ra như cánh phượng-, những Hồ Khê, Long Khê quanh co uốn khúc theo thế đất hồ phục, rồng châu đ ả khèo kết hợp với những chùa những tháp tạo thành những đại danh sơn thắng tích đây gọi cảm. Mà nguyên tắc tìm kiếm thế nào và cách thức chọn lựa ra sao, có lẽ chúng ta phải tìm về kinh nghiệm chọn đất dựng chùa nói sách An. Tượng đạo chùa Thiên. Pháp, thôn An. T r ạch (Hà Nội) ấn. tông :

"Tạo tự chi xứ, nghi trạch cát. địa, cát nhựt, cát thời, cát địa gia, tà biến nghi khộ khoát hoặc hữu giang, hà, hồ, trì miên bảo: hữu biến chi, hồ sơn nghi cao hậu, phiến phiến hồi đầu hoặc hữu liên hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc hữu long, phụng, quy, xà triều cùng, thị vị đường cổ ái hồ đá; hữu nghi đảo ky, như nhân ky mã đầu tại tiên hành, thủy nghi đảo tà; đảo k y gia; mạch nhập vu tiến đá; tiến hoặc h ứ u minh đường, hoặc vô minh đường diệc khả; hậu bất, nghi bức sơn, thị vị cát địa, cát nhậtcát thời, nghi dựng ngọc hạp. Tu cát chủ thứ tề khắp chi. Nhược năng như thị phùng, năng hùng hiển đạo pháp. Trụ trị gia, sinh trí. tuệ, thí chủ hữu đại công đức, phúc âm vu tử tôn hỷ. Nhược bất năng như thị, hậu tất tốc hoại, vô công đức gia, thận chi".

Dịch nghĩa :

"Lập chùa ở xứ nào, nên chọn đất lạnh, n g ày lạnh, gió lạnh. Đất lạnh là bên trái nên rộng trống, hoặc có sông ngòi, ao hồ ôm bọc, b ế n phải hồ sơn (tay hổ) nên cao dày, lỏp lỏp quay đầu lại; hoặc có hoa sen, tràng phan, bảo cái (những gò đất có hình dáng giống như thế) , hoặc có rồng, phượng, rùa, rắn châu báu. Ấy l ả đất đứng cổ tay hổ vậy. Cũng lại nên c ử đi đảo lại, như người cỡi ngựa thì đầu phải ở phía trước, giòng nước chảy đảo sang bên trái

Nếu là đảo ky (cỡi đảo lại), mạch vào từ phía trước vậy. Trước mặt hoặc có minh đường hoặc không minh đường đều được cả. Đằng sau không nên có núi áp. bức. Thế là đất lạnh. Còn muốn coi ngày tốt, giờ tốt, nên dùng các sách Ngọc Hạp, Tu. Cát, xem nhận cho kỹ.

Nếu được những phùng như thế, thì hưng. hiển Đạo pháp, người trụ trì sinh trí tuệ, n g. thí chủ được đại công đức, âm. phúc đến con cháu vậy. Nếu không được như thế, thì sau tất sớm hư hoại không có công đức gì. Hãy cẩn thận vậy (6)



Xem thế, tổ tiên ta rất tin tưởng vào ảnh hưởng quan trọng của thuyết phong thủy nên từ địa điểm, phương hướng đến việc coi ngày giờ khởi công của các chốn giả. lam xưa đều được lựa chọn rất kỹ lưỡng. Hướng chùa vì vậy khệnhắt định theo một phương nào nhưng vẫn k i ể n g tránh phương Bắc lạnh, đ ộc. (6)

Các chốn danh lam khi phối hợp với ngôi chùa ngọn tháp theo những thế đất của khoa đ ị a lý thường trở nên chốn linh địa và còn được các vị cao tăng đến tu trì, được chọn l ả m chốn tổ của một tông phái và được các danh nhân, vua chúa đến kiến tạo lại hay trùng tu và cho đến nay những danh lam thắng cảnh này vẫn còn là tiêu biểu rõ rệt cho sắc thái và hình ảnh đất nước.

Từ những ngôi chùa bên hang hay trong lòng động ở Hương Sơn, trên Yên. Tư. Sơn, ngoài vịnh Hạ Long; qua chùa Thiên Mụ trên ngọn đồi bên dòng Hương Giang; đến những kiếng chùa mọc lên giữa khoảng đồng nội bát ngát miền Nam, đâu đâu cũng mái ngói rêu phong, những tầng tháp cổ cùng tổ tiếm thêm hồn tĩnh vào khung cảnh thiên nhiên; những tiếng mõ sớm, chuông chiều đã ngân nga trong chốn tĩnh mịch; như bóng khách thập phương lai vãng đã gây sinh động cho ngọn núi, dòng sông. Ngược lại thiên nhiên cũng đã khoác lên chùa chiền bao cảnh sơn thủy thấm sắc tươi màu. Chùa chiền đã hòa mình trong thiên nhiên và thiên nhiên n h ứ tiếp tục sinh hoạt trong lòng chùa chiền. Bởi vậy, đi đến chùa nào, tháp nào, ta cũng t ỉ ả y phong cảnh tuyệt đẹp, núi sông cây cảnh phối hợp hồ tương một cách hết sức hài hòa tưởng

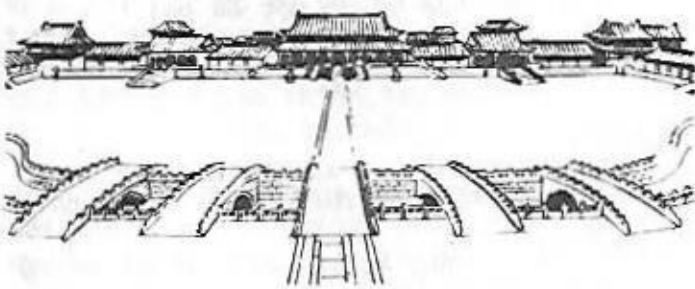
như các thiên gia muốn dùng chùa phải tìm đến cảnh đẹp, hay nói ngược lại theo như văn bia chùa Linh Xứng, núi Ngưỡng Sơn tại Hà Trung (tỉnh Thanh Hóa) dựng năm Thiên Phú Duệ Vũ thứ bảy (1126):

"Hết có danh sơn thắng cảnh thì tất có chùa chiền..."

Chàng hạn, gặp thuở thiên hạ thái bình, vua Lý Nhân Tông ngự thuyền rong chơi, vào tháng năm năm Hội Trường Đại Khánh thứ chín (1118), qua làng Đội Sơn, trông thấy núi mọc chia ra bờ sông, đá bày lồi chồm, mà trên núi lại bả ng phẳng, mới sai đầu thuyền ở đó và tồ ý về các quan hầu muốn lập chùa tại nơi thệ cảnh này. Các quan đều tâu lời tán đồng và xin đặt tên cho núi là Long Động. (7)

Lúc ấy mới khởi công làm, sai người xem hướng trước mặt trông xuống sông Kinh. Mà nhữg thợ hết lòng dâng cách khéo, dân cố sức đến làm việc công, chạm đá làm cột, xây nên cái tháp ba tầng cao ngất trời, mở ra bốn mươi cửa thệ gió, vách chạm ở rông, cột treo nhạc vàng dùng gỗ phướn, cạm lọng vàng; thêm với sân có từng bậc lên xuống, hai bên tả hữu có nhà hảnh lang.

Nơi bậc thêm thứ hai, thời bên tả làm một cái nhà vuông cao với hai con rồng nằm chầu và tám ống tượng đứng hầu, bên hữu cất nhà để khám thờ Phật, bậc dưới nửa thời dựng gác cao ở đằng trước, treo một cái chuông đồng và buộc một cái dùi lớn xây tường chung quanh, mở hiên bốn mặt, bắc cầu làm đường, trông thông 2 dãy, riêng một bầu trời, mở ra cõi Phật, để cầu nguyện cho nhà nước lâu dài, đức Vua trường thọ. (7)



Tính từ lúc khởi công vào năm thứ chín đời Hội Trường Đại Khánh đến năm thứ 2 đời Thiên Phú Duệ Vũ (1121) mới hoàn tất, vua đặt tên là Sùng Thiện Duyên Linh bảo tháp nghĩa là cái tháp quý để làm sự lành cầu sống lâu.

Khi đã làm xong rồi, mới mở hội thờ quan quân chầu đường, ngựa xe như nước, khói hương quanh cả núi khe giống khói mù, gỗ phướn khắp cả đường xá như rắng đỏ, tiếng chuông tiếng trống tựa sấm vang, tiếng khánh tiếng mõ hình nước

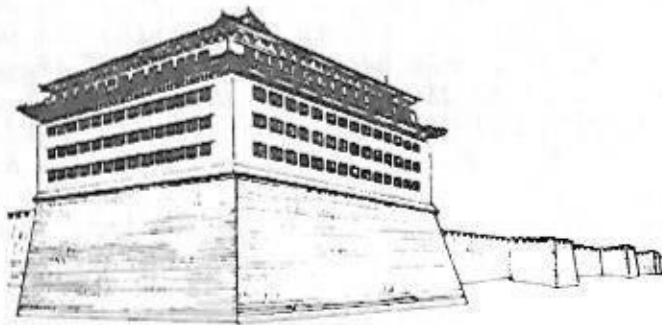
reo. Các bà trong cung kéo ra, các người bốn phương họp lại; trước cửa thời bày trò chơi, trong chùa thì bày đàn chay, hội các sư lại tụng kinh mà cúng Phật và phát gạo cho kẻ đói, ban tiền cho người nghèo, bách thân dưới thủy phủ đều hiện lên và van tiền ở trên thiên đình đều giáng hạ, cùng những người ở dương gian với các hồn dưới âm phủ cũng lai lâm. Cho nên Tiên Phật độ trì, trời đất phù hộ được mọi sự, họ hàng thịnh vượng, xã tắc lâu dài. Bốn mùa khí thuận cây cối được mùa, muôn dân giàu thịnh, trong cõi yên lành, ngoài biển không có giặc cướp, trong nước không rối loạn... (6)

Một Đại danh sơn cũng đã trở nên một thắng tích nổi tiếng nhứt của Phật giáo Việt Nam tức ngọn Yên Tử, ở nơi phân giới ba tỉnh Hải Dương, Bắc Giang và Quảng Yên, là ngọn núi cao nhứt cõi Hải Đông. Mấy thương bao phủ ở núi nên tên trước vẫn gọi là Bạch Vân Sơn. Từ buổi đầu lập quốc, nhiều kỳ nhân dị sĩ đã chọn nơi này làm chốn tu luyện, nhiều nhà sư cũng đã dựng chân hành đạo tại đây để lập am trụ trì và đã đắc Đạo. Nhưng phải đến khi ngài Điều Ngự Giác Hoàng tức vua Trần Nhân Tông về dựng chùa tu trì lập ra thiên phái Trúc Lâm đặt nơi đây làm chốn tổ, vùng đất a linh danh thắng này mới mở ra một thời kỳ cực thịnh. hiên cho Phật giáo Việt Nam.

Muốn vào Yên Tử, có thể theo mấy ngã đường mà dọc đường nào cũng có nhiều chùa am với nhữg dấu cũ chuyện xưa. Như trên con đường chính vừa đi đến suối của Ngán đá gặp ngay miếu thờ Nguyệt Nga công chúa, gọi của Ngán vì miếu dựng ở đây như để giữ cửa rừng. Theo tồ ếng suối reo, khách hành hương dần dần trông thấy từ xa ngọn tháp và mái chùa xây trên đống cao bốn bề thông mọc. Nhưng phải qua sáu con suối nữa mới đến chân đồi trông lên Linh Nham Tự còn gọi là chùa Cẩm Thạch vì tường tồ yên Thượng Hoàng khi đến đây chỉ uống nước suối ăn rau sống trú cơm. Từ đây đường lên cao dần phải leo dốc, bằng qua thêm nhiều suối nữa rồi đến Long Động Tự, tên tục là chùa Lân vì nằm bên cạnh quả núi hình Lân. Trong chùa thờ Trúc Lâm Tam Tổ, tượng tạc uy nghi. Đây là nơi Hương Vân Đại Đầu Đà (Thượng Hoàng Trần Nhật Tông), vào khoảng năm Kỷ Hợi (1299), lập trường giảng pháp, độ tăng và thuyết pháp cho cả trên van người. Công chùa trông xuống núi, nhữg bậc đá dẫn từ bờ suối đi lên giữa những gốc thệ già và hai hàng tháp cổ, cái bên dưới nhỏ càng lên cao càng lớn dần tạo nên nhữg hình tượng rất bề thế trang nghiêm. Sau chùa xây một tháp lớn hơn cả bằng đá trong dựng tượng Chánh Chân Nguyên thiên sư, lòng tháp khắc 6 chữ "Sắc kiến Tích Quang tháp", sau lưng gần một tấm bia khắc sự tích của Tuệ Đăng Hộ a Thượng. (8)

Từ chùa Long Động qua chín cái suối đến núi

Voi Xô, chẵn ngay trước mặt, dưới chân có bãi cát làm nơi nghỉ chân cho khách bộ hành trước khi lại leo dốc, lội suối, băng qua nhặng cánh rừng thông bát ngát mà người xưa gọi là Xếp ngoài, rồi lại Xếp trong, từ cao trở xuống tựa như những bậc thềm. Rồi đến Hồ Khê một giòng suối phát nguyên từ trên đỉnh núi lòng rộng ước hai trượng (8 m), nhưng gợn sóng nổi lên nhiều hòn đá lớn, lại gần rừng lim nên nước có màu đỏ. Khe suối chảy qua trước chùa Thanh Thạch (Đá xanh), ngàn thông cao mọc phía sau lưng, đường đi từ đây bắt đầu khó khăn hiểm trở nhưng phong cảnh ngày thêm ngoạn mục. Rừng núi chỗ âm u rậm rạp chỗ khoáng đãng sáng tươi, rồi đến một chỗ dốc, cây mọc rườm rà bên hòn núi Ngọc gọi là Quán Mát, nép mình gần đây ba cái am: am Trung Thạch cao lớn thờ xá lợi vua Trần Nhân Tôn, còn hai am tả hữu hai bên nguyên là chỗ ở của Pháp Loa và Huyền Quang tôn sư.



Đi hồi lâu nữa đến tháp Tổ Huệ Quang tức kim tháp thờ ngài Điều Ngự Giác Hoàng. Đi lên một chút nữa tới chùa Vân Yên là chôn Tổ của Yên Tử nên còn gọi là chùa Cả hay chùa Yên Tử. Vào niên hiệu Hồng Đức, vua Lê Thánh Tôn ngự du đến thấy hoa cỏ xinh tươi, mới đổi tên là Hoa Yên.

Chùa Hoa Yên khi xưa quy mô rộng lớn. Hai bên cạnh có viện Phủ Đồ, lầu chung, có gác chuông trống, nhà Dưỡng Tạng và nhà Yên Khách, nội lưng chừng núi, tọa lạc nhà Bán Đổng liền với chôn Thanh Lương, cảnh rất u tịch. Vào triều Trần, mỗi mùa Xuân đến, quan ngự y đều đến đây luyện thuốc.

Bên tả, đức Giác Hoàng đã lợi dụng khe đá chích thêm một mái làm nơi tịnh thất để xem sách. Còn bên hữu, ngài dựng chùa Thiên Đinh làm nơi tọa thiền gần bên suối Ngự Rội rộng hơn trượng, nước đổ như bay từ trên núi cao xuống, dưới có hòn đá vuông, tục truyền là nơi ngài tắm, bên cạnh còn có cái hồ đá, cây cối um tùm là nơi các sư thuở xưa vẽ kết ha đồng lăm, phải ra đây lột lá lên thành từng gian một để ngồi đọc kinh sách nên chỗ này được gọi là "Ô Hàng Thuốc". (9) Ngay phía sau chùa Hoa Yên, chùa Bảo Đà dựa

lưng vào rừng cây vách đá và đánh dấu đoan đường lên cao, chỗ thì đứng đứng, chỗ thì vòng dây điều, rất khó đi. Lại đến một cây tháp, cổ gọi là tháp Mẫu thì có lối rẽ ra am Thuốc và chùa Am Trưởng, trước mặt trồng nhiều cây mộc tê (cây hoa mộc) hoa nở hương thơm sức nức, bên tả chùa có Thung am (am già thuốc) và Dược am (am luyện thuốc).

Từ tháp Mẫu theo lối tay trái thẳng lên đến gần đỉnh núi, gặp chùa Vân Tiêu. Đứng nơi hiên chùa trông xuống, thấy mây giăng mờ mờ, như đầu canh năm đã thấy mặt trời. Chùa được xem như tuyệt đối thanh tịnh, lại hay xảy ra nhiều việc linh dị. Chùa không lớn nên nhiều người chỉ gọi là am, nhưng am dựng ở một địa thế đẹp, trên gò núi cao. Từ dưới đi lên thấy am như mọc ra giữa trời mây. Nên từ xưa, vua Trần Anh Tôn đã mô tả vị thế chênh vênh của chùa như sau:

"Đình đình bảo các cao phan vân
"Kim tiên cung khuyết vô phàm trần...
(Một tòa nhà sừng sững như chiếc long cào chạm mây
Cung điện thần tiên không chút trần tục...)
(10)

Phía tả chùa đi về phía sau, rẽ ngang là lối sang chùa Bảo Sái, ngoài sân sừng sững 1 cây phù đồ lớn xây trên lưng một con rùa đắp. Trèo thẳng lên, ngang đường qua đèo Trúc Hoa mọc toàn một thứ trúc có hoa rất đẹp, cho đến tới đỉnh non cao thì gặp Thiên Thị (chột trời) rộng ước năm mẫu ta (3.600 m² x 5), trúc hoa mọc chen với đá, ao sen vây bọc hai bên tả hữu, hoa nở rộ vào cuối hạ. Giữa đám đá mọc lộ nhô còn dấu tích nên chùa Thiên Trúc với nhỡ lộ chân cột, trên tòa bệ còn pho tượng ở ư c Quan Âm cùng ba pho tượng Trúc Lâm Tam Tổ ngồi lộ thiên. Chùa đã do một bà phi thi ở chúa Trịnh dựng, lợp ngói đồng nên còn được gọi là Đồng Tự.

CHỮ THÍCH :

- (1) NGUYỄN CÔNG BẬT : Đại Việt Quốc sử đ ư ông gia đệ tử đệ Sùng Thiện Diên Linh tháp bi (1121)
- (2) PHÁP BẢO : Sùng Nghiêm Diên Thánh bi ký (1118)
- (3) NGUYỄN THỰC PHÁC : Tiên Du đệ nhất Quỳnh Lâm Tự trùng tu bi ký.
- (4) PHÁP BẢO - bia đá dẫn
- (5) VẠN PHÚC ĐẠI THIÊN BI (1686) - Ng. Đình Thái dịch
- (6) KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM - Ng. Bá Lăng Tập I - Viện Đại Học Vạn Hạnh phát hành năm 1972.
- (7) Trích "Recueil de textes nouveaux... par A. Cheon Hanoi Imprimerie F.H. Schneider.
- (8) Phòng theo "KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM Nguyễn Bá Lăng.

xem tiếp trang 60

Thiện Ác Nghiệp báo

I. LỜI NÓI ĐẦU

Con người ở đời, vui buồn, sang giàu, ngu dốt, mỗi người mỗi tánh tình, mỗi người mỗi hoàn cảnh, riêng biệt sai khác nhau. Nguyên nhân chỉ vì mỗi người tạo nghiệp riêng biệt, và chính nghiệp tác động và chi phối tất cả. Bài "Thiện ác nghiệp báo" này sẽ phân tách các nhân, chia sẻ các quả, nhấn mạnh ở sự liêng lạc và sức mạnh của những nghiệp nhân và nghiệp quả.

II. ĐỊNH NGHĨA

Thiện nghĩa là lành, là tốt, nghĩa là việc gì hợp lý có lợi cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai. Ác nghĩa là dữ, là xấu, nghĩa là những việc gì trái lý, có hại cho mình và cho người ở hiện tại và ở tương lai. Nghiệp là những hành động về thân, miệng và ý, tạo thành những sức mạnh chi phối tự thân và hoàn cảnh. Báo là quả báo, nghĩa là những kết quả do các nghiệp nhân tạo tác. Thiện ác quả báo là sự kết quả báo ứng của những nghiệp thiện và nghiệp ác do tự thân tạo ra và tự mình hưởng chịu cùng hoàn cảnh xung quanh. Nghĩa là nếu con người tạo những nghiệp nhân thiện thì được quả báo thiện, tạo những nghiệp nhân ác thì bị quả báo ác, không bao giờ sai chạy.

Ví dụ: Mình tử tế với người, thì người tử tế với mình; do tạo nghiệp nhân thiện tử tế với người nên được quả báo thiện, người tử tế với mình. Có ác ý hại người thì người sẽ hại mình do tạo nghiệp nhân ác hại người, nên được quả báo ác người hại mình.

III. NGHĨA CHỮ THIÊN ÁC

Nghĩa chữ thiện ác không được mình định rõ ràng, thiện ác theo nghĩa thế gian và quan niệm thiện ác theo đạo Phật có thể sai khác.

THIỆN ÁC THEO THẾ GIỚI

a) Thiện ác theo phong tục : Tùy theo phong tục, đúng với thói quen thì cho là thiện, đầu trái với lẽ phải. Như ở Châu Phi, con cái giết cha mẹ ăn thịt thì là thiện, xứ mình cha mẹ

mất sớm, giết trâu bò tế lễ và cho là việc phải, thành thử đối với phong tục là thiện, mà xét theo lý luận đúng đắn thì phải cho là ác. Phong tục mỗi xứ mỗi khác, phân đoán về phương diện phong tục thì nhằm mắt theo phong tục là thiện, trái với phong tục là ác, lối phân đoán như vậy không có chuẩn đích, không thể đúng đắn được.

b) Thiện ác theo hình luật : Hình luật cốt đem lại sự trị an trong một nước, những việc gì trái với hình luật thì gọi là ác và bị trừng trị. Những việc gì không phạm đến hình luật thì cho là phải, và khỏi bị trách phạt. Như vậy những điều ác quyết là ác, những điều thiện vị tất là thiện. Và lại những điều ác trong tâm thì ra ngoài phạm vi hình luật, vì không có bằng cứ rõ ràng. Hơn nữa hình luật đặt ra để mưu sự trị an và sự phồn thịnh cho một nước, thì rất có thể những hình luật ấy có thể mưu hại nước khác hoặc dung túng những sự sai lầm cho dân trong nước, miễn rằng việc ấy đem lại sự lợi ích cho nước mình là được. Do đó nghĩa chữ thiện ác không được rõ ràng.

c) Thiện ác theo thần giáo : Lại như các thần giáo tuy rất chú trọng các điều thiện ác và muốn sửa trị tâm bịnh loài người, nhưng phần nhiều cũng chỉ phân đoán sự thiện ác trong phạm vi hẹp loại. Các thần giáo thường dạy rằng: "Kính mến các vị thiên thần tạo hóa là thiện, không tin các vị tạo hóa thiên thần là ác. Mỗi thần giáo đều có một vị tạo hóa, mỗi vị thiên thần khác nhau, làm cho người không biết lấy gì làm thiện ác. Huống chi nếu vì kính mến các vị tạo hóa, các vị thiên thần mà phần lại lợi ích chung, làm tổn hại cho các sinh vật khác, thì không thể gọi là thiện. Trái lại, đánh đổ những lối tín ngưỡng mơ hồ làm cho hẹp loại biết đường chơn chánh mà xu hướng thì không thể gọi là ác được. Như vậy lối phân đoán thiện ác theo thần giáo cũng chưa được hoàn toàn.

d) Thiện ác theo Đạo Phật : Đạo Phật định

ngĩa thiện là những việc gì hợp lý, có lợi cho người và cho mình trong hiện tại và tương lai và chữ ác là những việc gì trái lý c. o hại cho người và cho mình trong hiện tại và tương lai. Theo thế gian pháp và xuất t h ế gian pháp có thể chia việc thiện ác ra b a loại : hữu lậu ác, hữu lậu thiện và vô l ậ u thiện.

1) Hữu lậu ác là những hành động độc ác khiến loài người bị đọa lạc trong sự luân hồi sinh tử. Hữu lậu ác thì nhiều nhưng không ngoài 5 điều nghịch và 10 điều ác. Năm điều nghịch là giết cha, giết mẹ, giết các vị A La Hán phá hòa hiệp Tăng và làm thân Phật chảy máu; 10 điều ác là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói láo nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời độc á c, tham, sân, si. Năm điều nghịch và 10 điều á c này nhất định làm tổn hại cho mình và c h o người, phải đọa lạc trong sự khổ sở luân hồi cho nên gọi là hữu lậu ác.

2) Hữu lậu thiện là những điều lành, tuy c ó thể làm mình và người được hưởng những quả báo lành, nhưng chưa có thể giải thoát c o n người khỏi phải đọa lạc trong đường sanh tử nên gọi là hữu lậu thiện. Hữu lậu thiện c ó thể chia làm hai loại, một nghĩa là chỉ thiện nghĩa là dùng nghị, không làm các việc ác như không làm năm trái nghịch và 10 điều ác, hai là tất thiện là làm mười điều lành là phóng sanh, bố thí, tịnh hạnh, nói lời chân thật, nói lời ngay thẳng, nói lời dịu ngọt, nói lời phân giải, tử bi, nhẫn nhục, suy nghĩ chánh lý.

3) Vô lậu thiện - Các việc lành trên đối đả i các việc ác nên gọi là thiện, nhưng còn ngã chấp chủ động, còn hy vọng quả báo chưa c ó thể làm người khỏi phải sống chết luân hồi, nên chưa rốt ráo là thiện. Chỉ có những việc thiện tuyệt đối, không có ngã chấp chủ động, không hy vọng quả báo, thuận tánh k h ở i dụng, thiện với thực tướng, rở suốt viên lý là thiện, trái với thực tướng, chấp trước viên lý gọi là ác; chỉ có hàng viên giáo Bồ tát v à các chư Phật mới hành thiện một cách rốt ráo chân thực mà thôi.

IV. NGHĨA CHỮ NGHIỆP

A. ĐỊNH DANH :

Nghiệp tiếng Phạn là Karma, Tàu dịch là tạo tác, nghĩa là những tác động về thân, về miệng về ý tạo thành những sức mạnh chi phối t ự thân và hoàn cảnh.

B. CÁC MÓN NGHIỆP :

Nghiệp về nhân có ba : một là ý nghiệp là ý suy nghĩ, hai là khẩu nghiệp là miệng nói ra tiếng, ba là thân nghiệp là thân làm các việc

Lại nghiệp có hữu lậu nghiệp là những nghiệp khiến con người trôi lăn trong biển sanh tử

bất động nghiệp là nghiệp của hàng chư Thiên ở sắc giới và vô sắc giới thiện, tâm thường thuyên định, tùy theo sức định mà thọ q u ả trên thượng giới, quyết không biến động bất tự nghị nghiệp là nghiệp của các vị đã thấu rõ chân tâm, tuy không mắc vào một nghiệp nào mà có thể hiện ra hóa thân trong vô số nghiệp mà độ sanh, không thể nghĩ suy lường bàn được.

Lại những nghiệp tác động dắt dẫn các người chịu quả báo vào một loại nào gọi là d ẫ n nghiệp, như nghiệp đọa lạc người ở xứ n ằ o thì dẫn sinh quả báo loài người xứ ấy. Dẫn nghiệp dắt vào thế giới, dắt vào một n h ậ n loại, trong ấy có sự hưởng thọ sai khác, tánh tình khác nhau thì đó là do mãn nghiệp chi phối khác nhau.



C. SỨC MẠNH CỦA NGHIỆP :

Các nghiệp tạo tác, huấn tập tác thành những sức mạnh chi phối mọi hoàn cảnh và mọi người.

a) Hành động và tánh tình của người đều d o nghiệp lực chi phối :

Tánh tình của người không phải tự nhiên m ằ c o, mà do những hành động, những nghiệp c ứ a người ấy tạo tác ra từ trước đến nay. Những nghiệp tác động thành những sức mạnh c h i phối tâm tánh của từng người một. Và như vậy mọi hành vi của con người cũng phải chịu sự chi phối của nghiệp lực, như một con người đã có tánh ác thì bao nhiêu hành động củ a người ấy đ ẽ nhiễm theo tánh ác.

b) Hoàn cảnh của cả một dân tộc hay của một người cũng đều do nghiệp lực chi phối :

Hoàn cảnh của một dân tộc hay của một người đều do đồng nghiệp của cả một dân tộc h a y biệt nghiệp của từng người tạo tác ra. Một người chỉ thiện, một dân tộc chỉ thiện đ ẽ u tạo tác những hạnh nghiệp chỉ thiện, sức mạnh của những nghiệp chỉ thiện ấy tạo thành nh ữ hoàn cảnh chỉ thiện.

c) Nghiệp lực chi phối sự đi đầu thai :

Con người khi chết không phải tiêu diệt h ắ n mà còn mang theo sức mạnh những hạnh nghiệp của người ấy đã tạo tác ra trong đời ấy hay trong nhiều đời trước, và chính sức mạnh ấy bắt buộc và chi phối con người phải đi đầu

thai, nghĩa là phải luân hồi trong biển sanh tử. Có bốn nghiệp dắt những con người phải đi đâu thai là Tích luy nghiệp là những nghiệp chất chứa từ đời này sang đời khác, tập quán nghiệp là những nghiệp tạo thành từng tập quán trong một đời, cực trọng nghiệp là những nghiệp đặc biệt, quan trọng, lấn lướt tất cả nghiệp khác, và cận tử nghiệp là nghiệp khi gần chết. Chính bốn thứ nghiệp này tác động và chi phối con người trong sự đi đâu thai.

V. NGHĨA CHỮ QUẢ BÁO

A. ĐỊNH DANH :

Quả báo là kết quả báo ứng của các nghiệp nhân đã tạo tác ra - như làm lành là nghiệp nhân - được hưởng điều lành là kết quả báo ứng.

B. CÁC MÓN QUẢ BÁO : Có hai thứ quả báo :

a) Chánh báo là kết quả báo ứng về tự thân, thân thể, tánh tình, cảm giác, tư tưởng của mọi người, do những nghiệp nhân tạo tác ra - như con người sinh ra, thông minh, mạnh khỏe, học giỏi, tánh tình hòa nhã v.v... đó là chánh báo.

b) Y báo là kết quả báo ứng về hoàn cảnh của từng người hoặc từng dân tộc phải sống trong hoàn cảnh ấy - như có người sanh ra ở nhà giàu, ở nước cường thịnh, ở trong một nhà giàu v.v... hay cả một dân tộc ở trong một nước thịnh suy, giàu nghèo v.v...

C. THỜI GIAN TRONG QUẢ BÁO :

Có những nghiệp nhân có ngay quả báo hiện tại ở trong một đời gọi là hiện báo; có nghiệp nhân ở đời này, đời sau mới có quả báo gọi là sanh báo; có những nghiệp nhân ở đời này, nhiều đời sau mới có quả báo, có nghiệp nhân ở nhiều kiếp trước, đời này hoặc đời sau mới có quả báo gọi là hậu báo. Nhưng sự hình thành căn cứ trên sự thuận thực của nghiệp nhân, chứ không căn cứ trên ý niệm thời gian. Cách chia chế thời gian trong quả báo chỉ là một phương tiện giúp cho dễ hiểu.



D. QUẢ BÁO VỚI ẢNH HƯỞNG CỦA TỰ TÂM :

Quả báo của các nghiệp thiện ác có thể chia làm quả báo tự tâm và quả báo đối đãi. Như người bắn chết con chim, hành vi đó huân tập

tánh hảo sát nơi tự tâm, đó là quả báo nơi tự tâm. Đối với con chim, nếu sau này trong một đời khác, có thể đủ điều kiện thời con chim sát hại lại để trả oán, đó là quả báo đối đãi. Về đối đãi, không luận biết hay không, cố ý hay không, hề làm tổn hại cho người hay cho vật khác thì người và vật tất nhiên sinh lòng muốn làm tổn hại lại. Cho về tự tâm, thì đồng một sự mà chỗ huân tập về thiện ác lắm khi khác hẳn.

a) Vô tâm : Làm một việc lành, nhưng vô tâm mà làm, thời không có kết quả lành nơi tự tâm. Nếu vô tâm làm lành sau biết lại ăn năn tiếc nuối thì chỗ huân tập nơi tự tâm lại về phần ác.

- Làm một việc ác, nhưng vô tâm làm, thời không có quả báo nơi tự tâm - nếu vô tâm làm ác, sau biết lại hối hận phát tâm đại bi thì chỗ huân tập nơi tự tâm lại về phần thiện; như có người vô ý đi đạp chết con kiến tuy về phần đối đãi vẫn không thể tránh quả báo dữ nhưng về tự tâm thì không huân tập về đường ác. Song nếu người ấy sau khi biết mình có lỗi rất lấy làm hối hận, phát tâm đại bi, cầu nguyện cho tất cả loài kiến thoát sự khổ não thì chỗ huân tập tự tâm vẫn về đường thiện.

- Lại có người không phải cố ý, nhưng bản tánh là lành, không bao giờ làm ác, luôn luôn làm việc lành một cách vô tâm, không cố ý thì quả báo về tự tâm rất to lớn, vì đã được tánh thuận thiện : trái lại, người làm việc ác một cách tự nhiên vì bản tánh thuận ác, thì tuy làm ác một cách vô tâm, nhưng quả báo về tự tâm rất to lớn, vì bản tánh đã thuận ác.

b) Hữu tâm : Như có người cố ý làm việc lành để trông cầu danh lợi, tuy quả báo đối đãi vẫn là thiện, nhưng về tự tâm bị huân tập về đường ác - trái lại, một vị quan tòa, vì lẽ công bằng theo pháp luật kêu án tử tội, hoặc một vị tuấn kiệt vì chức trách phải đánh bắt kẻ trộm cướp, thì tuy cố ý làm việc tổn hại cho kẻ khác, nhưng chỗ huân tập về tự tâm vẫn về đường thiện.

- Lại có người, vì tin nhờn quả nên cố ý làm việc lành, thì tuy cố ý nhưng chỗ huân tập thuận là thiện - trái lại những người vì thù hiềm, vì danh lợi cố ý làm các việc ác, thì chỗ huân tập về tự tâm của người ấy rất nặng về đường dữ.

- Lại trong khi làm việc lành dữ, làm được việc lại rất vui mừng, muốn làm thêm việc khác nữa, thì quả báo lành dữ lại càng tăng lên xấp bội.

VI. SỰ LIÊN LẠC GIỮA NGHIỆP NHÂN THIỆN ÁC VÀ QUẢ BÁO THIỆN ÁC

A. LÝ QUẢ BÁO THIỆN ÁC LÀ MỘT ĐỊNH LUẬT TỰ

NHIÊN, CHỈ PHỐI HÀNH VỊ CON NGƯỜI, VÀ CHỈ LÀ MỘT CHỈ TIẾT CỦA LÝ NHÂN QUẢ.

Đã tạo những nghiệp nhân thiện ác như thế nào, thì nhất định chịu quả báo thiện ác như vậy không sai chạy, nhưn nào quả này.

B. CON NGƯỜI VẪN CÓ QUYỀN VÀ CÓ THỂ THAY ĐỔI QUẢ BÁO CỦA MÌNH :

Tuy lý thiện ác quả báo là một định luật không hề sai chạy, nhưng trong khi đã tạo nghiệp nhân dữ và đúng lý phải chịu những quả báo dữ, nếu cố lòng hối hận tâm quý tạo những nghiệp nhưn trái ngược lại thì có thể chuyển được nghiệp trước và khỏi chịu những quả báo dữ.

VII. KẾT LUẬN

A. LÝ THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO cho chúng ta rõ ràng những nỗi khổ vui của con người toàn do người tự tạo, chứ không phải do một vị Thượng đế hay một thần linh nào.

B. Con người sống ở đời toàn do nghiệp lực chi phối, và chính nghiệp lực chỉ định chi phối tất cả.

C. Con người có quyền thay đổi đời sống của mình, tự tạo một tương lai theo lý tưởng của mình, nếu tự mình cố đủ ý chí cương quyết...

(Còn tiếp)

tiếp thu trang 49

mặc chẳng hiểu, những bà, những cô ấy qua x ứ này được bao nhiêu lâu mà họ đã nhanh chóng quên những gì tôi thiếu mà người phụ nữ Á Đông đã cố. Hoặc ít ra vấn đề này cũng chẳng nên đặt ra một cách công khai lộ liễu. Bà nào cô nào thích sống theo phụ nữ Tây phương thì cứ "thoải mái" chẳng nên cao rao k h u y ên khích những người khác.

Những tâm hình chụp và những bài viết về vấn đề kỹ thi người da màu tại Âu Châu của tạp chí Anh Ngữ xuất bản ở Hoa Kỳ. Một số ngoại kiều đã bị đánh đập chết, một số tiệm buôn bị đập phá, nhiều khẩu hiệu viết trên những đường phố, yêu cầu người ngoại quốc hãy trở về nước v.v...

Hai cặp mắt đầy hân học, cái cười cao ngạo của hân, lời than phiền của người bạn và những hình ảnh về phong trào chống ngoại nhân tại Âu Châu - đầu là đập số của bao ý nghĩ đã ngã đổ lộn trong tôi.

Ba năm rồi, hay còn nhiều năm nữa, sự có mặt của tôi trên xứ sở này - để bày tỏ cho tôi và những ai cùng cảnh ngộ như tôi, về một sự giải bày rã ràng. Tôi và những người phụ nữ cùng màu da tiếng nói như tôi, học chữ yêu tất cả những gì của xứ người quá sớm chẳng!...

REUTLINGEN 7/84

CÁO PHÓ

Bà quả phụ Lê Hữu Khải và tằng quyền d a u đôn báo tin buồn đến thân bằng quyền thuộc, và bà con ban hữu, chồng, cha, Nội, Ngoại t ố của chúng tôi là :

Ong Lê Hữu Khải

Pháp danh Tâm Trĩ

đã mất kiếp Ta Bà ngày 26 tháng 8 năm 1984 tức ngày 30 tháng 7 năm Giáp Tý tại Taas - trup-Dan Mach. Trong niềm đau của kẻ mất người còn, xin gửi đến quý vị bằng hữu để t ử ông tri.

Bà Quả phụ Lê Hữu Khải

— Cùng tang quyền —

CẢM TẠ

Xin chân thành cảm tạ :

- Đại Đức Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên-Giác Hannover.

- Ban Vận Động thành lập Niệm Phật Đường và Chi Hội Phật Tử Việt Nam tị nạn tại Bá Linh

- Các Tổ Chức, các Hội Đoàn

cùng tất cả thân bằng quyền thuộc đã h ộ ni ệ m giúp đỡ cũng như tiễn đưa linh cữu của em, chị, cô chúng tôi là Bà

LÂM THỊ PHÙNG

Pháp danh VIÊN NHÓN

đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi s ố b ố suât. Kính xin quý vị niệm tình h ỷ thủ cho.

Toàn thể Gia đình Họ Lâm

Kính bái

tiếp thu trang 56

(9) Hành trình chơi núi Yên Tử.

Nam Phong số 106

(10) Văn Tiêu am, thờ chú Hán của vua Trần Anh Tôn.

(còn tiếp)

và tôi bị quả báo, cứ lặn dần trong hôn nhân luôn. Tôi chỉ cầu chúc cho Linh Quy được hạnh phúc trong hôn nhân như chị Mỹ Hạnh của tôi.

Hôm nhóm họ thim cái thợ may tặng cho cô dâu xấp gấm Thượng Hải màu bông phấn gói trong lớp giấy bông màu hồng tươi. Mà tôi chắc lưỡi :

- Thim Hai bày đặt tặng cho cháu thứ quà mắc tiền này làm tôi khó nghĩ quá. Sau này biết tôi có đủ sức tặng cho các cháu bên đó món quà mắc tiền như xấp gấm này không ?

Thim cái thợ may bảo :

- Môn quà này đâu có xứng đáng với cái ơn cháu Linh Quy, cách 4 năm về trước đã cứu hai mẹ con tôi trong trận bão lụt.

Trong lúc nhóm họ, thừa dịp nghỉ xả hơi, Mỹ Hạnh, Linh Quy và tôi ra ao sen ngồi xem trồng sen và nhắc về chuyện Bạch Trang. Ao thu phăng lẳng, xơ xác với mấy khóm sen tàn tạ. Thỉnh thoảng một con cá ẩn mình lặn nước gợn lăn tăn. Một con quạ lướt qua vẽ nét đen xuống hồ nước phản chiếu ánh trăng hiu hắt. Một con chàng hiu từ đám ô rô phồng qua khóm lau, đầu và chân nó rế nước một vệt sáng dài.

Tôi hỏi chị Mỹ Hạnh :

- Ảnh đối với chị ra sao ?

Mỹ Hạnh mặc cỡ :

- Đồ quốc nã. Ai lại đem chuyện vợ chồng ra nói...

Linh Quy bảo :

- Thì mình là chị em trong nhà, mình không có quyền tâm sự hay sao ?

Mỹ Hạnh ngập ngừng :

- Trước sao sau vậy. Chị để cho ảnh một đứa con trai nên ảnh cũng quí chị hơn, cả gia đình bên chồng cũng vậy.

Linh Quy buột miệng :

- Tôi nghiệp cho Bạch Trang !

Tôi ngao ngán :

- Sao em nói vậy ? Trang đi tu cũng là cách đi tìm hạnh phúc chứ. Ông bà mình há chẳng thế nói : "Tu là hạnh phúc, còn tình là giày oan" hay sao.

Mỹ Hạnh dịu giọng bảo tôi :

- Em là dân tỉnh, cô ăn học, rồi đây sẽ kiếm chồng tử tế, giàu sang. Còn như chị ếch ngồi đáy giếng đời sống như bùn lầy nước đọng cô gì đáng hãnh diện đâu.

Tôi thành thật :

- Em cầu được như chị. Chị có hạnh phúc và tình yêu chân thành mới đáng kể.

Tôi nhìn cây Hoàng Lang trồng bên cạnh cửa sổ phòng của hai chị em tôi. Tôi mai chú rế sẽ ngủ ở phòng đó. Những khóm hoa lài, giần thiên lý đã tỏa hương bát ngát suốt tuổi ấu thơ của tôi. Những sau đám cưới tôi sẽ xa nơi đây để như con thiều thân bay vào ánh sáng chôn phần hoa đô hội.



Hôm sau đám cưới chấm dứt. Cả nhà đi Hai tôi về Lương Tài. Sợ mà tôi buồn tôi ở nán thêm vài ngày nữa. Linh Quy thử thể với má tôi :

- Má biết không ? Ở bánh năm từng do chị Hai con làm đẹp quá. Chị bắt bông bơ chớ không bắt bông đường. Bánh trang hoàng hoa hồng lá xanh toàn bằng bơ nổi bật trên nền sô cô la màu. Chú rế và mọi ng cứ trầm trồ hoài. Bánh tây làm đúng cách và là m khéo đẹp vừa ngon. Có cặp vợ chồng người Pháp hỏi chị Hai học nữ công ở trường nào ? Chị nói chị học trường Cordon Bleu bên Tây, có bằng cấp đẳng hoàng chị cô đĩa là sẽ sang Mỹ mở tiệm bánh ngọt, vì bánh

Cake của Mỹ không ngon. Rồi chị còn khoe sẽ qua Nhật học cách cắm hoa và pha trà nữa.

Má tôi cười :

- Chị của con vui tánh, ưa nói dóc để câu vui chớ có hại ai đâu ? Có ai mất mát gì đó mà con sợ.

Tôi vỗ vai em :

- Chị nói theo những gì chị ước muốn, lấy chuyện giả xem như thật. Em chắc biết thừa hiều lộng giả thành chân biết đâu có ngày chị sẽ sang Tây, sang Mỹ, sang Nhật, để học hỏi nghệ thuật nữ công, bếp núc.

Khi tôi định ngày khởi hành, má tôi sắp cho tôi một giỏ thức ăn để đem về Sài Gòn nào là Cá Thu kho rím với tỏi hành, Cá Bính Đường và Cá Hồ phơi khô, khi ăn chỉ cần rửa sạch muối rồi

đem chiên với tỏi. Tôi còn mang theo hai chiếc nón Bình Định và 100 bánh tráng dày để nướng.

Chiều đến lúc 4 giờ, tôi được em gái và em rể tiễn ra tận Ga Điều Trị để đón tàu t. Hà Nội vào Sài Gòn. Hôm đó tàu thưa khách. Khi tàu bắt đầu xê dịch, rít lên một hồi lâu, phun khói rồi chạy nhanh. Tôi cố nhìn xuống sân ga xa dần, xa dần, hai em tôi vẫy khăn đưa tiễn rồi khuất sau hàng cây xanh đậm. Tàu đến gần Cảnh Vân, tôi chỉ thấy ruộng khô vừa mới gặt, dưới ánh trời chiều. Đất miền Trung từ Bình Định trở vào Nam bắt đầu phì nhiêu. Mặt trời chiều đỏ như ruột quả dưa hấu làm cả phương Tây sáng rực một màu cam. Các chú mục đồng ngồi gánh nước gánh trên lưng trâu thổi sáo để đưa trâu về chuồng. Các cô thôn nữ xoắn quần tận gối để đập lúa, miệng hò :

Ai chuông Tàu Nam, ai ham Tàu Bắc
Người xa quê như dao cắt ruột gan
Chớ mê sa son phấn bạc vàng
Mà quên tình nghĩa xóm làng bỏ ai.

Các anh lực điền tát nước gần bờ để cách đó một quãng xa, dù không nghe lời hò, nhưng cũng hát rằng :

Biển tựa kẻ non, sắc son gấm bó
Xin đừng như lửa đỏ đốt rơm khô
Anh về ngoài Huế lâu vô
Họa bức tranh đồ, để lại cho em.

Xa xa là rừng trúc, rừng trầm, rừng lá... Hoàng hôn chiếu ngược các ruộng lên nên trời đỏ vàng những vết đen như mực xạ. Chim từng đàn về núi.

Chim bay về núi tối rồi,
Chị em toan liệu lấy nồi nấu cơm.

Giờ này cả nhà tôi đều được xum họp quanh mâm cơm, dưới ánh đèn dầu leo lét. Chỉ có tôi ngồi trên xe lửa nhớ nhà quay quắt.

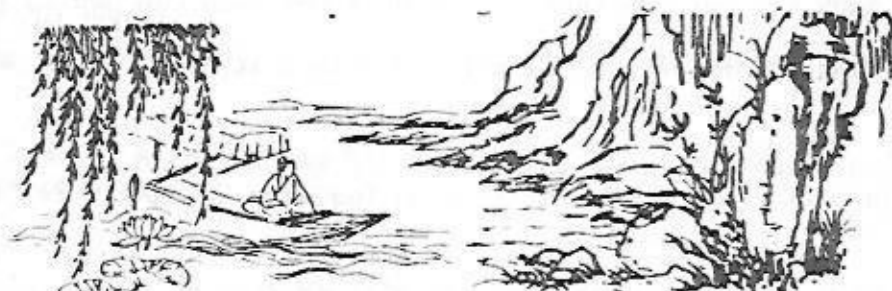
Bốn mươi năm trôi qua, chỉ còn mình tôi ngồi trên sân ga ở nơi thánh địa thành Lourdes để nhớ tới những chuyến tàu đã chạy trên quê hương, thuở tôi còn thanh xuân, lòng còn nhiệt huyết, thích lăn xả vào cuộc đời để gây sự nghiệp.

Em tôi đi Nhật, rồi không bao giờ về nữa. Vợ chồng nó đã bị chết trong kỳ Mỹ dội bom ở Quảng Đảo và Trường Kỳ, mà rủi thay hai vợ chồng nó lúc đó viếng đảo Trường Kỳ...

Bốn mươi năm qua, tôi đâu còn nước mắt để khóc em. Tôi chỉ còn một niềm nhớ nhung: Quê hương yêu dấu miền duyên hải xa xưa. Tôi cầu nguyện Chúa và Đức Mẹ phù hộ cho tôi có ngày trở về chôn cất, để mừng tượng lại Ngoại tôi, Ba Má tôi đã có một thời xưa quay quần bên ngoại để tắm mát trong ánh mắt âu yếm của một bà già lòng lúc nào cũng rộng như đại dương và bầu trời chứa đầy tình thương đối với các cô cháu gái.

HUYỀN CHÂU

Paris Chiều hè 84



Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thù

(Tiếp theo)

Chị Thụy Loan vừa kể đến đoạn đức Phật đứng lại bên đường để hóa độ cho năm trăm nông phu thì ba hồi còi của anh D. thổi lên tập hợp các oanh vũ kết dây thân ái giải tán. Thế là câu chuyện ông Trưởng giả Pháp Quân đành kết thúc nơi đây cả bọn oanh vũ nhìn nhau s u ýt xoa ra chịu tiếc rẻ.

Bây giờ, các anh chị thiếu niên vừa đến kết vòng tròn, tay nắm tay và hát to bài Dây Thân Ái ... "Dây thân ái lan rộng muôn nhà, tay sắp xa nhưng tim không xa..... dù cách xa n g ản đậm vẫn gần, gan thép ta chia tay đừng buồn... Bài hát chấm dứt thì bọn oanh vũ đưa n h au chạy ra công về nhà. Chiều nay trên con đường mòn Thi, Thuyên sánh vai nhau vui cười, ã ù a giỡn hát ca như ngày nào hai đứa mới gặp nhau nơi công chùa...

Về đến nhà, cơm nước xong Thi vội vã lên phòng làm mấy bài tập hôm qua còn dở dang. Mãi đến hơn nửa giờ mới xong bài toán đại số lẫn hình học của Thầy Lâm. Thu xếp tập vở vào cặp xong xuôi Thi với tay bật đèn, lấy quyển truyện "Hoàng Tử Du Ta mà anh Lê Tuấn vừa cho mượn ban trưa. Mới lật trang đầu Thi cảm thấy thích thú ngay, thật đúng như lời anh quảng cáo không sai.

Vui thay! Sáng lạng cả trời,
Hoa Đằm đã nở rạng ngời khắp nơi.
Đại Tử đức Phật ra đời,
Đem thuyên Bát Nhã độ người trăm luân.
Thiếu Quang chói lợi cõi trần,
Hỏi ai có biết Hồng Ân gần kề?
Ca đi ánh sáng đã về...

Tiếng hát trong thanh ấy, dường như ở tận cõi trời xa đưa lại bay lạc trong gió thoảng, lạnh lãnh dội từ rừng nầy sang rừng nọ, từ non cao đến đồng thẳm, từ biển cả đến đồng bằng. Chẳng chỗ nào mà không nghe điệu nhạc thần tiên ấy. Từng đàn bướm cánh vàng, xanh, đỏ, tím bay lượn nhón nhợ, rập rình trên cành hoa thắm đang khoe sắc trong nắng ấm buổi mai, từng đàn c h im non lẳng lịu ở vĩa hè, từng đàn sóc xinh tươi ranh mãnh rượt bắt nhau lẹ làng trên cành cây cổ thụ, cả thấy đều thì nhau chuyển cái tin mừng ấy qua kẽ lá. Rồi tiếng nhạc điệu du dương trầm bổng, tiếng âm thanh dịu dặt ở mấy tầng không, vang động những điệu của bề trần: "Chúng sanh ơi! Đấng giải thoát đã đến rồi. Đi! Ta hãy cùng đi về phía nam dãy núi Hy Mã Lạp Sơn để cầu Ngài giác ngộ! "Tạo vật từng bừng đường mới tái sanh. Bên trời sương mù đã tan hẳn Vàng Thái Dương ẩn hiện sau áng mây thưa, chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong tạnh. Lòng người như cảm thấy một diêm lạnh, một ánh sáng thiêng liêng để phá tan bóng tối của cõi đời. Những cành hoa sắp héo bỗng đổi màu tươi thắm, những vòm lá úa vàng b ồ ng chuyển sang màu xanh biếc. Những cái ảnh hưởng huyền diệu nhưút của ánh sáng này là nó biến đổi lòng người trong nháy mắt : con người tự cảm thấy mình tốt đẹp và cao thượng hơn. Kể sát nhân bỗng ghê sợ bàn tay đẫm máu của mình, bèn ăn năn hối tiếc! Chị bán hàng đang cân thiếu bỗng giật mình không dám gian lận nữa. Người đau yếu mỉm cười trên giường bệnh d ứ t hẳn tiếng rên than và nghe lòng mình ấm dịu, reo chảy một nguồn vui. Kẻ sắp lìa trần không còn sợ hãi, mà lại được an tịnh và tràn đầy hy vọng. Người giàu sang vương giả không thiết cảnh vào các ra đài, đâm ra chán nản mùi phú quý, hồng trần muốn tìm đường thiêng liêng ã ã độ rồi thân hồn...

Ngày hôm ấy, khi vùng ô vữa gát non đoài, bóng hoàng hôn hiện giữa rừng sâu, rung động chập chờn trong làn gió lạnh. Rải rác ở cánh đồng cỏ lục, vài ba chú nông phu với cặp bò vàng, đi về phía chân đồi xanh biếc. Vài ba con én mai cánh trên cỏ mượt. Giữa cảnh rừng hoang tịch-

mịch, thỉnh thoảng lại chìm lẫn những tiếng chim muôn rủ nhau về tổ. Anh nắng chiều dịu dàng sáng lạn, chầy lóng trên những bức rèm thiên tạo giăng giữa lưng chừng núi tuyết! Gió lạnh lạnh từ xa thổi đến, ngào ngạt hương thơm của trăm thứ hoa rừng xen lẫn mùi ngọt dịu của trái cây chín mùi. Dưới cội Bồ Đề hùng vĩ, đức Phật Thích Ca đang ngồi kiết già, trầm tư mặc tưởng, chân xếp bằng, tay để trên gối đầu ngay thẳng. Ngài bắt đầu tham thiền, yên lặng như pho tượng đá. Trong cõi âm u, tịch mịch hào quang của đức Phật tỏa sáng rực rỡ cõi trời và ân huệ của Ngài cũng ban ra khắp chốn.

Thỉnh thoảng, một vài con sóc vàng nhảy lên về Ngài, vài con bạch điểu xinh tươi nghiêng đầu vào cánh tay Ngài như chờ đợi món trăn. Cái không khí thiêng liêng tràn trên bậc ái, khiến cho kẻ nào thiếu đức tin đi ngang qua đó cũng phải quí gối, cúi đầu kính phục như những thú rừng hung dữ kia, mà khi đến gần Ngài cũng hóa ra hiền lành và kính sợ. Nhưng kia, con nai cái đang nằm úm con dưới áo Ngài lại ngược mồm lên, ngửi trên không một cách lạ lùng, dường như có linh tánh, đoán trước sẽ xảy ra chuyện gì. Một tiếng động rập rờn ở tận phương trời xa đưa lại. Rồi kẻ tiếng nện gót giày, một cách vội vàng trên mặt đất rêu xanh, làm xào xạc cỏ cây, phá tan sự tĩnh mịch của cảnh rừng êm lặng. Kia một toán quân rần rộ kéo đến mé rừng. Đi đầu là một vị thiếu niên anh tuấn, ăn mặc xuề xoan diêm lệ... đeo ngọc ngà châu báu khắp mình, xăm xăm đi lại đức Phật. Trước vẻ uy nghiêm, an tĩnh và hiền lành của đức Phật chàng bỗng khiếp sợ, vội vàng quí mọp xuống chân Ngài một hồi lâu. Khi đứng dậy người thiếu niên ấy bèn chấp tay cúi đầu hết sức cung kính. Trong khi đó, đức Phật vẫn ngồi diêm nhiên như không có sự gì xảy đến. Nhưng trong cặp mắt Ngài nảy ra một tia sáng dịu dàng chứa chan vẻ tử bi bác ái.

Chàng thiếu niên ấy nói: "Bạch đức Thế Tôn, con xin kính lạy Ngài. Con ở tận xứ xa, từ nước Cam Sa Ba trái quangàn dặm xuyên sơn, mới tới đây. Con là Đông cung Thái tử Du Ta đến xin Ngài một chút ân lành. Đức Thế Tôn ơi! Từ khi con nghe đặng tin danh Ngài, con không còn an nghỉ đặng nữa: Cung điện nhà Vua và kho vàng, lấm bạc, hoàng thân, quốc thích cho đến mỹ nữ cung phi tuyệt trần cũng không làm cho con phí dạ. Cái bả đỉnh chung mùi phú quý hết làm cho con say đắm nữa. Con muốn tìm cái gì cao thượng hơn, trường cửu hơn và thiêng liêng hơn. Lạy đức Thế Tôn, con xin Ngài chỉ giáo cho con và thâu con làm đệ tử, con đức ấy ngàn năm con nguyện khắc cốt ghi tâm".



Đức Phật vẫn diêm nhiên, trầm tĩnh không thốt một lời nào. Ngài cứ nhìn Thái tử một cách dịu dàng, hiền lành và thương xót. Thái tử nói tiếp rằng: "Đức Thế Tôn ơi! xin Ngài huệ cố chỉ dạy cho con rõ, xin Ngài hi xả cho con biết, con có xứng đáng được cái đặc ân này chăng? Bạch đức Thế Tôn! Từ thuở còn bé, con đã giữ mình tinh khiết, con tập làm lành lánh dữ thuận với luật trời. Con giữ ven cang thường, luân lý, sớm công phu, chiều bái sám, hằng xem kinh sách trau mình. Những điều hành vi của con như thế, Ngài đã rõ lắm rồi. Vậy xin Ngài cho biết con có đủ tư cách làm người đệ tử chăng?". Đức Phật chỉ đáp vồn vện rằng: "Không". Thái tử Du Ta lấy làm thất vọng, buồn rầu bạch rằng: "Lạy đức Thế Tôn, vậy con phải làm sao mới đặng? Và con cúi lạy Ngài phán cho con rõ, con nguyện sẽ đem tất cả bình sanh chỉ lực tuân theo, hầu được Ngài hạ cố thâu con làm đệ tử. Con tự tâm lấy... rồi con sẽ rõ. Ôi! Con biết tìm cái gì bây giờ? Hoàng tử nói với một giọng đau thương rung cảm vô ngần! Nhưng đức Phật vẫn giữ vẻ mặt diêm nhiên lặng lẽ...

Hoàng tử mới tiếp rằng: "Bạch đức Thế Tôn cao cả, vậy thì để con tự tâm lấy. Có lẽ Ngài muốn thử lòng con? Đức Phật nói: "Phải". Bạch đức Thế Tôn, bao giờ Ngài cho phép con trở lại hầu Ngài nữa? Bấy trăng sau mùa mưa này. Thái tử Du Ta lặng lẽ mọp xuống một hồi lâu rồi mới từ từ đứng dậy, chậm rãi ra đi. Đoàn quân hộ tống, khuất dạng trong đêm khuya, thanh khí nhẹ nhàng tỏa dần từ phía. Mành trăng rằm treo lơ lửng trên những chóp núi cao đầy tuyết phủ. Những dòng ánh sáng trắng màu sữa chảy lóng lánh giữa không gian tịch mịch. Muôn sao nhấp nhোáng kết thành ngàn chuỗi hạt kim cương... Rừng đêm khuya lặng lẽ như tờ. Dưới cội Bồ Đề đức Phật vẫn mãi tham thiền, đưa tâm linh lên tận cõi Niết Bàn Cực Lạc. Con nai cái hiền lành tựa đầu bên gối Ngài lim dim đôi mắt.

Bấy trăng vừa qua, ngày kỳ hẹn đã đến, cũng dưới cội Bồ Đề, cũng tại mé rừng hoang ấy, đức Phật Thích Thế Tôn đang chờ đợi. Mặt trời đã chen lặn, từng đó một vùng phía Tây, rồi dần dần biến

ra màu xám đậm. Từ phương Đông, mây đen kịt nặng trĩu đủ các hình quái, kéo đến mịt mờ. Bỗng chớp sáng nhoáng, sấm sét vang động, gió thổi mỗi lúc mỗi mạnh, cành cây oai lá cuốn bụi bay, cả thảy đều báo tin một trận bão to sắp đến. Thú rừng xông xáo, rộn rục tìm nơi ẩn trú. Chim rừng từng đàn bay núp dưới cội Bồ Đề, kêu liu lo, liu lít ra dáng hãi hùng. Một con beo cái chui vào chân Phật, điềm nhiên an tĩnh như không hay biết cảnh giông gió bên ngoài.

Mưa bắt đầu tuôn xuống, nước chảy ào ào, như lở núi lở non, gió thổi kêu vi vút, xô ngã nhiều cây đại thụ! Thật là đáng khiếp. Nhưng cảnh bão bùng, sấm sét hiểm nguy như thế không cưỡng chế được cái nghị lực bên trong. Đứng giờ hẹn, Thái tử Du Ta đã quỳ dưới chân Phật rồi. Vì rét mướt, vì cảm động nên Thái tử lảng lảng giây lâu mới bạch rằng: "Bach đức Thế Tôn con đêm ngày trông đợi cái buổi hạnh phúc hôm nay. Đối với lòng con mong mỗi thời gian qua rất chậm. Ôi! giờ phút thiêng liêng đã đến, sung sướng cho con biết chừng nào..."

(còn tiếp)



tiếp theo trang 43

địch quân, kẻ cận hành động gì mà không biết. Lúc Trọng Thủy lấy cờ cha bịnh về thăm, An Dương Vương vô ý tha chàng rẽ ra đi dễ dàng. Quân Triệu Đà đến chân thành còn mãi đánh cờ c ú ở nói: "Triệu Đà không sợ nổ thân ta ư?". Vua giữ nước, tướng giữ thành câu trả như thế là cộ! Thục Phán không nhớ bài học Hùng Vương ỷ lại vào uy lực Lạc Long Quân sao?

Hai bài học hôn nhân ỷ lại nhân tiên, An Dương Vương không học được, chạm phải địch thủ thâm mưu như Triệu Đà, Cổ Loa thành mất, An Dương Vương quả là thiếu "Trí".

Lúc một mình một ngựa bốn đào, sau lưng là My Châu, chạy đến bờ biển, Thần Rùa Vàng hiện lên mắng: "Giặc ở sau lưng Bệ hạ đó!". Quân Triệu Đà theo dấu lông ngỗng theo gập, vua còn nghe tiếng vó ngựa và tiếng reo hò, rút gươm giết con. Cơ đồ xây dựng sụp đổ, quân địch đuổi theo sau lưng, trước mặt là biển khơi, An Dương Vương mặc lộ rồi!

Phút giây cấp bách, nghe Thần Kim Quy mắng, An Dương Vương giận dữ rút gươm giết My Châu. Ngay lúc quay lại, An Dương Vương thấy gì? Biết gì? Nghi gì? Kết luận ra sao khi giết con gái mình? Vì hiểu lầm trong cơn nóng giận, sợ hãi, đảo điên nhứt thời vung gươm giết con? Ngài xem My Châu là giặc như lời Thần Kim Quy? Cố ý hay lỡ tay? Thỏa mãn hay ân hận? Giết con và tự tử, hỡi An Dương Vương có lý do, có thể không muốn để My Châu về với giặc, thân gái bơ vơ? Ai nữ trách vua giết con? Ai cảm thông nỗi hận thế lương vong quốc của An Dương Vương khi đứng bơ vơ trên bờ biển, sau lưng là giặc, con gái mình lại trực tiếp chỉ đường cho giặc đuổi theo nếu không cùng cánh ngộ? Phản ứng tâm lý uất hận chông chát bộc phát thành hành động dữ dội nhứt thời?

- Việc dựng nên Âu Lạc và mất Âu Lạc, công hay tội?

Trong tâm người Việt hiện kim, An Dương Vương được kính trọng như anh hùng dân tộc. Căn cứ vào đâu gọi là anh hùng? Vì đã diệt Văn Lang lập thành Âu Lạc? Hùng Vương và Thục An Dương Vương cả hai được tôn sùng. Xét cho cùng Thục Phán không phải dân gốc Giao Châu, ít nhứt không phải gốc Lạc Việt. Công trình ngoài Cổ Loa thành sụp đổ, thời gian ở ngôi ngắn ngủi, không thiết lập được một triều đại văn hóa hoặc chiến công hiển hách.

Người dân làng Cổ Loa lập miếu thờ An Dương Vương. Sự tôn sùng nhà vua như một anh hùng thật hợp lý, vì vua lãnh đạo cộng đồng họ, đồng sinh cộng tử trên một vùng đất. Dân Cổ Loa không lấy thành bại luận anh hùng. An Dương Vương chiến thắng, họ được thơm lây và hạnh phúc. An Dương Vương thất trận, họ gánh chịu nhục nhằn của người bại trận. Miếu thờ "Ngài" làng Cổ Loa là một chứng tích lịch sử, biểu dương thái độ dứt khoát trắng đen rõ rệt của dân làng đối với Thục An Dương Vương nói riêng, và cuộc chiến tranh Âu Lạc-Nam Hải nói chung.

(Còn tiếp)



Chương 1

Hôm ấy trong chùa Sùng Ân các sư đang r ộ n rịp chuẩn bị để đón tiếp một đại thí chủ, đó là Vương tiều thư, con quan Tể Tướng của đươg triều sắp đến lễ Phật.

Khắp nơi trong chùa đều được quét dọn sạch sẽ, duy có trên chính điện thì trái lạ i vì hương đăng trẻ tuổi Ngọc Lâm, có t i ề ng là chăm chỉ, hôm ấy lại để cho bề bộn, không chịu dọn dẹp.

Thường ngày, trên chính điện đèn nến lúc nào cũng sáng trưng, nhưng hôm nay tại sao Ngọc Lâm lại tắt sớm? Trong lư trầm suốt n g ả y nghi ngút, mà hôm nay thì không một làn khói quyen; chiếu ngồi để lung tung và tàn hương bụi bậm từ hôm qua vẫn còn y nguyên không hề bao sái.

Thầy Duy Na (=Người có trách nhiệm trông coi công việc của Tăng chúng trong chùa, tương đươg một người giám thị trong một học đươg) đi quan sát một lượt, thấy trên chính đ i ện bừa bải như thế, mới gọi sư bác hương đ ẫ ng Ngọc Lâm bảo dọn dẹp thì Ngọc Lâm chỉ âm ừ, rồi bỏ đ ấ y. Ai cũng biết Ngọc Lâm là người đ ệ tứ thứ hai của Hòa Thượng Thiên Ân, trụ trì chùa Sùng Ân. Vì còn ít tuổi nên Ngọc Lâm có tính hiếu thắng ngạo nghễ, nhưng vì sợ H ồ a Thượng trụ trì nên thầy Duy Na cũng làm ng ờ không nói.

Mọi người đều hiểu cá tính của Ngọc Lâm, ch ề an phần thủ thường, gặp ai cũng niềm nở, duy đối với người quyền thế thì không bao g i ở chàng chịu cúi đầu; chàng còn coi thường cả những ai khúm núm trước quyền thế. Chàng cũng biết là hôm nay Vương tiều thư sắp đến chùa trong chùa đang rộn ràng sửa soạn để nghinh tiếp, chính lúc mọi người nhộn nhịp như vậy, thì Ngọc Lâm lại tỏ ra lãnh đ ạm với việc đó. Song Ngọc Lâm cũng là người rất biết điều, sau hai lần khuyên bảo của thầy Duy Na, chàng tự nghĩ bất luận người nào đến chùa lễ, chàng cũng phải làm trọn bốn phận của mình, vì công việc của Ngọc Lâm là bao sái, quét dọn trên chính điện.

Chính lúc Ngọc Lâm đang cầm chổi quét chùa,

thì trước mặt chàng một giọng nói lạnh lạnh vọng lên :

- Hôm nay Thiên Kim tiều thư sắp lên dâng hương, tại sao bác không lo quét dọn P h ậ t điện cho sớm ?

Đó là giọng nói của Thúy Hồng, người tỳ n ữ của Vương tiều thư trong Tướng phủ đến báo trước.

Ngọc Lâm ngẩng đ ầ u nhìn qua rồi lại l ẫ ng l ẫ ng đưa ngọn chổi, không nói nửa lời.

- Thiên Kim tiều thư sắp đến nơi rồi ! Bác quét mau lên !

Đứa thị tỳ thấy Ngọc Lâm vẫn cứ đ ằ ng hoàng, không tỏ vẻ vội vàng, nó thúc dục.

- Thiên Kim tiều thư của cô đã vào cái th ả gì ! Cô có biết tôi đây là một vị Vạn K i m Hòa Thượng không ?

Câu nói của Ngọc Lâm làm cho Thúy Hồng phát tức hơn nữa, cũng vì câu nói đó mà cuộc đ ờ i tu hành của Ngọc Lâm gặp cơn giống t ố b ả o bùng.

- Hòa Thượng! Bác cả gan thế kia à? Bác đ ắ m khinh thường tiều thư con Vương Tể Tướng? Tôi hãy mách tiều thư để xem Bác có mấy đ ầ u ?

- Uí cha! Cô có thể đem quyền thế dọa n ạt người khác chứ không dọa nạt đ ược tôi đ ầ u. Thiên Kim tiều thư nhà cô có khác gì cô? Nàng thường đưa vào thế lực của cha, cũng như cô đưa vào thế lực của nàng, để bắt nạt thiên h ả.

bản dịch của Quảng Độ

THOÁT VÒNG TỤC LỤY

- Bác không muốn sống nữa hả ?

Đôi mắt Thúy Hồng tròn xoe, nàng lại dùng lời hồng hách hơn để uy hiếp Ngọc Lâm.

- Sao không muốn sống? Tôi không làm gì phạm pháp, ai dám bắt tôi chết? Các n ề. muốn đến chùa lễ thì cứ đến, việc gì phá b ả o trước. Còn quét chùa hay không là việc của Hòa Th ậ t. can gì đến các người mà đến đ ầ y sai khiến !

- Song người sắp đến lễ hôm nay là T h i ề n Kim tiều thư, bởi thế tôi có thể sai k h i ề n bác ?

- Người hiện đang cầm chổi quét chùa đây là một Vạn Kim Hòa Thượng, bởi thế yêu cầu c ố thu hồi mệnh lệnh đó về !

Ngọc Lâm vẫn thản nhiên đưa ngọn chổi, Thúy Hồng tức ứ cố không nói thêm đ ược câu gì lập tức trở về Tướng phủ, đem chuyện thuật l ậ i

cho Vương tiểu thư.

Đọc đường nàng càng nghĩ càng bức, chân nàng bước dồn; nàng nhớ lại từ khi nàng vào Tướng phủ hầu hạ tiểu thư, nhờ được tiểu thư coi như người thân tín, nên đến đâu ai cũng phải kính nể, không ai dám trái lời, cãi lại, thế mà hôm nay gặp phải ông sư dám khinh thường cả đến tiểu thư của mình, nếu không nói cho tiểu thư biết, thì sau này ông ta còn coi thiên hạ vào đâu. Nàng vừa đi vừa nghĩ lặn lội, mãi quá nửa giờ sau mới về tới dinh Tế tướng, chính lúc đó thì Vương tiểu thư đang sắp lên chùa.

- Thưa cô! -Thúy Hồng vừa đi bên cạnh vừa nói - Ở chùa Sùng Ân có một ông sư vô lễ quá ă.

- Con quái, cô cấm mấy không được nói xấu các sư!

Wương tiểu thư tỏ một phong độ khuê môn đài các.

- Ông sư giữ việc đèn hương trên điện Phật nói là cô cậy quyền thế Tướng quốc...

- Ông ấy nói sao thì nói, để ý làm gì?

- Con báo Thiên Kim của tôi sắp đến dâng hương, song ông ấy nói...

Thúy Hồng ngưng một lát rồi nói tiếp:

- Nhưng con chớ dám nói với cô!

Wương tiểu thư tỏ mò:

- Ông ấy nói sao?

Thúy Hồng hờn mát cong cón:

- Thôi, con chớ dám nói nữa!

- Cứ nói đi, cô không làm gì đâu mà sợ!

- Ông ấy bảo ông là Vạn Kim Hòa Thượng!

Mười Thiên Kim tiểu thư mới bằng một mình ông ấy kia!

- Thế há, ông ta dám nói thế kia à? - Vương tiểu thư cũng nghi ngờ - Thúy Hồng! Lát nữa đến chùa con thử chỉ cho cô xem mặt mũi ông sư đó ra sao nhé.

Thúy Hồng thấy tiểu thư cũng phải tỏ mò vì câu nói của nó, nó khoái chí, cười thầm, rồi im lặng theo sau xe.



Sau khi Vương tiểu thư và Thúy Hồng lễ Phật xong, thấy tri khách (=Người có nhiệm vụ tiếp khách trong chùa) mời họ xuống phòng khách uống trà.

- Thôi! -Tiểu thư đáp -Điện Phật trang

nghiêm thanh tịnh lắm, cho chúng tôi đứng đây chiêm ngưỡng một lúc.

Theo thói quen trước kia, mỗi lần Vương tiểu thư đến chùa, sau khi lễ Phật xong, đều đi xem các nơi, hoặc xuống nhà khách uống trà. Song hôm nay tại sao tiểu thư cứ ở ý trên Phật điện? Ngoài Thúy Hồng là người duy nhất biết chuyện ra, còn không ai biết hoặc chú ý đến việc ấy cả.

Wương tiểu thư tự nghĩ: "Xem vị sư đại ngôn ấy hình thù thế nào mà dám tự xưng là Vạn Kim Hòa Thượng, nếu là một vị sư lỗi thời lệch thếch thì phải thua với Hòa Thượng trụ trì rấn báo vị ấy mới được!"

Thúy Hồng trong tâm cũng tính toán: "Wương tướng quốc, phu nhân và tiểu thư đều sùng tín đạo Phật, họ thường đến chùa lễ bái, mà mỗi khi họ đến là mình phải đi báo tin trước, nếu các sư ở chùa này khinh thường lời nói của mình, thì trong tương phủ còn uy phong gì nữa. Giết gà để dọa khỉ, hôm nay phải xin tiểu thư cho cái ông đại ngôn ấy một bài học để làm gương cho các sư khác, phòng sau này mình đi lại trong chùa không còn ai dám ho he nữa!"

Thời gian mỗi phút mỗi qua, Vương tiểu thư chờ đợi, song vẫn không thấy bóng dáng Ngọc Lâm xuất hiện.

Wương tiểu thư gọi Thúy Hồng đến bên:

- Tại sao không thấy vị sư ấy đâu?

- Con cũng không biết sao lúc này lại không thấy cái ông quý ấy!

- Vậy ông ta làm chức gì ở trong chùa?

- Ông giữ chức đèn hương trên Phật điện!

- Sao con biết?

- Con thấy ông ta bao sái bụi bặm trên Phật điện.

Nghe xong, Vương tiểu thư bèn nghĩ ra một kế liền quay về phía thấy tri khách, nói:

- Bạch thầy! Chúng tôi xin về đây!

- Mời tiểu thư ở lại dùng bữa cơm chay đã.

- Xin cảm ơn thầy, mà tôi dần phải về ngay.

Wương tiểu thư vừa nói vừa đưa ra một gói đồ hương và nến:

- Bạch thầy, nhờ thầy kêu hộ sư bác hứ ông dâng, đưa cho bác gói hương nến này nhờ bác hàng ngày thắp cúng Phật, vì chúng tôi không hay đến lễ luôn được.

- Vâng! Thầy tri khách đáp.

Wương tiểu thư bảo Thúy Hồng đỡ hết hứ ông nến để lên một bàn.

- Ngọc Lâm, Ngọc Lâm à! -Tiếng thầy tri khách vang lên.

Tiếng gọi của thầy tri khách xé tan sự trầm tĩnh trong Phật điện, song không thấy ai đáp cả; trái lại chỉ thấy phản ứng trong lòng Vương tiểu thư: nàng đã biết tên vị sư mà nàng muốn nhìn mặt đó là Ngọc Lâm.

- Ngọc Lâm à, Ngọc Lâm! Thầy tri khách lại cất tiếng gọi oang oang.

Ngọc Lâm từ trong một căn phòng nhỏ đằng chái chùa sau Phật điện đi ra đường hoàng, bệ vệ. Thấy tri khách thấy Ngọc Lâm lại dục :

- Mau lên! Vương tiểu thư có việc nhờ bác đây. Thúy Hồng trông thấy liền chỉ vào Ngọc Lâm và ghé sát tai Vương tiểu thư khẽ nói :

-Đó, chính ông sư ấy đó !
Vương tiểu thư đưa mắt nhìn và vô cùng kinh ngạc! Thật vậy, thái độ của Ngọc Lâm tuy đường bệ đỉnh đạc song không thể che giấu nổi đôi mắt thông minh anh tuấn, bộ diện phương phi, làn da trắng mịn và một vẻ đẹp trang nghiêm. Cuối cùng Vương tiểu thư không quên mình là người con nhà khuê môn, dãi dãi, nên nằng nặc phục được tình cảm ngay và chấp tay chào Ngọc Lâm, cô tỏ ra như không có gì khác thường.
- Bạch bác, mỗi ngày trên Phật điện thắp hết bao nhiêu nến ?

Vương tiểu thư dăm dăm nhìn Ngọc Lâm.
- Hết ba ký - Ngọc Lâm khẽ trả lời.
- Thế còn hương ?
- Thắp hết lại thắp, không có tính. - Ngọc Lâm nói nhất gừng.

- Trong chùa có tất cả bao nhiêu các sư ?
- Cô hỏi thầy tri khách, tôi không biết.
- Ngọc Lâm vừa nói vừa chỉ vào thầy tri khách đang đứng bên cạnh.

- Có bốn trăm hai mươi tám vị! - Thầy tri khách đáp như đã thuộc lòng.
- Pho tượng chính giữa kia có phải là tượng đức giáo chủ Thích Ca không ?
Vương tiểu thư vẫn cứ hỏi Ngọc Lâm.

- Bạch thầy tri khách ạ! - Ngọc Lâm lại nhớ thầy tri khách đáp hộ.
- Thưa phải, đó là tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni! - Thầy tri khách đưa tay chỉ vào pho tượng.

Vương tiểu thư thấy hỏi mãi không tiện, liền trao hương nến cho Ngọc Lâm rồi cáo từ, Thúy Hồng thấy tiểu thư sắp ra về, nó đưa mắt nhìn tiểu thư song nàng chỉ mỉm cười và giả vờ như không biết. Thầy tri khách cố mời tiểu thư lưu lại dùng cơm một lần nữa, nhưng nàng nhất định về nên thầy tiễn chân nàng rakhỏi cổng chùa.

Trên đường về, mặc dầu có Thúy Hồng theo bên cạnh xe; song Vương tiểu thư không nói một câu gì. Cối lòng nàng hoàn toàn đã bị hình ảnh của một người nào ngự trị. Thúy Hồng oán ngầm Vương tiểu thư sao không khiến trách Ngọc Lâm để nàng cũng có cơ hội phụ họa để trả thù.

Thúy Hồng bưng vào một tách trà :
- Thưa cô, cô có vẻ mệt lắm.
- Cô cũng cảm thấy thế !
- Vậy cô cần phải nghỉ ngơi thật nhiều !
Vương tiểu thư im lặng nhìn Thúy Hồng.
- Đáng hận là trên thế giới này lại còn có một vị Vạn Kim Hòa Thượng khiến cho vẻ xán lạn của Thiên Kim tiểu thư giảm bớt !

Thúy Hồng như tự nói với mình, nhưng chủ ý để khiêu khích Vương tiểu thư.

- Tại sao người ta lại không có quyền tự xưng là Vạn Kim Hòa Thượng ?

Bỗng nhiên Vương tiểu thư trở mình ngồi dậy. Vẻ ưu tú của Ngọc Lâm, phong độ văn nhã và trầm mặc của người tu hành, đã in sâu vào tâm trí Thiên Kim tiểu thư.

- Dĩ nhiên là không thể được, cô bất quác cũng chỉ xưng là Thiên Kim, có đâu một vị sư mà dám nhận là Vạn Kim ?

Thúy Hồng là người hầu gái của tiểu thư, ngoài Vương Tề tướng và Vương phu nhân ra, nàng chỉ còn biết có tiểu thư.

- Con nói đúng, giả sử là vị sư khác thì thế tự nhận như thế được, song vị sư hư ông đang mà chúng ta thấy ở chùa Sùng An cũng xưng là Vạn Kim Hòa Thượng chứ đâu có xưng là ức kim hòa thượng cũng xứng đáng !

- Vì sư ấy coi người có vẻ thanh tú nhg tính tình quá kiêu ngạo.

Lúc này Thúy Hồng cũng đã hiểu được một phần nào tâm tư của Vương tiểu thư, song nó vẫn hoàn toàn không nhận cứ chỉ của nó lúc mới đến chùa là vô lý.

- Con quái, mầy muốn các sư cũng phải khúm núm đối với mầy hả ?

- Dạ! Dạ! Thưa Thiên Kim tiểu thư, con không dám nói nữa a !

Làm tôi tớ điều cần nhất là phải hiểu ý của chủ nhà, sau khi Thúy Hồng thấy được tâm tư của Vương tiểu thư, nó liền đổi giọng nói :

- Đúng thế, phong tư của vị sư ấy không phải tầm thường, nhất định phải là người học rộng. Cô thấy dáng người thanh tú và thái độ văn nhã của ông liền cho ông là một vị hòa thượng đáng giá vạn cân vàng !

Vương tiểu thư nằm xuống nó một nụ cười đắc ý rồi úp mặt xuống giường.

Nàng là một người con gái quý tộc, khuê các trong một xã hội cổ thời, sống theo một nền luân lý nghiêm khắc và dưới một chế độ "nam nữ thụ thụ bất thân" nên khi được gặp Ngọc Lâm thì tình yêu cũng bắt đầu nảy nở trong lòng nàng. Song phong tục, lễ giáo và chế độ xã hội không cho phép nàng được gần gũi, yêu như con gái thời nay, nên Vương tiểu thư đành phải ôm mối tình thầm lặng, một mình vò vớ sống trong một thế giới ước mơ và tưởng nhớ.

Từ đó trở đi mỗi ngày nàng mỗi kém ăn kém ngủ, thân thể càng ngày càng ốm gầy nàng đã mắc bệnh tương tư.

Trên giường bệnh nàng luôn luôn mê mộng, có khi trong giấc chiêm bao, nàng hoảng hốt nhớ lại quãng đời tiền kiếp của nàng và Ngọc Lâm cách hai mươi năm về trước.

(còn tiếp)

THỜI SỰ THẾ GIỚI

Tình hình thế giới trong những tháng cuối năm 1984, vẫn trong tình trạng bất ổn. Nhiều biến cố chính trị, quân sự, kinh tế của thế giới, từ Âu qua Mỹ, từ Á qua Phi đã làm cho nhân loại sống trong một giai đoạn đầy những âu lo. Những suy thoái kinh tế của các quốc gia kỹ nghệ Tây phương, kéo theo những bất ổn chính trị, xã hội của các quốc gia này. Trong khối Công, sứ trở mình của dân chúng Xô Viết và Đông Âu, đòi hỏi các chính quyền Cộng Sản tôn trọng nhân quyền. Trong khi đó mối quan hệ Mỹ Xô ngày thêm tồi tệ, những chương trình tăng cường binh bị của Xô Viết và khối Warsaw, cùng những gia tăng ngân sách quốc phòng của Hoa Kỳ và khối Nato. Sau khi hội nghị tài giảm binh bị giữa 2 siêu cường tan vỡ 11/83.

Trong bối cảnh thế giới đầy những bao lo âu và bất trắc đó, trong trang thời sự thế giới hàng 2 tháng của Viên Giác chúng tôi sẽ cố gắng tóm tắt những tin tức được đưa lên hàng đầu của thời sự thế giới đến quý độc giả, hầu mong mang đến cho tất cả quý vị một cái nhìn tổng quát về các diễn biến của tình hình thế giới.

HOA KỲ

CUỘC VẬN ĐỘNG BẦU CỬ TỔNG THỐNG VÀ PHÓ TỔNG THỐNG MỸ ĐANG VÀO GIAI ĐOẠN CHÓT.

Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống vào ngày 4.11.84 và cuộc bầu cử 1 số Nghị sĩ Dân biểu và Thống đốc vào 6.11.84. Không khí sinh hoạt chính trị tại Hoa Kỳ đã sôi động trở lại vào cuối tháng 8 sau khi khi thế vận hội kỳ 23 bế mạc vào trung tuần tháng 8. Sau hơn một tháng đại hội của Đảng Dân Chủ, vào ngày 27.8.84 tại thành phố Dallas thuộc tiểu bang Texas, ngày đại hội toàn quốc của Đảng Cộng Hòa đã khai mạc. Với sự có mặt của 2235 đại biểu đảng từ 52 tiểu bang Hoa Kỳ qui tụ về,

cùng với một lực lượng phóng viên đông đảo 12.000 người của các hãng Thông tấn, Truyền thanh, Truyền hình và Báo chí của Mỹ và Thế giới. Đại hội kỳ thứ 33 toàn quốc của Đảng Cộng Hòa đã chính thức đề cử đương kim Tổng Thống Reagan và Phó Tổng Thống Bush đại diện đảng ra tái tranh cử nhiệm kỳ 2. Được biết trước đó tại thành phố San Francisco, thuộc tiểu bang California đại hội toàn quốc của Đảng Dân Chủ đã đề cử cựu Phó Tổng Thống Walter Mondale (thời J. Carter) và nữ dân biểu New York Geraldine Ferraro làm ứng viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống (Ferraro là người dân bà đầu tiên trong hơn 200 năm lập quốc của Hoa Kỳ đã được chọn trong chức vụ cao cấp này).

Cho tới nay sau những vận động ráo riết của các ứng viên thuộc hai đảng, tới đầu tháng 9/84 với các cuộc thăm dò dư luận quần chúng Mỹ của các cơ quan thăm dò và báo chí thì Tổng Thống Reagan đang dẫn trước ứng viên Dân chủ Mondale 16 điểm.

Qua gần 4 năm cầm quyền Tổng Thống Reagan đã chủ trương phục hồi quyền lực và danh dự cho Hoa Kỳ sau vụ Watergate và thất bại ở Đông Dương. Reagan đã tỏ ra cứng rắn với khối Công. Trong khi đó về đối nội chính quyền Reagan cũng đã thành công trong vấn đề giải quyết nạn thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp từ 11,2% của năm 83 đã sụt xuống 7,3% vào đầu 1984 và có thể 6,8% vào cuối 1985, nạn lạm phát cũng xuống 4,1% và vấn đề tăng tiến kinh tế 4,5%.

Giữa lúc không khí bầu cử đang diễn ra sôi động thì ngoại trưởng Xô Viết Gromyko đã chính thức viếng thăm Hoa Kỳ. Đây là nhân vật cao cấp nhất của Xô Viết chính thức thăm Hoa Kỳ trong 4 năm qua. Được biết cuộc gặp gỡ này rất nhiều vấn đề quan trọng trong mối liên hệ Đông Tây sẽ được đem ra mổ xẻ. Trong hơn 3 năm qua mối bang giao giữa hai siêu cường Nga Mỹ, đã tụt xuống mức độ tồi tệ nhất của 2 thập kỷ qua. Sau vụ Hồng quân Xô Viết xâm lăng A Phú Hãn, vụ bắn rớt máy bay hàng không dân sự Đại Hàn, vụ phái đoàn Xô Viết bỏ phòng họp ra về trong hội nghị tài giảm binh bị tại Genève vào 11/83 và mới đây khối Công Liên Xô chủ trương tẩy chay thế vận hội kỳ 23 do Hoa Kỳ tổ chức tại Los Angeles.

Theo chính giới quốc tế, thì cuộc viếng thăm của Gromyko, lần này được mô tả như là công nghệ biến chuyển lớn trong mối quan hệ Mỹ Xô. Trg khi đó sau hơn 2 tháng Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Xô Viết Chernenko không xuất hiện trước công chúng, với những tin đồn dấy về sự suy nhược sức khỏe có thể qua đời. Bỗng nhiên 6.9.84 trên 10 phút phim của đài Truyền hình Xô Viết Chernenko đã xuất hiện trong buổi lễ

trao huy chương cho 3 phi hành gia Xô Viết. Trong khi đó tại điện Kremlin đã có những dấu hiệu chia rẽ trong hàng ngũ cao cấp Đảng Cộng Sản Xô Viết với sự cách chức đột ngột Thống Chế Ogarkov trong chức vụ Tổng chỉ huy quân đội. Thống Chế phụ tá cho Ogarkov là Thống chế Akhromeyev. Tin thay thế này được đưa ra giữa lúc 2 ủy viên quan trọng là Romanov đi thăm Ethiopia và Gorbachev đi thăm Bulgaria. Ngoài ra chính giới Tây phương cho rằng cuộc viếng thăm Hoa Kỳ của Gromyko kỳ này, là Xô Viết đã nhìn thấy sự tiếp tục trong chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ của Reagan, trong 4 năm tới đây, nên ngay từ bây giờ giới lãnh đạo Xô Viết muốn nối lại cuộc giao hảo giữa 2 nước.

TRUNG MỸ

CHÍNH PHỦ MAXIT NICARAGUA HÒA HOẢN VỚI HOA KỲ.

Giữa lúc tình hình thế giới đang sôi động bàn tán về chuyện viếng thăm Hoa Kỳ của Ngoại Trưởng Xô Viết Gromyko. Thì tại Nicaragua chính phủ Maxit tại đây đã tỏ ra những dấu hiệu hòa hoãn với Hoa Kỳ, một vài cuộc tiếp xúc giữa Hoa Kỳ và Nicaragua đã diễn ra. Chính quyền Maxit sẽ tổ chức cuộc tổng tuyển cử toàn quốc vào 4.11.84 để bầu 2 chức vụ Tổng Thống và Phó Tổng Thống của xứ này. Trong khi đó Ngoại Trưởng Shultz của Hoa Kỳ tuyên bố, chúng ta sẽ quan sát xem cuộc bầu cử này có tự do hay theo kiểu bầu cử ở Xô Viết.

Các tàu chiến Mỹ đã rút ra khỏi hải phận Nicaragua, được biết cách nay hơn 4 tháng, CIA đã đặt thủy lôi phong tỏa 3 hải cảng quan trọng nhất của Nicaragua, để ngăn chặn các tàu của Xô Viết và Cuba cho vũ khí vào đầu cầu Nicaragua để yểm trợ cho các lực lượng Cộng Sản phá rối quanh vùng nhất là du kích Cộng Sản Salvador.

PHI LUẬT TÂN

KỶ NIỆM 1 NĂM NGÀY CHẾT CỦA LÃNH TU ĐỐI LẬP AQUINO.

Đến kỷ niệm 1 năm ngày chết của lãnh tu đối lập Benigno Aquino 21.8.1983 tại thủ đô Manila của Philipinne 450.000 người với sự hướng dẫn của các đảng đối lập và khuyến khích đã diễn hành trên nhiều đường phố và hô những khẩu hiệu chống chính quyền của Tổng Thống Marcos và đòi làm sáng tỏ cái chết của Aquino. Được biết Aquino trước là một thương nghị sĩ trong quốc hội Phi sau bị chính quyền

Marcos bắt tù nhiều năm, sau đó được phép qua Mỹ trị bệnh với lệnh cấm trở lại Phi. Ngày 21.8.83 Aquino đã không tôn trọng lệnh này của chính quyền Marcos nên khi vừa bước xuống cầu thang máy bay tại phi trường Manila thì bị kẻ la mắt bắn chết, và sau đó tên la mắt này bị nhân viên an ninh phi trường bắn hạ. Phe đối lập thì cho rằng Marcos đã chủ mưu vụ ám sát này, nhưng phía chính quyền thì cho rằng Cộng Sản Phi đã nhúng tay trong vụ này. Vào ngày 31.8.1983 với trên 1 triệu dân Phi đã đưa đám tang Aquino và sau đó nhiều cuộc biểu tình của lực lượng lao động sinh viên học sinh đã diễn ra tại nhiều thành phố ở Phi để chống đối chính quyền của Tổng Thống Marcos.

Trước sự chống đối mạnh mẽ này, chính quyền Marcos đã có những nhượng bộ, 1 cuộc bầu cử quốc hội được tổ chức vào 5/84 phe đối lập đã chiếm được 63 ghế trong số 200 ghế ngoài dự tính của chính quyền Marcos. Trước bầu cử phe chính quyền tiên đoán, đối lập chiếm tối đa 30 ghế.

Được biết nhiều tỉnh trong số 73 tỉnh của Phi, lực lượng du kích Cộng Sản đã xuất hiện quây phá nhiều nơi. Trong khi đó tình hình kinh tế suy sụp mức độ lạm phát 50%, thất nghiệp 35% và thiếu nợ các ngân hàng thế giới 25,5 tỷ dollars Mỹ. Chính quyền Marcos đang gặp rất nhiều khó khăn trước nghị chống đối của dân chúng.

DO THÁI

CHÍNH PHỦ THỐNG NHẤT 2 ĐẢNG LIKUD VÀ LAO ĐỘNG.

Hai tháng sau khi cuộc bầu cử quốc hội tại Do Thái chấm dứt, đảng Likud của đương kim Thủ Tướng Shamir đã không chiếm được đa số ghế trong quốc hội. Trong khi đó đảng Lao Động của Peres chiếm được số ghế nhiều hơn, nhưng cũng không đủ túc số để đứng ra thành lập chính phủ. Nhiều cuộc hội họp giữa 2 lãnh tụ đảng Likud và Lao Động đã diễn ra. Vào ngày 16.9.84 Tân Nội các của chính phủ thống nhất 2 đảng ra mắt với sự phân chia các ghế trong chính phủ như sau:

Peres lãnh tụ đảng Lao Động sẽ nắm Thủ Tướng trong 25 tháng, Shamir lãnh tụ Likud sẽ là Tổng Trưởng Ngoại Giao và 25 tháng sau sẽ có sự hoán chuyển 2 chức vụ cho nhau.

Yitzhak Rabin đảng Lao Động trước là Thủ Tướng 74 - 1977 năm Tổng Trưởng Quốc Phòng trong 50 tháng. Yitzhak Modali của Likud là Tổng Trưởng Tài Chính.

Ariel Sharon trước là Tổng Trưởng Quốc Phòng

giữ trở lại chính quyền với chức vụ Tổng Trưởng Kỹ nghệ và Thương mại. Với sự liên minh này hai đảng nắm 97 ghế trong số 120 ghế của quốc hội. 2 đảng đồng ý ký kết trong 5 năm.

NHẬT BẢN

CUỘC VIÊNG THĂM NHẬT CỦA TỔNG THỐNG NAM HÀN CHUN DOO HWAN.

Sau 4 năm cầm quyền Tổng Thống Chun Doo Hwan là người lãnh đạo đầu tiên của Đại Hàn qua hơn 1000 năm đã chính thức viếng thăm Nhật Bản trong 3 ngày. 23.000 cảnh sát Nhật đã ắc huy động để bảo đảm an ninh cho cuộc thăm viếng. Đức biết năm 1983 - Đại Hàn đã bị 2 thăm kích - Vụ chuyến bay 007 của Hãng Không Đại Hàn bị Sô Viết bắn rớt làm 286 hành khách tử nạn đa số người Đại Hàn, và 16 nhân viên cao cấp chính phủ Đại Hàn đã bị chết trong vụ viếng thăm Miến Điện khi đặc công Bắc Hàn đặt chất nổ ám sát Tổng Thống Chun Doo Hwan nhưng ông đã may mắn thoát chết.

Trong 3 ngày viếng thăm Nhật, Tổng Thống Đại Hàn đã tiếp kiến Hoàng Đế Nhật Hirohito thăm các khu kỹ nghệ và tiếp xúc với Thủ Tướng Nhật Nakasone. Hai nhà lãnh đạo thảo luận đến vấn đề bình thường hóa quan hệ giữa 2 quốc gia, mà nhiều thế kỷ qua đã không mấy tốt đẹp về vấn đề tranh chấp biên giới cùng 1 số vấn đề khác.

Đức biết trong 25 năm qua mặc dù quốc gia bị chia hai, nhưng Nam Hàn đã nhanh chóng phát triển kỹ nghệ, với dân số 40,5 triệu, Nam Hàn được coi là quốc gia kỹ nghệ đứng hàng thứ 2 sau Nhật Bản ở Á Châu. Năm 1988 Nam Hàn là quốc gia sẽ đứng ra tổ chức Thế vận hội kỳ thứ 24. (Trong Thế vận hội 23 tại Hoa Kỳ vừa qua phái đoàn lực sĩ Đại Hàn đã chiếm được 6 huy chương vàng, 6 bạc, 7 đồng đứng hàng thứ 11 trong bảng xếp hạng trên Anh và Pháp

BA LAN

KỶ NIỆM 4 NĂM NGÀY RA ĐOÌ CỦA CÔNG ĐOÀN ĐOÀN KẾT.

Ngày 31.8 Walesa cha, để công đoàn Đoàn Kết Balan, cùng 1500 chiến hữu của ông đã tổ chức lễ kỷ niệm 4 năm ngày công đoàn ra đời, để tranh đấu cho quyền lợi công nhân Balan với chính quyền Công Sản. Ông cũng đảm đông công nhân đã diễn hành trên đường phố và tới đặt vòng hoa tại đài kỷ niệm 1 công nhân đã bị giết trong 1 cuộc biểu tình chống chính quyền hồi 1970.

Đức biết Walesa đã được lãnh giải Nobel Hòa Bình 1983 do Hàn Lâm Viên Thụy Điển trao tặng. Trước khi là chủ tịch lực lượng doãn kết tranh đấu công nhân Balan Walesa là một thợ tiện trong xưởng đóng tàu Lênine trên cảng ở bờ biển Baltic thuộc Balan. Cuộc tranh đấu do ông lãnh đạo đã bị chính quyền Công Sản Balan đàn áp, tuy nhiên cho tới nay tình thân tranh đấu đó vẫn tiềm tàng trong giới công nhân Balan nói riêng và dân chúng Balan nói chung. Tháng 7/84 vừa qua chính quyền Công Sản Balan đã phóng thích 652 tù nhân chính trị, để xoa dịu tình hình chống đối của dân chúng Balan và dư luận thế giới.

ĐỨC

CUỘC GẶP GỠ 2 LÃNH ĐẠO TÂY VÀ ĐÔNG ĐỨC THẬT BẠI.

Năm 1945 sau khi bại trận Đức bị chia 2 Tây Đức và Đông Đức với trên 1200 km biên giới phân chia 2 phần đất, phía phía Công Sản Đông Đức bao bọc bởi hàng rào kẽm gai và bãi mìn. Mỗi quan hệ 2 nước đã có những giai đoạn cực kỳ căng thẳng vào năm 1958, khi Sô Viết phog tòa Tây Bá Linh, và 1 bức tường phân đô thị thành phố Bá Linh đã được chính phủ Công Sản Đông Đức thiết lập, để ngăn chặn làn sóng người vượt thoát qua Tây Đức ngày một đông. Tuy nhiên trong 2 năm qua, mặc dù mối liên hệ giữa Hoa Kỳ và Sô Viết rất căng thẳng - thì trái lại giữa Tây và Đông Đức đã có những cuộc tiếp xúc giữa 2 chính phủ - 30.000 dân Đông Đức đã được qua sinh sống tại Tây Đức, và 716 triệu Dollars U.S. đã được các ngân hàng Tây Đức cho Đông Đức mượn, những trao đổi văn hóa chính trị đã diễn ra và 1 diềm quan trọng nữa là vào ngày 26.9.84 sẽ có cuộc gặp gỡ giữa Thủ Tướng Kohl của Tây Đức và Honecker Tổng Bí Thư đảng Công Sản Đông Đức. Bỗng nhiên với sự áp lực mạnh mẽ của Sô Viết lãnh đạo Đông Đức đã đưa ra lời tuyên bố hủy bỏ cuộc thăm viếng này. Đức biết cách nay 3 tháng 1 phái đoàn của Đông Đức đã qua Bonn làm việc cùng phái đoàn Tây Đức để chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ giữa 2 nhà lãnh đạo. Thủ Tướng Kohl sẽ gặp Honecker của Đông Đức tại Hotel Kurhaus ở Bad Kreuznach và tới nơi sinh của Honecker là Wiebelskirchen bây giờ là Neunkirchen thuộc tiểu bang Saarland.

Đức biết hiện nay với 380.000 quân Sô Viết đang đóng trên lãnh thổ Đông Đức. 1953 dân chúng Đông Bá Linh đã nổi lên chống chính phủ Công Sản thân Sô Viết ở đây. Nga Sô đã đem xe tank ra đàn áp các cuộc biểu tình. Về thương mại giữa Tây và Đông Đức năm qua đã tới 6 tỷ Dollars giữa 2 quốc gia.

CANADA

TÂN THỦ TƯỚNG CANADA.

Sau 16 năm cầm quyền Thủ Tướng Trudeau của đảng Tự Do đã từ chức và giải tán quốc hội để tổ chức 1 cuộc tổng tuyển cử. Lãnh tụ đảng Tự Do John Turner xử lý thường vụ chức vụ Thủ Tướng đã đứng ra tổ chức cuộc bầu cử - Đảng Tự Do của Turner hy vọng sẽ tiếp tục cầm quyền, nhưng kết quả cuộc bầu cử đã trái ngược hẳn, đảng Bảo Thủ của Brian Mulroney đã chiếm đa số tuyệt đối 211 ghế trong khi đảng Tự Do được 40 ghế và đảng Tân Dân Chủ 30 ghế.

Được biết trong 16 năm cầm quyền của đảng Tự Do, hiện nay Canada đang gặp những khó khăn về kinh tế 11,2% thất nghiệp, đồng Dollar Canada cũng mất giá so với Dollar Mỹ trong mấy năm qua từ 1 dollar Canada = 98 Cent US dollar, nay còn 77 Cent US dollar và ngân sách quốc gia thâm thụt 23 tỷ dollar US. Người ta hy vọng rằng với chính quyền của Thủ Tướng Mulroney Canada sẽ phục hồi lại nền kinh tế.

NAM PHI CHÂU

Sau nhiều năm lộn xộn về vấn đề kỳ thị màu da tại Cộng Hòa Nam Phi Châu. Tổng Thống Da Trắng P.W. Botha tiếp tục dùng lực lượng cảnh sát đàn áp mạnh mẽ các đoàn biểu tình. Người da màu đòi hỏi quyền tham gia trong chính phủ. Được biết với hơn 30 triệu dân gồm 27 triệu da đen, 2 triệu da trắng và 850.000 da đỏ. Nhưng giới da trắng đã hoàn toàn nắm trọn quyền hành trong các cơ cấu quốc gia và thực hiện 1 chính sách kỳ thị chủng tộc một cách trắng trợn, nên nhiều cuộc biểu tình của dân chúng da đen nổi lên trong nhiều năm qua khiến chính quyền đã dùng lực lượng cảnh sát đàn áp làm cả ngàn người đã bị giết chết. Được biết Nam Phi là quốc gia sản xuất kim cương nhiều nhất thế giới và vàng thứ 2 sau Xô Viết - trước là thuộc địa của Anh.

PHÁP

SAU KHI ĐẢNG CÔNG SẢN PHÁP MẤT CÁC GHẾ TRONG CHÍNH PHỦ MỚI.

Trong tháng 7 vừa qua, sau những cuộc biểu tình liên tục của dân chúng Pháp, gồm nhiều thành phần. Chính phủ của Thủ Tướng Pierre Manroy đã từ chức, Tân Tổng Thống Mitterand đã đề cử Laurent Fabius 38 tuổi để lên ngôi.

thành lập nội các - trong thành phần tân chính phủ 4 chức Tổng Trưởng của đảng Cộng Sản Pháp đã bị mất. Trong đầu tháng 9 vừa qua Marchais Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Pháp đã chưa bắt trả lời một cuộc phỏng vấn của phóng viên đài Truyền hình rằng: "Đảng Cộng Sản Pháp giờ sẽ trở thành đảng đối lập với đảng xã hội của Tổng Thống Mitterand".

Được biết trong cuộc bầu cử hội năm ngoài, đảng xã hội của Mitterand đã chiếm được quá bán số ghế trong quốc hội (285 ghế trong số 491 ghế) nên Mitterand không thấy cần thiết phải liên minh với đảng Cộng Sản nữa. Trong kỳ bầu cử Nghị Viện Âu Châu hồi tháng 6 vừa qua đảng Cộng Sản Pháp chỉ chiếm 11,3% số phiếu, đây là con số thấp nhất trong mấy chục năm qua.

Mất khác vào đầu tháng 9 vừa qua 1 tàu chở hàng của Pháp mang tên Mont Louis, đã bị lật chìm tại 11 dặm ngoài khơi bờ biển của Bỉ. Trên tàu đã chở 30 thùng bằng thép trữ đựng 360 tấn chất Uranium Hexafluor - chất nguyên liệu làm bom nguyên tử và năng lượng nguyên tử.

Theo như tin tức cho biết tàu Pháp chở cung cấp cho Liên Xô để đổi lại sự cung cấp khí đốt của Xô Viết cho Pháp. Được biết từ 1973, 1 số quốc gia Âu Châu, như Bỉ, Thụy Sĩ, Ý đã thường trao đổi chất năng lượng nguyên tử này cho Xô Viết, cùng một số máy móc kỹ thuật cao, để đổi lại Liên Xô sẽ cung cấp khí đốt cho các quốc gia này.

Mới đây Tây Đức và Pháp đã có những sự bất bình với nhau trong vấn đề dành thị trường bán chất Uranium.

Cho tới nay 13 thùng trong số 30 thùng đã được vớt lên, người ta chưa biết nguyên nhân nào mà tàu Mont Louis đã bị chìm.

ĐẠI HÀN

LIÊN HỆ BẮC VÀ NAM HÀN.

Từ năm 1950 sau trận chiến chấm dứt, hai quốc gia Nam Hàn và Bắc Hàn đã cắt đứt mối liên hệ ngoại giao, thương mại và ngay cả vấn đề liên lạc thư tín giữa dân chúng 2 bên. Mới đây sau trận bão lụt hồi tháng 7 tại Nam Hàn cơ quan Hồng Thập Tự Bắc Hàn đã chuyển 1 số quần áo, thuốc men, gạo và xi măng gọi là viện trợ cho 200.000 dân chúng Nam Hàn. Nhờ chính quyền Nam Hàn đã lập tức từ chối (được biết mức sống của dân chúng Nam Hàn cao hơn nhiều lần so với Bắc Hàn). Tuy nhiên đây có thể là dấu hiệu để 2 chính phủ Nam và Bắc Hàn xích lại gần nhau. Được

biết trong năm qua cả Bắc và Nam Hàn đều giao thương mật thiết với Nhật. Hồi tháng 9/84 Tổng Thống Chun Doo Hwan của Nam Hàn đi Nhật, và mới đây lãnh tu đảng xã hội Nhật Ishibashi đi Bắc Hàn. Sau lần gặp gỡ này, 2 phái đoàn Hồng Thập Tự của 2 bên hứa hẹn sẽ có những buổi gặp gỡ tiếp.

HỒNG KÔNG

1997 HỒNG KÔNG TRỞ THÀNH VÙNG HÀNH CHÁNH ĐẶC BIỆT THUỘC TRUNG QUỐC.

Sau gần 2 năm hội họp giữa Anh Quốc và Trung Cộng, cuối tháng 9 vừa qua 2 chính phủ đã đồng ý ký kết về vấn đề chấm dứt quyền cai trị của Anh ở Hồng Kông vào 1997. Hồng Kông sẽ được sát nhập vào lãnh thổ Trung Quốc. Tuy nhiên kể từ 1/7/1997 Hồng Kông sẽ là 1 khu vực hành chính đặc biệt, các luật lệ cũ vẫn thi hành và 50 năm sau sẽ chính thức sát nhập vào Trung Quốc và theo chế độ hành chính như các tỉnh khác trong toàn xứ Trung Hoa. Một số quyền lợi về thương mại của Anh Quốc ở Hồng Kông vẫn được tôn trọng.

CHAD

3.000 QUÂN PHÁP RÚT KHỎI CHAD.

Năm 1960 Chad được Pháp trao trả độc lập, ngay sau đó cuộc nội chiến đã diễn ra giữa các phe phái trong nước. Trong năm qua với sự ủng hộ của chính quyền Libian lúc lượng của Goukouni đã tấn công quân chính phủ của Tổng Thống Hissene Habré và chiếm 1 số tỉnh phía Bắc Chad. 3.000 quân Pháp đã được chuyển về quyền Habré yêu cầu tới giúp và cùng một số quân quanh vùng. Với lực lượng liên minh này đã ngăn chặn được sự tấn công của Goukouni do Libian hỗ trợ. Trận chiến đã lắng dịu. Trg cuối tháng 9/84 vừa qua chính phủ Pháp và Libian đã đồng ý rút các lực lượng của 2 phe ra khỏi Chad. Một hiệp ước đã được hai ngoại trưởng, 2 nước ký kết. 3.000 quân Pháp, 800 cố giới và 40 máy bay cùng với 5.000 quân Libian sẽ rút ra khỏi lãnh thổ Chad.

LIBANON

TÒA ĐẠI SỨ MỸ Ở ĐÔNG BEIRUT BỊ PHÁ NỔ.

20.9.84 Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Đông Beirut đã bị quân khủng bố Hồi Giáo Ả Rập tấn công bằng xe chở chất nổ làm 12 người chết tại chỗ và 35 người bị thương, tuy nhiên con số này chưa được đầy đủ vì hiện tại còn đang tìm kiếm trong đồng gạch vụn. Được biết trong khi bom nổ thì Đại sứ Mỹ

Bartholomew và Đại Sứ Anh Miers đang họp ở tầng lầu 5 của Tòa Đại Sứ - và viên tùy viên chính trị đang họp với một nhà ngoại giao Hoa Lan nhưng may mắn không ai bị thương.

Sáu tháng trước đây 241 thủy quân lục chiến Mỹ, 58 nhảy dù Pháp đã bị quân khủng bố Syrie giết chết bằng bom - được biết cách nay 17 tháng tại tòa Đại Sứ Mỹ ở Tây Beirut cũng bị chất nổ làm 63 người chết - vào tháng 12 năm 1983 1.800 thủy quân lục chiến Mỹ đã rút khỏi Libanon, và sau đó các lực lượng của Anh, Pháp, Ý cũng rút ra khỏi. Một chính phủ thân Syrie được ra mắt. Người ta nghĩ rằng tình hình Libanon sẽ lắng dịu, nhưng chớ tới nay dấu hiệu bất ổn vẫn còn tồn tại ở vùng đất rục rủa chiến tranh này.

THƠ

Thế dâng trình



ĐẠO TRÌNH vàng hoa lá
Chim hót vang lời ca
Nắng chiếu lên cây cỏ
Thanh bình... ôi, hương hoa

TỬ BỊ nguồn gió thoảng
Ôm ấp quên tâm mang
Nắng mai là ANH TRÍ
Đại DŨNG nan tư nghĩ

Trần thế sương mù phủ
U uất tiếng mưa thu
Mây giăng mờ CHÂN ÁNH
Che lấp ĐẠO Nhiệm Mầu

Độc hành quên ngừng nghĩ
Nhân loại mãi cuồng si
Tang thương trong CHÂN ĐẠO !
Đau đớn đến Giao Trì...

Cúi xin NGƯỜI ANH DŨNG
Tung hoành rạng mộng lung
ĐẠO Trình mau Viên Giác !
Độ khổ chúng muôn trùng

Đem THÂN làm XE LỎN (Đại Thừa)
Tu tâm ấy : Nguồn CHƠN
Trí minh làm Đấng Giác
Tánh, Tướng mãn viên hoàn !...

• HUỖNH THẠCH SƠN (La Roche d'Or)
Cố Ni Cô Thích Nữ TRÍ TẠNH

Tin tức

• Đại lễ Vu Lan năm nay được tổ chức tại a i chùa Viên Giác Hannover dưới sự chứng minh của Thượng Toạ Thích Minh Tâm, Đại Đức Thích Thiên Huệ, Đại Đức Londreu Yungten đến t ở Pháp và Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm (Hamburg) Năm nay Đồng Bào Phật Tử khắp nơi trên nước Đức về chùa tham dự Đại lễ khoảng 500 người. Đặc biệt có lễ dâng y lên chư Tăng Ni nhân mùa An Cư Kiết Hạ. Đêm Văn Nghệ Vu Lan với s ở đóng góp của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử thuộc Chi Hội Bà Linh, Hội Bremen, Hội Hannover cùng một số các cá nhân thiện chí. Nữ nghệ sĩ tài danh Bích Thuần cũng đã ra mắt khán giả trẻ 2 màn, gồm ngâm thơ, cổ và tân nhạc. Đã đ ư ợc đồng bào nhiệt liệt tán thưởng.

• Vào ngày 26.8.84 đồng bào Phật Tử tại Bà Linh đã tổ chức một buổi lễ Phật cầu an và cầu siêu tại chùa Phật Giáo Tích Lan Froh - nau. Đại Đức Thích Như Điển chủ lễ và thuyết giảng giáo lý ngày hôm ấy. Có hơn 100 Phật Tử về tham dự lễ. Cũng trong buổi lễ này quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đã bầu ra một Ban V ã n Động thành lập Niệm Phật Đường tại địa phương Bà Linh. Mọi người hăng hái đóng góp, ghi tên cúng dường hàng tháng lên đến hơn 500 DM . Đạo Hữu Phan Ngọc Danh và Đạo Hữu Mã Văn Yên cùng một số Đạo Hữu khác đang trên đà v ã n động để nơi đây sớm có một chỗ lễ bái nguyện cầu và sinh hoạt cho Phật Tử. Kính mong quý vị trợ lực cho.

• Cuối tháng 8 và đầu tháng 9 vừa qua chùa Viên Giác có đón tiếp 2 vị khách Tăng đến từ Tây Tạng và Đan Mạch. Quý vị này đã lưu lại chùa ngày 27/8 và 12.9.84. Trong hai buổi tối trên, hai vị này đã thuyết giảng giáo lý cho các đồng bào Phật Tử Đức nghe về sự luân hồi sanh tử và mật giáo bằng tiếng Anh và tiếng Đức. Có một số Phật Tử Việt Nam cũng đã tham gia trong buổi thuyết giảng này.

• Ngày 8 và 9 tháng 9 vừa qua Đại Đức Chi Bộ Trưởng cùng một số quý vị Phật Tử từ Hannover đã đến Frankfurt để gặp gỡ và t h ã m viếng đồng bào còn đang ở trong các trại tị nạn và các Hội Đoàn. Trong câu chuyện đạo với các Hội Đoàn b a n hôm tối ngày 8.9 tại tư gia của anh Dương Trường Cửu, Đại Đức đã nói về sự vô, t h ã m của cuộc đời và ý nghĩa về cuộc sống của con người.

• Ngày 15.9.84 vào lúc 15 giờ chiều t a i trại tị nạn cũ Norddeich đã có một buổi lễ Phật cầu đồng bào Phật Tử. Hiện diện trong b u ổi lễ này đa số là những đồng bào mới từ Việt

Nam sang trong khuôn khổ đoàn tụ gia đình. Nhân buổi lễ này Đại Diện của Ủy Ban Yểm Trợ Kháng Chiến cũng đã phát động phong trào "1 ký gạo cho kháng chiến quân", đã được đ ò ng bào hưởng ứng nhiệt liệt.

• Saarbrücken là một địa phương nằm về Cực Nam của nước Đức. Nơi đây có rất đông đ ò ng bào Phật Tử Việt Nam hiện đang sinh sống. Cơ v ị đường sá quá xa xôi mỗi khi về chùa lễ Phật; nên Hội Hồng Thập Tự và Hội Người Việt ở đây đã đề nghị nên có một buổi lễ Phật cầu đồng bào. Để đáp ứng với lời đề nghị t r ả n, nên Đại Đức Thích Như Điển đã đến đây v ã o ngày 22.9 vừa qua để chủ lễ và thuyết giảng giáo lý về "Cuộc Đời của Đức Phật" và t r ả lời những thắc mắc của các Phật Tử về cuộc sống đạo hạnh trong nếp sống tha hương ngày nay tại ngoại quốc.

• Theo sự liên lạc của Đạo Hữu Lê Đình Tân cho biết rằng hiện địa phương München đang tiến hành thành lập một Niệm Phật Đường v ã một Chi Hội Phật Tử Việt Nam tị nạn, đã c ó 90 người xin vào Chi Hội. Được biết chính phủ địa phương cũng sẽ tài trợ một phần lớn cho việc thuê nơi chốn làm Niệm Phật Đường và sự đóng góp của đồng bào Phật Tử sẽ sung v ã o các hoạt động Phật sự khác của Chi Hội.

• Ngôi chùa đầu tiên của người Việt Nam được thành lập tại Âu Châu; đó là ngôi chùa Khánh Anh tại Pháp. Mười đ ờ mà đã 10 năm khai s ở n lập từ. Thượng Toạ Thích Minh Tâm, viện c h ụ chùa Khánh Anh đã tổ chức một Đại Lễ kỷ niệm 10 năm vào ngày 13 và 14 tháng 10 năm 1984, nhằm vào ngày vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát Chùa Viên Giác và Hội Phật Tử đã cử n g đ ời tham dự Đại Lễ này.

• Đại lễ cầu siêu phổ độ cho chư vong linh quá vãng trên biển cả do Ni Sư Thích Nữ Như Tuân đề xướng đã được thực hiện ngày 25 và 26/8/84 nhằm ngày 29 - 30 tháng 7, năm Giáp Tý đã được thành tựu viên mãn. Buổi lễ được sự chứng minh của Hòa Thượng Thích T r u ơng Quán, viện chủ chùa Hoa Nghiêm; Hòa T h ã m Thích Huyền Vi viện chủ chùa Linh Sơn; Thượng Toạ Thích Tịnh Hạnh Giám Đốc Phật Học Nghiên Cứu Sở Dài Loan cùng chư Tăng và Phật Tử của ba chùa trên tham gia. Bên Ni giới có Ni S ở Diệu Như, Ni Cô Huệ Mãn của Diệu Âm Ni T ở cùng một số Phật Tử từ Paris xuống. Nhi ệ vị Sư Bà Diệu Liên và Sư Bà Tất Duyên cùng Phật Tử chùa Tử Quang Nice - Sư Cô Trung Chính Niệm Phật Đường Luzern - Sư Cô Tr ả Hạnh Niệm Phật Đường Linh Phong cùng chư Phật Tử tại Thụy Sĩ sang. Cùng chung với Ni chúng Phổ Đà gồm 17 vị Tăng và Ni. Gần 100 Phật Tử cũng đã lên tàu ra khơi để cùng chư Tăng làm lễ v ớ t vong. Buổi lễ kết thúc vào lúc 20 giờ trong b ã u không khí cảm động bi ai. Phương danh của Chư

vong gần 100 vị hiện đang tôn trí tại chùa
Phổ Đà Ni Tự - Marseille Pháp.

• Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm hiện ở tại Ham-
burg và đang tiến hành thành lập Niệm Phật
Đường cho đồng bào Phật Tử quanh vùng để có
nơi lễ bái nguyện cầu hoặc những khi hữu sự.

• Niệm Phật Đường Khánh Hòa do Đại Đức
Thích Minh Phú trụ trì mới đây cũng có thủ
mời dự lễ vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát vào
ngày 13.10.84 tức 19.9 âm lịch. Kính mong quý
Phật Tử xa gần về Niệm Phật Đường để tham
gia buổi lễ và cầu nguyện.

CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT CÁC THÁNG TỎI CỦA CHÙA VIÊN GIÁC

• Từ 24.10 đến 30.11.84 Đại Đức Thích Như
Điền sẽ tham gia các công tác Phật sự tại
Hòa Lan, Hoa Kỳ và Canada. Công việc Phật sự
tại chùa Viên Giác vẫn tiến hành đều đặn.
Các buổi lễ chính trong tháng sẽ có sự chủ
trì của Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm về từ Ham-
burg. Các vấn đề Phật sự khác có liên quan
đến các vấn đề nghi lễ, xin liên lạc về Niệm
Phật Đường Khánh Hòa và Sư Cô Thích Nữ Diệu
Tâm. Các vấn đề hành chánh, quý vị Phật Tử có
thể liên lạc trực tiếp về chùa Viên Giác. Ở
đây sẽ có người lo cho quý vị.

• Ngày 20.10.84 sẽ có buổi lễ Phật cho các
anh em thanh thiếu niên và đồng bào Phật Tử
thuộc Tiểu Bang Baden Württemberg. Địa chỉ
liên lạc Kinder- und Jugenddorf Klinge e.V.,
6966 Seckach Tel. 06292-515

• Ngày 21.10.84 vào lúc 15 giờ chiều sẽ có
buổi lễ Phật cho đồng bào Phật Tử vùng
Stuttgart do Trung Tâm Độc Lập tổ chức. Quý
vị nào muốn tham gia buổi lễ trên xin liên
lạc về địa chỉ Reinsburgstr. 56, 7000 Stutt-
gart 1 Tel. 0711-627031.32

• Vào lúc 15 giờ chiều ngày 1.12.84 sẽ có
buổi lễ Phật cho đồng bào Phật Tử Việt Nam
tại Hamburg - nơi chùa Phật Giáo Đức. Địa chỉ
Beisserstr. 23, 2000 Hamburg 63
Tel. 040-631 3696.

• Ngày 8.12.84 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng
bào Phật Tử tại trại tạm cư Norddeich vào
lúc 15 giờ.

• 15.12.84 dự định sẽ có buổi lễ Phật và
thuyết pháp tại địa phương Frankfurt và
quanh vùng.

• Ngày 22 và 23.12.84 sẽ có buổi lễ Phật
cho đồng bào Phật Tử vùng Freiburg.

• Tháng 1/1985 Đại Đức Thích Như Điền sẽ
thăm viếng đồng bào Phật Tử tại các trại tỵ
 nạn Đông Nam Á Châu.

• Đại lễ Phật Đản 2529/1985 sẽ được tổ chức
vào các ngày 3, 4 và 5/5/85 tại Hannover.

• Đại lễ Vu Lan sẽ được tổ chức vào ngày
30, 31/8 và 1/9/85. Xin thông báo đến đồng
bào trước, để những vị đi làm có thể xin phép
nghỉ về chùa lễ Phật, nghe thuyết Pháp và cầu
nguyện.

Thông báo

• Quý vị đã làm thẻ Thủ Viện vào tháng 8/83
nay đã hết hạn 1 năm. Nếu quý vị còn tiếp tục
muốn sách của Thủ Viện chùa, xin đóng lễ phí
20 DM cho một năm về việc bảo trì sách vở
và gửi kèm thẻ Thủ Viện về chùa để ký tên
đóng dấu gia hạn, sau đó sẽ gửi hoàn lại quý
vị. Quý vị nào có số ghi bên ngoài thẻ cấp
vào tháng 9, 10, 11, 12/83 cũng có thể gửi
về gia hạn trước. Ngày hết hạn căn cứ theo
từng năm và không căn cứ theo ngày gửi gia
hạn thẻ Thủ Viện.

Cuối năm 1984 Thủ Viện Chùa sẽ bắt đầu c
ho mượn thêm gần 300 loại sách nữa mới về từ
Hoa Kỳ. Đa số là Chủng và Tiểu Thuyết. Hy
vọng vào cuối tháng 12 hoặc đầu năm 1985 sẽ
cho mượn tiếp tục những loại này.

• Việc đi Úc vào tháng 5/1985 đã có nhiều
vị mong muốn đi cùng phái đoàn chùa Viên
Giác để dự lễ khánh thành chùa Pháp Bảo và
thăm viếng một vài địa phương tại Úc. Saudây
là một vài chi tiết cần thiết cho việc đi
trên. Mong quý vị lưu tâm cho.

a) Vấn đề Visa :

- Chùa Pháp Bảo tại Sydney Úc sẽ có th
mời quý vị và thủ mỗi này chùa Viên Giác sẽ
gửi đến từng cá nhân muốn tháp tùng phái đ
oàn để đến sứ quán Úc nơi mình cư ngụ xin
Visa cho dễ dàng. (Quý vị nào đi, xin gửi về
chùa Viên Giác, tên họ, địa chỉ, ngày và n
ơi sinh để chùa điền vào thư mời, sau đó sẽ
gửi lại quý vị).

- Nếu quý vị nào có con cái hoặc thân nhân
ở tại Úc cũng nên viết thư cho bà con mình
làm một giấy bảo lãnh bằng tiếng Anh gửi qua
với nội dung là trả lễ phí máy bay khứ hồi,
và nơi ăn chốn ở. (Trường hợp những vị c
hỉ tham dự với phái đoàn lúc đi; nhưng khi về
thì trở về nhà).

- Những vị đang đi làm việc, nên xin 1 giấy chứng nhận của hãng mình làm việc và lương bổng hàng tháng, để việc xin Visa dễ dàng hơn.

- Sau khi xin được Visa rồi, mới tiến hành việc mua vé máy bay.

b) Vấn đề vé máy bay và việc ở lại Úc trong thời gian đi du lịch:

- Sẽ đi máy bay hãng CP. Air (Air Canada Pacific) từ Amsterdam-Montréal-Toronto-Honolulu-Đảo Fiji-Melbourne - Sydney và ngược lại.

- Sydney và ngược lại. Giá vé khứ hồi có giá trị trong vòng một năm đặc biệt cho chuyển đi này mỗi người là 2.565 DM. Được biết giá chính thức của một vé máy bay thường khứ hồi Amsterdam-Sydney là 3.600 DM.

- Số tiền trên chỉ là số tiền vé máy bay. Việc ăn ở, nếu quý vị nào không có thân nhân tại Úc thì chùa sẽ giúp quý vị, và việc ủng hộ trong vấn đề ăn thức trong thời gian lưu ngụ tại Úc xin tùy hỷ.

- Việc đi đến Amsterdam từ Đức, Pháp hay Bỉ Hòa Lan v.v... bằng phương tiện xe lửa hay máy bay đều do chính quý vị đài thọ, ngoài số tiền trên.

- Giấy máy bay sẽ được mua tại Hannover với giá đã nêu trên, với điều kiện là quý vị đã xin được Visa. Chùa Viên Giác sẽ giúp quý vị vấn đề này. Khi muốn mua giấy máy bay xin gửi kèm theo 1 bản photocopy của Passport của người muốn đi và số tiền mua vé. Nếu vị nào vì bất cứ lý do gì hủy bỏ chuyến đi, vị ấy sẽ thiệt hại về thủ tục giấy tờ, chính quý vị đảm nhận.

- Vé máy bay phải mua trước 1 tháng mới có giá hạ như trên. Kính mong quý vị lưu tâm cho.

- Nếu còn những chi tiết gì liên quan vấn đề trên chúng tôi sẽ thông báo đến quý vị vào các số báo Viên Giác tới.

Giới thiệu

- Măng Non là một tờ báo trẻ Việt Hải Ngoại Do Trung Tâm Thông Tin Học Vụ và Nghiệp Vụ tại CHLB Đức thực hiện. Phân phụ trách bởi vợ do chị Lê Thị Kim Anh phụ trách. Phát hành 2 tháng 1 lần. Giá báo 1 năm kể cả cước phí Tây Đức 12 DM, Âu Châu 15 DM ngoài Âu Châu 7 US. Mọi chi tiết xin liên lạc về: Măng Non - C/o Frau Lê Thị Kim Anh, Köstersfeld 58, 4200 Oberhausen 14

- Trong thời gian qua chùa Viên Giác có nhân được các sách báo sau. Xin thành tâm cảm ơn tất cả các chùa, các Hội đoàn, Tổ Chức và cá nhân. Xin giới thiệu đến với độc giả a báo Viên Giác.

MỸ CHÂU :

- Kinh Từ Thập Nhị Chương, Trung Bộ Kinh từ tập 1 - tập 10 (chùa Từ Quang-San Francisco)
- Bồ Đề (chùa Long Vân - Florida). - Tạp chí Ngày Về (Hollywood). - Đuốc Tuê (Đại Tông Lâm PGVN). - Dân Quyền số 76 tháng 6/84 (Montréal)
- Tiếng Chuông Chùa (Chùa Tam Bảo-Montréal).
- Đuốc Giải Thoát (Tỉnh Xã Minh Đăng Quang CA). - Chánh Giác (Hội PG Chánh Giác Toronto)
- Tiên đến thông nhất (ĐH. Quảng Phụng-CA).
- Đuốc Tử Bi số 14 (CA). - Vuốt Sông số 28 (Montréal). - Bản Tin Cổ Lâm (WA). - Sen Trắng (Chùa Giác Lâm PA). - Phật Học Viện Quốc Tế 13 + 14 (LA). - Tạp chí Liên Hội Việt Kiều Canada số 7/7. - Kim Sơn số 1 (San Francisco)
- Chan Newsletter (New York). - Lửa Việt số 45 (Toronto). - Dân Quyền 77+78 (Montréal).
- Lá Thư Bồ Lão số 22 (Montréal).

ĐỨC và  U CH U :

- Linh Sơn số 7+8 (Anh). - Hồn Việt ấn bản Âu Châu (Bonn). - Vuốt Sông 22+23 (Bỉ). - Độc Lập 7+8+9 (Filderstadt). - Quê Mẹ số 60 (Pháp). - Chiến Hữu 17+18 (Paris). - Sông Việt 3+4+5 (Göttingen). - DAC D veloppement et Coop ration (Bonn). - Ban cố tin tái sinh kh  (Kh nh Anh Paris). - Kh nh Anh số 25. Dokumentation zur Lage der katholischen Kirche in Vietnam (Stuttgart). - Bodhi Baum (Wien). - Thông Tin (Aachen). - Dân Ch a  u Ch u số 30+31 (Karlsruhe). - Buddha-die Lehre des Erhabenen v  Deutsche Predigten und Traktate (B i H u T ng - Dortmund). - Thông Tin Vidi (Dortmund)
- Việt Nam mến yêu số 33 (Hòa Lan). - Việt Hamb số 10+11 (Hamburg). - M ng Non số 9 (Oberhausen). - Kinh Viên Giác (Ch a Ho ng Nghi m - Pháp). - Ho ng Pháp số 34 (Paris). - H i Đ ng Nh n Quả (Paris).

  và  C CH U :

- Pháp Báo số 9 (Sydney). - Hiện Ðội Phật Giáo (Taiwan).



GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

Bún thịt nướng chay

- A. VẬT LIỆU:** 1/2 kg mì căn non
1 gói bún khô
1 cây poireau
1 trái dưa leo
1 cây sà lách
1 bó rau húng cây
1 trái chanh
100 g đậu phộng
200 g giá sống
200 g đồ chua
2 muỗng canh nước tương ngon
(Maggi)
1/2 muỗng cà phê nước màu
1/2 miếng tàu hủ

GIA VỊ : Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dấm ăn...

B. CÁCH LÀM: Mì căn non nhồi xong ngắt thành cục chừng bằng nắm tay, đem luộc chín. Xong xắt mỏng lại (giả thịt) cắt poireau lấy phần trắng đâm nhuyễn. Rồi ướp vào mì căn với nước màu, nước tương, tiêu, đường, muối, bột ngọt nêm nếm cho vừa khẩu vị đoạn để độ 20 phút cho thấm (ướp như thịt). Tàu hủ xắt hạt lựu, phần poireau xanh còn lại xắt mỏng. Bắc chảo, cho nóng cho dầu ăn vào chiên tàu hủ xắt hạt lựu, đến khi gợn vàng thì cho poireau và khử chung xong nhắc xuống. Mở lò nướng 180 C, ghim mì căn vào lò nướng vàng. Khi nướng nên thoa nước ướp còn lại cho thấm. Mì căn lấy ra thoa dầu poireau chiên vàng với tàu hủ khi này. Món này ăn nóng với bún, rau giá và nước tương. Bắc nước trộn bún. Khi chín vớt ra rổ để ráo hoặc bắt con tùy ý. Rau sống, giá, sà lách lột rửa sạch để ráo nước xắt nhỏ, dưa leo băm nhuyễn. Đồ chua, cà rốt, củ cải trắng một phần tĩa bông rồi xắt mỏng để bày trên mặt cho đẹp, phần còn lại xắt nhuyễn rồi bóp sơ với muối vắt ráo. Dấm hòa với nước lã và đường đoạn cho vào ngâm. Nước tương (xin xem nơi phần Bún Chả Giò). Đậu phộng rang vàng, bóc vỏ, đâm nhuyễn. Phần trình bày chung trên bàn một đĩa bún, một chén nước tương, một chén đồ chua, 1 đĩa

mì căn nướng, một chén đậu phộng, một đĩa rau sống, dưa, giá. Xong cho vào tô rau, giá, dưa leo băm, kể là bún trên mặt sấp mì căn nướng, bên cạnh một muỗng cà phê đậu phộng, một chút đồ chua, poireau khử thơm và bên trên đồ chua 1 chút ớt băm nhuyễn trông cho ngon miệng. Khi ăn chan vào hai hoặc ba muỗng súp nước tương làm sẵn.

(Kỳ tới "HỮU TIÊU BÒ KHO CHAY")



Thiệp chúc TẾT và Lịch năm 1985

Cũng như mọi năm chùa Viên Giác phát hành Thiệp Chúc Tết, Lịch Tư'Vi và Lịch treo tường mỗi khi Tết đến. Vậy Quý vị nào muốn có những loại trên; xin liên lạc về chùa.

*Thiệp chúc Tết 2 cái (gồm cả bao thờ) giá 3DM (chưa kể tiền gói). Hiện có tại chùa.

*Lịch treo tường (loại gỗ từng ngày) giá 15 DM (chưa kể tiền gói = 2DM). Loại này có vào khoảng thượng tuần tháng 12/84 tại chùa.

*Lịch Tư'Vi (loại sách); giá 15DM (chưa kể tiền gói = 1DM). Lịch này sẽ có vào cuối tháng 12/84 và đầu năm 85.

Quý vị nào muốn đặt trước nên liên lạc với chùa, để chúng tôi sẽ gửi đến quý vị.

Phương danh Quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường và Vu Lan

Tính đến ngày 10 tháng 10 năm 1984.

ĐH Nguyễn Đức Khang(Hamburg)50DM.ĐH Hữu Huỳnh Hữu Sanh(Bremervörde)20DM.ĐH Tâm Bích Phạm Doãn Dũng(Mannheim)100DM.ĐH Hữu Vũ Thị Minh Augsburg)20DM.ĐH Châu Kiệt Ngọc(Bad Iburg) 10DM.ĐH Ngô Mỹ Châu(")30DM.ĐH Phạm Tuyết Hoa (")20DM.ĐH Trần Hồng Nhung(")100DM.ĐH Hữu Ngô Thoại Bình(")20DM.ĐH Diệu Thiện(")100DM.ĐH Lý Thành(")20DM.ĐH Võ Thị Lê(M'gladbach) 100DM.ĐH Huỳnh Tuyết Ngọc(Lausanne-Suisse) 20FrS.ĐH Trưởng Trưởng Phát(Hürth-Mitt)30DM.ĐH Đỗ Trinh(Aalen)30DM.ĐH Nguyễn Hiếu & Nguyễn Tú(Usingen)30DM.ĐH Tô Tú Ai và Tô Tú Trần (Albertslund)200DM.ĐH Ngô Quan(M'gladbach) 20DM.ĐH Chung Thế(Trier)50DM.ĐH Trưởng Triệu Bắc(Albstadt)20DM.ĐH Lữ và Vũong(Düssel - dorf)40DM.ĐH Văn Vi Trung(Albstadt)50DM.ĐH Nguyễn(Paris)100FrF.ĐH Nguyễn Văn Minh(Köln)30DM.ĐH Huỳnh Thế Mỹ(Trappenkamp)30DM.ĐH Hữu Đàm Thị Bích Liên(Triesoythe)20DM.ĐH Hữu Trần Chí Lý(Emmendingen)20DM.ĐH Võ Văn Cử(Stutt - gart)50DM.ĐH Lâm Minh Đức(Filderstadt)30DM.ĐH Phạm Văn Quang(Biel-Suisse)50FrS.ĐH Trần Hồ(Sweden)20DM+100Kr.ĐH Vũong Quan Sen(Dor - sten)20DM.ĐH Nguyễn Phưởng Danh(Aachen)10DM.ĐH Phạm Muội(Bad Iburg)20DM.ĐH Đỗ Hữu Ai(O - berhausen)20DM.ĐH Vũ Quang Tú(Seelze)100DM.ĐH Đào Quang(Houston-TX-USA)100FrF.ĐH Nguyễn Thị Đức(Stuttgart)50DM.ĐH Lê Văn Tiết(Köln) 20DM.ĐH Phùng Kim Liên(Larvik-Naly)100Krone.ĐH Nguyễn Thị Diễm Trưởng(Tastrup-Đan Mạch) 200Kr.ĐH Hoàng Thị Thủy(Fürth)20DM.ĐH Trần Thị Huỳnh Mai(Pforzheim)40DM.ĐH Lâm Văn Tốt (Laaßen)80DM.ĐH Phạm Tuyết Mụi(Bad Iburg) 20DM.ĐH Đặng Thị Đông(Stade)20DM.ĐH Hữu Hoàng Quang Hân(Münster)10DM.ĐH Tống Tông K h uôn (Aalen)20DM.ĐH Phạm Văn Gổ(Geisingen/Steige)20DM.ĐH Diệu Khánh Vũ Thị Vàng(M'glad - bach)30DM.ĐH Lê Sanh(Spaichingen)20DM.ĐH Hữu Nguyễn Tiến Vinh(Schramberg)100DM.ĐH Lâm Kim Liên(M'gladbach)20DM.ĐH Lưu Kim Châu(Roten - burg/W)50DM.ĐH Lưu Nguyệt, Huỳnh Mạch và Vũ Thị Lan Thanh(Oslo-Naly)200DM.ĐH Nguyễn Thị Tốt(TX-USA)60US.ĐH Nhứt Tuyển Đặng Phạm Đăng Dung(Lindenberg)100DM và một số vật thực.ĐH Thiện Đức Nguyễn Đức Hạnh(Oberhausen)20DM.

ĐH Diệu Tường Đinh Thị Xuân Thảo(M'gladbach 20DM.ĐH Nguyễn Lệ Anh(Stade)20DM.ĐH Nguyễn Ngọc Quan(Östringen)20DM.ĐH Hữu Phạm Văn Ken (Neuenstein)20DM.ĐH Phạm Văn Xương(")20DM.ĐH Tô Khải Đức(Schweinfurt)20DM.ĐH Lâm Vĩnh Phong(")20DM.ĐH Chỗn Bình Lê Thái(Krefeld) 50DM.ĐH La Nam Tường(Hamburg)20DM.ĐH Ẩn Danh (Freiburg)50DM.ĐH Trần Thị Lý(Göttingen) 20 DM.ĐH Vũong Thế Anh(Duisburg)20DM.ĐH Nguyễn Thị Tú(Freiburg)50DM.ĐH Nguyễn Thị T o à n (Schorndorf)20DM.ĐH Thẩm Say Vê(Bochum)40DM.ĐH An Vũ Đặng(Leverkusen)50DM.ĐH Hà Thị Lan Anh(Miedelsbach)30DM.ĐH Nguyễn Thế Hải(Hei - menkirch)14DM.ĐH Huỳnh(Bremen)20DM.ĐH Hữu Trần Vĩnh Cam(Münster)50DM.ĐH Trần Thanh Huệ (") 10DM.ĐH Phan Ngọc Anh(Berlin)30DM.ĐH Hữu Ngô Quế Chi(Braunschweig)30DM.ĐH Dũng Thị Bé Tú (Neustadt)20DM.ĐH Trưởng Tú Hoa(Adendorf)10 DM.ĐH Trần Đôn Vinh(Hildesheim)10DM.ĐH Hộ Chung(Laatzen)30DM.ĐH Somphoucpfiaphakch - (Gammertingen)40DM.ĐH Hứa Tuyết Nữ và C h u Nhủ Trần(Malaysia)20DM.ĐH Châu Chửong(Karls - ruhe)60DM.ĐH La Trung Hồ(Hồa Lan)40DM.ĐH Hữu Châu Mỹ Dung(")40DM.ĐH Lôi Công Thanh(Celle 10DM.ĐH Huỳnh Tấn Diêu(Bergkamen)10DM.ĐH Hữu Huỳnh Mộc Lâm(Bad Pyrmont)50DM.ĐH Hữu Qiu You Qin(Münster)100DM.ĐH Lệ Thị Kim Hoàng(Bücke - burg)5DM.ĐH Đinh Thị Cửa(Celle)20DM.ĐH Phạm Văn Dũng(Hildesheim)50DM.ĐH Trần Minh Hùng (Neustadt)30DM.ĐH Lý(Rotenburg/W)hồi hưởng hưởng linh Lý Tường 100DM.ĐH Nguyễn Tú, Phan Thị Nho(M'gladbach)20DM.ĐH Nguyễn Thắng, Ng. Văn Minh(Steinfurt)50DM.ĐH Lữ Huệ Muội(Witt - mund)10DM.ĐH Trần Nguyễn Anh(Bomblitz)30DM.ĐH Phan Văn Triệu(Eureetloir)30OFF.ĐH Hữu Ngô Thị Nga(Immenstadt)50DM và một số vật thực.ĐH Diệp Thị Lục(Laufen)20DM.ĐH Nguyễn T h i Giang(")50DM.ĐH Vũong Thủy Lệ(Köln)10DM.ĐH Thiện Đức Lưu Văn Phúc(Gammertingen)40DM.ĐH Phạm Thị Bưởi(Düsseldorf)20DM.ĐH Võ Thị Sáu (Nettetal)30DM.ĐH Thiện Hòa Nguyễn Văn Quan (Hanau)100DM.ĐH Hà Thị Kim Hoa(Geilenkir - chen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Hằng(Weißenthuren) 20DM.ĐH Lê Quang Thông(Paris-France)50DM.ĐH Châu Ngọc Lan(Braunschweig)30DM.ĐH Lâm Cẩm Long(")10DM.ĐH Võ Thị Lợi(Altenerding)30DM.ĐH Giang Ngọc Loan(Geilenkirchen)20DM.ĐH Hữu Nga Lê Đức(Weingarten)50DM.ĐH Hữu Trịnh Văn (Idor-Oberstein)20DM.ĐH Trịnh Minh Tài(Kas - tellaun)20DM.ĐH Trịnh Văn Bộ(Koblenz)20DM.ĐH Nguyễn Thanh Bình(Stade)10DM.ĐH Hữu Nguyễn Thị Trung(Düsseldorf)20DM.ĐH Nguyễn L u ã n (Bonn)20DM.ĐH Trưởng Mỹ Dung(Geilenkirchen) 20DM.ĐH Nguyễn Thanh Túy(Recklinghausen) 20 DM.ĐH Trưởng Văn Tạo(Erlangen)20DM.ĐH Hữu Lê Hồng Nieberding(Wardenburg)40DM.ĐH Hữu Lý Hoa (Meppen)20DM.ĐH Phan Bình Minh(Dortmund) 20 DM.ĐH Ngô Trần Đoàn Trinh(Genève-Suisse) 10 FrS.ĐH Đặng Thị Bé(Düsseldorf)20DM.ĐH Nguyễn Thị Lan(Essen)50DM.ĐH Kim Cúc(Düsseldorf)20 DM.ĐH Toàn Antony(")20DM.ĐH Hélène Antony(" 20DM.ĐH Jacqueline Antony(")10DM.ĐH Nguyễn

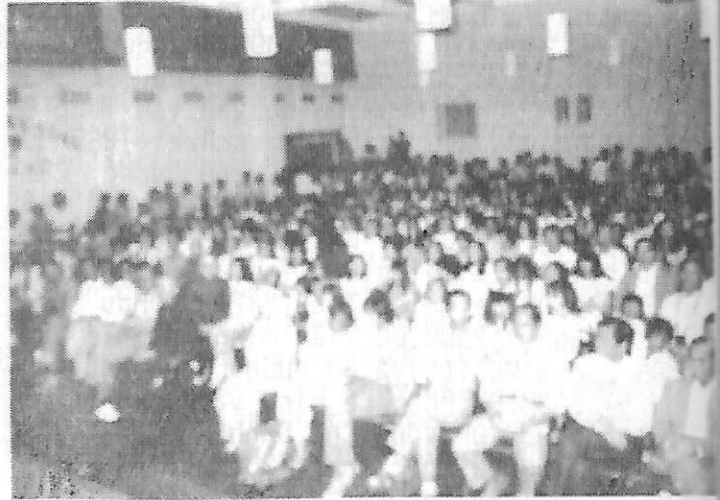
Hòa(Hamburg)20DM.ĐH Hồ Châu(Löningen)20DM .
 ĐH Lê văn Kết(Köln)20DM.ĐH Lê văn T h a n h
 (Liège-Belgique)40DM.ĐH Nguyễn thị BạchNgọc
 (Köln)10DM.ĐH Nguyễn thị Hưởng(")10DM.ĐH Hữu
 Phạm Trần Công(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn thịBay
 Krefeld)20DM.ĐH Phan thị Thên 20DM.ĐH Hữu Hà
 Ngọc Kim(Aachen)150DM.ĐH Trần Đăng T h a n h
 (Karlsruhe)50DM.ĐH Phan thị Thên (Weil am
 Rhein)20DM.ĐH Ân danh(Düsseldorf)50DM.ĐH Hữu
 Đăng văn Khoa(Kiel)100DM.ĐH Trần Đức P h át
 (G'marienhütte)20DM.GĐĐH Huỳnh văn Ninh và
 GĐĐH Chu Vũ Tập(Hamburg)100DM.ĐH Lương Ngọc
 Dân(")50DM.ĐH Trần Bắc Vinh(Hamburg)40DM.ĐH
 Trịnh Thủy Hưởng(München)20DM.ĐH Võ thị Lê
 PD Diệu Khánh(M'gladbach)70DM.ĐH Trưởng thị
 Kiên(Aachen)40DM.ĐH Huỳnh Lý(")10DM.ĐH Diệu
 Hảo(Krefeld)20DM.ĐH Lê văn Thanh(Liège-Bi')
 20DM.ĐH Nguyễn Tử Hưởng(Lünen)40DM.ĐH Huỳnh
 thị Hạnh và Châu văn Dưởng(Neustadt)20DM.ĐH
 Trần Sang(Würzburg)200DM.ĐH Lý Tam(Berlin)
 20DM.ĐH Lâm thị Múi,ĐH Lâm thị Phụng và ĐH
 Lâm Liêng Nguyệt 120DM.ĐH Phan Ngọc Anh50DM
 ĐH Đỗ văn Chánh,ĐH Đỗ Anh Hoàng và ĐH Đỗ thị
 Nguyệt 30DM.ĐH Lê thị Hoa 20DM.PT Thị VânHỗ
 thị Kiều(Kiel)50DM.ĐH Thái thị Thi(Hameln)
 20DM.ĐH Mã Hủ 10DM.ĐH Đặng Đông 5DM.ĐH Tất
 Phôi Chân 20DM.ĐH Tử Tiên 20DM.ĐH Nguyễn thị
 Anh(Berlin)20DM.ĐH Nguyễn Tang Tĩnh(")50DM.
 ĐH Trần văn Sơn(")50DM.ĐH Nguyễn văn Tang(")
 40DM.ĐH Nguyễn Hữu Thiên(Brauschweig)20DM.
 ĐH Tử Năng Âu Đức Toàn(")20DM.ĐH Dương Cẩm
 Mậu(")20DM.ĐH Lâm Cẩm(")10DM.ĐH Ngô Quê Chi
 (")40DM.ĐH Trần Duyệt Nhự(")20DM.ĐH Đặng thị
 Thanh(")40DM.PT Thiện Bửu Tạ văn Hợp(Ham -
 burg)20DM.ĐH Chi Hiệp Trac(")20DM.ĐH Hữu Lâm
 Phước Khanh(")20DM.ĐH Tiêu Minh Dưởng(") 20
 DM.ĐH Lương Múi(")và ĐH Lương Tiêu Bửu(Pin-
 neberg)350DM.ĐH Phan Lê Linh và Hồ ChấnPhát
 (Hamburg)10DM.ĐH Vòng Chí Sành(Kaltenkir -
 chen)20DM.ĐH Hà Ngọc Anh(")20DM.ĐH Hà TúAnh
 (")20DM.ĐH Trần thị Xa(")20DM.ĐH Phù LêKinh
 (Hamburg)20DM.ĐH Tiêu Minh Trưởng(")10DM.ĐH
 Trần thị Tê(Bergkamen)50DM.ĐH Lý Múi M ộ t
 (Neuenstein)100DM.ĐH Trần thị Hà(Göttingen)
 21DM.ĐH Vũông Tân Phong(Ibbenbüren)50DM. ĐH
 Trần Nhứt Quang(")10DM.ĐH Trưởng Quang Nhủ&
 Biện thị Mai(Preetz)20DM.ĐH Huỳnh thị H o a
 (Haren)50DM.ĐH Diệp thị Lục(Laufen)20DM. ĐH
 Vũông Thúy Hoa(")20DM.ĐH Nguyễn văn D i ê n
 Helmstedt)50DM.ĐH Tăng Hồng Sưởng(Bad Odes-
 loe)50DM.ĐH Lê Đức Khiêm(Laatzen)50DM.ĐH Hữu
 Phan Công Đê(")20DM.ĐH Nguyễn văn Nử(Clau-
 sthal-Zell)20DM.ĐH Vũông Thiệu Hạp(Fried -
 land)10DM.ĐH Trần văn Huyền(Reutlingen)50DM
 ĐH Huỳnh văn Hùng(")20DM.ĐH Lý Ất(Pappen -
 burg)100DM.ĐH Thiện Nhủ Lê văn Ngọc(M'glad-
 bach)50DM.ĐH Huỳnh Lê Minh(Neuss)100DM.ĐHữu
 Tăng Ngủ Sơn(Stadthagen)20DM.ĐH Nguyễn thị
 Giỏi(Neuss)30DM.ĐH Nguyễn Hữu Diệu và Lê thị
 Dân(Stuttgart)50DM.ĐH Nguyễn thị Hòa(")50DM
 ĐH Lâm Chánh Văn và Ngũ Ngành(Seevetal)20DM
 ĐH Trịnh Kha Thăng(Barntrup)20DM.ĐH Nguyễn

thị Vinh(Freetz)10DM.ĐH Tô Tỷ 100DM.ĐHữu Tô
 Mỹ Hạnh 100DM.ĐH Nguyễn thị Phưởng(Hamburg)
 100DM.ĐH Thiện Nhủ Nguyễn văn Ngọc(M'glad -
 bach)50DM.ĐH Đặng Hữu Hào(Hamburg)100DM. ĐH
 Nguyễn Ngọc Đưởng(")50DM.ĐH Nguyễn Nhị Bình
 (Pforzheim)50DM.ĐH Nguyễn Thanh Nam P h ong
 (Stuttgart)20DM.ĐH Phạm Tùng(Braunschweig)
 20DM.ĐH Nguyễn văn Nam(")20DM.ĐH Hoàng thị
 Thủy(Fürth)20DM.ĐH Phan thị Liên(Bergkamen)
 20DM.ĐH Lý Phan Thở(Göttingen)20DM.ĐH Huỳnh
 văn My(")20DM.ĐH Lý Khắc An(")20DM.ĐH Lý Lệ
 Anh(Lingen)30DM.ĐH Quan Miên Hùng(M'glad -
 bach)10DM.ĐH Quan Miên Hùng(")20DM.ĐHTrưởng
 Siêu(")20DM.ĐH Lu Ngu Nữ(")20DM.ĐH ĐăngQuốc
 (")20DM.ĐH Phùng Triệu Giai(")10DM.ĐH Nguyễn
 thị Kim Chi(Nienburg)10DM.ĐH Nguyễn v. Thích
 (Hamburg)20DM.ĐH Trần Phong Lưu 30DM.ĐH Tạ
 Ngọc Phưởng(Hamburg)10DM.ĐH Tạ Ngọc Hoa(We-
 del)20DM.ĐH Đinh Tiên Thượng(")40DM.ĐHữu Lý
 Huệ Lan(Wittmund)50DM.ĐH Diệp Ngọc Diệp(Ro-
 tenburg)20DM.GĐĐH Trần Đức Quang(Hannover)
 dâng hoa cúng đưởng ĐLVL 2528 và các hoa hũ
 hoa trắng cài áo.ĐH Nguyễn văn Nam(Braunsch-
 weig)20DM.ĐH Huỳnh Tú Kính(Pandex-Suisse)
 hồi hưởng hưởng linh ĐH Paul Lê Hữu T r ưởc
 50FrS.ĐHTâm Đức Đoàn thị Thuận(BerneSuisse
 30FrS.ĐH Lê Minh Đức(Heidenheim)20DM.ĐạoHữu
 Lương Bá Truyền(Bremen)20DM.ĐHữu Trần Tuấn
 Kiệt(France)hồi hưởng hưởng linh ĐH PD Minh
 Thiên Trần văn Tĩnh 200FrF.ĐH Phúc Thịnh Ng
 Mạnh Bắc(Aachen)hồi hưởng hưởng linh t h ân
 mẫu Đăng thị Cửa PD Diệu Cần 100DM.ĐH Nguyễn
 thị Thở(Aachen)50DM.ĐH Chu Thị Hiền(Berlin)
 20DM.ĐH La A Zú(")10DM.ĐH Doãn thị Nuân (")
 10DM.Một thanh niên ở trại Lassen(")10DM.ĐH
 Lê thị Mút(")30DM.ĐH Cao thị Chi(")10DM. ĐH
 Lý Tâm(")20DM.ĐH Huỳnh Tửông Hoan(")20DM.ĐH
 Nguyễn thị Văn Tăng(")20DM.ĐH Đặng thị Mỹ
 Dung(")20DM.ĐH Vũ văn Nguyên(")10DM.ĐHGiang
 Ngọc Loan(Geilenkirchen)50DM.ĐH Giang Lăng
 Mai(Neuenberg)50DM.ĐH Nguyễn Hữu Tuấn(Barn-
 trup)9DM.Familie Bohmann và Nguyễn văn Minh
 (Braunschweig)hồi hưởng hưởng linh Phật tử
 Lưu Trọng Phú 50DM.ĐH Châu Huệ Tửông(Laat -
 zen)hồi hưởng hưởng linh ĐH Trần Quang 50DM
 ĐH Lâm Thành(Lingen)hồi hưởng hưởng linh ĐH
 Lâm Thuận 100DM.ĐH Nguyễn văn Trung(Heiden-
 berg)hồi hưởng hưởng linh ĐH Đàm thị H i ện
 200DM.ĐH Đào Phùng Tiên(Bielefeld)50DM.ĐHữu
 Nguyễn văn Cho(Düsseldorf)20DM.ĐH Tâm Hỷ Lê
 Đức Viêm(Tastrup-Đan Mach)300Kr.ĐHữu Thiên
 Nghiêm Đoàn thị Đoan Trang(")300Kr.ĐH Thiện
 Thăng Lê Lợi(")200Kr.ĐH Nguyễn thị Bảy (")
 100Kr.ĐH Ung thị Mai(")100Kr.Đông bào Phật
 Tử tại Tastrup-Đan Mach 600Kr.GĐĐH Lê Hữu
 Khải(")hồi hưởng hưởng linh ĐH Lê Hữu Khải
 PD Tâm Trí 3.000Kr.ĐH Thiện Thăng Lê Lợi(")
 200Kr.ĐH Không Hữu Hung(Viborg-Đan M a c h)
 32,88DM.ĐH Nguyễn Quang Châu(Ensdorf)10DM .
 ĐH Trần thị Thỏm(Saarlouis)10DM.ĐH Quách X.
 Hoa(Landstuhl)20DM.ĐH Nguyễn thị Liên(Köln)
 30DM.GĐĐH Ho Mạc(Frankfurt)hồi hưởng hưởng

HÌNH ẢNH SINH HOẠT ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIỆU 2528 TẠI CHÙA VIÊN GIÁC
HANNOVER



LỄ DĂNG Y CÚNG DƯỜNG CHỦ TẶNG VÀ LỄ THỌ BÁT QUAN TRAI



ĐÊM VĂN NGHỆ VU LAN VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA CHI HỘI PHẬT TỬ BÀ LINH



ĐÊM VĂN NGHỆ HỘI NGƯỜI VIỆT TỶ NẠN TẠI BREMEN

linh Mac văn Lâm 100DM. GĐĐH Họ Lý (Rotenburg) hồi hưởng hưởng linh, Lý Tường 140DM. GĐĐH Lý Tú (Lingen/Ems) hồi hưởng hưởng linh Hồ t h i Mãnh 100DM. ĐH Nguyễn thị Tú (Sindelfingen) 20DM và một số phẩm vật. ĐH Nguyễn thị Tao (") 20DM. ĐH Đỗ Xuất Lễ (") 20DM. ĐH Trần Hoa Lệ (") 10DM. ĐH Bấy (") 20DM. ĐH Viên Kim Huy (") 20DM. ĐH Trần Thúc Hiền (") 20DM. ĐH Đỗ Chánh Dân (") 20DM. ĐH Nguyễn Hồ (Wuppertal) 50DM. ĐH Trần thị Huỳnh Mai (Pforzheim) 10DM. ĐH Hữu Vũ Quang Tú (Seelze) 100DM. ĐH Ấn danh (Tacoma-USA) 50DM. ĐH Sookaseun Thy (Köln) 50DM. ĐH Cam-Ngô (Berlin) 50DM. Hội Hồng Thập Tự (Saarbrücken) 100DM. ĐH Nguyễn thị Tốt (TX-USA) 50US. ĐH Nguyễn Lưu (Paris) 300FF. ĐH Đoàn thị Thanh Tú (Créteil-Pháp) 200FF. ĐH Nguyễn văn Lý (Tennenbronn) 100DM. ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 50DM. ĐH Hà văn Tú (Aachen) 50DM. ĐH Lê Chăng (Düsseldorf) 20DM. ĐH Nguyễn thị Trưởng (") 20DM. ĐH Nguyễn văn Lượng (") 20DM. ĐH Nguyễn thị Teo (") 20DM. ĐH Phan thị Bình Minh (Dortmund) 20DM. ĐH Bùi Xuân Lã và ĐH V. Thị Vinh Cử (Würzburg) 90DM. ĐH Đỗ văn L ở i (Düsseldorf) 20DM. ĐH Trần Quê Lang (Pforzheim) 50DM. ĐH Phan thị Thìn 20DM. ĐH Thị Hiếu Quách Xuân Hòa (Landstuhl) 30DM. ĐH Lê Anh Müller (Lebach) 50DM. ĐH Đặng thị Xưởng (") 20DM. ĐH Võ thị Lang (Aalen) 70DM. ĐH Tạ Văn (Cloppenburg) 20DM. ĐH Mạch thị Phưởng (Friedrichshafen) 20DM. ĐH Nguyễn văn Kiều (Pháp) 100FF. ĐH Hữu Trần Quới Thiên (") 100FF. ĐH Tống Kim Huỳnh (Geilenkirchen) 100DM. ĐH Lưu Nhỏ Nghĩa (Wilbad) 100DM. ĐH Trịnh thị Hồng (Bad Kreuznach) 20DM. ĐH Lê thị Xuân Anh (Münster) 300DM. ĐH Hứa Tri (Hannover) 20DM. ĐH Lê Vũ Đình Tiên (Berlin) 50DM. ĐH Nguyễn văn Phong (Hildesheim) 50DM. ĐH Ấn danh (Hildesheim) 50DM. ĐH Tất Ngọc (Hamburg) 150DM. GĐĐH Họ Lâm (Berlin) hồi hưởng hưởng linh Lâm thị Phùng PD Viên Nhỏ 500DM. ĐH Hữu Lâm v. Nam (Mannheim) 10DM. ĐH Nguyễn văn Tý (Blanquefort Pháp) 250FF. Ni Cô Thích Nữ Trĩ Đạo (Pháp) 300FF. PT Minh Quang (") 100FS. GĐĐH Hữu Nguyễn Phức (Bruxelle-Bỉ) hồi hưởng hưởng linh ĐH Hữu Bửu Thọ PD Nguyễn Đức 400DM. GĐĐH Hữu Lâm Kỳ Thanh (Oldenburg) hồi hưởng hưởng linh ĐH Cao Cử 50DM. GĐĐH Nguyễn Ích Hiền (Oberhausen) hồi hưởng hưởng linh ĐH Nguyễn thị Thém 100DM. GĐĐH Chu thị Hồng 50DM. GĐĐH Diệp Ngọc Diệp (Rottenburg) 20DM. China Town Restaurant (Bielefeld) 50DM. ĐH Trần văn Sơn (Oberhausen) 40DM ĐH Lữ Huệ Muối (Wittmund) 20DM. ĐH Du Diệp (") 20DM. ĐH Hoàng Nguyễn Hải (Bad Bentheim) 30DM.

Dịnh kỳ

ĐH Tô văn Phức (München) 60DM/8-10/84. ĐH Lâm văn Tốt (Laatzen) 20DM/12/84. ĐH Lai Khánh Vân (Aachen) 40DM/7-8/84. ĐH Nguyễn văn Trúc (Hannover) 300DM/1-6/84. ĐH Dũng văn P h ử ở n g (Essen) 60DM/7-12/84. ĐH Phạm Đăng Anh T u ần (Kassel) 60DM/8-10/84. ĐH Quảng Ngô và ĐH Diệu

Hiên (Fürth) 240DM/1-12/84. ĐH Diệp Năng Tài (") 10DM/8/84. ĐH Hoàng thị Thủy (") 50DM/8-12/84. ĐH Nguyễn Bình Dũng (Lünen) 40DM/7-8/84. ĐH Hữu Hồ văn Nguyên (Paris) 300FF/7-12/84. ĐH Đoàn thị Thanh Tú (Créteil-Pháp) 300FF/7-12/84. ĐH Hữu Ấn danh 20DM. ĐH Grimaldi (Paris) 300FF/7-12/84. ĐH Huỳnh thị Mai Trâm 50DM/9/84. ĐH Lý Diệu Anh (Vechta) 75DM/8-10/84. ĐH Lâm Thành (Lingen) 45DM/7-9/84. ĐH Phạm Đăng Dung (Lindenberg) 50DM/9/84. ĐH Lê thị Thu Ba (Monchenwangen) 70DM/6-12/84.

Cúng dường xây Chùa

ĐH Đỗ Chánh Dân và Đồng bào Phật Tử tại Sindelfingen đóng góp việc xây chùa 868,50DM. GĐ ĐH Lữ và Vũồng (Düsseldorf) 30DM. ĐH Lý Sao Ha (Freiburg) 100DM. ĐH Diệu Mạnh Nguyễn thị Nguyệt (Mannheim) 100DM. ĐH Trần văn Nhỏ (Mass-USA) 20US. ĐH Nguyễn thị Lan (Essen) 50DM. ĐH Hùng Thục Kim 150DM. ĐH Trần Quê Lan và ĐH Trưởng Xuân A (Pforzheim) mỗi tháng đóng 50DM trong số 1000DM đã hứa cúng cho việc xây chùa. ĐH Viên Kim Huy (Sindelfingen) mỗi tháng đóng 50DM trong số 1.000DM đã hứa cúng cho việc xây chùa. ĐH Hữu Trưởng Kim Anh (Rotenburg) 500DM. ĐH Lý Huỳnh Bả (Gelsenkirchen) 100DM. ĐH Lê văn Thanh (Liège - Bỉ) 20DM. ĐH Lâm Đăng Châu Thủy (Hannover) 100DM. ĐH Trần thị Xuân Mai (Göttingen) 100DM. ĐH Hữu Ng Hữu Diệu và Lê thị Dân (Stuttgart) 50DM. ĐH Hữu Hồng Thúc Phưởng Nguyễn (Braunschweig) 50DM. ĐH Hoàng thị Thủy (Fürth) 30DM. ĐH Diệp Năng T à i (") 20DM. ĐH Phan Ngọc Lan (") 20DM. ĐH Phan Ngọc Bình (") 20DM. ĐH Giang Lăng Mai (Neuenberg) 50DM. ĐH Trần văn Huyền (Reutlingen) 20DM. ĐH Bùi Xuân Thao (Bühlerthal-Baden Baden) 100DM. ĐH Lý Nam Hoa và ĐH Tô Tú Toàn (Tastrup-Đan Mạch) 1000Kr. ĐH Bùi thị Anh Nguyệt (Straßbourg) 100FrF. ĐH Hữu Nguyễn thị Lai (") 500FF. ĐH Liên Tuấn Hoa (Basel-Thụy Sĩ) 60FrS. ĐH Trang văn Huy (Aalen) 50DM. ĐH Trần Đăng Thanh (Karlsruhe) 100DM. ĐH Hữu Nguyễn thị Thi (Stuttgart) 50DM. ĐH Nguyễn Đình Huân (Freiburg) 100DM. ĐH Đ i nh thị Phưởng (Emmendingen) 50DM. ĐH Trưởng (Gutach) 50DM. ĐH Hữu Võ thị Xin (Weilhaltingen) 50DM. ĐH Trần Văn Chúc (Konstanz) 50DM. ĐH Lê văn Lợi (") 20DM. ĐH Nguyễn Thanh Phưởng (Friedrichshafen) 20DM. ĐH Hữu Huỳnh Cuội Liêu (") 20DM. ĐH Cường Nguyễn (Holland) 10DM. ĐH Lê Minh Kiệt (Freiburg) 20DM. ĐH Trưởng v Mãnh (Lahr) 20DM. ĐH Lê văn Bảo (Freiburg) 50DM. ĐH Ấn danh 30DM. ĐH Hồng Say Mũi (Norddeich) 200DM. ĐH Trưởng Mai Thanh Phưởng (Bonn) 20DM. ĐH Trần thị Tuy (Dortmund) 100DM. ĐH Nguyễn văn K i ề u (Pháp) 300FF. ĐH Trần Quới Thiên (") 200FF. ĐH Hữu Diệu Chánh Nguyễn văn Phác (Amiens-Pháp) 500FF. ĐH Nguyễn Hữu Đào (Montrouge-Pháp) 500FF.

HÌNH ẢNH SINH HOẠT ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN VÀ ĐẠI LỄ VU LAN TẠI CÁC TRẠI TỶ NẠN
ĐÔNG NAM Á CHÂU



LỄ PHẬT ĐẢN TẠI TRẠI TỶ NẠN SIKIEW THÁI LAN



LỄ VU LAN TẠI TRẠI TỶ NẠN NAM DƯƠNG



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VÀ ĐOÀN OANH VỮ DÂNG HOA NHÂN MÙA VU LAN BÁO HIẾU

Báo Viên Giác

ĐH Lê thị Bạch Mai(M'gladbach)10DM.ĐH Chung Thê(Trier)20DM.ĐH Diệu Thuật(CA-USA)20US.ĐH Nguyễn Mạnh Hùng(Hannover)50DM.ĐH Trần thị Hiệp(Montréal-Canada)40Can.ĐH Nguyễn thị Kim Chung(Stuttgart)50DM.ĐH Tạ văn Ba(Süßen) 20 DM.ĐH Trần Ngọc Thận(Barntrup)30DM.ĐH Trần thị En(Aalen)20DM.ĐH Hà Ngọc Anh(Kaltenkirchen)10DM.ĐH Đỗ thị Liên(Hürth)50DM.Đạo Hữu Nguyễn văn Hậu(Düsseldorf)20DM.ĐHữu Albert Guyot(Paris)30DM.ĐH Lê thị Kim Uyên(Essen) 20DM.ĐH Nguyễn Huệ Xuân(TX-USA)100FF.Đạo Hữu Lâm Minh Hiệp(Hồa Lan)25Guld.ĐH Korte Y ê n (Duisburg)10DM.ĐH Lý Nam Hoa và ĐHữu Tô Tú Toàn(Tastrup-Đan Mạch)200Kr.ĐH Trứ ng Hồng (Edmonton-Canada)20Can.ĐH Phan Duy P h ồng (Wiesbaden)50DM.ĐH Đỗ văn Lợi(Düsseldorf)20 DM.ĐH Nguyễn Hữu Đào(Montrouge-Pháp)200FF.ĐH Yên 20DM.ĐH Ân danh(Ans-Bỉ)200FrS.Đạo Hữu Tâm Anh L. Trần(Brossard-Canada)20US.Đạo Hữu Nguyễn Hào Nghĩa(Sydney-Úc)124,88DM.Đạo Hữu Nguyễn Mạnh Hùng(Hannover)50DM.ĐHữu Hoàng Nguyễn Hải(Bad Bentheim)20DM.

Ấn tống Kinh Kim Cang

ĐH Thiện Trí Trần Đình Thắng(Dannenberg) 30 DM.ĐH Vũồng Lệ Khanh(Göttingen)65DM.ĐH Trần Ngọc Thận(Barntrup)20DM.ĐH Trửng thị Kiên (Aachen)60DM.ĐH Ngô Trần Đình Thuận(Köln)50 DM.ĐH Diệu Niên Huỳnh thị Dậu(Hannover) 100 DM.ĐH Diệu Thổ Lý thị Buổi(Köln)10DM.Đạo Hữu Lê thị Thanh Tâm(")10DM.ĐH Nguyễn văn Thìn (")5DM.ĐH Nguyễn Ngọc Thành(Peterzell)50DM.ĐH Giang Ngọc Loan(Geilenkirchen)100DM.ĐHữu Đấng Ngọc Trần(Reutlingen)50DM.ĐH Ân d a nh 20DM.ĐH Nguyễn Khắc Thâm(Grünwald)150DM.ĐH Lê Quang Thông(Paris)20DM.ĐH Vũ Đình Khang (Hannover)10DM.ĐH Thiện Tâm Nguyễn H i ê p (Preetz)20DM.ĐH Hoàng Nguyễn Hải(Bad Bent - heim)ấn tống kinh Kim Cang hội hưởng hưởng linh song thân Hoàng Nguyên Cát PD ViênTuồng và Nguyễn thị Ngan PD Diệu Thuận 50DM.ĐH. Nguyễn Quê Hoàng Thị Tuyên 50DM.ĐH Thiện Như Lê Văn Ngọc 50DM.ĐH Trí Đức Trần N h ứ Sơn 30.ĐH Thị Chón 100DM.PT Thiện Buú 70DM Mọi sự cúng dường, ủng hộ, Quý vị có thể gửi thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua ltrong 2 số Konto của Ngân Hàng Deutsche Bank Hannover như sau: Chùa Viên Giác, Konto Nummer 8650228 - BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e. V. 8657470 - BLZ 250 700 70. Xin thành thật cảm ơn Quý vị



▲橫城極樂寺楊柳觀音

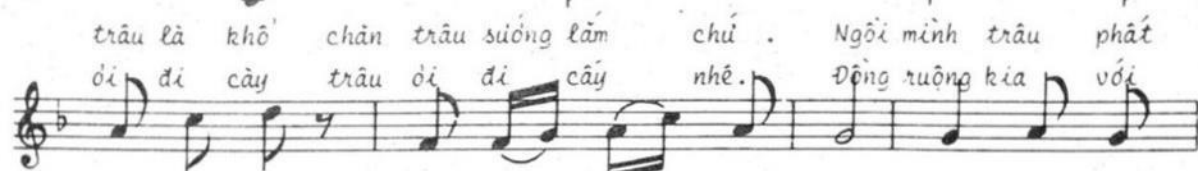
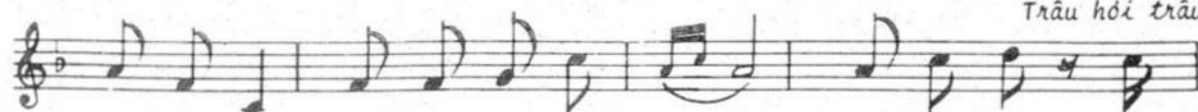
EM BÉ QUÊ



(Nhạc dạo)



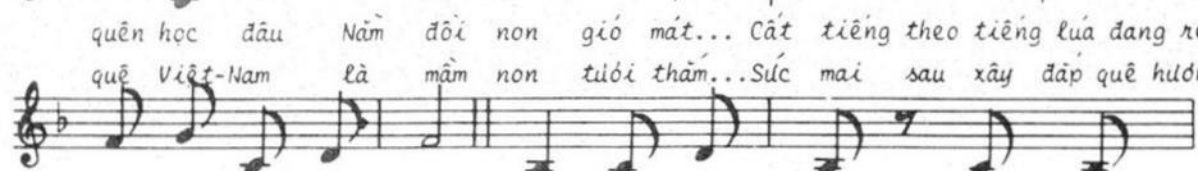
Ai bảo chăn
Trâu hỏi trâu



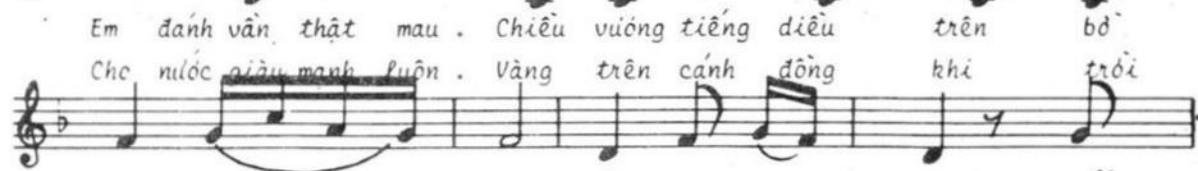
trâu là khô' chân trâu sừng lăm chú . Ngồi mình trâu phát
òỉ đi cây trâu òỉ đi cây nhê . Đổng ruộng kia với



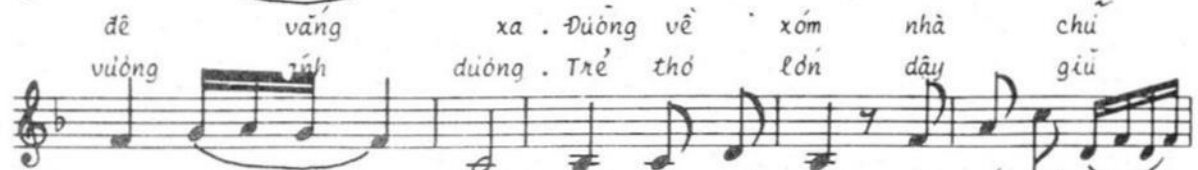
ngon có' lau và miệng hát nghêu ngac . Vui thú không
đôi có' kia là của những dân quê . Em bé dân



quên học đâu Năm đôi non gió mát... Cát tiếng theo tiếng lúa đang reo
quê Việt-Nam là mằm non tười thắm...Sức mai sau xây đắp quê hương



Em đánh vần thật mau . Chiều vương tiếng diều trên bờ
Chợ nước giàu mạnh luôn . Vàng trên cánh đồng khi trời



đê vắng xa . Đường về xóm nhà chú
vườn rãnh đường . Trẻ thơ lớn dây giũ



i chú tở . Lúa trâu nhốt chuồng gánh nước nữa là
quê giũ vườn . Đòi vui thái bình cây lúa sớm trở

xong . Khoai lùi bếp nóng ngon hơn là vàng :
bông . Có ngàn thơm phúc trâu ăn đây đồng .

§ Trích từ Tuyển Tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lê Nhân sáng tác và sưu tập; chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 2.526 - 1982.